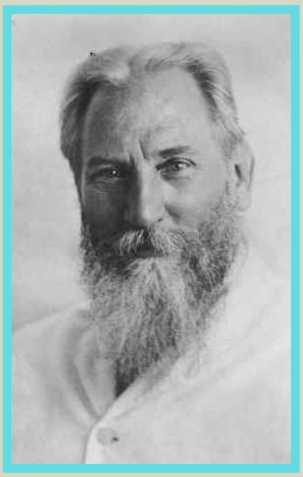
C.W. Leadbeater



# THÔNG NHÃN

## Clairvoyance

minhtrietmoi.com

# Table of Contents

Chapter 1

What Clairvoyance Is

CHAPTER -2-

SIMPLE CLAIRVOYANCE: FULL

CHAPTER -3-

SIMPLE CLAIRVOYANCE: PARTIAL

CHAPTER -4-

CLAIRVOYANCE IN SPACE: INTENTIONAL

CHAPTER -5-

CLAIRVOYANCE IN SPACE: SEMI-INTENTIONAL

CHAPTER -6-

CLAIRVOYANCE IN SPACE: UNINTENTIONAL

CHAPTER -7-

CLAIRVOYANCE IN TIME: THE PAST

CHAPTER -8-

CLAIRVOYANCE IN TIME: THE FUTURE

CHAPTER -9-

METHODS OF DEVELOPMENT

# Clairvoyance

By

**C. W. Leadbeater**

# Chapter 1

## What Clairvoyance Is—Thông nhãn là gì?

Clairvoyance means literally nothing more than “clear seeing”, and it is a word which has been sorely misused, and even degraded so far as to be employed to describe the trickery of a mountebank in a variety show. Even in its more restricted sense it covers a wide range of phenomena, differing so greatly in character that it is not easy to give a definition of the word which shall be at once succinct and accurate. It has been called “spiritual vision”, but no rendering could well be more misleading than that, for in the vast majority of cases there is no faculty connected with it which has the slightest claim to be honoured by so lofty a name.

Thông nhãn theo nghĩa đen không gì khác hơn là “thấy rõ ràng”, và nó là một từ đã bị lạm dụng nghiêm trọng, thậm chí bị hạ thấp đến mức được dùng để mô tả những trò lừa bịp của một kẻ bịp bợm trong một chương trình tạp kỹ. Ngay cả trong ý nghĩa hạn hẹp hơn, nó cũng bao quát một phạm vi rộng lớn các hiện tượng, khác biệt nhau rất nhiều về bản chất đến nỗi không dễ để đưa ra một định nghĩa vừa súc tích vừa chính xác cho từ này. Nó đã được gọi là “linh thị”, nhưng không có cách diễn đạt nào có thể gây hiểu lầm hơn thế, vì trong đại đa số các trường hợp, không có năng lực nào liên quan đến nó có chút tư cách nào để được tôn vinh bằng một cái tên cao quý như vậy.

For the purpose of this treatise we may, perhaps, define it as the power to see what is hidden from ordinary physical sight. It will be as well to premise that it is very frequently (though by no means always) accompanied by what is called clairaudience, or the power to hear what would be inaudible to the ordinary physical [6] ear; and we will for the nonce take our title as covering this faculty also, in order to avoid the clumsiness of perpetually using two long words where one will suffice.

Vì mục đích của luận án này, chúng ta có lẽ có thể định nghĩa nó là quyền năng để thấy những gì bị che giấu khỏi tầm nhìn hồng trần thông thường. Cần lưu ý rằng nó rất thường xuyên (mặc dù không phải luôn luôn) đi kèm với cái gọi là thông nhĩ, hay quyền năng để nghe những gì mà tai [6] hồng trần thông thường không thể nghe thấy; và hiện tại chúng ta sẽ coi tiêu đề của mình bao hàm cả năng lực này, nhằm tránh sự vụng về khi phải liên tục sử dụng hai từ dài dòng trong khi một từ là đủ.

Let me make two points clear before I begin. First, I am not writing for those who do not believe that there is such a thing as clairvoyance, nor am I seeking to convince those who are in doubt about the matter. In so small a work as this I have no space for that; such people must study the many books containing lists of cases, or make experiments for themselves along mesmeric lines. I am addressing myself to the better-instructed class who know that clairvoyance exists, and are sufficiently interested in the

Hãy để tôi làm rõ hai điểm trước khi bắt đầu. Thứ nhất, tôi không viết cho những người không tin rằng có một thứ gọi là thông nhãn, tôi cũng không tìm cách thuyết phục những người đang nghi ngờ về vấn đề này. Trong một tác phẩm nhỏ như thế này, tôi không có không gian cho việc đó; những người như vậy phải nghiên cứu nhiều cuốn sách chứa danh sách các trường hợp, hoặc tự mình thực hiện các thí nghiệm theo phương pháp thôi miên. Tôi đang hướng tới tầng lớp được giáo dục tốt hơn, những người biết rằng thông

subject to be glad of information as to its methods and possibilities; and I would assure them that what I write is the result of much careful study and experiment, and that though some of the powers which I shall have to describe may seem new and wonderful to them, I mention no single one of which I have not myself seen examples.

nhãn tồn tại, và đủ quan tâm đến chủ đề này để vui mừng nhận được thông tin về các phương pháp và khả năng của nó; và tôi muốn cam đoan với họ rằng những gì tôi viết là kết quả của nhiều sự nghiên cứu và thí nghiệm cẩn thận, và mặc dù một số quyền năng mà tôi sẽ mô tả có vẻ mới mẻ và kỳ diệu đối với họ, tôi không đề cập đến một quyền năng đơn lẻ nào mà chính tôi chưa từng thấy ví dụ.

Secondly, though I shall endeavour to avoid technicalities as far as possible, yet as I am writing in the main for students of Theosophy, I shall feel myself at liberty sometimes to use, for brevity's sake and without detailed explanation, the ordinary Theosophical terms with which I may safely assume them to be familiar.

Thứ hai, mặc dù tôi sẽ cố gắng tránh các thuật ngữ chuyên môn đến mức tối đa, nhưng vì tôi viết chủ yếu cho các đạo sinh Thông Thiên Học, đôi khi tôi sẽ tự cho phép mình sử dụng các thuật ngữ Thông Thiên Học thông thường mà tôi có thể an tâm giả định rằng họ đã quen thuộc, vì sự ngắn gọn và không cần giải thích chi tiết.

Should this document fall into the hands of any to whom the occasional use of such terms constitutes a difficulty, I can only apologize to them and refer them for these preliminary explanations to any elementary Theosophical work, such as Mrs. Besant's Ancient Wisdom [7] or Man and His Bodies. The truth is that the whole Theosophical system hangs together so closely, and its various parts are so interdependent, that to give a full explanation of every term used would necessitate an exhaustive treatise on Theosophy as a preface even to this short account of clairvoyance.

Nếu tài liệu này rơi vào tay bất kỳ ai mà việc thỉnh thoảng sử dụng các thuật ngữ như vậy gây ra khó khăn, tôi chỉ có thể xin lỗi họ và giới thiệu họ tìm đọc những lời giải thích sơ bộ này trong bất kỳ tác phẩm Thông Thiên Học sơ cấp nào, chẳng hạn như cuốn Minh Triết Ngàn Đời [7] hoặc Con người và các Thể của bà Besant. Sự thật là toàn bộ hệ thống Thông Thiên Học gắn kết với nhau rất chặt chẽ, và các phần khác nhau của nó phụ thuộc lẫn nhau đến mức việc đưa ra lời giải thích đầy đủ cho mọi thuật ngữ được sử dụng sẽ đòi hỏi một luận án thấu đáo về Thông Thiên Học như một lời tựa ngay cả cho bản tường trình ngắn gọn này về thông nhãn.

Before a detailed explanation of clairvoyance can usefully be attempted, however, it will be necessary for us to devote a little time to some preliminary considerations, in order that we may have clearly in mind a few broad facts as to the different planes on which clairvoyant vision may be exercised, and the conditions which renders its exercise possible.

Tuy nhiên, trước khi có thể cố gắng giải thích chi tiết về thông nhãn một cách hữu ích, chúng ta cần dành một ít thời gian cho một số cân nhắc sơ bộ, để chúng ta có thể ghi nhớ rõ ràng một vài sự kiện rộng lớn về các cõi giới khác nhau mà tầm nhìn thông nhãn có thể được thực hiện, và các điều kiện giúp cho việc thực hiện đó trở nên khả thi.

We are constantly assured in Theosophical literature that all these higher faculties are

Trong văn chương Thông Thiên Học, chúng ta liên tục được cam đoan rằng tất cả những

presently to be the heritage of mankind in general—that the capacity of clairvoyance, for example, lies latent in every one, and those in whom it already manifests itself are simply in that one particular a little in advance of the rest of us. Now this statement is a true one, and yet it seems quite vague and unreal to the majority of people, simply because they regard such a faculty as something absolutely different from anything they have yet experienced, and feel fairly confident that they themselves, at any rate, are not within measurable distance of its development.

năng lực cao hơn này hiện đang là di sản của nhân loại nói chung—chẳng hạn như khả năng thông nhãn nằm tiềm ẩn trong mỗi người, và những người mà nó đã biểu hiện ra chỉ đơn giản là hơi tiến bộ hơn một chút so với những người còn lại chúng ta trong phương diện cụ thể đó. Hiện nay, khẳng định này là một khẳng định đúng, nhưng nó dường như khá mơ hồ và không thực tế đối với đa số mọi người, đơn giản vì họ coi một năng lực như vậy là thứ gì đó hoàn toàn khác biệt với bất cứ điều gì họ từng trải nghiệm, và cảm thấy khá tin chắc rằng chính họ, dù sao đi nữa, cũng không ở trong khoảng cách có thể đo lường được đối với sự phát triển của nó.

It may help to dispel this sense of unreality if we try to understand that clairvoyance, like so many other things in nature is mainly a question of vibrations, and is in fact nothing but an extension of powers which we [8] are all using every day of our lives. We are living all the while surrounded by a vast sea of mingled air and ether, the latter interpenetrating the former, as it does all physical matter; and it is chiefly by means of vibrations in that vast sea of matter that impressions reach us from the outside. This much we all know, but it may perhaps never have occurred to many of us that the number of these vibrations to which we are capable of responding is in reality quite infinitesimal.

Việc cố gắng thấu hiểu rằng thông nhãn, giống như rất nhiều thứ khác trong tự nhiên, chủ yếu là vấn đề về các rung động, và trên thực tế không gì khác hơn là sự mở rộng của các quyền năng mà tất cả chúng ta [8] đang sử dụng hàng ngày trong cuộc sống, có thể giúp xua tan cảm giác không thực tế này. Chúng ta đang sống trong khi luôn bị bao quanh bởi một biển lớn không khí và dĩ thái trộn lẫn, dĩ thái thấm nhuần không khí, giống như nó thấm nhuần mọi vật chất hồng trần; và chủ yếu nhờ vào các rung động trong biển vật chất bao la đó mà các ấn tượng từ bên ngoài truyền đến chúng ta. Điều này tất cả chúng ta đều biết, nhưng có lẽ chưa bao giờ xảy ra với nhiều người trong chúng ta rằng số lượng các rung động này mà chúng ta có khả năng đáp ứng trên thực tế là khá nhỏ bé.

Up among the exceedingly rapid vibrations which affect the ether there is a certain small section—a very small section—to which the retina of the human eye is capable of responding, and these particular vibrations produce in us the sensation which we call light. That is to say, we are capable of seeing only those objects from which light of that particular kind can either issue or be reflected.

Trong số các rung động cực kỳ nhanh ảnh hưởng đến dĩ thái, có một phần nhỏ nhất định—một phần rất nhỏ—mà võng mạc của mắt người có khả năng đáp ứng, và những rung động cụ thể này tạo ra trong chúng ta cảm giác mà chúng ta gọi là ánh sáng. Nghĩa là, chúng ta chỉ có khả năng nhìn thấy những vật thể mà ánh sáng thuộc loại cụ thể đó có thể phát ra hoặc được phản xạ.

In exactly the same way the tympanum of the human ear is capable of responding to a certain very small range of comparatively slow vibrations—slow enough to affect the air which surrounds us; and so the only sounds which we can hear are those made by objects which are able to vibrate at some rate within that particular range.

Theo cách hoàn toàn tương tự, màng nhĩ của tai người có khả năng đáp ứng với một phạm vi rất nhỏ các rung động tương đối chậm—đủ chậm để ảnh hưởng đến không khí bao quanh chúng ta; và vì vậy những âm thanh duy nhất mà chúng ta có thể nghe thấy là những âm thanh được tạo ra bởi các vật thể có thể rung động ở một tốc độ nào đó trong phạm vi cụ thể đó.

In both cases it is a matter perfectly well known to science that there are large numbers of vibrations both above and below these two sections, and that consequently there is much light that we cannot see, and there are many sounds to which our ears are deaf. In these case of light the action of these higher and lower [9] vibrations is easily perceptible in the effects produced by the actinic rays at one end of the spectrum and the heat rays at the other.

Trong cả hai trường hợp, khoa học đều biết rất rõ rằng có một số lượng lớn các rung động cả trên và dưới hai phần này, và do đó có nhiều ánh sáng mà chúng ta không thể thấy, và có nhiều âm thanh mà tai chúng ta bị điếc. Trong trường hợp ánh sáng, tác động của các rung động cao hơn và thấp hơn [9] này có thể dễ dàng nhận thấy qua các hiệu ứng được tạo ra bởi các tia hóa học ở một đầu của quang phổ và các tia nhiệt ở đầu kia.

As a matter of fact there exist vibrations of every conceivable degree of rapidity, filling the whole vast space intervening between the slow sound waves and the swift light waves; nor is even that all, for there are undoubtedly vibrations slower than those of sound, and a whole infinity of them which are swifter than those know to us as light. So we begin to understand that the vibrations by which we see and hear are only like two tiny groups of a few strings selected from an enormous harp of practically infinite extent, and when we think how much we have been able to learn and infer from the use of those minute fragments, we see vaguely what possibilities might lie before us if we were enabled to utilize the vast and wonderful whole.

Trên thực tế, tồn tại các rung động ở mọi mức độ nhanh chóng có thể hình dung được, lấp đầy toàn bộ không gian bao la xen giữa các sóng âm chậm và các sóng ánh sáng nhanh; thậm chí đó chưa phải là tất cả, vì chắc chắn có những rung động chậm hơn sóng âm, và cả một sự vô tận các rung động nhanh hơn những rung động mà chúng ta biết là ánh sáng. Vì vậy, chúng ta bắt đầu thấu hiểu rằng các rung động mà nhờ đó chúng ta thấy và nghe chỉ giống như hai nhóm nhỏ gồm vài dây được chọn từ một cây đàn hạc khổng lồ có phạm vi thực tế là vô tận, và khi chúng ta nghĩ về việc mình đã có thể học hỏi và suy luận được bao nhiêu từ việc sử dụng những mảnh nhỏ bé đó, chúng ta thấy lờ mờ những khả năng nào có thể nằm trước mắt nếu chúng ta được phép tận dụng toàn bộ cái tổng thể bao la và kỳ diệu đó.

Another fact which needs to be considered in this connection is that different human beings vary considerably, though within relatively narrow limits, in their capacity of response even to the very few vibrations which are within reach of our physical

Một sự kiện khác cần được xem xét trong mối liên hệ này là những con người khác nhau thay đổi đáng kể, mặc dù trong giới hạn tương đối hẹp, về khả năng đáp ứng của họ ngay cả với rất ít rung động nằm trong tầm với của các giác quan hồng trần của chúng ta.

senses. I am not referring to the keenness of sight or of hearing that enables one man to see a fainter object or hear a slighter sound than another; it is not in the least a question of strength of vision, but of extent of susceptibility.

Tôi không đề cập đến sự nhạy bén của thị giác hay thính giác cho phép một người thấy một vật mờ nhạt hơn hoặc nghe một âm thanh nhỏ hơn người khác; nó hoàn toàn không phải là vấn đề về sức mạnh của tầm nhìn, mà là về mức độ nhạy cảm.

For example, if anyone will take a good bisulphide-of-carbon prism, and by its means throw a clear spectrum [10] on a sheet of white paper, and then get a number of people to mark upon the paper the extreme limits of the spectrum as it appears to them, he is fairly certain to find that their powers of vision differ appreciably. Some will see the violet extending much farther than the majority do; others will perhaps see rather less violet than most, while gaining a corresponding extension of vision at the red end. Some few there will perhaps be who can see farther than ordinary at both ends, and these will almost certainly be what we call sensitive people—susceptible in fact to a great range of vibrations than are most men of the present day.

Ví dụ, nếu bất kỳ ai lấy một lăng kính carbon bisulphide tốt, và nhờ nó phóng một quang phổ rõ nét [10] lên một tờ giấy trắng, sau đó nhờ một số người đánh dấu lên tờ giấy các giới hạn cực đoan của quang phổ như nó xuất hiện đối với họ, y chắc chắn sẽ thấy rằng quyền năng thị giác của họ khác nhau đáng kể. Một số người sẽ thấy màu tím kéo dài hơn nhiều so với đa số; những người khác có lẽ sẽ thấy ít màu tím hơn hầu hết mọi người, trong khi đạt được sự mở rộng tương ứng của tầm nhìn ở đầu màu đỏ. Có lẽ sẽ có một số ít người có thể thấy xa hơn bình thường ở cả hai đầu, và những người này gần như chắc chắn sẽ là những người mà chúng ta gọi là những người nhạy cảm—trên thực tế là nhạy cảm với một phạm vi rung động lớn hơn hầu hết những người ngày nay.

In hearing, the same difference can be tested by taking some sound which is just not too high to be audible—on the very verge of audibility as it were—and discovering how many among a given number of people re able to hear it. The squeaks of a bat is a familiar instance of such a sound, and experiment will show that on a summer evening, when the whole air is full of the shrill, needle-like cries of these little animals, quite a large number of men will be absolutely unconscious of them, and unable to hear anything at all.

Trong việc nghe, sự khác biệt tương tự có thể được kiểm tra bằng cách lấy một âm thanh vừa đủ cao để không thể nghe thấy—có thể nói là ở ngay ngưỡng nghe được—và khám phá xem có bao nhiêu người trong một số lượng người nhất định có thể nghe thấy nó. Tiếng rít của một con dơi là một ví dụ quen thuộc về âm thanh như vậy, và thí nghiệm sẽ cho thấy rằng vào một buổi tối mùa hè, khi toàn bộ không khí tràn ngập những tiếng kêu chói tai, nhọn như kim của những con vật nhỏ bé này, một số lượng khá lớn người sẽ hoàn toàn không ý thức được chúng, và không thể nghe thấy bất cứ điều gì.

Now these examples clearly show that there is no hard-and-fast limit to man's power of response to either etheric or aerial vibrations,but that some among us already have that power to a wider extent than others; and it will even be found that the same man's capacity varies on different

Hiện nay, những ví dụ này cho thấy rõ ràng rằng không có giới hạn cứng nhắc nào đối với quyền năng đáp ứng của con người đối với các rung động dĩ thái hoặc không khí, mà một số người trong chúng ta đã có quyền năng đó ở mức độ rộng hơn những người khác; và thậm chí người ta còn thấy rằng khả

occasions. It is therefore not difficult for us to imagine that it might be possible for a man to develop this power, and thus in time to [11] learn to see much that is invisible to his fellow-men, and hear much that is inaudible to them, since we know perfectly well that enormous numbers of these additional vibrations do exist, and are simply, as it were, awaiting recognition.

năng của cùng một người thay đổi trong những dịp khác nhau. Do đó, không khó để chúng ta hình dung rằng một người có thể phát triển quyền năng này, và do đó theo thời gian [11] học cách thấy nhiều thứ vô hình đối với đồng loại của mình, và nghe nhiều thứ không thể nghe thấy đối với họ, vì chúng ta biết hoàn toàn rõ rằng một số lượng khổng lồ các rung động bổ sung này thực sự tồn tại, và có thể nói là chỉ đơn giản đang chờ đợi được nhận biết.

The experiments with the Röntgen rays give us an example of the startling results which are produced when even a very few of these additional vibrations are brought within human ken, and the transparency to these rays of many substances hitherto considered opaque at once shows us one way at least in which we may explain such elementary clairvoyance as is involved in reading a letter inside a closed box, or describing those present in an adjoining apartment. To learn to see by means of the Röntgen rays in addition to those ordinarily employed would be quite sufficient to enable anyone to perform a feat of magic of this order.

Các thí nghiệm với tia Röntgen cho chúng ta một ví dụ về những kết quả đáng kinh ngạc được tạo ra khi thậm chí chỉ một vài trong số các rung động bổ sung này được đưa vào tầm hiểu biết của con người, và tính xuyên thấu đối với các tia này của nhiều chất liệu trước đây được coi là đục ngay lập tức cho chúng ta thấy ít nhất một cách mà chúng ta có thể giải thích thông nhãn sơ đẳng như việc đọc một bức thư bên trong một chiếc hộp đóng kín, hoặc mô tả những người có mặt trong một căn phòng liền kề. Học cách thấy bằng tia Röntgen bổ sung vào những tia thường được sử dụng sẽ hoàn toàn đủ để cho phép bất kỳ ai thực hiện một kỳ tích huyền thuật thuộc loại này.

So far we have thought only of an extension of the purely physical senses of man; and when we remember that a man's etheric body is in reality merely the finer part of his physical frame, and that therefore all his sense-organs contain a large amount of etheric matter of various degrees of density, the capacities of which are still practically latent in most of us, we shall see that even if we confine ourselves to this line of development alone there are enormous possibilities of all kinds already opening out before us.

Cho đến nay chúng ta mới chỉ nghĩ đến sự mở rộng của các giác quan thuần túy hồng trần của con người; và khi chúng ta nhớ rằng thể dĩ thái của một người trên thực tế chỉ là phần tinh vi hơn của khung sườn hồng trần của y, và do đó tất cả các cơ quan giác quan của y đều chứa một lượng lớn chất liệu dĩ thái ở các mức độ đậm đặc khác nhau, mà khả năng của chúng vẫn thực tế là tiềm ẩn trong hầu hết chúng ta, chúng ta sẽ thấy rằng ngay cả khi chúng ta chỉ giới hạn mình trong dòng phát triển này, đã có những khả năng khổng lồ thuộc mọi loại đang mở ra trước mắt chúng ta.

But besides and beyond all this we know that man possesses an astral and a mental body, each of which can in process of time be aroused into activity, and will [12] respond

Nhưng bên cạnh và vượt ra ngoài tất cả những điều này, chúng ta biết rằng con người sở hữu một thể cảm dục và một thể trí, mỗi thể này theo thời gian có thể được đánh

in turn to the vibrations of the matter of its own plane, thus opening up before the Ego, as he learns to function through these vehicles, two entirely new and far wider worlds of knowledge and power. Now these new worlds, though they are all around us and freely interpenetrate one another, are not to be thought of as distinct and entirely unconnected in substance, but rather as melting the one into the other, the lowest astral forming a direct series with the highest physical, just as the lowest mental in its turn forms a direct series with the highest astral. We are not called upon in thinking of them to imagine some new and strange kind of matter, but simply to think of the ordinary physical kind as subdivided so very much more finely and vibrating so very much more rapidly as to introduce us to what are practically entirely new conditions and qualities.

thức vào hoạt động, và sẽ [12] lần lượt đáp ứng với các rung động của vật chất thuộc cõi giới của chính nó, từ đó mở ra trước Chân ngã, khi Ngài học cách hoạt động thông qua các vận cụ này, hai thế giới tri thức và quyền năng hoàn toàn mới và rộng lớn hơn nhiều. Hiện nay, những thế giới mới này, mặc dù chúng ở xung quanh chúng ta và tự do thấm nhuần lẫn nhau, không được coi là riêng biệt và hoàn toàn không liên kết về chất liệu, mà đúng hơn là hòa quyện cái này vào cái kia, cõi cảm dục thấp nhất tạo thành một chuỗi trực tiếp với cõi hồng trần cao nhất, giống như cõi trí thấp nhất lần lượt tạo thành một chuỗi trực tiếp với cõi cảm dục cao nhất. Khi nghĩ về chúng, chúng ta không được yêu cầu phải tưởng tượng ra một loại vật chất mới lạ lùng nào đó, mà chỉ đơn giản là nghĩ về loại hồng trần thông thường được phân chia tinh vi hơn rất nhiều và rung động nhanh hơn rất nhiều để đưa chúng ta đến những gì thực tế là các điều kiện và phẩm tính hoàn toàn mới.

It is not then difficult for us to grasp the possibility of a steady and progressive extension of our senses, so that both by sight and by hearing we may be able to appreciate vibrations far higher and far lower than those which are ordinarily recognized. A large section of these additional vibrations will still belong to the physical plane, and will merely enable us to obtain impressions from the etheric part of that plane, which is at present as a closed book to us. Such impressions will still be received through the retina of the eye; of course they will affect its etheric rather than its solid matter, but we may nevertheless regard them as still appealing only to an organ specialized to receive them, and not to the whole surface of the etheric body. [13]

Vì vậy, không khó để chúng ta nắm bắt khả năng về một sự mở rộng ổn định và tiến bộ của các giác quan, sao cho cả bằng thị giác và thính giác, chúng ta có thể cảm thụ được các rung động cao hơn và thấp hơn nhiều so với những rung động thường được nhận biết. Một phần lớn các rung động bổ sung này vẫn sẽ thuộc về cõi hồng trần, và sẽ chỉ cho phép chúng ta thu được các ấn tượng từ phần dĩ thái của cõi giới đó, vốn hiện nay giống như một cuốn sách đóng kín đối với chúng ta. Những ấn tượng như vậy vẫn sẽ được tiếp nhận thông qua võng mạc của mắt; dĩ nhiên chúng sẽ ảnh hưởng đến chất liệu dĩ thái hơn là chất liệu rắn của nó, nhưng dù sao chúng ta vẫn có thể coi chúng là chỉ tác động đến một cơ quan chuyên biệt để tiếp nhận chúng, chứ không phải đến toàn bộ bề mặt của thể dĩ thái. [13]

There are some abnormal cases, however, in which other parts of the etheric body respond to these additional vibrations as readily as, or even more readily than, the eye. Such vagaries are explicable in various

Tuy nhiên, có một số trường hợp bất thường mà trong đó các bộ phận khác của thể dĩ thái đáp ứng với các rung động bổ sung này một cách dễ dàng như, hoặc thậm chí dễ dàng hơn mắt. Những sự thất thường như vậy có

ways, but principally as effects of some partial astral development, for it will be found that the sensitive parts of the body almost invariably correspond with one or other of the chakrams, or centres of vitality in the astral body. And though, if astral consciousness be not yet developed, these centres may not be available on their own plane, they are still strong enough to stimulate into keener activity the etheric matter which they interpenetrate.

thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, nhưng chủ yếu là kết quả của một sự phát triển cảm dục cục bộ nào đó, vì người ta sẽ thấy rằng các bộ phận nhạy cảm của cơ thể hầu như luôn luôn tương ứng với một hoặc các *luân xa* khác, hay các trung tâm sinh lực trong thể cảm dục. Và mặc dù, nếu tâm thức cảm dục chưa được phát triển, các trung tâm này có thể không khả dụng trên cõi giới của chính chúng, chúng vẫn đủ mạnh để kích thích vào hoạt động nhạy bén hơn chất liệu dĩ thái mà chúng thấm nhuần.

When we come to deal with the astral senses themselves the methods of working are very different. The astral body has not specialized sense-organs—a fact which perhaps needs some explanation, since many students who are trying to comprehend its physiology seem to find it difficult to reconcile with the statements that have been made as to the perfect interpenetration of the physical body by astral matter, the exact correspondence between the two vehicles and the fact that every physical object has necessarily its astral counterpart.

Khi chúng ta đề cập đến chính các giác quan cảm dục, các phương pháp hoạt động rất khác biệt. Thể cảm dục không có các cơ quan giác quan chuyên biệt—một sự thật có lẽ cần một số lời giải thích, vì nhiều đạo sinh đang cố gắng thấu hiểu sinh lý học của nó dường như thấy khó dung hợp với các khẳng định đã được đưa ra về sự thấm nhuần hoàn hảo của thể xác bởi chất liệu cảm dục, sự tương ứng chính xác giữa hai vận cụ và sự thật rằng mọi vật thể hồng trần nhất thiết phải có đối phần cảm dục của nó.

Now all these statements are true, and yet it is quite possible for people who do not normally see astrally to misunderstand them. Every order of physical matter has its corresponding order of astral matter in constant association with it—not to be separated from it except by a very considerable exertion of occult force, and [14] even then only to be held apart from it as long as force is being definitely exerted to that end. But for all that the relation of the astral particles one to another is far looser than is the case with their physical correspondences.

Hiện nay, tất cả các khẳng định này đều đúng, nhưng những người không thường xuyên thấy bằng mắt cảm dục vẫn hoàn toàn có thể hiểu lầm chúng. Mọi cấp độ vật chất hồng trần đều có cấp độ vật chất cảm dục tương ứng liên kết thường xuyên với nó—không thể tách rời khỏi nó ngoại trừ bằng một sự vận dụng mãnh lực huyền môn đáng kể, và [14] ngay cả khi đó cũng chỉ được giữ tách biệt khỏi nó chừng nào mãnh lực còn đang được vận dụng một cách xác định cho mục đích đó. Nhưng dù vậy, mối quan hệ giữa các hạt cảm dục với nhau lỏng lẻo hơn nhiều so với trường hợp các đối phần hồng trần của chúng.

In a bar of iron, for example, we have a mass of physical molecules in the solid condition—that is to say, capable of comparatively little change in their relative positions, though each vibrating with immense

Ví dụ, trong một thanh sắt, chúng ta có một khối các phân tử hồng trần ở trạng thái rắn—nghĩa là, có khả năng thay đổi tương đối ít trong các vị trí tương đối của chúng, mặc dù mỗi phân tử rung động với tốc độ cực nhanh

rapidity in its own sphere. The astral counterpart of this consists of what we often call solid astral matter—that is, matter of the lowest and densest sub-plane of the astral; but nevertheless its particles are constantly and rapidly changing their relative positions, moving among one another as easily as those of a liquid on the physical plane might do. So that there is no permanent association between any one physical particle and that amount of astral matter which happens at any given moment to be acting as its counter part.

trong phạm vi riêng của nó. Đối phần cảm dục của nó bao gồm cái mà chúng ta thường gọi là vật chất cảm dục rắn—nghĩa là, vật chất của cõi phụ thấp nhất và đậm đặc nhất của cõi cảm dục; nhưng dù vậy, các hạt của nó liên tục và nhanh chóng thay đổi vị trí tương đối của chúng, di chuyển giữa nhau dễ dàng như các hạt của một chất lỏng trên cõi hồng trần có thể làm. Vì vậy, không có sự liên kết vĩnh viễn giữa bất kỳ một hạt hồng trần nào và lượng vật chất cảm dục tình cờ tại bất kỳ thời điểm nhất định nào đang đóng vai trò là đối phần của nó.

This is equally true with respect to the astral body of man, which for our purpose at the moment we may regard as consisting of two parts—the denser aggregation which occupies the exact position of the physical body, and the cloud of rarer astral matter which surrounds that aggregation. In both these parts, and between them both, there is going on at every moment of time the rapid inter-circulation of the particles which has been described, so that as one watches the movement of the molecules in the astral body one is reminded of the appearance of those in fiercely boiling water. [15]

Điều này cũng đúng đối với thể cảm dục của con người, mà vì mục đích của chúng ta lúc này, chúng ta có thể coi nó bao gồm hai phần —sự tập hợp đậm đặc hơn chiếm giữ vị trí chính xác của thể xác, và đám mây vật chất cảm dục loãng hơn bao quanh sự tập hợp đó. Trong cả hai phần này, và giữa cả hai, tại mọi thời điểm đều đang diễn ra sự lưu thông nhanh chóng của các hạt đã được mô tả, sao cho khi người ta quan sát chuyển động của các phân tử trong thể cảm dục, người ta liên tưởng đến sự xuất hiện của những phân tử trong nước đang sôi sùng sục. [15]

This being so, it will be readily understood that though any given organ of the physical body must always have as its counterpart a certain amount of astral matter, it does not retain the same particles for more than a few seconds at a time, and consequently there is nothing corresponding to the specialization of physical nerve-matter into optic or auditory nerves, and so on. So that though the physical eye or ear has undoubtedly always its counterpart of astral matter, that particular fragment of astral matter is no more (and no less) capable of responding to the vibrations which produce astral sight or astral hearing than any other part of the vehicle.

Vì vậy, sẽ dễ dàng thấu hiểu rằng mặc dù bất kỳ cơ quan nhất định nào của thể xác cũng luôn phải có đối phần là một lượng vật chất cảm dục nhất định, nó không giữ lại cùng các hạt đó quá vài giây một lần, và do đó không có gì tương ứng với sự chuyên biệt hóa của chất liệu thần kinh hồng trần thành các dây thần kinh thị giác hoặc thính giác, v.v. Vì vậy, mặc dù mắt hoặc tai hồng trần chắc chắn luôn có đối phần là vật chất cảm dục, mảnh vật chất cảm dục cụ thể đó không có khả năng đáp ứng với các rung động tạo ra sự thấy cảm dục hoặc sự nghe cảm dục nhiều hơn (và không ít hơn) bất kỳ bộ phận nào khác của vận cụ.

It must never be forgotten that though we constantly have to speak of “astral sight” or

Không bao giờ được quên rằng mặc dù chúng ta liên tục phải nói về “thị giác cảm dục” hoặc

"astral hearing" in order to make ourselves intelligible, all that we mean by those expressions is the faculty of responding to such vibrations as convey to the man's consciousness, when he is functioning in his astral body, information of the same character as that conveyed to him by his eyes and ears while he is in the physical body. But in the entirely different astral conditions, specialized organs are not necessary for the attainment of this result; there is matter in every part of the astral body which is capable of such response,and consequently the man functioning in that vehicle sees equally well objects behind him, beneath him, above him, without needing to turn his head.

"thính giác cảm dục" để làm cho mình dễ hiểu, tất cả những gì chúng ta muốn nói qua những cách diễn đạt đó là năng lực đáp ứng với các rung động truyền đạt đến tâm thức của con người, khi y đang hoạt động trong thể cảm dục của mình, thông tin có cùng tính chất như thông tin được truyền đạt đến y bởi mắt và tai khi y đang ở trong thể xác. Nhưng trong các điều kiện cảm dục hoàn toàn khác biệt, các cơ quan chuyên biệt là không cần thiết để đạt được kết quả này; có vật chất trong mọi bộ phận của thể cảm dục có khả năng đáp ứng như vậy, và do đó con người hoạt động trong vận cụ đó thấy rõ như nhau các vật thể phía sau y, bên dưới y, bên trên y, mà không cần phải quay đầu.

There is, however, another point which it would hardly be fair to leave entirely out of account,and that [16] is the question of the chakrams referred to above. Theosophical students are familiar with the idea of the existence in both the astral and the etheric bodies of man of certain centres of force which have to vivified in turn by the sacred serpent-fire as the man advances in evolution. Though these cannot be described as organs in the ordinary sense of the word, since it is not through them that the man sees and hears, as he does in physical life through eyes and ears, yet it is apparently very largely upon their vivification that the power of exercising these astral senses depends each of them as it is developed giving to the whole astral body the power of response to a new set of vibrations.

Tuy nhiên, có một điểm khác mà sẽ không công bằng nếu bỏ qua hoàn toàn, và đó [16] là vấn đề về các *luân xa* đã được đề cập ở trên. Các đạo sinh Thông Thiên Học đã quen thuộc với ý tưởng về sự tồn tại trong cả thể cảm dục và thể dĩ thái của con người những trung tâm lực nhất định cần phải được lần lượt làm cho sống động bởi lửa hỏa xà thiêng liêng khi con người tiến bộ trong sự tiến hóa. Mặc dù những trung tâm này không thể được mô tả là các cơ quan theo nghĩa thông thường của từ này, vì không phải thông qua chúng mà con người thấy và nghe, như y làm trong đời sống hồng trần thông qua mắt và tai, nhưng rõ ràng quyền năng thực hiện các giác quan cảm dục này phụ thuộc rất lớn vào sự sống động của chúng, mỗi trung tâm khi được phát triển sẽ mang lại cho toàn bộ thể cảm dục quyền năng đáp ứng với một tập hợp các rung động mới.

Neither have these centres,however, any permanent collection of astral matter connected with them. They are simply vortices in the matter of the body—vortices through which all these particles pass in turn—points, perhaps, at which the higher force from planes above impinges upon the astral body. Even this description gives but a very partial idea of their appearance, for

Tuy nhiên, các trung tâm này cũng không có bất kỳ sự tập hợp vĩnh viễn nào của vật chất cảm dục liên kết với chúng. Chúng chỉ đơn giản là các xoáy trong vật chất của cơ thể—các xoáy mà qua đó tất cả các hạt này lần lượt đi qua—có lẽ là những điểm mà tại đó mãnh lực cao hơn từ các cõi giới bên trên tác động lên thể cảm dục. Ngay cả mô tả này cũng chỉ đưa ra một ý tưởng rất cục bộ về vẻ ngoài của

they are in reality four dimensional vortices, so that the force which comes through them and is the cause of their existence seems to well up from nowhere. But at any rate, since all particles in turn pass through each of them, it will be clear that it is thus possible for each in turn to evoke in all the particles of the body the power of receptivity to a certain set of vibrations, so that all the astral senses are equally active in all parts of the body.

chúng, vì chúng trên thực tế là các xoáy bốn chiều, sao cho mãnh lực đi qua chúng và là nguyên nhân cho sự tồn tại của chúng dường như trào dâng từ hư không. Nhưng dù sao đi nữa, vì tất cả các hạt lần lượt đi qua mỗi trung tâm trong số chúng, rõ ràng là nhờ đó mỗi trung tâm có thể lần lượt gợi lên trong tất cả các hạt của cơ thể quyền năng tiếp nhận đối với một tập hợp các rung động nhất định, sao cho tất cả các giác quan cảm dục đều hoạt động như nhau trong mọi bộ phận của cơ thể.

The vision of the mental plane is again [17] totally different, for in this case we can no longer speak of separate senses such as sight and hearing, but rather have to postulate one general sense which responds so fully to the vibrations reaching it that, when any object comes within its cognition, it at once comprehends it fully, and as it were sees it, hears it, feels it, and knows all there is to know about it by the one instantaneous operation. Yet even this wonderful faculty differs in degree only and not in kind from those which are at our command at the present time; one the mental plane, just as on the physical, impressions are still conveyed by means of vibrations traveling from the object seen to the seer.

Tầm nhìn của cõi trí lại [17] hoàn toàn khác biệt, vì trong trường hợp này chúng ta không còn có thể nói về các giác quan riêng biệt như thị giác và thính giác, mà đúng hơn là phải giả định một giác quan tổng quát đáp ứng đầy đủ với các rung động truyền đến nó đến mức, khi bất kỳ vật thể nào nằm trong sự nhận biết của nó, nó ngay lập tức thấu hiểu vật thể đó một cách đầy đủ, và có thể nói là thấy nó, nghe nó, cảm nhận nó, và biết tất cả những gì cần biết về nó bằng một hoạt động tức thời duy nhất. Tuy nhiên, ngay cả năng lực kỳ diệu này cũng chỉ khác biệt về mức độ chứ không phải về loại so với những năng lực mà chúng ta đang làm chủ vào thời điểm hiện tại; trên cõi trí, cũng giống như trên cõi hồng trần, các ấn tượng vẫn được truyền đạt bằng các rung động đi từ vật thể được thấy đến người thấy.

On the buddhic plane we meet for the first time with a quite new faculty having nothing in common with those of which we have spoken, for there a man cognizes any object by an entirely different method, in which external vibrations play no part. The object becomes part of himself, and he studies it from the inside instead of from the outside. But with this power ordinary clairvoyance has nothing to do.

Trên cõi Bồ đề, lần đầu tiên chúng ta gặp một năng lực hoàn toàn mới không có điểm chung nào với những năng lực mà chúng ta đã nói đến, vì ở đó một người nhận biết bất kỳ vật thể nào bằng một phương pháp hoàn toàn khác biệt, trong đó các rung động bên ngoài không đóng vai trò gì. Vật thể trở thành một phần của chính Ngài, và Ngài nghiên cứu nó từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Nhưng thông nhãn thông thường không liên quan gì đến quyền năng *này*.

The development, either entire or partial, of any one of these faculties would come under our definition of clairvoyance—the power to

Sự phát triển, dù toàn bộ hay cục bộ, của bất kỳ năng lực nào trong số này đều thuộc định nghĩa của chúng ta về thông nhãn—quyền

see what is hidden from ordinary physical sight. But these faculties may be developed in various ways, and it will be well to say a few words as to these different lines.

năng để thấy những gì bị che giấu khỏi tầm nhìn hồng trần thông thường. Nhưng những năng lực này có thể được phát triển theo nhiều cách khác nhau, và sẽ tốt nếu nói vài lời về các dòng phát triển khác nhau này.

We may presume that if it were possible for a man to be isolated during his evolution from all but the gentlest outside influences, and to unfold from the beginning [18] in perfectly regular and normal fashion, he would probably develop his senses in regular order also. He would find his physical senses gradually extending their scope until they responded to all the physical vibrations, of etheric as well as of denser matter; then in orderly sequence would come sensibility to the coarser part of the astral plane, and presently the finer part also would be included, until in due course the faculty of the mental plane dawned in its turn.

Chúng ta có thể giả định rằng nếu một người có thể được cách ly trong quá trình tiến hóa của mình khỏi tất cả trừ những ảnh hưởng nhẹ nhàng nhất từ bên ngoài, và mở mang từ đầu [18] theo cách hoàn toàn đều đặn và bình thường, y có lẽ cũng sẽ phát triển các giác quan của mình theo thứ tự đều đặn. Y sẽ thấy các giác quan hồng trần của mình dần dần mở rộng phạm vi cho đến khi chúng đáp ứng với tất cả các rung động hồng trần, của vật chất dĩ thái cũng như vật chất đậm đặc; sau đó theo trình tự có trật tự sẽ đến sự nhạy cảm với phần thô của cõi cảm dục, và hiện nay phần tinh vi hơn cũng sẽ được bao gồm, cho đến khi vào đúng thời điểm, năng lực của cõi trí lần lượt ló rạng.

In real life, however, development so regular as this is hardly ever known, and many a man has occasional flashes of astral consciousness without any awakening of etheric vision at all. And this irregularity of development is one of the principal causes of man's extraordinary liability to error in matters of clairvoyance—a liability from which there is no escape except by a long course of careful training under a qualified teacher.

Tuy nhiên, trong đời thực, sự phát triển đều đặn như thế này hầu như không bao giờ được biết đến, và nhiều người thỉnh thoảng có những tia sáng của tâm thức cảm dục mà không có bất kỳ sự thức tỉnh nào của tầm nhìn dĩ thái. Và sự phát triển không đều đặn này là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khả năng sai lầm phi thường của con người trong các vấn đề về thông nhãn—một khả năng mà không có cách nào thoát khỏi ngoại trừ bằng một quá trình huấn luyện lâu dài và cẩn thận dưới sự hướng dẫn của một huấn sư có đủ năng lực.

Students of Theosophical literature are well aware that there are such teachers to be found—that even in this materialistic nineteenth century the old saying is still true, that "when the pupil is ready, the Master is ready also" and that "in the hall of learning, when he is capable of entering there, the disciple will always find his Master". They are well aware also that only under such guidance can a man develop his latent powers in safety and with certainty,

Các đạo sinh của văn chương Thông Thiên Học đều biết rõ rằng có những huấn sư như vậy để tìm kiếm—rằng ngay cả trong thế kỷ mười chín duy vật này, câu nói cũ vẫn đúng, rằng "khi người học trò sẵn sàng, Chân sư cũng sẵn sàng" và rằng "trong phòng học hỏi, khi y có khả năng bước vào đó, đệ tử sẽ luôn tìm thấy Chân sư của mình". Họ cũng biết rõ rằng chỉ dưới sự hướng dẫn như vậy, một người mới có thể phát triển các quyền năng tiềm ẩn của mình một cách an toàn và

since they know how fatally easy it is for the untrained clairvoyant to deceive himself as to the meaning and value of what he sees, or even absolutely to distort his vision completely in bringing it down into his physical consciousness. [19]

chắc chắn, vì họ biết việc một nhà thông nhãn không được huấn luyện tự lừa dối mình về ý nghĩa và giá trị của những gì y thấy, hoặc thậm chí làm biến dạng hoàn toàn tầm nhìn của mình khi đưa nó xuống tâm thức hồng trần là điều dễ dàng đến mức tai hại như thế nào. [19]

It does not follow that even the pupil who is receiving regular instruction in the use of occult powers will find them unfolding themselves exactly in the regular order which was suggested above as probably idea. His previous progress may not have been such as to make this for him the easiest or most desirable road; but at any rate he is in the hands of one who is perfectly competent to be his guide in spiritual development, and he rests in perfect contentment that the way along which he is taken will be that which is the best way for him.

Điều đó không có nghĩa là ngay cả người học trò đang nhận được sự hướng dẫn đều đặn trong việc sử dụng các quyền năng huyền môn cũng sẽ thấy chúng tự khai mở chính xác theo thứ tự đều đặn đã được gợi ý ở trên như là lý tưởng có thể xảy ra. Sự tiến bộ trước đây của y có thể không phải là sự tiến bộ khiến cho con đường này trở thành con đường dễ dàng nhất hoặc mong muốn nhất đối với y; nhưng dù sao đi nữa, y đang ở trong tay của một Đấng hoàn toàn có đủ năng lực để làm người dẫn đường cho y trong sự phát triển tinh thần, và y nghỉ ngơi trong sự mãn nguyện hoàn hảo rằng con đường mà y được dẫn dắt sẽ là con đường tốt nhất cho y.

Another great advantage which he gains is that whatever faculties he may acquire are definitely under his command and can be used fully and constantly when he needs them for his Theosophical work; whereas in the case of the untrained man such powers often manifest themselves only very partially and spasmodically, and appear to come and go, as it were, at their own sweet will.

Một lợi thế lớn khác mà y đạt được là bất kỳ năng lực nào y có thể có được đều nằm dưới sự kiểm soát xác định của y và có thể được sử dụng đầy đủ và liên tục khi y cần chúng cho công việc Thông Thiên Học của mình; trong khi trong trường hợp của người không được huấn luyện, các quyền năng như vậy thường chỉ biểu hiện rất cục bộ và co thắt, và dường như đến và đi, có thể nói là theo ý muốn riêng của chúng.

It may reasonably be objected that if clairvoyant faculty is, as stated, a part of the occult development of man, and so a sign of a certain amount of progress along that line, it seems strange that it should often be possessed by primitive peoples,or by the ignorant and uncultured among our own race—persons who are obviously quite undeveloped, from whatever point of view one regards them. No doubt this does appear remarkable at first sight; but the fact is that the sensitiveness of the savage or of the coarse and vulgar European ignoramus is

Có thể phản đối một cách hợp lý rằng nếu năng lực thông nhãn, như đã nêu, là một phần của sự phát triển huyền môn của con người, và do đó là dấu hiệu của một mức độ tiến bộ nhất định dọc theo dòng đó, thì có vẻ lạ lùng khi nó thường được sở hữu bởi các dân tộc nguyên thủy, hoặc bởi những người thiếu hiểu biết và không có văn hóa trong chính chủng tộc của chúng ta—những người rõ ràng là hoàn toàn chưa phát triển, dù người ta nhìn nhận họ từ bất kỳ quan điểm nào. Không nghi ngờ gì điều này thoạt nhìn có vẻ đáng chú ý; nhưng sự thật là sự nhạy

not really at all the same thing as the [20] faculty of his properly trained brother, nor is it arrived at in the same way.

cảm của người hoang dã hoặc của người châu Âu vô học thô lỗ và tầm thường thực sự hoàn toàn không phải là cùng một thứ với [20] năng lực của người anh em đã được huấn luyện đúng cách của y, nó cũng không đạt được theo cùng một cách.

An exact and detailed explanation of the difference would lead us into rather recondite technicalities, but perhaps the general idea of the distinction between the two may be caught from an example taken from the very lowest plane of clairvoyance, in close contact with the denser physical. The etheric double in man is in exceedingly close relation to his nervous system, and any kind of action upon one of them speedily reacts on the other. Now in the sporadic appearance of etheric sight in the savage, whether of Central Africa or of Western Europe, it has been observed that the corresponding nervous disturbance is almost entirely in the sympathetic system, and that the whole affair is practically beyond the man's control—is in fact a sort of massive sensation vaguely belonging to the whole etheric body, rather than an exact and definite sense-perception communicated through a specialized organ.

Một lời giải thích chính xác và chi tiết về sự khác biệt sẽ dẫn chúng ta vào những thuật ngữ chuyên môn khá thâm sâu, nhưng có lẽ ý tưởng chung về sự phân biệt giữa hai loại này có thể được nắm bắt từ một ví dụ lấy từ cõi thấp nhất của thông nhãn, tiếp xúc gần gũi với hồng trần đậm đặc hơn. Bản sao dĩ thái trong con người có mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ với hệ thần kinh của y, và bất kỳ loại tác động nào lên một trong số chúng đều nhanh chóng phản ứng lên cái kia. Hiện nay, trong sự xuất hiện lẻ tẻ của tầm nhìn dĩ thái ở người hoang dã, dù là ở Trung Phi hay Tây Âu, người ta đã quan sát thấy rằng sự rối loạn thần kinh tương ứng hầu như hoàn toàn nằm trong hệ thần kinh giao cảm, và toàn bộ sự việc thực tế nằm ngoài sự kiểm soát của con người—trên thực tế là một loại cảm giác khối lượng thuộc về toàn bộ thể dĩ thái một cách mơ hồ, hơn là một sự tri giác giác quan chính xác và xác định được truyền đạt qua một cơ quan chuyên biệt.

As in later races and amid higher development the strength of the man is more and more thrown into the evolution of the mental faculties, this vague sensitiveness usually disappears; but still later, when the spiritual man begins to unfold, he regains his clairvoyant power. This time, however, the faculty is a precise and exact one, under the control of the man's will, and exercised through a definite sense-organ; and it is noteworthy that any nervous action set up in sympathy with it is now almost exclusively in the cerebro-spinal system. [21]

Khi trong các giống dân sau này và giữa sự phát triển cao hơn, sức mạnh của con người ngày càng được dồn vào sự tiến hóa của các năng lực trí tuệ, sự nhạy cảm mơ hồ này thường biến mất; nhưng muộn hơn nữa, khi con người tinh thần bắt đầu khai mở, y lấy lại quyền năng thông nhãn của mình. Tuy nhiên, lần này, năng lực này là một năng lực chuẩn xác và chính xác, dưới sự kiểm soát của ý chí con người, và được thực hiện thông qua một cơ quan giác quan xác định; và điều đáng chú ý là bất kỳ hoạt động thần kinh nào được thiết lập đồng cảm với nó hiện nay hầu như chỉ nằm trong hệ thần kinh não tủy. [21]

On this subject Mrs. Besant writes:

Về chủ đề này, bà Besant viết:

"The lower forms of psychism are more frequent in animals and in very unintelligent human beings than in men and women in whom the intellectual powers are well developed. They appear to be connected with the sympathetic system, not with the cerebro-spinal. The large nucleated ganglionic cells in this system contain a very large proportion of etheric matter, and are hence more easily affected by the coarser astral vibrations than are the cells in which the proportion is less. As the cerebro-spinal system develops, and the brain becomes more highly evolved, the sympathetic system subsides into a subordinate position, and the sensitiveness to psychic vibrations is dominated by the stronger and more active vibrations of the higher nervous system. It is true that at a later stage of evolution psychic sensitiveness reappears but it is then developed in connection with the cerebro-spinal centres, and is brought under the control of the will. But the hysterical and ill-regulated psychism of which we see so many lamentable examples is due to the small development of the brain and the dominance of the sympathetic system."

"Các hình thức thấp của thông linh thường xuất hiện ở động vật và ở những con người rất thiếu thông minh hơn là ở những người nam và nữ mà các quyền năng trí tuệ đã phát triển tốt. Chúng dường như có liên quan đến hệ giao cảm, không phải với hệ não tủy. Các tế bào hạch có nhân lớn trong hệ thống này chứa một tỷ lệ rất lớn chất liệu dĩ thái, và do đó dễ bị ảnh hưởng bởi các rung động cảm dục thô hơn so với các tế bào có tỷ lệ ít hơn. Khi hệ não tủy phát triển, và bộ não trở nên tiến hóa cao hơn, hệ giao cảm lùi xuống vị trí phụ thuộc, và sự nhạy cảm với các rung động thông linh bị chi phối bởi các rung động mạnh hơn và tích cực hơn của hệ thần kinh cao hơn. Đúng là ở một giai đoạn tiến hóa muộn hơn, sự nhạy cảm thông linh xuất hiện trở lại nhưng khi đó nó được phát triển trong mối liên hệ với các trung tâm não tủy, và được đưa dưới sự kiểm soát của ý chí. Nhưng sự thông linh loạn thần và thiếu điều độ mà chúng ta thấy rất nhiều ví dụ đáng tiếc là do sự phát triển kém của bộ não và sự thống trị của hệ giao cảm."

Occasional flashes of clairvoyance do, however, sometimes come to the highly cultured and spiritual-minded man, even though he may never have heard of the possibility of training such a faculty. In his case such glimpses usually signify that he is approaching that stage in his evolution when these powers will naturally begin to manifest themselves, and their appearance should serve as an additional stimulus to him strive to maintain that high standard of moral purity and mental balance without which clairvoyance is a curse and not a blessing to its possessor.

Tuy nhiên, những tia sáng thông nhãn thỉnh thoảng vẫn đến với con người có văn hóa cao và có tinh thần, ngay cả khi y có thể chưa bao giờ nghe nói về khả năng huấn luyện một năng lực như vậy. Trong trường hợp của y, những cái nhìn thoáng qua như vậy thường có nghĩa là y đang tiến gần đến giai đoạn đó trong sự tiến hóa của mình khi các quyền năng này sẽ bắt đầu biểu hiện một cách tự nhiên, và sự xuất hiện của chúng nên đóng vai trò như một sự kích thích bổ sung để y nỗ lực duy trì tiêu chuẩn cao về sự thanh khiết đạo đức và sự cân bằng trí tuệ mà nếu không có chúng, thông nhãn là một lời nguyền chứ không phải là một phước lành cho người sở hữu nó.

Between those who are entirely

Giữa những người hoàn toàn không thể bị ấn

unimpressible and those who are in full possession of clairvoyant power there are many intermediate stages. One to which it will be worth while to give a passing glance is the stage in which a man, though he has no clairvoyant faculty in ordinary life, yet exhibits it more or less fully under the influence of mesmerism. This is a case in which the psychic nature is already sensitive, but the consciousness is not yet capable of functioning in it amidst the manifold distractions of physical life. It needs to be set free by the temporary suspension of the outer senses in the mesmeric trance before it can use the diviner faculties which are but just beginning to dawn within it. But of course even in the mesmeric trance there are innumerable degrees of lucidity, from the ordinary patient who is blankly unintelligent to the man whose power of sight is fully under the control of the operator, and can be directed whithersoever he wills, or to the more advanced stage in which, when the [22] consciousness is once set free, it escapes altogether from the grasp of the magnetizer, and soars into fields of exalted vision where it is entirely beyond his reach.

tượng và những người hoàn toàn sở hữu quyền năng thông nhãn có nhiều giai đoạn trung gian. Một giai đoạn đáng để chúng ta liếc nhìn qua là giai đoạn mà một người, mặc dù y không có năng lực thông nhãn trong đời sống bình thường, nhưng lại thể hiện nó ít nhiều đầy đủ dưới ảnh hưởng của thôi miên. Đây là trường hợp mà bản chất thông linh đã nhạy cảm, nhưng tâm thức chưa có khả năng hoạt động trong đó giữa muôn vàn sự xao nhãng của đời sống hồng trần. Nó cần được giải phóng bằng sự đình chỉ tạm thời các giác quan bên ngoài trong trạng thái xuất thần thôi miên trước khi nó có thể sử dụng các năng lực thiêng liêng hơn vốn chỉ mới bắt đầu ló rạng bên trong nó. Nhưng dĩ nhiên ngay cả trong trạng thái xuất thần thôi miên cũng có vô số mức độ sáng suốt, từ bệnh nhân thông thường vốn hoàn toàn thiếu thông minh đến người mà quyền năng thị giác hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của người vận hành, và có thể được hướng đến bất cứ nơi nào y muốn, hoặc đến giai đoạn tiến bộ hơn mà trong đó, khi [22] tâm thức một khi đã được giải phóng, nó thoát khỏi hoàn toàn sự nắm bắt của người thôi miên, và bay vút vào các lĩnh vực của tầm nhìn cao cả, nơi nó hoàn toàn vượt ra ngoài tầm với của y.

Another step along the same path is that upon which such perfect suppression of the physical as that which occurs in the hypnotic trance is not necessary,but the power of supernormal sight, though still out of reach during waking life, becomes available when the body is held in the bonds of ordinary sleep. At this stage of development stood many of the prophets and seers of whom we read, who were “warned of God in a dream”, or communed with beings far higher than themselves in the silent watches of the night.

Một bước khác dọc theo cùng con đường đó là bước mà sự ức chế hoàn hảo đối với hồng trần như sự ức chế xảy ra trong trạng thái xuất thần thôi miên là không cần thiết, nhưng quyền năng của tầm nhìn siêu thường, mặc dù vẫn nằm ngoài tầm với trong đời sống lúc tỉnh, trở nên khả dụng khi cơ thể được giữ trong sự ràng buộc của giấc ngủ thông thường. Ở giai đoạn phát triển này có nhiều vị tiên tri và nhà thông nhãn mà chúng ta đọc thấy, những người đã được “Thượng đế cảnh báo trong một giấc mơ”, hoặc giao tiếp với các thực thể cao hơn nhiều so với chính họ trong những canh giờ tĩnh lặng của đêm tối.

Most cultured people of the higher races of the world have this development to some

Hầu hết những người có văn hóa thuộc các giống dân cao hơn trên thế giới đều có sự

extent: that is to say, the senses of their astral bodies are in full working order, and perfectly capable of receiving impressions from objects and entities of their own plane. But to make that fact of any use to them down here in the physical body, two changes are usually necessary: first, the the Ego shall be awakened to the realities of the astral plane, and induced to emerge from the chrysalis formed by his own waking thoughts, and look round him to observe and to learn; and secondly, that the consciousness shall be so far retained during the return of the Ego into his physical body as to enable him to impress upon his physical brain the recollection of what he has seen or learnt.

phát triển này ở một mức độ nào đó: nghĩa là, các giác quan của thể cảm dục của họ đang ở trạng thái hoạt động đầy đủ, và hoàn toàn có khả năng nhận các ấn tượng từ các vật thể và thực thể thuộc cõi giới của chính chúng. Nhưng để làm cho sự thật đó có ích cho họ ở dưới đây trong thể xác, thường cần có hai sự thay đổi: thứ nhất, Chân ngã phải được đánh thức trước các thực tại của cõi cảm dục, và được dẫn dắt để thoát ra khỏi cái kén được hình thành bởi những tư tưởng lúc tỉnh của chính mình, và nhìn quanh để quan sát và học hỏi; và thứ hai, tâm thức phải được giữ lại cho đến khi Chân ngã trở về vào thể xác của mình để cho phép Ngài in dấu lên bộ não hồng trần ký ức về những gì Ngài đã thấy hoặc học được.

If the first of these changes has taken place, the second is of little importance, since the Ego, the true [23] man, will be able to profit by the information to be obtained upon that plane, even though he may not have the satisfaction of bringing through any remembrance of it into his waking life down here.

Nếu sự thay đổi thứ nhất trong số này đã diễn ra, thì sự thay đổi thứ hai ít quan trọng hơn, vì Chân ngã, con người [23] thực sự, sẽ có thể hưởng lợi từ thông tin thu được trên cõi giới đó, ngay cả khi Ngài có thể không có được sự hài lòng khi mang theo bất kỳ ký ức nào về nó vào đời sống lúc tỉnh của mình ở dưới đây.

Students often ask how this clairvoyant faculty will first be manifested in themselves—how they may know when they have reached the stage at which its first faint foreshadowings are beginning to be visible. Cases differ so widely that it is impossible to give to this question any answer that will be universally applicable.

Các đạo sinh thường hỏi năng lực thông nhãn này sẽ biểu hiện lần đầu tiên như thế nào trong chính họ—làm thế nào họ có thể biết khi nào họ đã đạt đến giai đoạn mà những dấu hiệu báo trước mờ nhạt đầu tiên của nó bắt đầu có thể thấy được. Các trường hợp khác nhau rất nhiều đến nỗi không thể đưa ra cho câu hỏi này bất kỳ câu trả lời nào có thể áp dụng phổ quát.

Some people begin by a plunge, as it were, and under some unusual stimulus become able just for once to see some striving vision; and very often in such a case, because the experience does not repeat itself, the seer comes in time to believe that on that occasion he must have been the victim of hallucination. Others begin by becoming intermittently conscious of the brilliant colours and vibrations of the human aura; yet others find themselves with increasing

Một số người bắt đầu bằng một sự lao mình, có thể nói như vậy, và dưới một sự kích thích bất thường nào đó trở nên có thể chỉ một lần thấy được một linh ảnh nỗ lực; và rất thường xuyên trong trường hợp như vậy, vì trải nghiệm không lặp lại, nhà thông nhãn theo thời gian đi đến chỗ tin rằng vào dịp đó y chắc hẳn đã là nạn nhân của ảo giác. Những người khác bắt đầu bằng việc thỉnh thoảng có tâm thức về các màu sắc rực rỡ và các rung động của hào quang con người; những người

frequency seeing and hearing something to which those around them are blind and deaf; others, again, see faces, landscapes, or coloured clouds floating before their eyes in the dark before they sink to rest; while perhaps the commonest experience of all is that of those who begin to recollect with greater and greater clearness what they have seen and heard on the other planes during sleep.

khác nữa thấy mình với tần suất ngày càng tăng thấy và nghe thấy điều gì đó mà những người xung quanh họ bị mù và điếc; những người khác, một lần nữa, thấy các khuôn mặt, phong cảnh, hoặc các đám mây màu trôi nổi trước mắt họ trong bóng tối trước khi họ chìm vào giấc ngủ; trong khi có lẽ trải nghiệm phổ biến nhất trong tất cả là trải nghiệm của những người bắt đầu nhớ lại với sự rõ ràng ngày càng lớn những gì họ đã thấy và nghe trên các cõi giới khác trong khi ngủ.

Having now to some extent cleared our ground, we may proceed to consider the various phenomena of clairvoyance. [24]

Sau khi hiện nay đã dọn dẹp mặt bằng của chúng ta ở một mức độ nào đó, chúng ta có thể tiến hành xem xét các hiện tượng khác nhau của thông nhãn. [24]

They differ so widely both in character and in degree that it is not very easy to decide how they can most satisfactorily be classified. We might, for example, arrange them according to the kind of sight employed—whether it were mental, astral, or merely etheric. We might divine them according to the capacity of the clairvoyant, taking into consideration whether he was trained or untrained; whether his vision was regular and under his command, or spasmodic and independent of his volition; whether he could exercise it only when under mesmeric influence, or whether that assistance was unnecessary for him; whether he was able to use his faculty when awake in the physical body, or whether it was available only when he was temporarily away from that body in sleep or trance.

Các trường hợp này khác biệt nhau rất lớn cả về tính cách lẫn mức độ, đến nỗi không dễ dàng để quyết định cách phân loại nào là thỏa đáng nhất. Ví dụ, chúng ta có thể sắp xếp chúng theo loại thị giác được sử dụng—liệu đó là trí tuệ, cảm dục, hay chỉ đơn thuần là dĩ thái. Chúng ta có thể phân chia chúng theo năng lực của nhà thông nhãn, có tính đến việc y đã được huấn luyện hay chưa; liệu tầm nhìn của y là đều đặn và dưới sự kiểm soát của y, hay co thắt và độc lập với ý chí của y; liệu y chỉ có thể thực hiện nó khi chịu ảnh hưởng của thuật thôi miên, hay sự hỗ trợ đó là không cần thiết đối với y; liệu y có thể sử dụng năng lực của mình khi đang thức trong thể xác, hay nó chỉ khả dụng khi y tạm thời rời khỏi thể xác đó trong lúc ngủ hoặc xuất thần.

All these distinctions are of importance, and we shall have to take them all into consideration as we go on, but perhaps on the whole the most useful classification will be one something on the lines of that adopted by Mr.Sinnett in his Rationale of Mesmerism—a book, by the way, which all students of clairvoyance ought to read. In dealing with the phenomena, then, we will arrange them rather according to the capacity of the sight employed than to the

Tất cả những sự phân biệt này đều quan trọng, và chúng ta sẽ phải xem xét tất cả chúng khi tiến hành, nhưng có lẽ nhìn chung cách phân loại hữu ích nhất sẽ là một cách nào đó tương tự như cách mà Ông Sinnett đã áp dụng trong cuốn *Rationale* của thuật thôi miên—nhân tiện, đây là một cuốn sách mà tất cả các đạo sinh nghiên cứu về thông nhãn nên đọc. Vậy thì, khi đề cập đến các hiện tượng, chúng ta sẽ sắp xếp chúng theo năng lực của thị giác được sử dụng hơn là theo cõi

plane upon which it is exercised, so that we may group instances of clairvoyance under some such headings as these:

giới mà nó được thực hiện, để chúng ta có thể nhóm các trường hợp thông nhãn dưới một số tiêu đề như sau:

1- Simple clairvoyance—that is to say, a mere opening of sight, enabling its possessor to see whatever astral or etheric entities happen to be present around him, but not including the power of observing either distant [25] places or scenes belonging to any other time than the present.

1- Thông nhãn đơn giản—nghĩa là, một sự mở ra đơn thuần của thị giác, cho phép người sở hữu nó nhìn thấy bất kỳ thực thể cảm dục hoặc dĩ thái nào tình cờ hiện diện xung quanh y, nhưng không bao gồm quyền năng quan sát những nơi [25] xa xôi hoặc những cảnh tượng thuộc về bất kỳ thời điểm nào khác ngoài hiện tại.

2-Clairvoyance in space- the capacity to see scenes or events removed from the seer in space, and either too far distant for ordinary observation or concealed by intermediate objects.

2- Thông nhãn trong không gian- năng lực nhìn thấy các cảnh tượng hoặc sự kiện cách xa nhà thông nhãn trong không gian, và hoặc là quá xa đối với sự quan sát thông thường hoặc bị che khuất bởi các vật thể trung gian.

3- Clairvoyance in time- that is to say, the capacity to see objects or events which are removed from the seer in time, or, in other words,the power of looking into the past or the future. [26]

3- Thông nhãn trong thời gian- nghĩa là, năng lực nhìn thấy các vật thể hoặc sự kiện cách xa nhà thông nhãn trong thời gian, hay nói cách khác, quyền năng nhìn vào quá khứ hoặc tương lai. [26]

# CHAPTER -2-

# SIMPLE CLAIRVOYANCE: FULL
# THÔNG NHÃN TOÀN PHẦN

We have defined this as a mere opening of etheric or astral sight, which enables the possessor to see whatever may be present around him on corresponding levels, but is not usually accompanied by the power of seeing anything at a great distance or of reading either the past or the future. It is hardly possible altogether to exclude these latter faculties, for astral sight necessarily has considerably greater extension than physical, and fragmentary pictures of both past and future are often casually visible even to clairvoyants who do not know how to seek specially for them; but there is nevertheless a very real distinction between such incidental glimpses and the definite power of projection of the sight either in space or time.

Chúng ta đã định nghĩa điều này như một sự mở ra đơn thuần của thị giác dĩ thái hoặc cảm dục, cho phép người sở hữu nhìn thấy bất cứ điều gì có thể hiện diện xung quanh y trên các cấp độ tương ứng, nhưng thường không đi kèm với quyền năng nhìn thấy bất cứ thứ gì ở khoảng cách xa hoặc đọc được quá khứ hay tương lai. Hầu như không thể loại trừ hoàn toàn các năng lực sau này, vì thị giác cảm dục nhất thiết có phạm vi mở rộng lớn hơn đáng kể so với hồng trần, và những hình ảnh rời rạc của cả quá khứ và tương lai thường tình cờ hiển hiện ngay cả với những nhà thông nhãn không biết cách tìm kiếm chúng một cách đặc biệt; tuy nhiên, vẫn có một sự phân biệt rất thực tế giữa những cái nhìn thoáng qua ngẫu nhiên như vậy và quyền năng phóng chiếu thị giác một cách xác định trong không gian hoặc thời gian.

We find among sensitive people all degrees of this kind of clairvoyance, from that of the man who gets a vague impression which hardly deserves the name of sight at all, up to the full possession of etheric and astral vision respectively. Perhaps the simplest method will be for us to begin by describing what would be visible in the case of this fuller development of the [27] power, as the cases of its partial possession will then be seen to fall naturally into their places.

Chúng ta tìm thấy trong số những người nhạy cảm tất cả các mức độ của loại thông nhãn này, từ người có được một ấn tượng mơ hồ hầu như không xứng đáng với cái tên thị giác, cho đến việc sở hữu hoàn toàn tầm nhìn dĩ thái và cảm dục tương ứng. Có lẽ phương pháp đơn giản nhất cho chúng ta là bắt đầu bằng việc mô tả những gì sẽ hiển thị trong trường hợp sự phát triển đầy đủ của [27] quyền năng này, vì khi đó các trường hợp sở hữu một phần sẽ được thấy là rơi vào vị trí tự nhiên của chúng.

Let us take the etheric vision first. This consists simply, as has already been said, in susceptibility to a far larger series of physical vibrations than ordinary, but nevertheless its possession brings into view a good deal to which the majority of the human race still remains blind. Let us consider what changes its acquisition

Chúng ta hãy xem xét tầm nhìn dĩ thái trước. Như đã nói, điều này đơn giản bao gồm sự nhạy cảm với một loạt các rung động vật lý lớn hơn nhiều so với bình thường, nhưng việc sở hữu nó mang lại tầm nhìn về rất nhiều điều mà đa số nhân loại vẫn còn mù quáng. Chúng ta hãy xem xét những thay đổi mà việc đạt được nó tạo ra trong diện mạo

produces in the aspect of familiar objects, animate and inanimate, and then see to what entirely new factors it introduces us. But it must be remembered that what I am about to describe is the result of the full and perfectly-controlled possession of the faculty only, and that most of the instances met with in real life will be likely to fall far short of it in one direction or another.

của các vật thể quen thuộc, hữu sinh và vô sinh, và sau đó xem nó giới thiệu cho chúng ta những yếu tố hoàn toàn mới nào. Nhưng cần phải nhớ rằng những gì tôi sắp mô tả chỉ là kết quả của việc sở hữu năng lực một cách đầy đủ và được kiểm soát hoàn hảo, và hầu hết các trường hợp gặp trong đời thực có khả năng sẽ thua xa nó theo hướng này hay hướng khác.

The most striking change produced in the appearance of inanimate objects by the acquisition of this faculty is that most of them become almost transparent, owing to the difference in wavelength of some of the vibrations to which the man has now become susceptible. He finds himself capable of performing with the utmost ease the proverbial feat of "seeing through a brick wall," for to his newly-acquired vision the brick wall seems to have a consistency no greater than that of a light mist. He therefore sees what is going on in an adjoining room almost as though no intervening wall existed; he can describe with accuracy the contents of a locked box, or read a sealed letter; with a little practice he can find a given passage in a closed [28] book. This last feat, though perfectly easy to astral vision, presents considerable difficulty to one using etheric sight, because of the fact that each page has to be looked at through all those which happen to be superimposed upon it.

Thay đổi nổi bật nhất được tạo ra trong vẻ ngoài của các vật thể vô sinh bởi việc đạt được năng lực này là hầu hết chúng trở nên gần như trong suốt, do sự khác biệt về bước sóng của một số rung động mà con người hiện đã trở nên nhạy cảm. Y thấy mình có khả năng thực hiện một cách cực kỳ dễ dàng kỳ tích lừng danh là "nhìn xuyên qua một bức tường gạch", vì đối với tầm nhìn mới đạt được của y, bức tường gạch dường như có độ đậm đặc không lớn hơn một làn sương mỏng. Do đó, y thấy những gì đang diễn ra trong một căn phòng kế bên gần như thể không có bức tường ngăn cách nào tồn tại; y có thể mô tả chính xác nội dung của một chiếc hộp bị khóa, hoặc đọc một bức thư đã niêm phong; với một chút luyện tập, y có thể tìm thấy một đoạn văn nhất định trong một cuốn sách [28] đang đóng. Kỳ tích cuối cùng này, mặc dù hoàn toàn dễ dàng đối với thị giác cảm dục, nhưng lại gây khó khăn đáng kể cho người sử dụng tầm nhìn dĩ thái, vì thực tế là mỗi trang giấy phải được nhìn *xuyên qua* tất cả những trang tình cờ nằm chồng lên nó.

It is often asked whether under these circumstances a man sees always with this abnormal sight, or only when he wishes o do so. The answer is that if the faculty is perfectly developed it will be entirely under his control, and he can use that or his more ordinary vision at will. He changes from one to the other as readily and naturally as we now change the focus of our eyes when we look up from our book to follow the motions of some object a mile away. It is, as it were,a focusing of consciousness on the one or the other aspect of what is seen: and though the

Người ta thường hỏi liệu trong những hoàn cảnh này, một người luôn nhìn bằng tầm nhìn bất thường này, hay chỉ khi y muốn làm như vậy. Câu trả lời là nếu năng lực được phát triển hoàn hảo, nó sẽ hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của y, và y có thể sử dụng nó hoặc thị giác thông thường hơn của mình tùy ý. Y chuyển từ cái này sang cái kia một cách sẵn sàng và tự nhiên như chúng ta hiện đang thay đổi tiêu điểm của mắt khi ngước nhìn lên từ cuốn sách để theo dõi chuyển động của một vật thể nào đó cách xa một dặm. Đó, có thể nói, là một sự tập trung tâm

man would have quite clearly in his view the aspect upon which his attention was for the moment fixed, he would always be vaguely conscious of the other aspect too, just as when we focus our sight upon any object held in our hands we yet vaguely see the opposite wall of the room as a background.

thức vào phương diện này hay phương diện kia của những gì được nhìn thấy: và mặc dù người đó sẽ thấy khá rõ ràng phương diện mà sự chú ý của y đang cố định vào lúc đó, y cũng sẽ luôn nhận thức mơ hồ về phương diện kia, giống như khi chúng ta tập trung thị giác vào bất kỳ vật thể nào cầm trên tay, chúng ta vẫn thấy mơ hồ bức tường đối diện của căn phòng như một phông nền.

Another curious change, which comes from the possession of this sight, is that the solid ground upon which the man walks becomes to a certain extent transparent to him, so that he is able to see down into it to a considerable depth, much as we can now see into fairly clear water. This enables him to watch a creature burrowing underground, to distinguish a vein of coal or of metal if not too far below the surface, and so on. [29]

Một thay đổi kỳ lạ khác đến từ việc sở hữu tầm nhìn này, đó là mặt đất rắn chắc mà con người bước đi trở nên trong suốt ở một mức độ nào đó đối với y, khiến y có thể nhìn xuống sâu vào trong đó, giống như chúng ta hiện nay có thể nhìn vào làn nước khá trong. Điều này cho phép y theo dõi một sinh vật đang đào hang dưới lòng đất, phân biệt một vỉa than hoặc kim loại nếu không quá sâu dưới bề mặt, và vân vân. [29]

The limit of etheric sight when looking through solid matter appears to be analogous to that imposed upon us when looking through water or mist. We cannot see beyond a certain distance, because the medium through which we are looking is not perfectly transparent.

Giới hạn của tầm nhìn dĩ thái khi nhìn xuyên qua vật chất rắn dường như tương tự như giới hạn áp đặt lên chúng ta khi nhìn xuyên qua nước hoặc sương mù. Chúng ta không thể nhìn quá một khoảng cách nhất định, bởi vì môi trường mà chúng ta đang nhìn xuyên qua không hoàn toàn trong suốt.

The appearance of animate objects is also considerably altered for the man who has increased his visual powers to this extent. The bodies of men and animals are for him in the main transparent, so that he can watch the action of the various internal organs, and to some extent diagnose some of their diseases.

Vẻ ngoài của các vật thể hữu sinh cũng bị thay đổi đáng kể đối với người đã gia tăng quyền năng thị giác của mình đến mức này. Thể xác của con người và động vật đối với y chủ yếu là trong suốt, do đó y có thể theo dõi hoạt động của các cơ quan nội tạng khác nhau, và ở một mức độ nào đó có thể chẩn đoán một số bệnh tật của chúng.

The extended sight also enables him to perceive, more or less clearly, various classes of creatures, elemental and otherwise, whose bodies are not capable of reflecting any of the rays within the limit of the spectrum as ordinarily seen. Among the entities so seen will be some of the lower orders of nature-spirits—those whose bodies are composed of the denser etheric matter. To this class belong nearly all the

Thị giác mở rộng cũng cho phép y nhận thức, ít nhiều rõ ràng, các loại sinh vật khác nhau, hành khí và các loại khác, những thực thể mà cơ thể không có khả năng phản chiếu bất kỳ tia sáng nào trong giới hạn của quang phổ như thường thấy. Trong số các thực thể được nhìn thấy như vậy sẽ có một số cấp thấp của các tinh linh tự nhiên—những thực thể có cơ thể cấu tạo từ chất liệu dĩ thái đậm đặc hơn. Thuộc loại này bao gồm gần như tất cả các

fairies, gnomes, and brownies, about whom there are still so many stories remaining among Scotch and Irish mountains and in remote country places all over the world.

tiên (fairies), yêu tinh (gnomes) và quỷ lùn (brownies), những thực thể mà vẫn còn rất nhiều câu chuyện lưu truyền giữa các vùng núi Scotland, Ireland và ở những vùng nông thôn hẻo lánh trên khắp thế giới.

The vast kingdom of nature-spirits is in the main an astral kingdom, but still there is a large section of it which appertains to the etheric part of the physical plane, and this section, of course, is much more likely to come within the ken of ordinary people than the others. Indeed, in reading the common fairy stories one frequently comes across distinct indications that it is [30] with this class that we are dealing. Any student of fairy lore will remember how often mention is made of some mysterious ointment or drug, which when applied to a man's eyes enables him to see the members of the fairy commonwealth whenever he happens to meet them.

Giới tinh linh tự nhiên rộng lớn chủ yếu là một giới cảm dục, nhưng vẫn có một phần lớn của nó thuộc về phần dĩ thái của cõi hồng trần, và phần này, dĩ nhiên, có nhiều khả năng lọt vào tầm mắt của những người bình thường hơn những phần khác. Thật vậy, khi đọc các câu chuyện tiên hiệp thông thường, người ta thường xuyên bắt gặp những dấu hiệu rõ ràng rằng [30] chính loại này là đối tượng mà chúng ta đang đề cập. Bất kỳ đạo sinh nào nghiên cứu về truyền thuyết tiên hiệp sẽ nhớ rằng người ta thường nhắc đến một loại thuốc mỡ hoặc dược phẩm thần bí nào đó, mà khi bôi vào mắt một người sẽ cho phép y nhìn thấy các thành viên của cộng đồng tiên bất cứ khi nào y tình cờ gặp họ.

The story of such an application and its results occurs so constantly and comes from so many different parts of the world that there must certainly be some truth behind it, as there always is behind really universal popular tradition. Now no such anointing of the eyes alone could by any possibility open a man's astral vision, though certain ointment rubbed over the whole body will very greatly assist the astral body to leave the physical in full consciousness—a fact the knowledge of which seems to have survived even to mediaeval times, as will be seen from the evidence given at some of the trials for witchcraft. But the application to the physical eye might very easily so stimulate its sensitiveness as to make it susceptible to some of the etheric vibrations.

Câu chuyện về việc bôi thuốc như vậy và kết quả của nó xảy ra thường xuyên và đến từ rất nhiều nơi khác nhau trên thế giới đến mức chắc chắn phải có một sự thật nào đó đằng sau nó, như luôn có đằng sau những truyền thống dân gian thực sự phổ quát. Hiện nay, không có việc bôi thuốc như vậy chỉ vào mắt mà có thể mở ra thị giác cảm dục của một người bằng bất cứ khả năng nào, mặc dù một loại thuốc mỡ nhất định được xoa khắp cơ thể sẽ hỗ trợ rất nhiều cho thể cảm dục rời khỏi thể xác trong tâm thức đầy đủ—một sự thật mà kiến thức về nó dường như đã tồn tại ngay cả đến thời trung cổ, như sẽ thấy từ bằng chứng được đưa ra tại một số phiên tòa xét xử phù thủy. Nhưng việc bôi vào mắt hồng trần có thể rất dễ dàng kích thích sự nhạy cảm của nó đến mức làm cho nó nhạy cảm với một số rung động dĩ thái.

The story frequently goes on to relate how when the human being who has used this mystical ointment betrays his extended vision in some way to a fairy, the latter strikes or stabs him in the eye, thus

Câu chuyện thường tiếp tục kể về việc khi con người đã sử dụng loại thuốc mỡ thần bí này để lộ thị giác mở rộng của mình theo cách nào đó với một tiên nhân, thì vị này sẽ đánh hoặc đâm vào mắt y, do đó tước đi của

depriving him not only of the etheric sight, but of that of the denser physical plane as well. (See The Science of Fairy Tales by E.S.Hartlane, in the "Contemporary Science" series—or indeed almost any extensive collection of fairy stories.) If the sight acquired had been astral, such a proceeding would have been entirely unavailing, [31] for no injury to the physical apparatus would affect an astral faculty; but if the vision produced by the ointment were etheric, the destruction of the physical eye would in most cases at once distinguish it, since that is the mechanism by means of which it works.

y không chỉ thị giác dĩ thái, mà cả thị giác của cõi hồng trần đậm đặc nữa. (Xem *The Science of Fairy Tales* của E.S.Hartlane, trong loạt sách "Contemporary Science"—hoặc thực tế là hầu hết các bộ sưu tập truyện tiên hiệp phong phú nào.) Nếu thị giác đạt được là cảm dục, thì một hành động như vậy sẽ hoàn toàn vô hiệu, [31] vì không có tổn thương nào đối với bộ máy hồng trần có thể ảnh hưởng đến một năng lực cảm dục; nhưng nếu tầm nhìn do thuốc mỡ tạo ra là dĩ thái, thì việc phá hủy mắt hồng trần trong hầu hết các trường hợp sẽ ngay lập tức dập tắt nó, vì đó là bộ máy mà thông qua đó nó hoạt động.

Anyone possessing this sight of which we are speaking would also be able to perceive the etheric double of man; but since this is so nearly identical in size with the physical, it would hardly be likely to attract his attention unless it were partially protected in trance or under the influence of anaesthetics. After death, when it withdraws entirely from the dense body, it would be clearly visible to him, and he would frequently see it hovering over newly-made graves as he passed through a church yard or cemetery. If he were to attend a spiritualistic séance he would see the etheric matter oozing out from the side of the medium, and could observe the various ways in which the communicating entities make use of it.

Bất kỳ ai sở hữu thị giác mà chúng ta đang nói đến cũng sẽ có thể nhận thức được bản sao dĩ thái của con người; nhưng vì nó có kích thước gần như giống hệt với thể xác, nên khó có khả năng thu hút sự chú ý của y trừ khi nó được bảo vệ một phần trong trạng thái xuất thần hoặc dưới ảnh hưởng của thuốc gây mê. Sau khi chết, khi nó rút hoàn toàn khỏi thể đậm đặc, nó sẽ hiển thị rõ ràng đối với y, và y sẽ thường xuyên thấy nó lơ lửng trên những ngôi mộ mới đắp khi y đi ngang qua một sân nhà thờ hoặc nghĩa trang. Nếu y tham dự một buổi gọi hồn (*séance*), y sẽ thấy chất liệu dĩ thái rỉ ra từ bên hông của đồng tử, và có thể quan sát các cách khác nhau mà các thực thể giao tiếp sử dụng nó.

Another fact which could hardly fail soon to thrust itself upon his notice would be the extension of his perception of colour. He would find himself able to see several entirely new colours, not in the least resembling any of those included in the spectrum as we at present know it, and therefore of course quite indescribable in any terms at our command. And not only would he see new objects that were wholly of these new colours, but he would also discover that modifications had been introduced into the colour of many objects with which he was quite familiar, according

Một sự thật khác hầu như không thể không sớm đập vào mắt y là sự mở rộng nhận thức của y về màu sắc. Y sẽ thấy mình có thể nhìn thấy một vài màu sắc hoàn toàn mới, không hề giống với bất kỳ màu nào bao gồm trong quang phổ như chúng ta hiện biết, và do đó dĩ nhiên là hoàn toàn không thể mô tả bằng bất kỳ thuật ngữ nào mà chúng ta có. Và không chỉ y sẽ thấy những vật thể mới hoàn toàn mang những màu sắc mới này, mà y cũng sẽ khám phá ra rằng những sự điều chỉnh đã được đưa vào màu sắc của nhiều vật thể mà y vốn khá quen thuộc, tùy thuộc vào việc chúng có [32] hay không có một chút sắc

to whether they had [32] or had not some tinge of these new hues intermingled with the old. So that two surfaces of colour which to ordinary eyes appeared to match perfectly would often present distinctly different shades to his keener sight.

thái nào của những màu mới này trộn lẫn với màu cũ. Vì vậy, hai bề mặt màu sắc mà đối với mắt thường dường như hoàn toàn khớp nhau thì thường sẽ trình bày những sắc thái khác biệt rõ rệt đối với thị giác sắc bén của y.

We have now touched upon some of the principal changes which would be introduced into a man's world when he gained etheric sight; and it must always be remembered that in most cases a corresponding change would at the same time be brought about in his other senses also, so that he would be capable of hearing, and perhaps even of feeling, more than most of those around him. Now supposing that in addition to this he obtained the sight of the astral plane, what further changes would be observable?

Chúng ta hiện đã chạm đến một số thay đổi chính sẽ được đưa vào thế giới của một người khi y đạt được thị giác dĩ thái; và phải luôn nhớ rằng trong hầu hết các trường hợp, một sự thay đổi tương ứng đồng thời cũng sẽ được mang lại trong các giác quan khác của y, để y có thể nghe, và thậm chí có thể cảm nhận, nhiều hơn hầu hết những người xung quanh y. Bây giờ giả sử rằng ngoài điều này, y còn đạt được thị giác của cõi cảm dục, thì những thay đổi sâu xa nào sẽ có thể quan sát được?

Well, the changes would be many and great; in fact, a whole new world would open before his eyes. Let us consider its wonders briefly in the same order as before, and see first what difference there would be in the appearance of inanimate objects. On this point I may begin by quoting a recent quaint answer given in The Vâhan.

À, những thay đổi sẽ rất nhiều và lớn lao; thực tế, một thế giới hoàn toàn mới sẽ mở ra trước mắt y. Chúng ta hãy xem xét những điều kỳ diệu của nó một cách ngắn gọn theo thứ tự như trước, và trước tiên hãy xem có sự khác biệt nào trong vẻ ngoài của các vật thể vô sinh. Về điểm này, tôi có thể bắt đầu bằng cách trích dẫn một câu trả lời kỳ lạ gần đây được đưa ra trong tờ The Vâhan.

"There is a distinct difference between etheric sight and astral sight, and it is the latter which seems to correspond to the fourth dimension..

"Có một sự khác biệt rõ rệt giữa thị giác dĩ thái và thị giác cảm dục, và chính thị giác cảm dục dường như tương ứng với chiều thứ tư..

"The easiest way to understand he difference is to take an example. If you looked at a man with both the sights in turn, you would see the buttons at the back of his coat in both cases; only if you used etheric sight you would see them through him, and would see the shank-side as nearest to you, but if you looked astrally, [33] you would see it not only like that, but just as if you were standing behind the man as well.

"Cách dễ nhất để hiểu sự khác biệt là lấy một ví dụ. Nếu bạn lần lượt nhìn một người bằng cả hai thị giác, bạn sẽ thấy những chiếc cúc ở sau lưng áo khoác của y trong cả hai trường hợp; chỉ là nếu bạn sử dụng thị giác dĩ thái, bạn sẽ thấy chúng *xuyên qua* y, và sẽ thấy mặt có cuống cúc là gần bạn nhất, nhưng nếu bạn nhìn bằng cảm dục, [33] bạn sẽ thấy nó không chỉ như vậy, mà còn giống như thể bạn cũng đang đứng đằng sau người đó nữa.

"Or if you were looking etherically at a wooden cube with writing on all its sides, it would be as though the cube were glass, so that you could see through it, and you would see the writing on the opposite side all backwards, while that on the right and left sides would not be clear to you at all unless you moved, because you see it edgewise. But if you looked at it astrally you would see all the sides at once, and all the right way up, as though the whole cube had been flattened out before you, and you would see every particle of the inside as well—not through the others, but all all flattened out. You would be looking at it from another direction, at right angles to all the directions that we know.

"Hoặc nếu bạn đang nhìn bằng dĩ thái vào một khối lập phương bằng gỗ có chữ viết ở tất cả các mặt, nó sẽ giống như thể khối lập phương đó bằng thủy tinh, để bạn có thể nhìn xuyên qua nó, và bạn sẽ thấy chữ viết ở mặt đối diện đều bị ngược, trong khi chữ ở mặt bên phải và bên trái sẽ không rõ ràng đối với bạn trừ khi bạn di chuyển, vì bạn nhìn nó theo chiều cạnh. Nhưng nếu bạn nhìn nó bằng cảm dục, bạn sẽ thấy tất cả các mặt cùng một lúc, và tất cả đều đúng chiều, như thể toàn bộ khối lập phương đã được trải phẳng ra trước mặt bạn, và bạn cũng sẽ thấy mọi hạt nhỏ bên trong—không phải *xuyên qua* những hạt khác, mà tất cả đều được trải phẳng ra. Bạn sẽ nhìn nó từ một hướng khác, vuông góc với tất cả các hướng mà chúng ta biết.

"If you look at the back of a watch etherically you see all the wheels through it, and the face through them, but backwards; if you look at it astrally, you see the face right way up and all the wheels lying separately, but nothing on the top of anything else."

"Nếu bạn nhìn vào mặt sau của một chiếc đồng hồ bằng dĩ thái, bạn thấy tất cả các bánh răng xuyên qua nó, và mặt đồng hồ *xuyên qua chúng*, nhưng bị ngược; nếu bạn nhìn nó bằng cảm dục, bạn thấy mặt đồng hồ đúng chiều và tất cả các bánh răng nằm riêng biệt, nhưng không có gì nằm đè lên cái gì khác."

Here we have at once the keynote, the principal factor of the change; the man is looking at everything from an absolutely new point of view, entirely outside of anything that he has ever imagined before. He has no longer the slightest difficulty in reading any page in a closed book, because he is not now looking at it through all the other pages before it or behind it, but is looking straight down upon it as though it were the only page to be seen. The depth at which a vein of [34] metal or of coal may lie is no longer a barrier to his sight of it, because he is not now looking through the intervening depth of earth at all. The thickness of a wall, or the number of walls intervening between the observer and the object, would make a great deal of difference to the clearness of the etheric sight; they would make no difference whatever to the

Ở đây chúng ta có ngay chủ âm, yếu tố chính của sự thay đổi; con người đang nhìn mọi thứ từ một quan điểm hoàn toàn mới, hoàn toàn nằm ngoài bất cứ điều gì mà y từng tưởng tượng trước đây. Y không còn gặp khó khăn nhỏ nhất nào trong việc đọc bất kỳ trang nào trong một cuốn sách đang đóng, bởi vì hiện tại y không nhìn nó xuyên qua tất cả các trang khác trước nó hoặc sau nó, mà đang nhìn thẳng xuống nó như thể đó là trang duy nhất được nhìn thấy. Độ sâu mà một vỉa [34] kim loại hoặc than đá có thể nằm không còn là rào cản đối với thị giác của y về nó, bởi vì hiện tại y hoàn toàn không nhìn xuyên qua độ sâu trung gian của đất. Độ dày của một bức tường, hoặc số lượng các bức tường ngăn cách giữa người quan sát và vật thể, sẽ tạo ra sự khác biệt lớn đối với sự rõ ràng của thị giác dĩ thái; chúng sẽ không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào đối với thị giác cảm dục, bởi vì trên

astral sight, because on the astral plane they would not intervene between the observer and the object. Of course that sounds paradoxical and impossible, and it is quite inexplicable to a mind not specially trained to grasp the idea; yet it is none the less absolutely true.

cõi cảm dục chúng sẽ *không* ngăn cách giữa người quan sát và vật thể. Dĩ nhiên điều đó nghe có vẻ nghịch lý và không thể, và nó *là* hoàn toàn không thể giải thích được đối với một trí tuệ không được huấn luyện đặc biệt để nắm bắt ý tưởng đó; tuy nhiên nó vẫn hoàn toàn là sự thật.

This carries us straight into the middle of the much-vexed question of the fourth dimension—a question of the deepest interest, though one that we cannot pretend to discuss in the space at our disposal. Those who wish to study it as it deserves are recommended to begin with Mr.C.H.Hinton's Scientific Romances or Dr.A.T.Schofield's Another World, and then follow on with the former author's larger work, A New Era of Thought. Mr. Hinton not only claims to be able himself to grasp mentally some of the simpler fourth dimensional figures, but also states that anyone who will take the trouble to follow out his directions may with perseverance acquire that mental grasp likewise. I am not certain that the power to do this is within the reach of everyone, as he thinks, for it appears to me to require considerable mathematical ability; but I can at any rate bear witness that he tesseract or fourth-dimensional cube which he describes is a [35] reality, for it is quite a familiar figure upon the astral plane.

Điều này đưa chúng ta thẳng vào giữa vấn đề gây nhiều tranh cãi về chiều thứ tư—một vấn đề được quan tâm sâu sắc nhất, mặc dù là vấn đề mà chúng ta không thể giả vờ thảo luận trong không gian hạn hẹp mà chúng ta có. Những ai muốn nghiên cứu nó như nó xứng đáng được khuyến nghị nên bắt đầu với cuốn *Scientific Romances* của Ông C.H.Hinton hoặc *Another World* của Bác sĩ A.T.Schofield, và sau đó tiếp tục với tác phẩm lớn hơn của tác giả đầu tiên, *A New Era of Thought*. Ông Hinton không chỉ tuyên bố bản thân có thể nắm bắt bằng trí tuệ một số hình thể chiều thứ tư đơn giản hơn, mà còn khẳng định rằng bất kỳ ai chịu khó làm theo các chỉ dẫn của ông đều có thể nhờ sự kiên trì mà đạt được sự nắm bắt trí tuệ đó. Tôi không chắc rằng quyền năng làm điều này nằm trong tầm tay của mọi người như ông nghĩ, vì đối với tôi nó dường như đòi hỏi khả năng toán học đáng kể; nhưng dù sao tôi có thể làm chứng rằng tesseract hay khối lập phương chiều thứ tư mà ông mô tả là một [35] thực tại, vì nó là một hình thể khá quen thuộc trên cõi cảm dục.

[ He has now perfected a new method of representing the several dimensions by colours instead of by arbitrary written symbols. He states that his will very much simplify the study, as the reader will be able to distinguish instantly by sight any part or feature of the tesseract. A full description of this new method, with plates, is said to be ready for the press, and is expected to appear within a year, so that intending students of this fascinating subject might do well to await its publication]

[ Hiện nay ông đã hoàn thiện một phương pháp mới để biểu diễn các chiều khác nhau bằng màu sắc thay vì bằng các ký hiệu viết tùy ý. Ông khẳng định rằng điều này sẽ làm đơn giản hóa việc nghiên cứu rất nhiều, vì người đọc sẽ có thể phân biệt ngay lập tức bằng mắt bất kỳ phần hoặc đặc điểm nào của tesseract. Một bản mô tả đầy đủ về phương pháp mới này, kèm theo các hình minh họa, được cho là đã sẵn sàng để in, và dự kiến sẽ xuất hiện trong vòng một năm, vì vậy những đạo sinh có ý định nghiên cứu chủ đề hấp dẫn này có thể nên chờ đợi sự xuất bản của

nó]

I know that Madame Blavatsky, in alluding to the theory of the fourth dimension, has expressed an opinion that it is only a clumsy way of stating the idea of the entire permeability of matter, and that Mr. W.T.Stead has followed along the same lines, presenting the conception to his readers under the name of throughth. Careful, oft-repeated and detailed investigation does, however, seem to show quite conclusively that this explanation does not cover all the facts. It is a perfect description of etheric vision, but the further and quite different idea of the fourth dimension as expounded by Mr.Hinton is the only one which gives any kind of explanation down here of the constantly-observed facts of astral vision. I would therefore venture deferentially to suggest that, when Madame Blavatsky wrote as she did, she had in mind etheric vision and not astral, and that the extreme applicability of the phrase to this other and higher faculty, of which she was not at the moment thinking, did not occur to her.

Tôi biết rằng Bà Blavatsky, khi ám chỉ đến lý thuyết về chiều thứ tư, đã bày tỏ ý kiến rằng đó chỉ là một cách vụng về để trình bày ý tưởng về tính thẩm thấu hoàn toàn của vật chất, và rằng Ông W.T.Stead đã đi theo cùng hướng đó, trình bày khái niệm này cho độc giả của mình dưới cái tên *throughth* (xuyên thấu). Tuy nhiên, sự điều tra cẩn thận, lặp đi lặp lại và chi tiết dường như cho thấy khá thuyết phục rằng lời giải thích này không bao quát hết tất cả các sự thật. Đó là một mô tả hoàn hảo về tầm nhìn dĩ thái, nhưng ý tưởng xa hơn và hoàn toàn khác biệt về chiều thứ tư như được trình bày bởi Ông Hinton là ý tưởng duy nhất đưa ra bất kỳ loại giải thích nào ở cõi này về các sự thật thường xuyên được quan sát của thị giác cảm dục. Do đó, tôi mạn phép đề xuất một cách tôn trọng rằng, khi Bà Blavatsky viết như vậy, Bà đã nghĩ đến tầm nhìn dĩ thái chứ không phải cảm dục, và tính ứng dụng cực độ của cụm từ này đối với năng lực khác và cao hơn này, mà lúc đó Bà không nghĩ tới, đã không nảy ra trong tâm trí Bà.

The possession of this extraordinary and scarcely expressible power, then, must always be borne in mind through all that follows. It lays every point in the interior of every solid body absolutely open to the gaze of the seer, just as every point in the interior of a circle lies open to the gaze of a man looking down upon it.

Việc sở hữu quyền năng phi thường và khó có thể diễn tả này, do đó, phải luôn được ghi nhớ trong suốt tất cả những gì tiếp theo. Nó phơi bày mọi điểm bên trong của mọi vật thể rắn một cách hoàn toàn công khai trước cái nhìn của nhà thông nhãn, giống như mọi điểm bên trong một vòng tròn đều phơi bày trước cái nhìn của một người nhìn xuống nó.

But even this is by no means all that it gives to its possessor. He see not only the inside as well as the outside of every object, but also its astral counterpart. [36] Every atom and molecule of physical matter has its corresponding astral atoms and molecules, and the mass which is built up out of these is clearly visible to our clairvoyant. Usually the astral part of any object projects somewhat beyond the physical part of it, and thus metals, stones and other things are seen surrounded by an astral aura.

Nhưng ngay cả điều này cũng hoàn toàn không phải là tất cả những gì nó mang lại cho người sở hữu. Y không chỉ thấy bên trong cũng như bên ngoài của mọi vật thể, mà còn cả đối phần cảm dục của nó. [36] Mọi nguyên tử và phân tử của vật chất hồng trần đều có các nguyên tử và phân tử cảm dục tương ứng, và khối được xây dựng từ những thứ này hiển thị rõ ràng đối với nhà thông nhãn của chúng ta. Thông thường, phần cảm dục của bất kỳ vật thể nào cũng nhô ra một chút so với phần hồng trần của nó, và do đó kim

loại, đá và những thứ khác được thấy bao quanh bởi một hào quang cảm dục.

It will be seen at once that even in the study of inorganic matter a man gains immensely by the acquisition of this vision. Not only does he see the astral part of the object at which he looks, which before was wholly hidden from him; not only does he see much more of its physical constitution than he did before, but even what was visible to him before is now seen much more clearly and truly. A moment's consideration will show that his new vision approximates much more closely to true perception than does physical sight. For example, if he looks astrally at a glass cube, its sides will all appear equal, as we know they really are, whereas on the physical plane he sees the further side in perspective—that is, it appears smaller than the nearer side, which is, of course, a mere illusion due to his physical limitations.

Sẽ thấy ngay rằng ngay cả trong việc nghiên cứu vật chất vô cơ, một người cũng đạt được lợi ích to lớn nhờ việc có được tầm nhìn này. Y không chỉ thấy phần cảm dục của vật thể mà y nhìn vào, cái mà trước đây hoàn toàn bị che giấu khỏi y; y không chỉ thấy nhiều hơn về cấu tạo hồng trần của nó so với trước đây, mà ngay cả những gì hiển thị với y trước đây giờ đây cũng được nhìn thấy rõ ràng và chân thực hơn nhiều. Một khoảnh khắc cân nhắc sẽ cho thấy tầm nhìn mới của y gần với nhận thức thực sự hơn nhiều so với thị giác hồng trần. Ví dụ, nếu y nhìn bằng cảm dục vào một khối lập phương thủy tinh, các cạnh của nó sẽ đều xuất hiện bằng nhau, như chúng ta biết thực tế là vậy, trong khi trên cõi hồng trần y thấy mặt xa hơn theo luật phối cảnh—nghĩa là, nó xuất hiện nhỏ hơn mặt gần hơn, dĩ nhiên đây chỉ là một ảo tưởng do những giới hạn hồng trần của y.

When we come to consider the additional facilities which it offers in the observation of animate objects we see still more clearly the advantages of the astral vision. It exhibits to the clairvoyant the aura of plants and animals, and thus in the case of the latter their desires and emotions, and whatever thoughts they may have, are all plainly shown before his eyes. [37]

Khi chúng ta đi đến xem xét các tiện ích bổ sung mà nó mang lại trong việc quan sát các vật thể hữu sinh, chúng ta còn thấy rõ hơn nữa những lợi thế của thị giác cảm dục. Nó phô bày cho nhà thông nhãn hào quang của thực vật và động vật, và do đó trong trường hợp của động vật, những ham muốn và cảm xúc của chúng, và bất kỳ tư tưởng nào chúng có thể có, đều được hiển thị rõ ràng trước mắt y. [37]

But it is in dealing with human beings that he will most appreciate the value of this faculty, for he will often be able to help them far more effectually when he guides himself by the information which it gives him.

Nhưng chính trong việc tiếp xúc với con người, y sẽ đánh giá cao nhất giá trị của năng lực này, vì y sẽ thường có thể giúp đỡ họ hiệu quả hơn nhiều khi y tự dẫn dắt mình bằng những thông tin mà nó cung cấp cho y.

He will be able to see the aura as far up as the astral body, and though that leaves all the higher part of a man still hidden from his gaze, he will nevertheless find it possible by careful observation to learn a good deal about the higher part form what is within his reach. His capacity of examining the

Y sẽ có thể nhìn thấy hào quang cao đến tận thể cảm dục, và mặc dù điều đó vẫn để lại tất cả phần cao hơn của một người bị che khuất khỏi cái nhìn của y, tuy nhiên y sẽ thấy có thể thông qua quan sát cẩn thận để học hỏi được nhiều điều về phần cao hơn từ những gì nằm trong tầm tay của y. Năng lực kiểm tra bản

etheric double will give him considerable advantage in locating and classifying any defects or diseases of the nervous system, while from the appearance of the astral body he will be at once aware of all the emotions, passions, desires and tendencies of the man before him, and even of very many of his thoughts also.

sao dĩ thái của y sẽ mang lại cho y lợi thế đáng kể trong việc xác định vị trí và phân loại bất kỳ khiếm khuyết hoặc bệnh tật nào của hệ thần kinh, trong khi từ vẻ ngoài của thể cảm dục, y sẽ ngay lập tức nhận thức được tất cả các cảm xúc, đam mê, ham muốn và khuynh hướng của người trước mặt y, và thậm chí cả rất nhiều tư tưởng của họ nữa.

As he looks at a person he will see him surrounded by the luminous mists of the astral aura, flashing with all sorts of brilliant colours, and constantly changing in hue and brilliancy with every variation of the person's thoughts and feelings. He will see this aura flooded with the beautiful rose-colour of pure affection, the rich blue of devotional feeling, the hard, dull brown of selfishness, the deep scarlet of angers, the horrible lurid red of sensuality, the livid grey of fear, the black clouds of hatred and malice, or any of the other hundredfold indications so easily to be read in it by a practiced eye; and thus it will be impossible for any persons to conceal from him the real state of their feelings on any subject. [38]

Khi nhìn vào một người, y sẽ thấy người đó được bao quanh bởi những làn sương rực rỡ của hào quang cảm dục, lóe lên đủ loại màu sắc rực rỡ, và liên tục thay đổi sắc thái và độ sáng theo mọi biến đổi của tư tưởng và cảm xúc của người đó. Y sẽ thấy hào quang này tràn ngập màu hồng đẹp đẽ của tình cảm thuần khiết, màu xanh đậm của cảm xúc sùng tín, màu nâu xám xịt, cứng nhắc của sự ích kỷ, màu đỏ thẫm của những cơn giận dữ, màu đỏ rực kinh khủng của nhục dục, màu xám xịt của nỗi sợ hãi, những đám mây đen của lòng thù hận và ác ý, hoặc bất kỳ dấu hiệu nào khác trong số hàng trăm dấu hiệu có thể dễ dàng đọc được trong đó bởi một con mắt lão luyện; và do đó không ai có thể che giấu khỏi y trạng thái thực sự của tình cảm của họ về bất kỳ chủ đề nào. [38]

These varied indications of the aura are of themselves a study of very deep interest, but I have no space to deal with them in detail here. A much fuller account of them, together with a number of coloured illustrations, will be found in my pamphlet on "The Aura" and the larger work on the subject "Man, Visible and Invisible".

Những dấu hiệu đa dạng này của hào quang tự thân chúng là một nghiên cứu rất sâu sắc, nhưng tôi không có không gian để đề cập chi tiết ở đây. Một bản tường trình đầy đủ hơn về chúng, cùng với một số hình minh họa màu, sẽ được tìm thấy trong tập sách nhỏ của tôi về "*Hào Quang*" và tác phẩm lớn hơn về chủ đề này *"Con Người, Hiển Lộ và Không Hiển Lộ"*.

Not only does the astral aura show him the temporary result of the emotion passing through it at the moment, but it also gives him, by the arrangement and proportion of its colours when in a condition of comparative rest, a clue to the general disposition and character of its owner. For the astral body is the expression of as much of the man as can be manifested on that plane, so that from what is seen in it much

Hào quang cảm dục không chỉ cho y thấy kết quả tạm thời của cảm xúc đi qua nó vào lúc đó, mà thông qua sự sắp xếp và tỷ lệ màu sắc của nó khi ở trong tình trạng tương đối nghỉ ngơi, nó còn cho y một manh mối về tính khí và tính cách chung của chủ nhân nó. Vì thể cảm dục là sự biểu hiện của tất cả những gì thuộc về con người có thể biểu lộ trên cõi giới đó, nên từ những gì được thấy trong đó, nhiều điều thuộc về các cõi cao hơn có thể

more which belongs to higher planes may be inferred with considerable certainty.

In this judgment of character our clairvoyant will be much helped by so much of the person's thought as expresses itself on the astral plane, and consequently comes within his purview. The true home of thought is on the devachanic [mental] plane, and all thought first manifests itself there as a vibration of the mind-body. But if it be in any way a selfish thought, or if it be connected in any way with an emotion or a desire, it immediately descends into the astral plane, and takes to itself a visible form of astral matter.

In the case of the majority of men almost all thought would fall under one or other of these heads, so that practically the whole of their personality would like clearly before friend's astral vision, since their astral bodies [39] and the thought-forms constantly radiating from them would be to him as an open book in which their characteristics were writ so largely that he who ran might read. Anyone wishing to gain some idea as to how the thought-forms present themselves to clairvoyant vision may satisfy themselves to some extent by examining the illustrations accompanying Mrs. Besant's valuable article on "Thought Forms" in Lucifer of September 1896.

We have seen something of the alteration in the appearance of both animate and inanimate objects when viewed by one possessed of full clairvoyant sight as far as the astral plane is concerned; let us now consider what entirely new objects he will see. He will be conscious of a far greater fulness in nature in many directions, but chiefly his attention will be attracted by the living denizens of this new world. No detailed account of them can be attempted within the space at our disposal; for that the reader is referred to No.5 [The Astral Plane]

được suy luận với độ tin cậy đáng kể.

Trong việc phán đoán tính cách này, nhà thông nhãn của chúng ta sẽ được giúp đỡ rất nhiều bởi phần tư tưởng của người đó vốn tự biểu hiện trên cõi cảm dục, và do đó nằm trong tầm quan sát của y. Ngôi nhà thực sự của tư tưởng là trên cõi devachan [trí tuệ], và mọi tư tưởng trước tiên đều biểu hiện ở đó như một rung động của thể trí. Nhưng nếu nó là một tư tưởng ích kỷ theo bất kỳ cách nào, hoặc nếu nó liên kết theo bất kỳ cách nào với một cảm xúc hoặc một ham muốn, nó ngay lập tức hạ xuống cõi cảm dục, và mang lấy một hình tướng hữu hình của chất liệu cảm dục.

Trong trường hợp của đa số mọi người, hầu như tất cả tư tưởng đều rơi vào một trong hai loại này, vì vậy thực tế là toàn bộ phàm ngã của họ sẽ hiện rõ trước thị giác cảm dục của người bạn, vì thể cảm dục [39] và các hình tư tưởng liên tục phát xạ từ chúng sẽ đối với y như một cuốn sách mở, trong đó các đặc tính của họ được viết lớn đến mức ai đi ngang qua cũng có thể đọc được. Bất kỳ ai muốn có một số ý tưởng về việc *làm thế nào* các hình tư tưởng tự trình diện trước thị giác thông nhãn có thể tự làm hài lòng mình ở một mức độ nào đó bằng cách xem xét các hình minh họa đi kèm với bài viết giá trị của Bà Besant về "Hình Tư Tưởng" trong tờ Lucifer tháng 9 năm 1896.

Chúng ta đã thấy đôi chút về sự thay đổi trong vẻ ngoài của cả vật thể hữu sinh và vô sinh khi được nhìn bởi một người sở hữu thị giác thông nhãn đầy đủ cho đến tận cõi cảm dục; bây giờ chúng ta hãy xem xét y sẽ thấy những vật thể hoàn toàn mới nào. Y sẽ nhận thức được một sự sung mãn lớn hơn nhiều trong thiên nhiên theo nhiều hướng, nhưng chủ yếu sự chú ý của y sẽ bị thu hút bởi những cư dân sống của thế giới mới này. Không có bản tường trình chi tiết nào về chúng có thể được thực hiện trong không gian hạn hẹp của chúng ta; về điều đó, người

of the Theosophical Manuals. Here we can do no more than barely enumerate a few classes only of the vast hosts of astral inhabitants.

đọc được dẫn chiếu đến số 5 [Cõi Cảm Dục] của các Sách Hướng Dẫn Thông Thiên Học. Ở đây chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc liệt kê sơ lược chỉ một vài loại trong số các đạo quân đông đảo của những cư dân cảm dục.

He will be impressed by the protean forms of the ceaseless tide of elemental essence, ever swirling around him, menacing often, yet always retiring before a determined effort of the will; he will marvel at the enormous army of entities temporarily called out of this ocean into separate existence by the thoughts and wishes of man, whether good or evil. He will watch the manifold tribes of the nature-spirits at their work or at their [40] play; he will sometimes be able to study with ever-increasing delight the magnificent evolution of some of the lower orders of the glorious kingdom of the Devas, which corresponds approximately to the angelic host of Christian terminology.

Y sẽ bị ấn tượng bởi các hình tướng biến hóa khôn lường của dòng chảy không ngừng của tinh chất hành khí, luôn xoáy quanh y, thường đe dọa, nhưng luôn rút lui trước một nỗ lực kiên định của ý chí; y sẽ kinh ngạc trước đội quân khổng lồ các thực thể tạm thời được gọi ra khỏi đại dương này vào sự tồn tại riêng biệt bởi những tư tưởng và mong muốn của con người, dù tốt hay xấu. Y sẽ theo dõi các bộ tộc đa dạng của các tinh linh tự nhiên tại nơi làm việc hoặc nơi [40] vui chơi của chúng; đôi khi y sẽ có thể nghiên cứu với niềm vui ngày càng tăng sự tiến hóa huy hoàng của một số cấp thấp của vương quốc rực rỡ của các Thiên thần (Devas), tương ứng xấp xỉ với các đạo quân thiên thần của thuật ngữ Kitô giáo.

But perhaps of even keener interests to him than any of these will be the human denizens of the astral world, and he will find them divisible into two great classes—those whom we call the living, and those others, most of them infinitely more alive, whom we so foolishly misname the dead. Among the former he will find here and there one wide awake and fully conscious, perhaps sent to bring him some message, or examining him keenly to see what progress he is making; while the majority of his neighbours, when away from their physical bodies during sleep, will drift idly by, so wrapped up in their own cogitations as to be practically unconscious of what is going on around them.

But có lẽ điều y quan tâm sâu sắc hơn bất kỳ điều nào trong số này sẽ là những cư dân nhân loại của thế giới cảm dục, và y sẽ thấy họ có thể chia thành hai loại lớn—những người mà chúng ta gọi là đang sống, và những người khác, hầu hết trong số họ sống động hơn vô cùng, những người mà chúng ta gọi tên sai một cách dại dột là người chết. Trong số những người trước, y sẽ tìm thấy đây đó một người hoàn toàn tỉnh táo và có tâm thức đầy đủ, có lẽ được cử đến để mang cho y một thông điệp nào đó, hoặc đang xem xét y một cách sắc sảo để xem y đang đạt được tiến bộ gì; trong khi đa số những người lân cận của y, khi rời khỏi thể xác trong lúc ngủ, sẽ trôi dạt một cách vô định, quá mải mê với những suy ngẫm của riêng mình đến mức thực tế là không nhận thức được những gì đang diễn ra xung quanh họ.

Among the great host of the recently dead he will find all degrees of consciousness and intelligence, and all shades of character—for

Trong số đạo quân đông đảo của những người mới chết, y sẽ tìm thấy đủ mọi mức độ tâm thức và trí thông minh, và đủ mọi sắc

death, which seems to our limited vision so absolute a change, in reality alters nothing of the man himself. On the day after his death he is precisely the same man as he was the day before it, with the same disposition, the same qualities, the same virtues and vices, save only that he has cast aside his physical body; but the loss of that no more makes him in any way a different man than would the removal of an overcoat. So among the dead our student will find men intelligent and stupid, kind-hearted and morose, [41] serious and frivolous, spiritually-minded and sensually-minded, just as among the living.

thái tính cách—vì cái chết, cái mà đối với tầm nhìn hạn hẹp của chúng ta dường như là một sự thay đổi tuyệt đối, thì trong thực tế không làm thay đổi gì ở chính con người đó. Vào ngày sau khi chết, y chính xác là cùng một người như y của ngày trước đó, với cùng tính khí, cùng phẩm tính, cùng đức hạnh và thói hư tật xấu, chỉ trừ việc y đã vứt bỏ thể xác của mình; nhưng việc mất đi cái đó không làm cho y trở thành một con người khác đi chút nào so với việc cởi bỏ một chiếc áo khoác ngoài. Vì vậy, trong số những người chết, đạo sinh của chúng ta sẽ tìm thấy những người thông minh và ngu ngốc, tốt bụng và u sầu, [41] nghiêm túc và phù phiếm, có tinh thần hướng thượng và có tinh thần nhục dục, giống như trong số những người đang sống.

Since he can not only see the dead, but speak with them, he can often be of very great use to them, and give them information and guidance which is of the utmost value to them. Many of them are in a condition of great surprise and perplexity, and sometimes even of acute distress, because they the facts of the next world so unlike the childish legends which are all that popular religion in the West has to offer with reference to this transcendently important subject; and therefore a man who understands this new world and can explain matters is distinctly a friend in need.

Vì y không chỉ có thể nhìn thấy người chết mà còn có thể nói chuyện với họ, y thường có thể giúp ích rất nhiều cho họ, và cung cấp cho họ thông tin và sự hướng dẫn có giá trị nhất đối với họ. Nhiều người trong số họ đang ở trong tình trạng vô cùng ngạc nhiên và bối rối, và đôi khi thậm chí là đau khổ cấp tính, bởi vì họ thấy những sự thật của thế giới tiếp theo quá khác biệt với những truyền thuyết trẻ con vốn là tất cả những gì tôn giáo phổ thông ở phương Tây cung cấp liên quan đến chủ đề quan trọng siêu việt này; và do đó một người hiểu rõ thế giới mới này và có thể giải thích mọi việc rõ ràng là một người bạn lúc hoạn nạn.

In many other ways a man who fully possesses this faculty may be of use to the living as well as to the dead; but this side of the subject I have already written in my little book on Invisible Helpers. In addition to astral entities he will see astral corpses—shades and shells in all stages of decay; but these need only be just mentioned here, as the reader desiring a further account of them will find it in our third (Death—and After?) and fifth (The Astral Plane) manuals.

Theo nhiều cách khác, một người sở hữu đầy đủ năng lực này có thể giúp ích cho người sống cũng như người chết; nhưng về khía cạnh này của chủ đề, tôi đã viết trong cuốn sách nhỏ của mình về Những Người Giúp Việc Vô Hình. Ngoài các thực thể cảm dục, y sẽ thấy các tử thi cảm dục—những bóng ma và vỏ bọc trong mọi giai đoạn phân hủy; nhưng những thứ này chỉ cần được nhắc đến ở đây, vì độc giả mong muốn một bản tường trình sâu hơn về chúng sẽ tìm thấy nó trong các sách hướng dẫn thứ ba (Cái Chết—và Sau Đó?) và thứ năm (Cõi Cảm Dục) của chúng ta.

Another wonderful result which the full enjoyment of astral clairvoyance brings to a man is that he has no longer any break in consciousness. When he lies down at night he leaves his physical body to the rest which it requires, while he goes about his business in the far more comfortable astral vehicle. In the morning he returns to and re-enters his physical body, but without any loss of consciousness or memory between the two states, and thus he is able to live, as it were, a double [42] life which yet is one, and to be usefully employed during the whole of it, instead of losing one-third of his existence in blank unconsciousness.

Một kết quả tuyệt vời khác mà việc tận hưởng đầy đủ thông nhãn cảm dục mang lại cho một người là y không còn bất kỳ sự gián đoạn nào trong tâm thức. Khi y nằm xuống vào ban đêm, y để thể xác của mình nghỉ ngơi như nó yêu cầu, trong khi y đi làm công việc của mình trong vận cụ cảm dục thoải mái hơn nhiều. Vào buổi sáng, y trở lại và nhập lại vào thể xác của mình, nhưng không có bất kỳ sự mất mát tâm thức hay trí nhớ nào giữa hai trạng thái, và do đó y có thể sống, có thể nói, một cuộc đời [42] kép nhưng vẫn là một, và được sử dụng một cách hữu ích trong toàn bộ thời gian đó, thay vì mất một phần ba sự tồn tại của mình trong sự vô thức trống rỗng.

Another strange power of which he may find himself in possession (though its full control belongs rather to the still higher devachanic [mental] faculty) is that of magnifying at will the minutest physical or astral particle to any desired size, as though by a microscope—though no microscope ever made or ever likely to be made possesses even a thousandth part of this psychic magnifying power. By its means the hypothetical molecule and atom postulated by science becomes visible and living realities to the occult student, and on this closer examination he finds them to be much more complex in their structure than the scientific man has yet realized them to be. It also enables him to follow with the closest attention and the most lively interest all kinds of electrical, magnetic, and other etheric action; and when some of the specialists in these branches of science are able to develop the power to see those things whereof they write so facilely, some very wonderful and beautiful revelations may be expected.

Một quyền năng kỳ lạ khác mà y có thể thấy mình sở hữu (mặc dù sự kiểm soát hoàn toàn của nó thuộc về năng lực devachan [trí tuệ] vẫn còn cao hơn) là quyền năng phóng đại theo ý muốn hạt hồng trần hoặc cảm dục nhỏ nhất đến bất kỳ kích thước mong muốn nào, như thể bằng một kính hiển vi—mặc dù không có kính hiển vi nào từng được chế tạo hoặc có khả năng được chế tạo lại sở hữu dù chỉ một phần nghìn quyền năng phóng đại thông linh này. Bằng phương tiện của nó, các phân tử và nguyên tử giả định được khoa học đặt ra trở thành những thực tại hữu hình và sống động đối với đạo sinh huyền môn, và qua sự kiểm tra kỹ lưỡng này, y thấy chúng có cấu trúc phức tạp hơn nhiều so với những gì các nhà khoa học đã nhận ra. Nó cũng cho phép y theo dõi với sự chú ý chặt chẽ nhất và sự quan tâm sống động nhất tất cả các loại hoạt động điện, từ tính và các hoạt động dĩ thái khác; và khi một số chuyên gia trong các ngành khoa học này có thể phát triển quyền năng để nhìn thấy những điều mà họ viết một cách dễ dàng như vậy, một số mặc khải rất tuyệt vời và đẹp đẽ có thể được mong đợi.

This is one of the siddhis or powers described in Oriental books as accruing to the man who devotes himself to spiritual development, though the name under which it is there mentioned might not be

Đây là một trong những *siddhis* hay quyền năng được mô tả trong các cuốn sách phương Đông như là kết quả tích tụ cho người hiến mình cho sự phát triển tinh thần, mặc dù cái tên mà nó được nhắc đến ở đó có thể không

immediately recognizable. It is referred to as "the power of making oneself large or small at will", and the reason of a description which appears so oddly to reverse the fact is that in reality the method by which this feat is [43] performed is precisely that indicate in these ancient books. It is by the use of temporary visual machinery of inconceivable minuteness that the world of the infinitely little is so clearly seen; and in the same way (or rather in the opposite way) it is by temporarily enormously increasing the size of the machinery used that it becomes possible to increase the breadth of one's view—in the physical sense as well as, let us hope, in the moral—far beyond anything that science has ever dreamt of as possible for man. So that the alteration in size is really in the vehicle of the student's consciousness, and not in anything outside of himself; and the old Oriental book has, after all, put the case more accurately than we.

được nhận ra ngay lập tức. Nó được gọi là "quyền năng làm cho mình trở nên lớn hay nhỏ tùy ý", và lý do của một mô tả dường như đảo ngược sự thật một cách kỳ lạ như vậy là vì trong thực tế, phương pháp mà kỳ tích này được [43] thực hiện chính xác là phương pháp được chỉ ra trong những cuốn sách cổ này. Chính bằng cách sử dụng bộ máy thị giác tạm thời có độ nhỏ bé không thể tưởng tượng được mà thế giới của những thứ cực nhỏ được nhìn thấy rõ ràng như vậy; và theo cùng một cách (hay đúng hơn là theo cách ngược lại), chính bằng cách tạm thời gia tăng kích thước của bộ máy được sử dụng một cách khổng lồ mà người ta có thể gia tăng bề rộng tầm nhìn của mình—theo nghĩa vật lý cũng như, chúng ta hãy hy vọng, theo nghĩa đạo đức—vượt xa bất cứ điều gì mà khoa học từng mơ tới là khả thi đối với con người. Vì vậy, sự thay đổi kích thước thực sự nằm ở vận cụ của tâm thức đạo sinh, chứ không phải ở bất cứ thứ gì bên ngoài y; và cuốn sách phương Đông cổ, suy cho cùng, đã trình bày vấn đề chính xác hơn chúng ta.

Psychometry and second-sight in excelsis would also be among the faculties which our friend would find at his command; but those will be more fitly dealt with under a later heading, since in almost all their manifestations they involve clairvoyance either in space or in time.

Thuật trắc tâm và nhị nhãn *ở mức độ cao nhất* cũng nằm trong số các năng lực mà người bạn của chúng ta sẽ thấy mình có thể điều khiển; nhưng những điều đó sẽ được xử lý phù hợp hơn dưới một tiêu đề sau này, vì trong hầu hết các biểu hiện của chúng, chúng liên quan đến thông nhãn trong không gian hoặc thời gian.

I have now indicated, though only in the roughest outlines, what a trained student, possessed of full astral vision, would see in the immensely wider world to which that vision introduced him; but I have said nothing of the stupendous change in his mental attitude which comes from the experiential certainty as to the existence of the soul, its survival after death, the action of the law of karma, and other points of equally paramount importance. The difference between even the profoundest intellectual conviction and the precise knowledge gained by direct personal

Giờ đây tôi đã chỉ ra, dù chỉ bằng những nét phác thảo thô sơ nhất, những gì một đạo sinh đã qua huấn luyện, sở hữu tầm nhìn cảm dục trọn vẹn, sẽ thấy trong thế giới rộng lớn vô ngần mà tầm nhìn đó đưa y vào; nhưng tôi chưa nói gì về sự thay đổi lớn lao trong thái độ trí tuệ của y vốn đến từ sự chắc chắn qua trải nghiệm về sự tồn tại của linh hồn, sự tồn tại của nó sau cái chết, tác động của định luật nghiệp quả, và các điểm khác có tầm quan trọng tương đương. Sự khác biệt giữa ngay cả niềm tin trí tuệ sâu sắc nhất và kiến thức chính xác có được nhờ trải nghiệm cá nhân trực tiếp phải được cảm nhận mới có thể

experience must be felt in order to be appreciated. [44]

thấu hiểu được. [44]

# CHAPTER -3-

# SIMPLE CLAIRVOYANCE: PARTIAL
# THÔNG NHÃN MỘT PHẦN

The experiences of the untrained clairvoyant—and be it remembered that that class includes all European clairvoyants except a very few—will, however, usually fall very far short of what I have attempted to indicate; they will fall short in many different ways—in degree, in variety, or in permanence, and above all in precision.

Tuy nhiên, những trải nghiệm của người thông nhãn chưa qua huấn luyện—và hãy nhớ rằng tầng lớp đó bao gồm tất cả những người thông nhãn châu Âu ngoại trừ một số rất ít—thường sẽ kém xa những gì tôi đã cố gắng chỉ ra; chúng sẽ kém hơn về nhiều mặt khác nhau—về mức độ, về sự đa dạng, hoặc về tính lâu dài, và trên hết là về sự chính xác.

Sometimes, for example, a man's clairvoyance will be permanent, but very partial, extending only perhaps to one or two classes of the phenomena observable; he will find himself endowed with some isolated fragment of higher vision, without apparently possessing other powers of sight which ought normally to accompany that fragment, or even to precede it. For example, one of my dearest friends has all his life had the power to see the atomic ether and atomic astral matter, and to recognize their structure, alike in darkness or in light, as interpenetrating everything else; yet he has only rarely seen entities whose bodies are composed of the much more obvious lower ethers or denser astral matter, and at any rate is certainly not permanently able to see them. He simply finds himself in possession of this special faculty, without any apparent reason to account for it, or any [45] recognizable relation to anything else; and beyond proving to him the existence of these atomic planes and demonstrating their arrangement, it is difficult to see of what particular use it is to him at present. Still, there the thing is, and it is an earnest of greater things to come—of further powers still awaiting development.

Ví dụ, đôi khi thông nhãn của một người sẽ mang tính lâu dài, nhưng chỉ là từng phần, có lẽ chỉ mở rộng đến một hoặc hai loại hiện tượng có thể quan sát được; y sẽ thấy mình được ban tặng một mảnh vụn rời rạc của tầm nhìn cao hơn, mà dường như không sở hữu các năng lực thị giác khác vốn thường phải đi kèm với mảnh vụn đó, hoặc thậm chí là đi trước nó. Ví dụ, một trong những người bạn thân thiết nhất của tôi suốt đời đã có khả năng nhìn thấy dĩ thái nguyên tử và vật chất cảm dục nguyên tử, và nhận ra cấu trúc của chúng, dù trong bóng tối hay ngoài ánh sáng, như là đang xuyên thấu mọi thứ khác; vậy mà y hiếm khi nhìn thấy các thực thể có cơ thể cấu tạo từ các dĩ thái thấp hơn hoặc vật chất cảm dục đậm đặc rõ ràng hơn nhiều, và dù sao đi nữa chắc chắn là không thể nhìn thấy chúng một cách thường xuyên. Y chỉ đơn giản thấy mình sở hữu năng lực đặc biệt này, mà không có bất kỳ lý do rõ ràng nào để giải thích cho nó, hoặc bất kỳ [45] mối liên hệ có thể nhận biết được với bất kỳ điều gì khác; và ngoài việc chứng minh cho y thấy sự tồn tại của các cõi nguyên tử này và minh họa sự sắp xếp của chúng, thật khó để thấy nó có ích lợi cụ thể nào cho y hiện nay. Tuy nhiên, điều đó vẫn tồn tại, và nó là một sự bảo đảm cho những điều lớn lao hơn sẽ đến—về những năng lực xa hơn vẫn đang chờ đợi sự phát triển.

There are many similar cases—similar, I mean, not in the possession of that particular form of sight (which is unique in my experience), but in showing the development of some one small part of the full and clear vision of the astral and etheric planes. In nine cases out of ten, however, such partial clairvoyance will at the same time lack precision also—that it is to say,there will be a good deal of vague impression and inference about it, instead of the clear-cut definition and certainty of the trained man. Examples of this type are constantly to be found, especially among those who advertise themselves as “test and business clairvoyance”.

Có nhiều trường hợp tương tự—tương tự, ý tôi là, không phải ở việc sở hữu hình thức thị giác cụ thể đó (vốn là duy nhất trong kinh nghiệm của tôi), mà ở việc thể hiện sự phát triển của một phần nhỏ nào đó trong tầm nhìn đầy đủ và rõ ràng về các cõi cảm dục và dĩ thái. Tuy nhiên, trong chín trên mười trường hợp, thông nhãn từng phần như vậy đồng thời cũng sẽ thiếu sự chính xác—nghĩa là, sẽ có rất nhiều ấn tượng và suy luận mơ hồ về nó, thay vì sự định nghĩa rõ ràng và chắc chắn của người đã qua huấn luyện. Các ví dụ về loại này thường xuyên được tìm thấy, đặc biệt là trong số những người tự quảng cáo mình là "thông nhãn kiểm chứng và kinh doanh".

Then, again, there are those who are only temporarily clairvoyant under certain special conditions. Among these there are various subdivisions, some being able to reproduce the state of clairvoyance at will by again setting up the same conditions, while with others it comes sporadically, without any observable reference to their surroundings and with yet others the powers shows itself only once or twice in the whole course of their lives.

Sau đó, lại có những người chỉ tạm thời có thông nhãn trong những điều kiện đặc biệt nhất định. Trong số này có nhiều phân nhóm khác nhau, một số có thể tái tạo trạng thái thông nhãn theo ý muốn bằng cách thiết lập lại các điều kiện tương tự, trong khi với những người khác, nó đến một cách lẻ tẻ, không có bất kỳ mối liên hệ quan sát được nào với môi trường xung quanh và với những người khác nữa, năng lực này chỉ thể hiện một hoặc hai lần trong suốt cuộc đời họ.

To the first of these subdivisions belong those who are clairvoyant only when in the mesmeric trance—who when not so entranced are incapable of seeing or [46] hearing anything abnormal. These may sometimes reach great heights of knowledge and be exceedingly precise in their indications, but when that is so they are usually undergoing a course of regular training, though for some reason unable as yet to set themselves free from the leaden weight of earthly lie without assistance.

Thuộc về phân nhóm đầu tiên trong số này là những người chỉ có thông nhãn khi ở trong trạng thái xuất thần thôi miên—những người khi không ở trạng thái xuất thần như vậy thì không có khả năng nhìn thấy hoặc [46] nghe thấy bất cứ điều gì bất thường. Những người này đôi khi có thể đạt đến những đỉnh cao kiến thức và cực kỳ chính xác trong các chỉ dẫn của họ, nhưng khi được như vậy, họ thường đang trải qua một khóa huấn luyện chính quy, mặc dù vì lý do nào đó mà họ vẫn chưa thể tự giải thoát mình khỏi sức nặng chì của đời sống trần gian mà không có sự trợ giúp.

In the same class we may put those—chiefly Orientals—who gain some temporary sight only under the influence of certain drugs, or by means of the performance of certain

Trong cùng nhóm này, chúng ta có thể xếp những người—chủ yếu là người Phương Đông—những người có được tầm nhìn tạm thời nào đó chỉ dưới ảnh hưởng của một số

ceremonies. The ceremonialist sometimes hypnotizes himself by his repetitions, and in that condition becomes to some extent clairvoyant; more often he simply reduces himself to a passive condition in which some other entity can obsess him and speak through him. Sometimes, again, his ceremonies are not intended to affect himself at all, but to invoke some astral entity who will give him the required information; but of course that is a case of magic, and not of clairvoyance. Both the drugs and the ceremonies are methods emphatically to be avoided by any one who wishes to approach clairvoyance from the higher side, and use it for his own progress and for the helping of others. The Central African medicine-man or witch doctor and some of the Tartar Shamans are good examples of the type.

loại thuốc nhất định, hoặc bằng cách thực hiện các nghi lễ nhất định. Nhà nghi lễ đôi khi tự thôi miên mình bằng các câu chú lặp đi lặp lại, và trong tình trạng đó trở nên thông nhãn ở một mức độ nào đó; thường xuyên hơn, y chỉ đơn giản đưa mình vào một trạng thái thụ động mà trong đó một thực thể khác có thể ám y và nói thông qua y. Đôi khi, các nghi lễ của y không nhằm mục đích tác động đến chính y, mà để khẩn cầu một thực thể cảm dục nào đó sẽ cung cấp cho y thông tin cần thiết; nhưng tất nhiên đó là một trường hợp của huyền thuật, chứ không phải thông nhãn. Cả thuốc và nghi lễ đều là những phương pháp dứt khoát phải tránh đối với bất kỳ ai muốn tiếp cận thông nhãn từ phương diện cao hơn, và sử dụng nó cho sự tiến bộ của chính mình và để giúp đỡ người khác. Những thầy phù thủy hoặc thầy thuốc ở Trung Phi và một số pháp sư Shaman người Tartar là những ví dụ điển hình cho loại này.

Those to whom a certain amount of clairvoyant power has come occasionally only, and without any reference to their own wish, have often been hysterical or highly nervous persons, with whom the faculty was to a large [47] extent one of the symptoms of a disease. Its appearance showed that the physical vehicle was weakened to such a degree that it no longer presented any obstacle in the way of a certain modicum of etheric or astral vision. An extreme example of this class is the man who drinks himself into delirium tremens, and in the condition of absolute physical ruin and impure psychic excitation brought about by the ravages of that fell disease, is able to see for the time some of the loathsome elemental and other entities which he has drawn round himself by his long course of degraded and bestial indulgence. There are, however, others cases where the power of sight has appeared and disappeared without apparent reference to the state of the physical health; but it seems

Những người mà một lượng năng lực thông nhãn nhất định thỉnh thoảng mới đến với họ, và không liên quan gì đến ý muốn của chính họ, thường là những người bị kích động hoặc những người có hệ thần kinh nhạy cảm cao độ, mà với họ năng lực này ở một mức độ [47] lớn là một trong những triệu chứng của một căn bệnh. Sự xuất hiện của nó cho thấy vận cụ hồng trần đã bị suy yếu đến mức nó không còn tạo ra bất kỳ trở ngại nào đối với một lượng nhỏ tầm nhìn dĩ thái hoặc cảm dục. Một ví dụ cực đoan của nhóm này là người uống rượu đến mức mê sảng, và trong tình trạng suy sụp hoàn toàn về thể chất và sự kích thích thông linh bất tịnh do sự tàn phá của căn bệnh khủng khiếp đó gây ra, y có thể nhìn thấy trong một thời gian một số tinh linh gớm ghiếc và các thực thể khác mà y đã thu hút xung quanh mình qua quá trình dài sa đọa và nuông chiều thú tính. Tuy nhiên, có những trường hợp khác mà năng lực thị giác xuất hiện và biến mất mà không có mối liên hệ rõ ràng nào với tình trạng sức khỏe hồng trần; nhưng có vẻ như

probable that even in those, if they could have been observed closely enough, some alteration in the condition of the etheric double would have been noticed.

ngay cả trong những trường hợp đó, nếu họ có thể được quan sát đủ kỹ, một sự thay đổi nào đó trong tình trạng của bản sao dĩ thái hẳn đã được nhận thấy.

Those who have only one instance of clairvoyance to report in the whole of heir lives are a difficult band to classify at all exhaustively, because of the great variety of the contributory circumstances. There are many among them to whom the experience has come at some supreme moment of their lives, when it is comprehensible that there might have been a temporary exaltation of faculty which would be sufficient to account for it.

Những người chỉ có một trường hợp thông nhãn duy nhất để báo cáo trong suốt cuộc đời họ là một nhóm khó phân loại một cách thấu đáo, vì sự đa dạng lớn của các hoàn cảnh góp phần. Có nhiều người trong số họ mà trải nghiệm đã đến vào một khoảnh khắc tối thượng nào đó trong đời, khi có thể hiểu được rằng có thể đã có một sự thăng hoa tạm thời của năng lực đủ để giải thích cho điều đó.

In the case of another subdivision of them the solitary case has been the seeing of an apparition most commonly of some friend or relative at the point of death. Two possibilities are then offered for our choice, and in each of them the strong wish of the dying man is the [48] impelling force. That force may have enabled him to materialize himself for a moment, in which case of course no clairvoyance was needed; or more probably it may have acted mesmerically upon the percipient, and momentarily dulled his physical and stimulated his higher sensitiveness. In either case the vision is the product of the emergency and is not repeated simply because the necessary conditions are not repeated.

Trong trường hợp của một phân nhóm khác của họ, trường hợp đơn độc đó là việc nhìn thấy một hiện tượng hiện hình, thường thấy nhất là của một người bạn hoặc người thân vào thời điểm sắp qua đời. Khi đó, có hai khả năng được đưa ra cho chúng ta lựa chọn, và trong mỗi khả năng đó, ý muốn mạnh mẽ của người đang hấp hối là [48] mãnh lực thúc đẩy. Mãnh lực đó có thể đã cho phép y tự hiện hình trong chốc lát, trong trường hợp đó tất nhiên không cần đến thông nhãn; hoặc có khả năng hơn là nó đã tác động một cách thôi miên lên người nhận thức, và làm lu mờ tạm thời sự nhạy cảm hồng trần và kích thích sự nhạy cảm cao hơn của y. Trong cả hai trường hợp, linh ảnh là sản phẩm của tình huống khẩn cấp và không lặp lại đơn giản vì các điều kiện cần thiết không lặp lại.

There remains, however, an irresolvable residuum of cases in which a solitary instance occurs of the exercise of undoubted clairvoyance, while yet the occasion seems to us wholly trivial and unimportant. About these we can only frame hypotheses; the governing conditions are evidently not on the physical plane, and a separate investigation of each case would be necessary before we could speak with any certainty as to its causes. In some such it has appeared that an astral entity was

Tuy nhiên, vẫn còn một phần dư không thể giải quyết được của các trường hợp trong đó một ví dụ đơn độc xảy ra về việc thực hiện thông nhãn không thể nghi ngờ, trong khi dịp đó đối với chúng ta dường như hoàn toàn tầm thường và không quan trọng. Về những điều này, chúng ta chỉ có thể đưa ra các giả thuyết; các điều kiện chi phối rõ ràng không nằm trên cõi hồng trần, và một cuộc điều tra riêng biệt cho từng trường hợp sẽ là cần thiết trước khi chúng ta có thể nói với bất kỳ sự chắc chắn nào về nguyên nhân của nó. Trong

endeavouring to make some communication, and was able to impress only some unimportant detail on its subject —the useful or significant part of what it had to say failing to get through into the subject's consciousness.

một số trường hợp như vậy, có vẻ như một thực thể cảm dục đang cố gắng thực hiện một giao tiếp nào đó, và chỉ có thể gây ấn tượng về một chi tiết không quan trọng nào đó lên đối tượng—phần hữu ích hoặc có thâm nghĩa trong những gì nó phải nói đã không thể lọt vào tâm thức của đối tượng.

In the investigation of the phenomena of clairvoyance all these varied types and many others will be encountered, and a certain number of cases of mere hallucination will be almost sure to appear also, and will have to be carefully weeded out from the list of examples. The student of such a subject needs an inexhaustible fund of patience and steady perseverance, but if he goes on long enough he will begin dimly to discern order behind the chaos, and will gradually get some idea of the [49] great laws under which the whole evolution is working.

Trong việc điều tra các hiện tượng thông nhãn, tất cả các loại đa dạng này và nhiều loại khác sẽ được gặp phải, và một số lượng nhất định các trường hợp chỉ đơn thuần là ảo giác gần như chắc chắn cũng sẽ xuất hiện, và sẽ phải được sàng lọc cẩn thận khỏi danh sách các ví dụ. Đạo sinh nghiên cứu một chủ đề như vậy cần một nguồn kiên nhẫn vô tận và sự kiên trì bền bỉ, nhưng nếu y tiếp tục đủ lâu, y sẽ bắt đầu nhận ra một cách lờ mờ trật tự đằng sau sự hỗn loạn, và sẽ dần dần có được ý niệm nào đó về [49] những định luật vĩ đại mà dưới đó toàn bộ sự tiến hóa đang hoạt động.

It will help him greatly in his efforts if he will adopt the order which we have just followed —that is, if he will first take the trouble to familiarize himself as thoroughly as may be with the actual facts concerning the planes with which ordinary clairvoyance deals. If he will learn what there really is to be seen with astral and etheric sight, and what their respective limitations are, he will then have, as it were, a standard by which to measure the cases which he observes. Since all instances of partial sight must of necessity fit into some niche in this whole, if he has the outline of the entire scheme in his head he will find it comparatively easy with a little practice to classify the instances with which he is called upon to deal.

Sẽ giúp ích cho y rất nhiều trong những nỗ lực của mình nếu y áp dụng trật tự mà chúng ta vừa tuân theo—nghĩa là, nếu trước tiên y chịu khó làm quen kỹ lưỡng nhất có thể với các sự thật thực tế liên quan đến các cõi giới mà thông nhãn thông thường đề cập đến. Nếu y học được những gì thực sự có thể thấy được bằng tầm nhìn cảm dục và dĩ thái, và những hạn chế tương ứng của chúng là gì, thì khi đó y sẽ có, có thể nói như vậy, một tiêu chuẩn để đo lường các trường hợp mà y quan sát được. Vì tất cả các trường hợp về tầm nhìn từng phần nhất thiết phải khớp vào một vị trí nào đó trong toàn bộ sơ đồ này, nếu y có phác thảo của toàn bộ hệ thống trong đầu, y sẽ thấy tương đối dễ dàng với một chút thực hành để phân loại các trường hợp mà y được yêu cầu xử lý.

We have said nothing as yet as to the still more wonderful possibilities of clairvoyance upon the mental plane, nor indeed is it necessary that much should be said, as it is exceedingly improbable that the investigator will ever meet with any

Cho đến nay chúng ta vẫn chưa nói gì về những khả năng tuyệt vời hơn nữa của thông nhãn trên cõi trí, và thực tế cũng không cần phải nói nhiều, vì cực kỳ khó có khả năng nhà điều tra sẽ gặp bất kỳ ví dụ nào về nó ngoại trừ trong số những môn sinh được

examples of it except among pupils properly trained on some of the very highest schools of Occultism. For them it opens up yet another new world, vaster far than all those beneath it- a world in which all that we can imagine of utmost glory and splendour is the commonplace of existence. Some account of its marvelous faculty, its ineffable bliss, its magnificent opportunities for learning and for work, is given in the sixth [The Devachanic Plane] of our Theosophical manuals, and to that the student may be referred. [50]

huấn luyện bài bản tại một số trường Huyền bí học cao nhất. Đối với họ, nó mở ra một thế giới mới khác, rộng lớn hơn nhiều so với tất cả những thế giới bên dưới nó—một thế giới mà tất cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng về vinh quang và huy hoàng tột bậc đều là những điều bình thường của sự tồn tại. Một số mô tả về năng lực kỳ diệu của nó, niềm chân phúc không thể diễn tả bằng lời, những cơ hội tuyệt vời để học hỏi và làm việc, được đưa ra trong cuốn thứ sáu [Cõi Devachan] của các sách hướng dẫn Thông Thiên Học của chúng tôi, và đạo sinh có thể tham khảo cuốn đó. [50]

All that it has to give—all of it at least that he can assimilate—is within the reach of the trained pupil, but for the untrained clairvoyant to touch it is hardly more than a bare possibility. It has been done in mesmeric trance, but the occurrence is of exceeding rarity, for it needs almost superhuman qualifications in the way of lofty spiritual aspiration and absolute purity of thought and intention upon the part both of the subject and the operator.

Tất cả những gì nó mang lại—ít nhất là tất cả những gì y có thể đồng hóa—đều nằm trong tầm tay của môn sinh đã qua huấn luyện, nhưng đối với người thông nhãn chưa qua huấn luyện thì việc chạm tới nó hầu như không hơn gì một khả năng mong manh. Điều đó đã được thực hiện trong trạng thái xuất thần thôi miên, nhưng sự việc xảy ra cực kỳ hiếm hoi, vì nó cần những phẩm chất gần như siêu phàm về khát vọng tinh thần cao cả và sự thuần khiết tuyệt đối của tư tưởng và ý định từ phía cả đối tượng và người vận hành.

To a type of clairvoyance such as this, and still more fully to that which belongs to the plane next above it, the name of spiritual sight may reasonably be applied; and since the celestial world to which it opens our eyes lies all round us here and now, it is fit that our passing reference to it should be made under the heading of simple clairvoyance, thought it may be necessary to allude to it again when dealing with clairvoyance in space, to which we will now pass on. [51]

Đối với một loại thông nhãn như thế này, và thậm chí trọn vẹn hơn đối với loại thuộc về cõi ngay phía trên nó, cái tên linh thị có thể được áp dụng một cách hợp lý; và vì thế giới thiên thượng mà nó mở ra trước mắt chúng ta nằm xung quanh chúng ta ngay tại đây và ngay bây giờ, nên việc chúng ta đề cập thoáng qua đến nó dưới tiêu đề thông nhãn đơn giản là phù hợp, mặc dù có thể cần phải nhắc lại nó khi đề cập đến thông nhãn trong không gian, mà chúng ta sẽ chuyển sang ngay bây giờ. [51]

# CHAPTER -4-

# CLAIRVOYANCE IN SPACE: INTENTIONAL
# THÔNG NHÃN TRONG KHÔNG GIAN: CÓ CHỦ Ý

We have defined this as the capacity to see events or scenes removed from the seer in space and too far distant for ordinary observation. The instances of this are so numerous and so various that we shall find it desirable to attempt a somewhat more detailed classification of them. It does not much matter what particular arrangement we adopt, so long as it is comprehensive enough to include all our cases; perhaps a convenient one will be to group them under the broad divisions of intentional and unintentional clairvoyance in space, with an intermediate class that might be described as semi-intentional—a curious title, but I will explain it later.

Chúng ta đã định nghĩa điều này là khả năng nhìn thấy các sự kiện hoặc cảnh tượng cách xa người thông nhãn trong không gian và quá xa để quan sát thông thường. Các trường hợp về điều này rất nhiều và đa dạng đến mức chúng ta sẽ thấy mong muốn cố gắng phân loại chúng chi tiết hơn một chút. Không quan trọng lắm việc chúng ta áp dụng cách sắp xếp cụ thể nào, miễn là nó đủ bao quát để bao gồm tất cả các trường hợp của chúng ta; có lẽ một cách thuận tiện sẽ là nhóm chúng dưới các phân chia rộng lớn là thông nhãn hữu ý và vô ý trong không gian, với một lớp trung gian có thể được mô tả là bán hữu ý—một cái tên kỳ lạ, nhưng tôi sẽ giải thích nó sau.

As before, I will begin by stating what is possible along this line for the fully-trained seer, and endeavouring to explain how his faculty works and under what limitations it acts. After that we shall find ourselves in a better position to try to understand the manifold examples of partial and untrained sight. Let us then in the first place discuss intentional clairvoyance.

Như trước đây, tôi sẽ bắt đầu bằng cách trình bày những gì có thể thực hiện được theo dòng này đối với nhà thông nhãn đã qua huấn luyện đầy đủ, và cố gắng giải thích năng lực của y hoạt động như thế nào và dưới những hạn chế nào nó tác động. Sau đó, chúng ta sẽ thấy mình ở một vị trí tốt hơn để cố gắng hiểu các ví dụ đa dạng về tầm nhìn từng phần và chưa qua huấn luyện. Vậy thì trước hết chúng ta hãy thảo luận về thông nhãn hữu ý.

It will be obvious from what has previously been [51] said as to the power of astral vision that any one possessing it in its fulness will be able to see by its means practically anything in this world that he wishes to see. The most secret places are open to his gaze, and intervening obstacles have no existence for him, because of the change in his point of view; so that if we grant him the power of moving about in the astral body he can without difficulty go anywhere and see anything within the limits of the planet.

Sẽ rõ ràng từ những gì đã được [51] nói trước đây về quyền năng của tầm nhìn cảm dục rằng bất kỳ ai sở hữu nó một cách trọn vẹn sẽ có thể nhìn thấy bằng phương tiện đó thực tế bất cứ điều gì trong thế giới này mà y muốn thấy. Những nơi bí mật nhất đều mở ra trước cái nhìn của y, và các chướng ngại vật ngăn cách không tồn tại đối với y, vì sự thay đổi trong điểm nhìn của y; do đó, nếu chúng ta ban cho y quyền năng di chuyển trong thể cảm dục, y có thể không chút khó khăn đi đến bất cứ đâu và nhìn thấy bất cứ điều gì

Indeed this is to a large extent possible to him even without the necessity of moving the astral body at all, as we shall presently see.

trong giới hạn của hành tinh. Thật vậy, điều này ở một mức độ lớn là có thể đối với y ngay cả khi không cần phải di chuyển thể cảm dục chút nào, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây.

Let us consider a little more closely the methods by which this super-physical sight may be used to observe events taking place at a distance. When, for example, a man here in England sees in minutest detail something which is happening at the same moment in India or America, how is it done?

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn một chút các phương pháp mà tầm nhìn siêu hồng trần này có thể được sử dụng để quan sát các sự kiện đang diễn ra ở xa. Ví dụ, khi một người ở đây tại Anh nhìn thấy chi tiết tỉ mỉ một điều gì đó đang xảy ra cùng lúc ở Ấn Độ hoặc Mỹ, điều đó được thực hiện như thế nào?

A very ingenious hypothesis has been offered to account for the phenomenon. It has been suggested that every object is perpetually throwing off radiations in all directions, similar in some respects to, though infinitely finer than, rays of light, and that clairvoyance is nothing but the power to see by means of these finer radiations. Distance would in that case no bar to the sight, all intervening objects would be penetrable by these rays, and they would be able to cross one another to infinity in all directions without entanglement, precisely as the vibrations of ordinary light do.

Một giả thuyết rất khéo léo đã được đưa ra để giải thích hiện tượng này. Người ta gợi ý rằng mọi vật thể đều không ngừng phát ra các bức xạ theo mọi hướng, tương tự về một số mặt, mặc dù tinh vi hơn vô hạn so với các tia sáng, và thông nhãn không là gì khác ngoài năng lực nhìn thấy bằng phương tiện của các bức xạ tinh vi này. Trong trường hợp đó, khoảng cách sẽ không phải là rào cản đối với tầm nhìn, tất cả các vật thể ngăn cách sẽ có thể bị xuyên thấu bởi các tia này, và chúng sẽ có thể cắt nhau đến vô tận theo mọi hướng mà không bị rối rắm, chính xác như các rung động của ánh sáng thông thường.

Now though this is not exactly the way in which [53] clairvoyance works, the theory is nevertheless quite true in most of its premises. Every object undoubtedly is throwing off radiations in all directions, and it is precisely in this way, though on a higher plane, that the âkâshic records seem to be formed. Of them it will be necessary to say something under our next heading, so we will do no more than mention them for the moment. The phenomena of psychometry are also dependent upon these radiations, as will presently be explained.

Bây giờ, mặc dù đây không chính xác là cách mà [53] thông nhãn hoạt động, nhưng lý thuyết này dù sao cũng khá đúng trong hầu hết các tiền đề của nó. Mọi vật thể chắc chắn đang phát ra các bức xạ theo mọi hướng, và chính theo cách này, mặc dù ở một cõi cao hơn, mà các hồ sơ akasha dường như được hình thành. Về chúng, sẽ cần phải nói điều gì đó dưới tiêu đề tiếp theo của chúng ta, vì vậy chúng ta sẽ không làm gì hơn ngoài việc đề cập đến chúng vào lúc này. Các hiện tượng của thuật trắc tâm cũng phụ thuộc vào các bức xạ này, như sẽ được giải thích ngay sau đây.

There are however, certain practical difficulties in the way of using these etheric vibrations (for that is, of course, what they are) as the medium by means of which one

Tuy nhiên, có một số khó khăn thực tế nhất định trong việc sử dụng các rung động dĩ thái này (vì tất nhiên đó là bản chất của chúng) làm phương tiện để người ta có thể nhìn thấy

may see anything taking place at a distance. Intervening objects are not entirely transparent, and as the actors in the scene which the experimenter tried to observe would probably be at least equally transparent, it is obvious that serious confusion would be quite likely to result.

bất cứ điều gì đang diễn ra ở xa. Các vật thể ngăn cách không hoàn toàn trong suốt, và vì các diễn viên trong cảnh tượng mà người thực nghiệm cố gắng quan sát có lẽ cũng sẽ trong suốt ít nhất là tương đương, nên rõ ràng là sự nhầm lẫn nghiêm trọng rất có thể sẽ xảy ra.

The additional dimension which would come into play if astral radiations were sensed instead of etheric would obviate some of the difficulties, but would on the the other hand introduce some fresh complications of its own; so that for practical purposes, in endeavouring to understand clairvoyance, we may dismiss this hypothesis of radiations from our minds, and turn to the methods of seeing at a distance which are actually at the disposal of the student. It will be found that there are five, four of them being really varieties of clairvoyance, while the fifth does not properly come under that head [54] at all, but belongs to the domain of magic. Let us take this last one first, and get it out of our way.

Chiều bổ sung vốn sẽ phát huy tác dụng nếu các bức xạ cảm dục được cảm nhận thay vì dĩ thái sẽ loại bỏ một số khó khăn, nhưng mặt khác lại đưa vào một số biến chứng mới của riêng nó; do đó, vì các mục đích thực tế, trong việc cố gắng hiểu về thông nhãn, chúng ta có thể gạt bỏ giả thuyết về các bức xạ này khỏi tâm trí mình, và chuyển sang các phương pháp nhìn từ xa vốn thực sự nằm trong tầm tay của đạo sinh. Người ta sẽ thấy rằng có năm phương pháp, bốn trong số đó thực sự là các loại thông nhãn, trong khi phương pháp thứ năm không thực sự thuộc về tiêu đề đó [54] chút nào, mà thuộc về lĩnh vực huyền thuật. Chúng ta hãy xem xét phương pháp cuối cùng này trước, và giải quyết nó xong.

1- By the assistance of a nature-spirit. This method does not necessarily involve the possession of any psychic faculty at all on the part of the experimenter; he need only know how to induce some denizen of the astral world to undertake the investigation for him. This may be done either by invocation or by evocation: that is to say, the operator may either persuade his astral coadjutor by prayers and offerings to give him the help he desires, or he may compel his aid by the determined exercise of a highly-developed will.

1- *Bằng sự trợ giúp của một tinh linh tự nhiên.* Phương pháp này không nhất thiết đòi hỏi việc sở hữu bất kỳ năng lực thông linh nào từ phía người thực nghiệm; y chỉ cần biết cách xui khiến một cư dân nào đó của thế giới cảm dục đảm nhận việc điều tra cho mình. Điều này có thể được thực hiện bằng cách khẩn cầu hoặc gợi lên: nghĩa là, người vận hành có thể thuyết phục người cộng tác cảm dục của mình bằng những lời cầu nguyện và lễ vật để cung cấp cho y sự giúp đỡ mà y mong muốn, hoặc y có thể cưỡng ép sự giúp đỡ của nó bằng việc thực hiện kiên quyết một ý chí đã phát triển cao độ.

This method has been largely practiced in the East (where the entity employed is usually a nature-spirit) and in old Atlantis, where “the lords of the dark face” used a highly-specialized and peculiarly venomous variety of artificial elemental for this

Phương pháp này đã được thực hành rộng rãi ở Phương Đông (nơi thực thể được sử dụng thường là một tinh linh tự nhiên) và ở Atlantis cổ xưa, nơi "các chúa tể của bộ mặt tối tăm" đã sử dụng một loại tinh linh hành khí nhân tạo cực kỳ chuyên biệt và đặc biệt

purpose. Information is sometimes obtained in the same sort of way at the spiritualistic séance of modern days, but in that case the messenger employed is more likely to be a recently-deceased human being functioning more or less freely on the astral plane-though even here also it is sometimes an obliging nature-spirit, who is amusing himself by posing as somebody's departed relative. In any case, as I have said, this method is not clairvoyant at all, but magical; and it is mentioned here only in order that the reader may not become confused in the endeavour to classify cases of its use under some of the following headings.

độc hại cho mục đích này. Thông tin đôi khi có được theo cùng một cách thức tại các buổi gọi hồn của những ngày hiện đại, nhưng trong trường hợp đó, người đưa tin được sử dụng có nhiều khả năng là một con người mới qua đời đang hoạt động ít nhiều tự do trên cõi cảm dục—mặc dù ngay cả ở đây đôi khi cũng là một tinh linh tự nhiên hay giúp đỡ, kẻ đang tự giải trí bằng cách đóng giả làm người thân đã khuất của ai đó. Trong bất kỳ trường hợp nào, như tôi đã nói, phương pháp này hoàn toàn không phải là thông nhãn, mà là huyền thuật; và nó được đề cập ở đây chỉ để người đọc không bị nhầm lẫn trong nỗ lực phân loại các trường hợp sử dụng nó dưới một số tiêu đề sau đây.

2- By means of an astral current. This is a phrase [55] frequently and rather loosely employed in some of our Theosophical literature to cover a considerable variety of phenomena, and among others that which I wish to explain. What is really done by the student who adopts this method is not so much the setting in motion of a current in astral matter as the erection of a kind of temporary telephone through it.

2- *Bằng phương tiện của một dòng cảm dục*. Đây là một cụm từ [55] thường xuyên và khá lỏng lẻo được sử dụng trong một số tài liệu Thông Thiên Học của chúng tôi để bao hàm một lượng đáng kể các hiện tượng, và trong số đó có hiện tượng mà tôi muốn giải thích. Những gì thực sự được thực hiện bởi đạo sinh áp dụng phương pháp này không hẳn là việc làm chuyển động một dòng chảy trong vật chất cảm dục mà là việc xây dựng một loại điện thoại tạm thời thông qua nó.

It is impossible here to give an exhaustive disquisition on astral physics, even had I the requisite knowledge to write it; all I need say is that it is possible to make in astral matter a definite connecting-line that shall act as a telegraph-wire to convey vibrations by means of which all that is going on at the other end of it may be seen. Such a line is established, be it understood, not by a direct projection through space of astral matter, but by such action upon a line (or rather many lines) of particles of that matter as will render them capable of forming a conductor for vibrations of the character required.

Ở đây không thể đưa ra một bài luận thấu đáo về vật lý cảm dục, ngay cả khi tôi có kiến thức cần thiết để viết nó; tất cả những gì tôi cần nói là có thể tạo ra trong vật chất cảm dục một đường dây kết nối xác định sẽ hoạt động như một dây điện tín để truyền các rung động mà nhờ đó tất cả những gì đang diễn ra ở đầu kia của nó đều có thể được nhìn thấy. Một đường dây như vậy được thiết lập, cần hiểu rằng, không phải bằng sự phóng chiếu trực tiếp qua không gian của vật chất cảm dục, mà bằng hành động như vậy lên một đường dây (hoặc đúng hơn là nhiều đường dây) các hạt của vật chất đó để khiến chúng có khả năng tạo thành một vật dẫn cho các rung động có tính chất yêu cầu.

This preliminary action can be set up in two ways—either by the transmission of energy

Hành động sơ bộ này có thể được thiết lập theo hai cách—hoặc bằng việc truyền năng

from particle to particle until the line is formed, or by the use of a force from a higher plane which is capable of acting upon the whole line simultaneously. Of course this latter method implies far greater development, since it involves the knowledge of (and the power to use) forces of a considerably higher level; so that the man who could make his line in this way would not, for his own use, need a line at all, since he could see far more easily and completely by means of an altogether higher faculty. [56]

lượng từ hạt này sang hạt khác cho đến khi đường dây được hình thành, hoặc bằng việc sử dụng một lực từ một cõi cao hơn có khả năng tác động lên toàn bộ đường dây đồng thời. Tất nhiên phương pháp sau này hàm ý sự phát triển lớn hơn nhiều, vì nó liên quan đến kiến thức về (và quyền năng sử dụng) các lực của một cấp độ cao hơn đáng kể; do đó, người có thể tạo ra đường dây của mình theo cách này sẽ không cần đến một đường dây nào cho mục đích sử dụng của riêng mình, vì y có thể nhìn thấy dễ dàng và trọn vẹn hơn nhiều bằng phương tiện của một năng lực hoàn toàn cao hơn. [56]

Even the simpler and purely astral operation is a difficult one to describe, though quite an easy one to perform. It may be said to partake somewhat of the nature of the magnetization of a bar of steel; for it consists in what we might call the polarization, by an effort of the human will, of a number of parallel lines of astral atoms reaching from the operator to the scene which he wishes to observe. All the atoms thus affected are held for the time with their axes rigidly parallel to one another, so that they form a kind of temporary tube along which the clairvoyant may look. This method has the disadvantage that the telegraph line is liable to disarrangement or even destruction by any sufficiently strong astral current which happens to cross its path; but if the original effort of will were fairly definite, this would be a contingency of only infrequent occurrence.

Ngay cả thao tác cảm dục đơn giản và thuần túy cũng là một thao tác khó mô tả, mặc dù khá dễ thực hiện. Có thể nói nó mang phần nào bản chất của việc từ hóa một thanh thép; vì nó bao gồm những gì chúng ta có thể gọi là sự phân cực, bằng một nỗ lực của ý chí con người, của một số đường dây song song gồm các nguyên tử cảm dục kéo dài từ người vận hành đến cảnh tượng mà y muốn quan sát. Tất cả các nguyên tử bị tác động như vậy được giữ trong thời gian đó với các trục của chúng song song cứng nhắc với nhau, sao cho chúng tạo thành một loại ống tạm thời mà người thông nhãn có thể nhìn qua. Phương pháp này có nhược điểm là đường dây điện tín dễ bị xáo trộn hoặc thậm chí bị phá hủy bởi bất kỳ dòng cảm dục nào đủ mạnh tình cờ cắt ngang đường đi của nó; nhưng nếu nỗ lực ban đầu của ý chí khá xác định, đây sẽ là một tình huống ít khi xảy ra.

The view of a distant scene obtained by means of this “astral current” is in many ways not unlike that seen through a telescope. Human figures usually appear very small, like those on a distance stage, but in spite of their diminutive size they are as clear as though they were close by. Sometimes it is possible by this means to hear what is said as well as to see what is done; but as in the majority of cases this does not happen, we must consider it rather as

Cái nhìn về một cảnh tượng xa xôi có được bằng phương tiện của "dòng cảm dục" này về nhiều mặt không khác gì cái nhìn qua một kính viễn vọng. Các hình dáng con người thường xuất hiện rất nhỏ, giống như những hình dáng trên một sân khấu ở xa, nhưng bất chấp kích thước nhỏ bé của chúng, chúng vẫn rõ ràng như thể chúng đang ở gần bên. Đôi khi có thể bằng phương tiện này nghe thấy những gì được nói cũng như thấy những gì được làm; nhưng vì trong đa số các

the manifestation of an additional power than as a necessary corollary of the faculty of sight.

trường hợp điều này không xảy ra, chúng ta phải coi nó là biểu hiện của một năng lực bổ sung hơn là một hệ quả tất yếu của năng lực thị giác.

It will be observed that in this case the seer does not usually leave his physical body at all; there is no sort [57] of projection of his astral vehicle or of any part of himself towards that at which he is looking, but he simply manufactures for himself a temporary astral telescope. Consequently he has, to a certain extent, the use of his physical powers even while he is examining the distant scene; for example, his voice would usually still be under his control, so that he could describe what he saw even while he was in the act of making his observations. The consciousness of the man is, in fact, distinctly still at this end of the line.

Cần lưu ý rằng trong trường hợp này, người thông nhãn thường không rời bỏ cơ thể hồng trần của mình chút nào; không có bất kỳ [57] sự phóng chiếu nào của vận cụ cảm dục của y hoặc của bất kỳ phần nào của chính y về phía cái mà y đang nhìn, mà y đơn giản là chế tạo cho mình một kính viễn vọng cảm dục tạm thời. Do đó, y có được, ở một mức độ nhất định, việc sử dụng các năng lực hồng trần của mình ngay cả khi y đang kiểm tra cảnh tượng ở xa; ví dụ, giọng nói của y thường vẫn nằm dưới sự kiểm soát của y, sao cho y có thể mô tả những gì y thấy ngay cả khi y đang thực hiện các quan sát của mình. Tâm thức của con người, trên thực tế, rõ ràng vẫn ở đầu này của đường dây.

This fact, however, has its limitations as well as its advantages, and these again largely resemble the limitations of the man using a telescope on the physical plane. The experimenter, for example, has no power to shift this point of view; his telescope, so to speak, has a particular field of view which cannot be enlarged or altered; he is looking at his scene from a certain direction, and he cannot suddenly turn it all round and see how it looks from the other side. If he has sufficient psychic energy to spare, he may drop altogether the telescope that he is using and manufacture an entirely new one for himself which will approach his objective somewhat differently; but this is not a course at all likely to be adopted in practice.

Tuy nhiên, sự thật này có những hạn chế cũng như những lợi thế của nó, và những điều này một lần nữa phần lớn giống với những hạn chế của người sử dụng kính viễn vọng trên cõi hồng trần. Ví dụ, người thực nghiệm không có quyền năng để thay đổi điểm nhìn này; kính viễn vọng của y, có thể nói như vậy, có một trường nhìn cụ thể không thể mở rộng hoặc thay đổi; y đang nhìn vào cảnh tượng của mình từ một hướng nhất định, và y không thể đột ngột xoay ngược tất cả lại và xem nó trông như thế nào từ phía bên kia. Nếu y có đủ năng lượng thông linh dư thừa, y có thể từ bỏ hoàn toàn kính viễn vọng mà y đang sử dụng và chế tạo một cái hoàn toàn mới cho mình để tiếp cận mục tiêu của mình theo một cách hơi khác; nhưng đây không phải là một hướng đi có khả năng được áp dụng trong thực tế.

But, it may be said, the mere fact that he is using astral sight ought to enable him to see it from all sides at once. So it would if he were using that sight in the normal way upon an object which was fairly near him—within his astral reach, as it were; but at a

Nhưng, có thể nói, chỉ riêng việc y đang sử dụng tầm nhìn cảm dục hẳn đã cho phép y nhìn thấy nó từ mọi phía cùng một lúc. Đúng là như vậy nếu y đang sử dụng tầm nhìn đó theo cách bình thường đối với một vật thể khá gần y—trong tầm với cảm dục của y, có

distance of hundreds or thousands of miles the case is very different. [58] Astral sight gives us the advantage of an additional dimension,but there is still such a thing as position in that dimension, and it is naturally a potent factor in limiting the use of the powers of its plane. Our ordinary three-dimensional sight enables us to see at once every point of the interior of a two-dimensional figure, such as a square, but in order to do that the square must be within a reasonable distance from our eyes; the mere additional dimension will avail a man in London but little in his endeavour to examine a square in Calcutta.

thể nói như vậy; nhưng ở khoảng cách hàng trăm hoặc hàng nghìn dặm, trường hợp này rất khác. [58] Tầm nhìn cảm dục cho chúng ta lợi thế của một chiều bổ sung, nhưng vẫn có một thứ gọi là vị trí trong chiều đó, và nó tự nhiên là một yếu tố mạnh mẽ trong việc hạn chế việc sử dụng các quyền năng của cõi giới đó. Tầm nhìn ba chiều thông thường của chúng ta cho phép chúng ta nhìn thấy ngay lập tức mọi điểm bên trong của một hình hai chiều, chẳng hạn như một hình vuông, nhưng để làm được điều đó, hình vuông phải ở trong một khoảng cách hợp lý so với mắt chúng ta; chỉ riêng chiều bổ sung sẽ giúp ích rất ít cho một người ở London trong nỗ lực kiểm tra một hình vuông ở Calcutta.

Astral sight, when it is cramped by being directed along what is practically a tube, is limited very much as physical sight would be under similar circumstances; though if possessed in perfection it will still continue to show, even at that distance, the auras, and therefore all the emotions and most of the thoughts of the people under observation.

Tầm nhìn cảm dục, khi nó bị gò bó do được hướng dọc theo những gì thực tế là một cái ống, bị hạn chế rất nhiều giống như tầm nhìn hồng trần trong những hoàn cảnh tương tự; mặc dù nếu được sở hữu một cách hoàn hảo, nó vẫn sẽ tiếp tục hiển thị, ngay cả ở khoảng cách đó, các hào quang, và do đó là tất cả các cảm xúc và hầu hết các tư tưởng của những người đang được quan sát.

There are many people for whom this type of clairvoyance is very much facilitated if they have at hand some physical object which can be used as a starting-point for their astral tube—a convenient focus for their will-power. A ball of crystal is the commonest and most effectual of such foci, since it has the additional advantage of possessing within itself qualities which stimulate psychic faculty; but other objects are also employed, to which we shall find it necessary to refer more particularly when we come to consider semi-intentional clairvoyance.

Có nhiều người mà loại thông nhãn này được tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều nếu họ có sẵn một vật thể hồng trần nào đó có thể được sử dụng làm điểm bắt đầu cho ống cảm dục của họ—một tiêu điểm thuận tiện cho ý chí lực của họ. Một quả cầu pha lê là tiêu điểm phổ biến nhất và hiệu quả nhất trong số đó, vì nó có thêm lợi thế là sở hữu bên trong mình những phẩm tính kích thích năng lực thông linh; nhưng các vật thể khác cũng được sử dụng, mà chúng ta sẽ thấy cần phải đề cập cụ thể hơn khi chúng ta xem xét thông nhãn bán hữu ý.

In connection with this astral-current form of clairvoyance, as with others, we find that there are some [59] psychics who are unable to use it except when under the influence of mesmerism. The peculiarity in this case is

Liên quan đến hình thức thông nhãn dòng cảm dục này, cũng như với những hình thức khác, chúng ta thấy rằng có một số [59] người thông linh không thể sử dụng nó trừ khi dưới ảnh hưởng của thôi miên. Điểm đặc

that among such psychics there are two varieties—one in which by being thus set free the man is enabled to make a telescope for himself, and another in which the magnetizer himself makes the telescope and the subject is simply enabled to see through it. In this latter case obviously the subject has not enough will to form a tube for himself, and the operator, though possessed of the necessary will-power, is not clairvoyant, or he could see through his own tube without needing help.

biệt trong trường hợp này là trong số những người thông linh như vậy có hai loại—một loại mà bằng cách được giải phóng như vậy, con người đó có thể tự tạo ra một kính viễn vọng cho chính mình, và một loại khác mà chính người thôi miên tạo ra kính viễn vọng và đối tượng chỉ đơn giản là có thể nhìn qua nó. Trong trường hợp sau này, rõ ràng là đối tượng không có đủ ý chí để tự tạo thành một cái ống cho mình, và người vận hành, mặc dù sở hữu ý chí lực cần thiết, lại không có thông nhãn, nếu không y đã có thể nhìn qua cái ống của chính mình mà không cần trợ giúp.

Occasionally, though rarely, the tube which is formed possesses another of the attributes of a telescope—that of magnifying the objects at which it is directed until they seem of life-size. Of course the objects must always be magnified to some extent, or they would be absolutely invisible, but usually the extent is determined by the size of the astral tube and the whole thing is simply a tiny moving picture. In the few cases where the figures are seen as a life-size by this method, it is probable that an altogether new power is beginning to dawn; but when this happens, careful observation is needed in order to distinguish them from examples of our next class.

Đôi khi, mặc dù hiếm khi, cái ống được hình thành sở hữu một thuộc tính khác của kính viễn vọng—đó là phóng đại các vật thể mà nó hướng tới cho đến khi chúng có vẻ như kích thước thật. Tất nhiên các vật thể luôn phải được phóng đại ở một mức độ nào đó, nếu không chúng sẽ hoàn toàn không thể nhìn thấy được, nhưng thông thường mức độ được xác định bởi kích thước của ống cảm dục và toàn bộ sự việc chỉ đơn giản là một bức tranh chuyển động nhỏ xíu. Trong một số ít trường hợp mà các hình dáng được nhìn thấy với kích thước thật bằng phương pháp này, có khả năng là một năng lực hoàn toàn mới đang bắt đầu ló dạng; nhưng khi điều này xảy ra, cần có sự quan sát cẩn thận để phân biệt chúng với các ví dụ thuộc nhóm tiếp theo của chúng ta.

3- By the projection of a thought-form. The ability to use this method of clairvoyance implies a development somewhat more advanced than the last, since it necessitates a certain amount of control upon the mental plane. All students of Theosophy are aware that [60] thought takes form, at any rate upon its own plane, and in the vast majority of cases upon the astral plane also; but it may not be quite so generally known that if a man thinks strongly of himself as present at any given place, the form assumed by that particular thought will be a likeness of the thinker himself, which will appear at the place in question.

3- *Bằng sự phóng chiếu một hình tư tưởng.* Khả năng sử dụng phương pháp thông nhãn này hàm ý một sự phát triển tiến bộ hơn một chút so với phương pháp trước, vì nó đòi hỏi một lượng kiểm soát nhất định trên cõi trí. Tất cả các đạo sinh Thông Thiên Học đều biết rằng [60] tư tưởng tạo thành hình tướng, ít nhất là trên cõi của chính nó, và trong đại đa số các trường hợp là trên cõi cảm dục nữa; nhưng có thể không được biết đến rộng rãi rằng nếu một người nghĩ mạnh mẽ về chính mình như đang hiện diện tại bất kỳ địa điểm nhất định nào, thì hình tướng được tạo ra bởi tư tưởng cụ thể đó sẽ là một hình ảnh giống hệt bản thân người suy nghĩ, vốn sẽ xuất

hiện tại địa điểm đang được nói đến.

Essentially this form must be composed of the matter of the mental plane, but in very many cases it would draw round itself matter of the astral plane also, and so would approach much nearer to visibility. There are, in fact, many instances in which it has been seen by the person thought of—most probably by means of the unconscious mesmeric influence emanating from the original thinker. None of the consciousness of the thinker would, however, be included within this thought-form. When once sent out from him, it would normally be a quite separate entity—not indeed absolutely unconnected with its maker, but practically so as far as the possibility of receiving any impression through it is concerned.

Về cơ bản, hình tướng này phải được cấu tạo từ vật chất của cõi trí, nhưng trong rất nhiều trường hợp, nó cũng sẽ thu hút xung quanh mình vật chất của cõi cảm dục, và do đó sẽ tiến gần hơn nhiều đến việc có thể nhìn thấy được. Trên thực tế, có nhiều trường hợp mà nó đã được nhìn thấy bởi người được nghĩ đến—rất có thể là nhờ ảnh hưởng thôi miên vô thức phát ra từ người suy nghĩ ban đầu. Tuy nhiên, không có phần nào trong tâm thức của người suy nghĩ được bao hàm bên trong hình tư tưởng này. Một khi được gửi đi từ y, nó thường sẽ là một thực thể hoàn toàn tách biệt—thực tế không phải là hoàn toàn không kết nối với người tạo ra nó, nhưng thực tế là như vậy xét về khả năng nhận được bất kỳ ấn tượng nào thông qua nó.

This third type of clairvoyance consists, then, in the power to retain so much connection with and so much hold over a newly-erected thought-form as will render it possible to receive impressions by means of it. Such impressions as were made upon the form would in this case be transmitted to the thinker—not along an astral telegraph line, as before, but by sympathetic vibration. In a perfect case of this kind of clairvoyance it is almost as though the seer projected a part of his consciousness [61] into the thought-form, and used it as a kind of outpost, from which observation was possible. He sees almost as well as he would if he himself stood in the place of his thought-form.

Loại thông nhãn thứ ba này, do đó, bao gồm khả năng duy trì sự kết nối và sự kiểm soát đối với một hình tư tưởng mới được xây dựng sao cho có thể nhận được các ấn tượng bằng phương tiện của nó. Những ấn tượng như vậy được tạo ra trên hình tướng trong trường hợp này sẽ được truyền đến người suy nghĩ —không phải dọc theo một đường dây điện tín cảm dục như trước, mà bằng sự rung động tương ứng. Trong một trường hợp hoàn hảo của loại thông nhãn này, nó gần giống như thể nhà thông nhãn phóng chiếu một phần tâm thức của mình [61] vào hình tư tưởng, và sử dụng nó như một loại tiền đồn, từ đó có thể quan sát. Y nhìn thấy gần như tốt như thể chính y đang đứng ở vị trí của hình tư tưởng của mình.

The figures at which he is looking will appear to him as of life-size and close at hand, instead of tiny and at a distance, as in the previous case; and he will find it possible to shift his point of view if he wishes to do so. Clairaudience is perhaps less frequently associated with this type of clairvoyance than with the last, but its place is to some extent taken by a kind of mental perception of the thoughts and intentions of those who

Các hình dáng mà y đang nhìn sẽ xuất hiện trước y với kích thước thật và ở gần bên, thay vì nhỏ xíu và ở xa như trong trường hợp trước; và y sẽ thấy có thể thay đổi điểm nhìn của mình nếu y muốn làm như vậy. Thông nhĩ có lẽ ít thường xuyên liên kết với loại thông nhãn này hơn so với loại trước, nhưng vị trí của nó ở một mức độ nào đó được thay thế bằng một loại nhận thức trí tuệ về các tư tưởng và ý định của những người được nhìn

are seen.

Since the man's consciousness is still in the physical body, he will be able (even while exercising the faculty) to hear and to speak, in so far as he can do this without any distraction of his attention. The moment that the intentness of his thought fails the whole vision is gone, and he will have to construct a fresh thought-form before he can resume it. Instances in which this kind of sight is possessed with any degree of perfection by untrained people are naturally rarer than in the case of the previous type, because of the capacity for mental control required, and the generally finer nature of the forces employed.

4- By traveling in the astral body. We enter here upon an entirely new variety of clairvoyance, in which the consciousness of the seer no longer remains in or closely connected with his physical body, but is definitely transferred to the scene which he is examining. [62] Though it has no doubt greater dangers for the untrained seer than either of the methods previously described, it is yet quite the most satisfactory form of clairvoyance open to him, for the immensely superior variety which we shall consider under our fifth head is not available except for specially trained students.

In this case the man's body is either asleep or in trance, and its organs are consequently not available for use which the vision is going on, so that all description of what is seen, and all questioning as to further particulars, must be postponed until the wanderer returns to this plane. On the other hand the sight is much fuller and more perfect; the man hears as well as sees everything which passes before him, and can move about freely at will within the very wide limits of the astral plane. He can see and study at leisure all the other inhabitants

thấy.

Vì tâm thức của con người vẫn ở trong cơ thể hồng trần, y sẽ có thể (ngay cả khi đang thực hiện năng lực này) nghe và nói, miễn là y có thể làm điều này mà không có bất kỳ sự xao nhãng nào đối với sự chú ý của mình. Khoảnh khắc mà sự tập trung tư tưởng của y thất bại, toàn bộ linh ảnh sẽ biến mất, và y sẽ phải xây dựng một hình tư tưởng mới trước khi có thể tiếp tục nó. Các trường hợp mà loại thị giác này được sở hữu với bất kỳ mức độ hoàn hảo nào bởi những người chưa qua huấn luyện tự nhiên là hiếm hơn so với trường hợp của loại trước, vì khả năng kiểm soát trí tuệ được yêu cầu, và bản chất thường tinh vi hơn của các lực được sử dụng.

4- *Bằng cách du hành trong thể cảm dục.* Ở đây chúng ta bước vào một loại thông nhãn hoàn toàn mới, trong đó tâm thức của nhà thông nhãn không còn ở trong hoặc kết nối chặt chẽ với cơ thể hồng trần của mình, mà được chuyển dịch một cách xác định đến cảnh tượng mà y đang kiểm tra. [62] Mặc dù nó chắc chắn có những nguy hiểm lớn hơn đối với nhà thông nhãn chưa qua huấn luyện so với bất kỳ phương pháp nào được mô tả trước đây, nhưng nó lại là hình thức thông nhãn thỏa đáng nhất dành cho y, vì loại vượt trội hơn hẳn mà chúng ta sẽ xem xét dưới tiêu đề thứ năm của chúng ta không có sẵn ngoại trừ đối với các đạo sinh được huấn luyện đặc biệt.

Trong trường hợp này, cơ thể của con người hoặc đang ngủ hoặc đang trong trạng thái xuất thần, và các cơ quan của nó do đó không có sẵn để sử dụng khi tầm nhìn đang diễn ra, vì vậy tất cả việc mô tả những gì được nhìn thấy, và tất cả việc đặt câu hỏi về các chi tiết xa hơn, phải được hoãn lại cho đến khi người lữ hành trở về cõi này. Mặt khác, tầm nhìn đầy đủ và hoàn hảo hơn nhiều; con người nghe thấy cũng như nhìn thấy mọi thứ diễn ra trước mắt mình, và có thể di chuyển tự do theo ý muốn trong các giới hạn rất rộng của cõi cảm dục. Y có thể nhìn thấy và nghiên

of that plane, so that the great world of the nature-spirits (of which the traditional fairy-land is but a very small part) lies open before him, and even that of some of the lower devas.

cứu lúc rảnh rỗi tất cả các cư dân khác của cõi đó, sao cho thế giới rộng lớn của các tinh linh tự nhiên (mà vùng đất tiên truyền thống chỉ là một phần rất nhỏ) nằm mở ra trước mắt y, và thậm chí cả thế giới của một số thiên thần thấp hơn.

He has also the immense advantage of being able to take part, as it were, in the scenes which come before his eyes—of conversing at will with these various astral entities from whom so much information that is curious and interesting may be obtained. If in addition he can learn how to materialize himself (a matter of no great difficulty for him when once the knack is acquired), he will be able to take part in physical events or conversations at a distance, and to show himself to an absent friend at will. [63]

Y cũng có lợi thế to lớn là có thể tham gia, có thể nói như vậy, vào các cảnh tượng hiện ra trước mắt mình—trò chuyện theo ý muốn với các thực thể cảm dục đa dạng này, từ đó có thể thu được rất nhiều thông tin kỳ lạ và thú vị. Nếu thêm vào đó y có thể học cách tự hiện hình (một việc không có gì khó khăn đối với y một khi đã nắm được bí quyết), y sẽ có thể tham gia vào các sự kiện hồng trần hoặc các cuộc trò chuyện ở xa, và tự hiển thị trước một người bạn vắng mặt theo ý muốn. [63]

Again, he has the additional power of being able to hunt about for what he wants. By means of the varieties of clairvoyance previously described, for all practical purposes he could find a person or a place only when he was already acquainted with it, or when he was put en rapport with it by touching something physically connected with it, as in psychometry. It is true that by the third method a certain amount of motion is possible, but the process is a tedious one except for quite short distances.

Một lần nữa, y có thêm quyền năng là có thể tìm kiếm những gì y muốn. Bằng phương tiện của các loại thông nhãn được mô tả trước đây, vì tất cả các mục đích thực tế, y chỉ có thể tìm thấy một người hoặc một địa điểm khi y đã quen thuộc với nó, hoặc khi y được đặt vào *mối liên hệ* với nó bằng cách chạm vào thứ gì đó được kết nối hồng trần với nó, như trong thuật trắc tâm. Đúng là bằng phương pháp thứ ba, một lượng chuyển động nhất định là có thể, nhưng quá trình này là một quá trình tẻ nhạt ngoại trừ đối với những khoảng cách khá ngắn.

By the use of the astral body, however, a man can move about quite freely and rapidly in any direction, and can (for example) find without difficulty any place pointed out upon a map, without either any previous knowledge of the spot or any object to establish a connection with it. He can also readily rise high into the air so as to gain a bird's-eye view of the country which he is examining, so as to observe its extent, the contour of its coastline, or its general character. Indeed, in every way his power and freedom are far greater when he uses this method than they have been in any of

Tuy nhiên, bằng cách sử dụng thể cảm dục, một người có thể di chuyển khá tự do và nhanh chóng theo bất kỳ hướng nào, và (chẳng hạn) có thể tìm thấy không chút khó khăn bất kỳ địa điểm nào được chỉ ra trên bản đồ, mà không cần có kiến thức trước đó về nơi ấy hay bất kỳ vật thể nào để thiết lập sự kết nối với nó. Y cũng có thể dễ dàng bay cao lên không trung để có được tầm nhìn bao quát từ trên cao về vùng đất mà y đang khảo sát, nhằm quan sát phạm vi, đường nét của đường bờ biển, hoặc đặc điểm chung của nó. Thực vậy, về mọi mặt, quyền năng và sự tự do của y lớn hơn nhiều khi sử dụng phương

the previous cases.

pháp này so với bất kỳ trường hợp nào đã nêu trước đó.

A good example of the full possession of this power is given, on the authority of the German writer Jung Stilling, by Mrs. crow in The Night Side of Nature (page 127). The story is related of a seer who is stated to have resided in the neighbourhood of Philadelphia, in America. His habits were retired, and he spoke little; he was grave, benevolent and pious, and nothing was known against his character, except that he had [64] the reputation of possessing some secrets that were considered not altogether lawful. Many extraordinary stories were told of him, and amongst the rest the following:

Một ví dụ điển hình về việc sở hữu trọn vẹn quyền năng này được đưa ra, dựa trên thẩm quyền của nhà văn Đức Jung Stilling, bởi Bà Crow trong cuốn *The Night Side of Nature* (trang 127). Câu chuyện kể về một nhà thông nhãn được cho là đã cư ngụ ở vùng lân cận Philadelphia, tại Mỹ. Thói quen của y là ẩn dật và ít nói; y nghiêm nghị, nhân từ và sùng đạo, và không có điều gì xấu được biết đến về tính cách của y, ngoại trừ việc y có [64] tiếng là sở hữu một số bí mật vốn bị coi là không hoàn toàn hợp pháp. Nhiều câu chuyện phi thường đã được kể về y, và trong số đó có câu chuyện sau đây:

"The wife of a ship captain (whose husband was on a voyage to Europe and Africa, and from whom she had been long without tidings), being overwhelmed with anxiety for his safety, was induced to address herself to this person. Having listened to her story he begged her to excuse him for a while, when he would bring her the intelligence she required. He then passed into an inner room and she sat herself down to wait; but his absence continuing longer than she expected, she became impatient, thinking he had forgotten her, and softly approaching the door she peeped through some aperture, and to her surprise beheld him lying on a sofa as motionless as if he were dead. She of course did not think it advisable to disturb him, but waited his return, when he told her that her husband had not been able to write to her for such and such reasons, but that he was then in a coffeehouse in London and would very shortly be home again.

"Vợ của một thuyền trưởng (có chồng đang trong chuyến hải hành đến Châu Âu và Châu Phi, và bà đã lâu không nhận được tin tức từ ông), vì quá lo lắng cho sự an toàn của chồng, đã được thuyết phục để tìm đến người này. Sau khi lắng nghe câu chuyện của bà, y xin bà thứ lỗi cho y một lát, y sẽ mang lại cho bà thông tin bà yêu cầu. Sau đó y đi vào một căn phòng bên trong và bà ngồi xuống chờ đợi; nhưng vì sự vắng mặt của y kéo dài hơn bà mong đợi, bà trở nên thiếu kiên nhẫn, nghĩ rằng y đã quên mình, và khẽ tiến lại gần cửa, bà nhìn qua một khe hở, và trước sự ngạc nhiên của mình, bà thấy y đang nằm trên ghế sofa, bất động như thể đã chết. Tất nhiên bà không nghĩ rằng nên làm phiền y, mà chờ y trở ra, khi đó y nói với bà rằng chồng bà đã không thể viết thư cho bà vì những lý do như thế này như thế kia, nhưng hiện ông đang ở trong một quán cà phê tại London và sẽ sớm trở về nhà.

"Accordingly he arrived, and as the lady learnt from him that the causes of his unusual silence had been precisely those alleged by the man, she felt extremely desirous of ascertaining the truth of the rest of the information. In this she was gratified,

"Theo đó, ông đã trở về, và khi người phụ nữ biết được từ ông rằng nguyên nhân của sự im lặng bất thường của ông chính xác là những gì người đàn ông kia đã nêu ra, bà cảm thấy vô cùng khao khát muốn xác minh sự thật của phần thông tin còn lại. Trong việc này bà

for he no sooner set his eyes on the magician than he said that he had seen him before on a certain day in a coffeehouse in London, and that he told him that his wife was [65] extremely uneasy about him, and that he, the captain, had thereon mentioned how he had been prevented from writing, adding that he was on the eve of embarking for America. He had then lost sight of the stranger amongst the throng, and knew nothing more about him."

đã được toại nguyện, vì ngay khi ông vừa nhìn thấy nhà huyền thuật, ông đã nói rằng mình đã thấy y trước đó vào một ngày nọ trong một quán cà phê ở London, và y đã nói với ông rằng vợ ông đang [65] vô cùng lo lắng về ông, và rằng ông, vị thuyền trưởng, khi đó đã đề cập đến việc ông bị ngăn cản viết thư như thế nào, và nói thêm rằng ông đang chuẩn bị lên tàu về Mỹ. Sau đó ông đã mất dấu người lạ mặt đó giữa đám đông, và không biết gì thêm về y nữa."

We have of course no means now of knowing what evidence Jung Stilling had of the truth of this story, though he declares himself to have been quite satisfied with the authority on which he relates it; but so many similar things have happened that there is no reason to doubt its accuracy. The seer, however, must either have developed his faculty for himself or learnt it in some school other than that from which most of our Theosophical information is derived; for in our case there is a well-understood regulation expressly forbidding the pupils to give any manifestation of such power which can be definitely proved at both ends in that way, and so constitute what is called a "phenomenon". That this regulation is emphatically a wise one is proved to all who know anything of the history of our Society by the disastrous results which followed from a very slight temporary relaxation of it.

Tất nhiên hiện nay chúng ta không có cách nào để biết Jung Stilling có bằng chứng gì về sự thật của câu chuyện này, mặc dù chính ông tuyên bố rằng mình hoàn toàn hài lòng với thẩm quyền mà ông dựa vào để thuật lại nó; nhưng có quá nhiều điều tương tự đã xảy ra đến mức không có lý do gì để nghi ngờ độ chính xác của nó. Tuy nhiên, nhà thông nhãn này hẳn là đã tự mình phát triển năng lực của mình hoặc học được nó trong một trường phái nào đó khác với trường phái mà hầu hết các thông tin Thông Thiên Học của chúng ta bắt nguồn từ đó; vì trong trường hợp của chúng ta, có một quy định được thấu hiểu rõ ràng là cấm các môn sinh thực hiện bất kỳ sự biểu lộ nào về quyền năng như vậy mà có thể được chứng minh một cách xác thực ở cả hai đầu theo cách đó, và do đó tạo thành cái được gọi là một "hiện tượng". Việc quy định này nhấn mạnh tính đúng đắn đã được chứng minh cho tất cả những ai biết bất cứ điều gì về lịch sử của Hội chúng ta qua những kết quả tai hại sau một sự nới lỏng tạm thời rất nhẹ đối với quy định đó.

I will have given some quite modern cases almost exactly parallel to the above in my little book on Invisible Helpers. An instance of a lady well-known to myself, who frequently thus appears to friends at a distance, is given by Mr.Stead in Real Ghost Stories (page 27); and Mr. Andrew Lang gives, in his Dreams and Ghosts (page 89), an account of how Mr.Cleave, then at Portsmouth, appeared, intentionally on two

Tôi sẽ đưa ra một số trường hợp khá hiện đại gần như hoàn toàn tương đồng với trường hợp trên trong cuốn sách nhỏ của tôi về *Invisible Helpers*. Một trường hợp về một phụ nữ mà chính tôi biết rõ, người thường xuyên xuất hiện như vậy trước bạn bè ở xa, được Ông Stead đưa ra trong cuốn *Real Ghost Stories* (trang 27); và Ông Andrew Lang, trong cuốn *Dreams and Ghosts* (trang 89), đã đưa ra một tường thuật về việc Ông Cleave,

occasions to a young lady [66] in London, and alarmed her considerably. There is any amount of evidence to be had on the subject by any one who cares to study it seriously.

khi đó ở Portsmouth, đã cố ý xuất hiện trong hai lần trước một thiếu nữ [66] ở London, và làm cô ấy khá hoảng sợ. Có rất nhiều bằng chứng về chủ đề này dành cho bất kỳ ai quan tâm đến việc nghiên cứu nó một cách nghiêm túc.

This paying of intentional astral visits seems very often to become possible when the principles are loosened at the approach of death for people who were unable to perform such a feat at any other time. There are even more examples of this class than of the other; I epitomize a good one given by Mr. Andrew Lang on page 100 of the book last cited—one of which he himself says, "Not many stories have such good evidence in their favour".

Việc thực hiện các chuyến viếng thăm bằng thể cảm dục có chủ ý này dường như rất thường xuyên trở nên khả thi khi các nguyên khí bị nới lỏng lúc cái chết cận kề đối với những người vốn không thể thực hiện kỳ tích như vậy vào bất kỳ thời điểm nào khác. Thậm chí có nhiều ví dụ thuộc loại này hơn loại kia; tôi tóm tắt một ví dụ điển hình do Ông Andrew Lang đưa ra ở trang 100 của cuốn sách vừa trích dẫn—một ví dụ mà chính ông nói rằng: "Không có nhiều câu chuyện có bằng chứng tốt như vậy ủng hộ chúng".

"Mary, the wife of John Goffe of Rochester, being afflicted with a long illness, removed to her father's house at West Malling, about nine miles from her own.

"Mary, vợ của John Goffe ở Rochester, vì bị bệnh kéo dài, đã chuyển đến nhà cha mình ở West Malling, cách nhà mình khoảng chín dặm.

"The day before her death she grew very impatiently desirous to see her two children, who she had left at home to the care of a nurse. She was too ill to be moved, and between one and two o'clock in the morning she fell into a trance. One widow Turner, who watched with her that night, says that her eyes were open and fixed, and her jaw fallen. Mrs.Turner put her hand upon her mouth, but could perceive no breath. She thought her to be in a fit, and doubted whether she were dead or alive.

"Ngày trước khi qua đời, bà trở nên khao khát một cách thiếu kiên nhẫn được gặp hai đứa con mà bà đã để lại ở nhà cho một y tá chăm sóc. Bà quá yếu để có thể di chuyển, và vào khoảng từ một đến hai giờ sáng, bà rơi vào trạng thái xuất thần. Một góa phụ tên Turner, người canh chừng bà đêm đó, nói rằng mắt bà mở và nhìn cố định, và hàm bà trễ xuống. Bà Turner đặt tay lên miệng bà, nhưng không nhận thấy hơi thở nào. Bà nghĩ rằng Mary đang trong một cơn co giật, và nghi ngờ không biết bà đã chết hay còn sống.

"The next morning the dying woman told her mother that she had been at home with her children,saying, "I was with them last night when I was asleep."

"Sáng hôm sau, người phụ nữ đang hấp hối nói với mẹ mình rằng bà đã ở nhà với các con, nói rằng: 'Con đã ở với chúng đêm qua khi con đang ngủ.'

"The nurse at Rochester, widow Alexander by name, [67] affirms that a little before two o'clock that morning she saw the likeness of the said Mary Goffe come out of the next

"Người y tá ở Rochester, tên là góa phụ Alexander, [67] khẳng định rằng vào khoảng trước hai giờ sáng hôm đó, bà đã thấy hình dáng giống như Mary Goffe bước ra từ căn

chamber (where the elder child lay in a bed by itself), the door being left open, and stood by her bedside for about a quarter of an hour; the younger child was there lying by her. Her eyes moved and her mouth went, but she said nothing. The nurse, moreover, says that she was perfectly awake; it was then daylight, being one of the longest days in the year. She sat up in bed and looked steadfastly on the apparition. In that time she heard the bridge clock strike two, and a while after said: "In the name of the Father, Son and Holy Ghost, what art thou?" Thereupon the apparition removed and went away; she slipped on her clothes and followed, but what became on't she cannot tell."

phòng bên cạnh (nơi đứa con lớn nằm trên một chiếc giường riêng), cửa để ngỏ, và đứng bên cạnh giường bà; đứa con nhỏ đang nằm đó cạnh bà. Mắt của hình dáng đó cử động và miệng mấp máy, nhưng không nói gì. Hơn nữa, người y tá nói rằng bà hoàn toàn tỉnh táo; lúc đó là ban ngày, vì là một trong những ngày dài nhất trong năm. Bà ngồi dậy trên giường và nhìn chằm chằm vào bóng ma đó. Trong thời gian đó, bà nghe thấy đồng hồ trên cầu điểm hai tiếng, và một lát sau bà nói: 'Nhân danh Cha, Con và Chúa Thánh Thần, ngươi là ai?' Ngay lập tức bóng ma đó rời đi và biến mất; bà vội mặc quần áo và đuổi theo, nhưng nó đã đi đâu thì bà không thể biết được."

The nurse apparently was more frightened by its appearance than its presence, for after this she was afraid to stay in the house, and so spent the rest of the time until six o'clock in walking up and down outside. When the neighbours were awake she told her tale to them, and they of course said she had dreamt it all; she naturally enough warmly repudiated that idea, but could obtain no credence until the news of the other side of the story arrived from West Malling,when people had to admit that there might have been something in it.

Người y tá rõ ràng là sợ hãi bởi vẻ ngoài của nó hơn là sự hiện diện của nó, vì sau chuyện này bà sợ không dám ở lại trong nhà, và vì vậy đã dành thời gian còn lại cho đến sáu giờ để đi đi lại lại bên ngoài. Khi hàng xóm thức dậy, bà kể lại câu chuyện cho họ, và tất nhiên họ nói rằng bà đã mơ thấy tất cả; bà phản đối ý kiến đó một cách nồng nhiệt, nhưng không nhận được sự tin tưởng nào cho đến khi tin tức về phía bên kia của câu chuyện truyền đến từ West Malling, khi đó mọi người mới phải thừa nhận rằng có thể có điều gì đó trong chuyện này.

A noteworthy circumstance in this story is that the mother found it necessary to pass from ordinary sleep into the profounder trance condition before she could consciously visit her children; it can, however, be paralleled [68] here and there among the large number of similar accounts which may be found in the literature of the subject.

Một tình tiết đáng chú ý trong câu chuyện này là người mẹ thấy cần phải chuyển từ giấc ngủ thông thường sang trạng thái xuất thần sâu hơn trước khi bà có thể viếng thăm các con mình một cách có ý thức; tuy nhiên, điều này có thể được tìm thấy tương tự [68] ở đây đó trong số lượng lớn các tường thuật tương tự có thể tìm thấy trong các tài liệu về chủ đề này.

Two other stories of precisely the same type —in which a dying mother, earnestly desiring to see her children, falls into a deep sleep, visits them and returns to say that she has done so—are given by Dr. F.G.Lee. In one of them the mother, when dying in Egypt, appears to her children at Torquay, and is

Hai câu chuyện khác thuộc chính xác cùng loại này—trong đó một người mẹ đang hấp hối, tha thiết mong muốn được gặp con mình, đã rơi vào giấc ngủ sâu, đến thăm chúng và trở về để nói rằng mình đã làm như vậy—được Tiến sĩ F.G. Lee đưa ra. Trong một câu chuyện, người mẹ khi đang hấp hối ở Ai

clearly seen in broad daylight by all five of the children and also by the nurse-maid. (Glimpses of the Supernatural, Vol. II, page 64). In the other a Quaker lady dying at Cockermouth is clearly seen and recognized in daylight by her three children at Settle, the remainder of the story being practically identical with the one given above. (Glimpses in the Twilight, page 94). Though these cases appear to be less widely known than that of Mary Goffe, the evidence of their authenticity seems to be quite as good, as will be seen by the attestations obtained by the reverend author of the works from which they are quoted.

Cập, đã xuất hiện trước các con mình ở Torquay, và được cả năm đứa trẻ cũng như cô y tá nhìn thấy rõ ràng giữa ban ngày. (*Glimpses of the Supernatural*, Tập II, trang 64). Trong câu chuyện kia, một phụ nữ phái Quaker đang hấp hối ở Cockermouth đã được ba đứa con của bà nhìn thấy và nhận ra rõ ràng vào ban ngày tại Settle, phần còn lại của câu chuyện thực tế giống hệt với câu chuyện đã nêu ở trên. (*Glimpses in the Twilight*, trang 94). Mặc dù những trường hợp này dường như ít được biết đến rộng rãi hơn trường hợp của Mary Goffe, nhưng bằng chứng về tính xác thực của chúng dường như cũng tốt như vậy, như có thể thấy qua các chứng thực mà vị tác giả đáng kính của các tác phẩm được trích dẫn đã thu thập được.

The man who fully possesses this fourth type o clairvoyance has many and great advantages at his disposal, even in addition to those already mentioned. Not only can he visit without trouble or expense all the beautiful and famous places of the earth, but if he happens to be a scholar, think what it must mean to him that he has access to all the libraries of the world! What must it be for the scientifically-minded man to see taking place before his eyes so many of the processes of the secret [69] chemistry of nature, or for the philosopher to have revealed to him so much more than ever before of the working of the great mysteries of life and death? To him those who are gone from this plane are dead no longer, but living and within reach for a long time to come; for him many of the conceptions of religion are no longer matters of faith, but of knowledge. Above all, he can join the army of invisible helpers,and really be of use on a large scale. Undoubtedly clairvoyance, even when confined to the astral plane, is a great boon to the student.

Người sở hữu trọn vẹn loại thông nhãn thứ tư này có nhiều lợi thế lớn lao theo ý mình, thậm chí ngoài những lợi thế đã được đề cập. Y không chỉ có thể viếng thăm mà không gặp rắc rối hay tốn kém tất cả những nơi đẹp đẽ và nổi tiếng trên trái đất, mà nếu y tình cờ là một học giả, hãy nghĩ xem điều đó có ý nghĩa thế nào khi y có quyền tiếp cận tất cả các thư viện trên thế giới! Sẽ thế nào đối với một người có đầu óc khoa học khi được tận mắt chứng kiến rất nhiều quá trình của thuật luyện kim [69] bí mật của tự nhiên, hay đối với một triết gia khi được mặc khải nhiều hơn bao giờ hết về sự vận hành của những mầu nhiệm lớn lao của sự sống và cái chết? Đối với y, những người đã rời khỏi cõi này không còn là đã chết nữa, mà vẫn đang sống và có thể tiếp cận được trong một thời gian dài sắp tới; đối với y, nhiều quan niệm tôn giáo không còn là vấn đề đức tin, mà là của tri thức. Trên hết, y có thể gia nhập đội ngũ những người phụ giúp vô hình, và thực sự hữu ích trên quy mô lớn. Chắc chắn thông nhãn, ngay cả khi chỉ giới hạn ở cõi cảm dục, là một ân huệ lớn lao đối với đạo sinh.

Certainly it has its dangers also, especially for the untrained; danger from evil entities of various kinds, which may terrify or injure those who allow themselves to lose the

Chắc chắn nó cũng có những nguy hiểm, đặc biệt là đối với những người không được huấn luyện; nguy hiểm từ các thực thể xấu xa thuộc nhiều loại khác nhau, vốn có thể làm

courage to face them boldly; danger of deception of all sorts, of misconceiving and misinterpreting what is seen; greatest of all the danger of becoming conceited about the thing and of thinking it impossible to make a mistake. But a little commonsense and a little experience should easily guard a man against these.

khiếp sợ hoặc gây hại cho những ai để mình mất đi lòng can đảm để đối mặt với chúng một cách táo bạo; nguy hiểm của mọi loại lừa dối, của việc hiểu sai và diễn giải sai những gì nhìn thấy; lớn nhất là nguy hiểm của việc trở nên tự phụ về điều đó và nghĩ rằng mình không thể phạm sai lầm. Nhưng một chút lẽ phải thông thường và một chút kinh nghiệm sẽ dễ dàng bảo vệ một người chống lại những điều này.

5- By traveling in the Mâyâvic-rupa [the mental body]. This is simply a higher and, as it were, glorified form of the last type. The vehicle employed is no longer the astral body, but a substitute manufactured for the occasion from the substance of the seer's mind-body—a vehicle, therefore, belonging to the mental plane, and having within it all the potentialities of the wonderful [devachanic] sense of that plane, so transcendent in its action yet so impossible to describe. A man functioning in this leaves his astral body behind him along with the physical, and if he wishes to show [70] himself upon the astral plane for any reason, he does not send for his own astral vehicle, but just by a single action of his will materializes one for his temporary need. [Such an astral materialization is sometimes called the mayavi rupa, and to form it for the first time usually needs the assistance of a qualified Master]

5- *Bằng cách du hành trong Mâyâvic-rupa [thể trí].* Đây đơn giản là một hình thức cao hơn và, có thể nói là, vinh hiển hơn của loại trước. Vận cụ được sử dụng không còn là thể cảm dục, mà là một vật thay thế được chế tạo cho dịp đó từ chất liệu của thể trí của nhà thông nhãn—một vận cụ, do đó, thuộc về cõi trí, và có bên trong nó tất cả các tiềm năng của giác quan [devachan] kỳ diệu của cõi đó, vốn siêu việt trong hoạt động nhưng lại không thể mô tả được. Một người hoạt động trong thể này để lại thể cảm dục của mình cùng với thể xác, và nếu y muốn hiện hình [70] trên cõi cảm dục vì bất kỳ lý do gì, y không gọi vận cụ cảm dục của chính mình, mà chỉ bằng một hành động duy nhất của ý chí để hiện hình một cái cho nhu cầu tạm thời của mình. **[**Sự hiện hình cảm dục như vậy đôi khi được gọi là mayavi rupa, và để hình thành nó lần đầu tiên thường cần sự hỗ trợ của một Chân sư có đủ tư cách**]**

The enormous advantages given by the possession of this power are the capacity of entering upon all the glory and the beauty of the higher land of bliss, and the possession, even when working on the astral plane, of the far more comprehensive [devachanic] mental sense which opens up to the student such marvelous vistas of knowledge, and practically renders error all but impossible. This higher flight, however, is possible for the trained man only, since to form this Mâyâvi-rûpa for the first time, needs the assistance of a qualified master.

Những lợi thế to lớn có được từ việc sở hữu quyền năng này là khả năng đi vào tất cả sự vinh hiển và vẻ đẹp của vùng đất phúc lạc cao hơn, và việc sở hữu, ngay cả khi làm việc trên cõi cảm dục, giác quan trí tuệ [devachan] bao quát hơn nhiều, vốn mở ra cho đạo sinh những viễn cảnh tri thức kỳ diệu như vậy, và thực tế làm cho sai lầm hầu như không thể xảy ra. Tuy nhiên, chuyến bay cao hơn này chỉ khả thi đối với người đã được huấn luyện, vì để hình thành Mâyâvi-rûpa này lần đầu tiên, cần có sự hỗ trợ của một Chân sư có đủ tư cách.

Before leaving the subject of full and intentional clairvoyance, it may be well to devote a few words to answering one or two questions as to its limitations, which constantly occur to students. Is it possible, we are often asked, for the seer to find any person with whom he wishes to communicate, anywhere in the world, whether he be living or dead?

Trước khi rời khỏi chủ đề thông nhãn trọn vẹn và có chủ ý, có lẽ nên dành vài lời để trả lời một hoặc hai câu hỏi về những giới hạn của nó, vốn thường xuyên nảy sinh đối với các đạo sinh. Chúng tôi thường được hỏi, liệu nhà thông nhãn có thể tìm thấy bất kỳ người nào mà y muốn giao tiếp, ở bất kỳ đâu trên thế giới, dù người đó còn sống hay đã chết không?

To this the reply must be a conditional affirmative. Yes, it is possible to find any person if the experimenter can, in some way or other, put himself en rapport with that person. It would be hopeless to plunge vaguely into space to find a total stranger among all the millions around us without any kind of clue; but, on the other hand, a very slight clue would usually be sufficient.

Đối với câu hỏi này, câu trả lời phải là một sự khẳng định có điều kiện. Có, có thể tìm thấy bất kỳ người nào nếu người thực nghiệm có thể, bằng cách này hay cách khác, thiết lập sự *giao cảm* với người đó. Sẽ là vô vọng nếu lao vào không gian một cách mơ hồ để tìm một người hoàn toàn xa lạ giữa hàng triệu người xung quanh chúng ta mà không có bất kỳ loại manh mối nào; nhưng mặt khác, một manh mối rất nhỏ thường là đủ.

If the clairvoyant knows anything of the man whom he seeks, he will have no difficulty in finding him, for [71] every man has what may be called a kind of musical chord of his own—a chord which is the expression of him as a whole, produced perhaps by a sort of average of the rates of vibration of all his different vehicles on their respective planes. If the operator knows how to discern that chord and to strike it, it will by sympathetic vibration attract the attention of the man instantly wherever he may be, and will evoke an immediate response from him.

Nếu nhà thông nhãn biết bất cứ điều gì về người mà y tìm kiếm, y sẽ không gặp khó khăn gì trong việc tìm thấy người đó, vì [71] mỗi người đều có cái có thể gọi là một loại hợp âm âm nhạc của riêng mình—một hợp âm là sự biểu hiện của y như một tổng thể, được tạo ra có lẽ bởi một loại trung bình của các tốc độ rung động của tất cả các vận cụ khác nhau của y trên các cõi tương ứng của chúng. Nếu người vận hành biết cách phân biệt hợp âm đó và xướng nó lên, nó sẽ bằng rung động đồng cảm thu hút sự chú ý của người đó ngay lập tức dù y ở bất cứ đâu, và sẽ gợi lên một sự đáp ứng tức thì từ y.

Whether the man were living or recently dead would make no difference at all, and clairvoyance of the fifth class could at once find him even among the countless millions in the heaven-world, though in that case the man himself would be unconscious that he was under observation. Naturally a seer whose consciousness did not range higher than the astral plane—who employed therefore one of the earlier methods of seeing—would not be able to find a person upon the [devachanic] mental plane at all;

Việc người đó còn sống hay vừa mới qua đời sẽ không tạo ra sự khác biệt nào cả, và thông nhãn thuộc loại thứ năm có thể ngay lập tức tìm thấy y ngay cả giữa hàng tỷ người trong thế giới thiên thượng, mặc dù trong trường hợp đó chính người đó sẽ không ý thức được rằng mình đang bị quan sát. Lẽ tự nhiên, một nhà thông nhãn có tâm thức không vượt cao hơn cõi cảm dục—người do đó đã sử dụng một trong những phương pháp nhìn trước đó—sẽ hoàn toàn không thể tìm thấy một người trên cõi trí [devachan]; tuy nhiên ngay

yet even he would at least be able to tell that the man sought for was upon that plane, from the mere fact that the striking of the chord as far up as the astral level produced no response.

cả y ít nhất cũng có thể nói rằng người được tìm kiếm *đang* ở trên cõi đó, từ chính thực tế là việc xướng hợp âm lên đến tận cấp độ cảm dục không tạo ra sự đáp ứng nào.

If the man sought be a stranger to the seeker, the latter will need something connected with him to act as a clue—a photograph, a letter written by him, an article which has belonged to him, and is impregnated with his personal magnetism; any of these would do in the hands of a practiced seer.

Nếu người được tìm kiếm là một người lạ đối với người tìm kiếm, người sau sẽ cần một thứ gì đó liên quan đến người kia để làm manh mối—một bức ảnh, một lá thư do y viết, một vật dụng từng thuộc về y và được thấm nhuần từ tính cá nhân của y; bất kỳ thứ nào trong số này cũng đều có tác dụng trong tay một nhà thông nhãn lão luyện.

Again I say, it must not therefore be supposed that pupils who have been taught how to use this art are at [72] liberty to set up a kind of intelligence office through which communication can be had with missing or dead relatives. A message given from this side to such an one might or might not be handed on, according to circumstances, but even if it were, no reply might be brought, lest the transaction should partake of the nature of a phenomenon—something which could be proved on the physical plane to have been an act of magic.

Một lần nữa tôi nói rằng, do đó không được giả định rằng các môn sinh đã được dạy cách sử dụng nghệ thuật này được [72] tự do thiết lập một loại văn phòng tình báo qua đó có thể giao tiếp với những người thân bị mất tích hoặc đã chết. Một thông điệp được đưa ra từ phía này cho một người như vậy có thể hoặc không được chuyển đi, tùy theo hoàn cảnh, nhưng ngay cả khi nó được chuyển đi, có thể không có câu trả lời nào được mang lại, kẻo giao dịch đó mang tính chất của một hiện tượng—thứ gì đó có thể được chứng minh trên cõi hồng trần là một hành động huyền thuật.

Another question often raised is as to whether,in the action of psychic vision, there is any limitation as to distance. The reply would seem to be that there should be no limit but that of the respective planes. It must be remembered that the astral and [devachanic] mental planes of our earth are as definitely its own as its atmosphere, though they extend considerably further from it even in our three-dimensional space than does the physical air. Consequently the passage to, or the detailed sight of, other planets would not be possible for any system of clairvoyance connected with these planes. It is quite possible and easy for the man who can raise his consciousness to the buddhic plane to pass to any other globe belonging to our chain of worlds, but that is outside our

Một câu hỏi khác thường được đặt ra là liệu trong hoạt động của linh thị, có bất kỳ giới hạn nào về khoảng cách hay không. Câu trả lời dường như là không nên có giới hạn nào ngoài giới hạn của các cõi tương ứng. Cần nhớ rằng các cõi cảm dục và trí [devachan] của trái đất chúng ta chắc chắn là của riêng nó giống như bầu khí quyển của nó, mặc dù chúng mở rộng ra xa hơn đáng kể ngay cả trong không gian ba chiều của chúng ta so với không khí vật lý. Do đó, việc đi đến, hoặc nhìn chi tiết các hành tinh khác sẽ không khả thi đối với bất kỳ hệ thống thông nhãn nào liên quan đến các cõi này. Việc một người có thể nâng tâm thức mình lên cõi bồ đề để đi đến bất kỳ bầu hành tinh nào khác thuộc dãy thế giới của chúng ta là hoàn toàn có thể và dễ dàng, nhưng điều đó nằm ngoài chủ đề

present subject.

Still a good deal of additional information about other planets can be obtained by the use of such clairvoyant faculties as we have been describing. It is possible to make sight enormously clearer by passing outside of the constant disturbances of the earth's atmosphere, and it is also not difficult to learn how to put on an exceedingly high magnifying power, so that [73] even by ordinary clairvoyance a good deal of very interesting astronomical knowledge may be gained. But as far as this earth and its immediate surroundings are concerned, there is practically no limitation. [74]

hiện tại của chúng ta.

Tuy nhiên, có thể thu thập được khá nhiều thông tin bổ sung về các hành tinh khác bằng cách sử dụng các năng lực thông nhãn như chúng ta đã mô tả. Có thể làm cho cái nhìn rõ ràng hơn rất nhiều bằng cách vượt ra ngoài những xáo trộn liên tục của bầu khí quyển trái đất, và cũng không khó để học cách áp dụng một quyền năng phóng đại cực cao, để [73] ngay cả bằng thông nhãn thông thường, người ta cũng có thể thu được khá nhiều kiến thức thiên văn rất thú vị. Nhưng chừng nào còn liên quan đến trái đất này và môi trường xung quanh trực tiếp của nó, thì thực tế không có giới hạn nào. [74]

# CHAPTER -5-

# CLAIRVOYANCE IN SPACE: SEMI-INTENTIONAL
# THÔNG NHÃN TRONG KHÔNG GIAN: BÁN CHỦ Ý

Under this rather curious title I am grouping together the cases of all those people who definitely set themselves to see something, but have no idea what the something will be, and no control over the sight after the visions have begun—psychic Micawbers, who put themselves into a receptive condition, and then simply wait for something to turn up. Many trance-mediums would come under this heading; they either in some way hypnotize themselves or are hypnotized by some "spirit-guide", and then they describe the scenes or persons that happen to float before their vision. Sometimes however, when in this condition they see what is taking place at a distance, and so they come to have a place among our "clairvoyants in space".

Dưới tiêu đề khá kỳ lạ này, tôi đang nhóm lại các trường hợp của tất cả những người nhất định muốn thấy một điều gì đó, nhưng không biết điều đó sẽ là gì, và không có quyền kiểm soát cái nhìn sau khi các linh ảnh đã bắt đầu—những người Micawber thông linh, những người đặt mình vào trạng thái tiếp nhận, và sau đó chỉ đơn giản là chờ đợi điều gì đó hiện ra. Nhiều đồng tử xuất thần sẽ thuộc đề mục này; họ hoặc bằng cách nào đó tự thôi miên mình hoặc bị thôi miên bởi một "linh hồn dẫn dắt" nào đó, và sau đó họ mô tả các cảnh tượng hoặc những người tình cờ trôi qua tầm nhìn của họ. Tuy nhiên, đôi khi khi ở trong trạng thái này, họ thấy những gì đang diễn ra ở xa, và vì vậy họ có một vị trí trong số các "nhà thông nhãn trong không gian" của chúng ta.

But the largest and most widely-spread band of these semi-intentional clairvoyants are the various kinds of crystal-gazers—those who, as Mr. Andrew Lang puts it, "stare into a crystal ball, a cup, a mirror, a bob of ink (Egypt and India), a drop of blood (among that Maories of New Zealand), a bowl of water (Red Indian), a pond (Roman and African), water in a [75] glass bowl (in Fez), or almost any polished surface". (Dreams and Ghosts, page 57)

Nhưng nhóm lớn nhất và lan rộng nhất của những nhà thông nhãn bán chủ ý này là các loại người nhìn tinh cầu—những người, như Ông Andrew Lang đã nói, "nhìn chằm chằm vào một quả cầu pha lê, một cái chén, một chiếc gương, một vết mực (Ai Cập và Ấn Độ), một giọt máu (trong số những người Maori ở New Zealand), một bát nước (người Da đỏ), một cái ao (người La Mã và Châu Phi), nước trong một [75] bát thủy tinh (ở Fez), hoặc hầu như bất kỳ bề mặt nhẵn bóng nào". (*Dreams and Ghosts*, trang 57)

Two pages later Mr.Lang gives us a very good example of the kind of vision most frequently seen in this way. "I had given a glass ball," he says, "to a young lady, Miss Baillie, who had scarcely any success with it. She lent it to Miss Leslie, who saw a large square, old-fashioned red sofa covered with muslin, which she found in the next country-house she visited. Miss Baillie's

Hai trang sau đó, Ông Lang cho chúng ta một ví dụ rất tốt về loại linh ảnh thường thấy nhất theo cách này. "Tôi đã đưa một quả cầu thủy tinh," ông nói, "cho một thiếu nữ, Cô Baillie, người hầu như không có thành công nào với nó. Cô đã cho Cô Leslie mượn, người đã thấy một chiếc ghế sofa màu đỏ kiểu cũ, hình vuông lớn được phủ bằng vải màn, thứ mà cô đã tìm thấy trong ngôi nhà ở nông

brother, a young athlete, laughed at these experiments, took the ball into the study, and came back looking 'gey gash'. He admitted that he had seen a vision—somebody he knew under a lamp. He would discover during the week whether he saw right or not. This was at 5.30 on a Sunday afternoon.

thôn tiếp theo mà cô đến thăm. Anh trai của Cô Baillie, một vận động viên trẻ, đã cười nhạo những thí nghiệm này, cầm quả cầu vào phòng nghiên cứu, và trở ra với vẻ mặt 'kinh hãi'. Anh thừa nhận rằng mình đã thấy một linh ảnh—ai đó anh biết đang đứng dưới một ngọn đèn. Anh sẽ khám phá trong tuần xem mình có nhìn đúng hay không. Chuyện này xảy ra vào lúc 5 giờ 30 chiều Chủ nhật.

"On Tuesday, Mr. Baillie was at a dance in a town some forty miles from his home, and met a Miss Preston. 'On Sunday', he said, 'about half-past five you were sitting under a standard lamp in a dress I never saw you wear, a blue blouse with lace over the shoulders, pouring out tea for a man in blue serge, whose back was towards me, so that I only saw the tip of his moustache.'

"Vào thứ Ba, Anh Baillie đang ở một buổi khiêu vũ tại một thị trấn cách nhà anh khoảng bốn mươi dặm, và gặp một Cô Preston. 'Vào Chủ nhật', anh nói, 'khoảng năm giờ rưỡi cô đã ngồi dưới một ngọn đèn đứng trong một bộ váy tôi chưa từng thấy cô mặc, một chiếc áo cánh màu xanh với ren trên vai, đang rót trà cho một người đàn ông mặc đồ vải sẹc xanh, người quay lưng về phía tôi, nên tôi chỉ thấy đầu ria mép của anh ta.'

"'Why, the blinds must have been up,' said Miss Preston.

"'Chà, chắc là rèm cửa đã được kéo lên,' Cô Preston nói.

"'I was at Dulby,' said Mr. Baillie, and he undeniably was."

"'Tôi đã ở Dulby,' Anh Baillie nói, và anh chắc chắn đã ở đó."

This is quite a typical case of crystal-gazing—the picture correct in every detail, you see, and yet absolutely unimportant and bearing no apparent signification [76] of any sort to either party, except that it served to prove to Mr. Baillie that there was something in crystal-gazing. Perhaps more frequently the visions tend to be of a romantic character—men in foreign dress, or beautiful though generally unknown landscapes.

Đây là một trường hợp khá điển hình của việc nhìn tinh cầu—bức tranh chính xác đến từng chi tiết, bạn thấy đấy, nhưng lại hoàn toàn không quan trọng và không mang thâm nghĩa rõ ràng [76] nào đối với cả hai bên, ngoại trừ việc nó phục vụ để chứng minh cho Anh Baillie rằng có điều gì đó trong việc nhìn tinh cầu. Có lẽ thường xuyên hơn, các linh ảnh có xu hướng mang tính chất lãng mạn—những người đàn ông trong trang phục nước ngoài, hoặc những phong cảnh đẹp đẽ nhưng thường là không xác định.

Now what is the rationale of this kind of clairvoyance? As I have indicated above, it belongs usually to the "astral current" type, and the crystal or other object simply acts as a focus for the willpower of the seer, and a convenient starting-point for his astral tube. There are some who can influence what they will see by their will, that is to say they have

Vậy cơ sở lý luận của loại thông nhãn này là gì? Như tôi đã chỉ ra ở trên, nó thường thuộc về loại "dòng cảm dục", và tinh cầu hoặc vật thể khác chỉ đơn giản đóng vai trò như một tiêu điểm cho ý chí của nhà thông nhãn, và là một điểm bắt đầu thuận tiện cho ống cảm dục của y. Có một số người có thể tác động đến những gì họ sẽ thấy bằng ý chí của mình,

the power of pointing their telescope as they wish; but the great majority just form a fortuitous tube and see whatever happens to present itself at the end of it.

nghĩa là họ có quyền năng hướng kính thiên văn của mình theo ý muốn; nhưng đại đa số chỉ hình thành một cái ống ngẫu nhiên và thấy bất cứ điều gì tình cờ xuất hiện ở đầu kia của nó.

Sometimes it may be scene comparatively near at hand, as in the case just quoted; at other times it will be a far-away Oriental landscape; at others yet it may be a reflection of some fragment of an âkâshic record, and then the picture will contain figures in some antique dress, and the phenomenon belongs to our third large division of "clairvoyance in time". It is said that visions of the future are sometimes seen in crystals also—a further development to which we must refer later.

Đôi khi nó có thể là cảnh tượng tương đối gần, như trong trường hợp vừa trích dẫn; lúc khác nó sẽ là một phong cảnh phương Đông xa xôi; lúc khác nữa nó có thể là sự phản chiếu của một mảnh hồ sơ âkâshic nào đó, và khi đó bức tranh sẽ chứa đựng những hình dáng trong một số trang phục cổ xưa, và hiện tượng này thuộc về bộ phận lớn thứ ba của chúng ta là "thông nhãn trong thời gian". Người ta nói rằng các linh ảnh về tương lai đôi khi cũng được thấy trong các tinh cầu—một sự phát triển xa hơn mà chúng ta phải đề cập sau.

I have seen a clairvoyant use instead of the ordinary shining surface a deal black one, produced by a handful of powdered charcoal in a saucer. Indeed it does not seem to matter much what is used as a focus, except that pure crystal has an undoubted advantage over [77] other substances in that its peculiar arrangement of elemental essence renders it specially stimulating to the psychic faculties.

Tôi đã thấy một nhà thông nhãn sử dụng thay vì bề mặt sáng bóng thông thường là một bề mặt đen tuyền, được tạo ra bởi một nắm than củi nghiền nát trong một chiếc đĩa. Thực vậy, dường như không quan trọng lắm việc cái gì được sử dụng làm tiêu điểm, ngoại trừ việc pha lê tinh khiết có một lợi thế không thể nghi ngờ so với [77] các chất liệu khác ở chỗ sự sắp xếp đặc biệt của tinh chất hành khí của nó làm cho nó đặc biệt kích thích các năng lực thông linh.

It seems probable, however, that in cases where a tiny brilliant object is employed—such as a point of light, or the drop of blood used by the Maories- the instance is in reality merely one of self-hypnotization. Among non-European nations the experiment is very frequently preceded or accompanied by magical ceremonies and invocations so that it is quite likely that such sight as is gained may sometimes be really that of some foreign entity, and so the phenomenon may in fact be merely a case of temporary possession, and not of clairvoyance at all. [78]

Tuy nhiên, có vẻ như trong những trường hợp sử dụng một vật thể nhỏ rực rỡ—chẳng hạn như một điểm sáng, hoặc giọt máu được người Maori sử dụng—trường hợp đó thực tế chỉ đơn thuần là một sự tự thôi miên. Trong số các quốc gia ngoài Châu Âu, cuộc thực nghiệm rất thường xuyên được bắt đầu hoặc đi kèm với các nghi lễ huyền thuật và các lời khẩn cầu, vì vậy rất có khả năng là cái nhìn có được đôi khi thực sự là của một thực thể xa lạ nào đó, và do đó hiện tượng này trên thực tế có thể chỉ là một trường hợp bị nhập tạm thời, chứ không phải là thông nhãn chút nào. [78]

# CHAPTER -6-

# CLAIRVOYANCE IN SPACE: UNINTENTIONAL
# THÔNG NHÃN TRONG KHÔNG GIAN: KHÔNG CHỦ Ý

Under this heading we may group together all those cases in which visions of some event which is taking place at a distance are seen quite unexpectedly and without any kind of preparation. There are people who are subject to such visions, while there are many others to whom such a thing will happen only once in a life-time. The visions are of all kinds and of all degrees of completeness, and apparently may be produced by various causes. Sometimes the reason of the vision is obvious, and the subject-matter of the gravest importance; at other times no reason at all is discoverable, and the events shown seem of the most trivial nature.

Dưới tiêu đề này, chúng ta có thể nhóm lại tất cả những trường hợp trong đó các linh ảnh về một sự kiện đang diễn ra ở xa được nhìn thấy một cách hoàn toàn bất ngờ và không có bất kỳ loại chuẩn bị nào. Có những người dễ gặp những linh ảnh như vậy, trong khi có nhiều người khác mà điều đó chỉ xảy ra một lần trong đời. Các linh ảnh thuộc đủ mọi loại và mọi mức độ hoàn thiện, và rõ ràng có thể được tạo ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Đôi khi lý do của linh ảnh là hiển nhiên, và nội dung có tầm quan trọng nghiêm trọng nhất; lúc khác không thể khám phá ra lý do nào cả, và các sự kiện được hiển thị dường như có bản chất tầm thường nhất.

Sometimes these glimpses of the superphysical faculty come as waking visions, and sometimes they manifest during sleep as vivid or oft-repeated dreams. In this latter case the sight employed is perhaps usually of kind assigned to our fourth subdivision of clairvoyance in space, for the sleeping man often travels in his astral body to some spot with which his affections or interests are closely connected, and simply watches what takes place there; in the former it seems probable that the second type of clairvoyance, by means of the astral [79] current, is called into requisition. But in this case the current or tube is formed quite unconsciously, and is often the automatic result of a strong thought or emotion projected from one end or the other —either from the seer or the person who is seen.

Đôi khi những cái nhìn thoáng qua về năng lực siêu hồng trần này đến như những linh ảnh lúc tỉnh, và đôi khi chúng biểu hiện trong giấc ngủ như những giấc mơ sống động hoặc thường xuyên lặp lại. Trong trường hợp sau, cái nhìn được sử dụng có lẽ thường thuộc loại được xếp vào phân đoạn thứ tư của thông nhãn trong không gian, vì người đang ngủ thường du hành trong thể cảm dục của mình đến một nơi nào đó mà tình cảm hoặc sở thích của y gắn bó chặt chẽ, và chỉ đơn giản quan sát những gì diễn ra ở đó; trong trường hợp trước, có vẻ như loại thông nhãn thứ hai, bằng phương tiện [79] dòng cảm dục, được huy động. Nhưng trong trường hợp này, dòng chảy hoặc cái ống được hình thành một cách hoàn toàn vô thức, và thường là kết quả tự động của một tư tưởng hoặc cảm xúc mạnh mẽ được phóng chiếu từ đầu này hoặc đầu kia—hoặc từ nhà thông nhãn hoặc người được nhìn thấy.

The simplest plan will be to give a few instances of the different kinds, and to

Kế hoạch đơn giản nhất sẽ là đưa ra một vài ví dụ về các loại khác nhau, và xen kẽ giữa

intersperse among them such further explanations as may seem necessary. Mr. Stead has collected a large and varied assortment of recent and well-authenticated cases in his Real Ghost Stories, and I will select some of my examples from them, occasionally condensing slightly to save space.

chúng là những lời giải thích thêm nếu thấy cần thiết. Ông Stead đã thu thập một danh mục lớn và đa dạng các trường hợp gần đây và được xác thực rõ ràng trong cuốn *Real Ghost Stories* của mình, và tôi sẽ chọn một số ví dụ của mình từ đó, thỉnh thoảng tóm tắt nhẹ để tiết kiệm không gian.

There are cases in which it is at once obvious to any Theosophical student that the exceptional instance of clairvoyance was specially brought about by one of the band whom we have called "Invisible Helpers" in order that aid might be rendered to some one in sore need. To this class, undoubtedly, belongs the story told by Captain Yonnt, of the Napa Valley in California, to Dr. Bushnell, who repeats it in his Nature and the Supernatural (page 14).

Có những trường hợp mà bất kỳ đạo sinh Thông Thiên Học nào cũng nhận thấy ngay lập tức rằng trường hợp thông nhãn ngoại lệ đó được tạo ra một cách đặc biệt bởi một người trong nhóm mà chúng ta gọi là "Những Người Phụ Giúp Vô Hình" để sự trợ giúp có thể được chuyển đến cho một người nào đó đang trong cơn túng quẫn. Thuộc loại này, chắc chắn, là câu chuyện do Thuyền trưởng Yonnt, ở Thung lũng Napa tại California, kể cho Tiến sĩ Bushnell, người đã lặp lại nó trong cuốn *Nature and the Supernatural* (trang 14) của mình.

"About six or seven years previous, in a midwinter's night, he had a dream in which he saw what appeared to be a company of emigrants arrested by the snows of the mountains, and perishing rapidly by cold and hunger. He noted the very cast of the scenery, marked by a huge, perpendicular front of white rock cliff; he saw the men cutting off what appeared to be treetops rising out of deep gulfs of snow; he distinguished the [80] very features of the persons and the look of their particular distress.

"Khoảng sáu hoặc bảy năm trước, vào một đêm giữa mùa đông, ông đã có một giấc mơ trong đó ông thấy cái vẻ như là một đoàn người di cư bị kẹt bởi tuyết trên núi, và đang chết dần chết mòn vì lạnh và đói. Ông ghi nhận chính xác khung cảnh, được đánh dấu bởi một mặt vách đá dựng đứng khổng lồ màu trắng; ông thấy những người đàn ông đang chặt cái vẻ như là ngọn cây nhô lên từ những vực tuyết sâu; ông phân biệt được [80] chính xác các đặc điểm của những người đó và vẻ ngoài của nỗi thống khổ đặc biệt của họ.

"He awoke profoundly impressed by the distinctness and apparent reality of the dream. He at length fell asleep, and dreamed exactly the same dream over again. In the morning he could not expel it from his mind. Falling in, shortly after which an old hunter comrade, he told his story, and was only the more deeply impressed by his recognizing without hesitation the scenery of the dream. This comrade came over the Sierra by the Carson Valley Pass, and declared that a spot

"Ông thức dậy với ấn tượng sâu sắc bởi sự rõ ràng và thực tế rõ rệt của giấc mơ. Cuối cùng ông ngủ thiếp đi, và mơ lại chính xác cùng một giấc mơ đó một lần nữa. Buổi sáng ông không thể xua nó ra khỏi tâm trí mình. Tình cờ gặp một người bạn thợ săn cũ ngay sau đó, ông kể lại câu chuyện của mình, và càng ấn tượng sâu sắc hơn khi người bạn đó nhận ra không chút do dự khung cảnh trong giấc mơ. Người bạn này đã đi qua dãy Sierra bằng Đèo Thung lũng Carson, và tuyên bố rằng một

in the Pass exactly answered his description.

địa điểm trong Đèo hoàn toàn khớp với mô tả của ông.

"By this the unsophistical patriarch was decided. He immediately collected a company of men, with mules and blankets and all necessary provisions. The neighbours were laughing meantime at this credulity. 'No matter', he said, 'I am able to do this, and I will, for I verily believe that the fact is according to my dream'. The men were sent into the mountains one hundred and fifty miles distant direct to the Carson Valley Pass. And there they found the company exactly in the condition of the dream, and brought in the remnant alive".

"Bởi điều này, vị tộc trưởng chất phác đã quyết định. Ông ngay lập tức tập hợp một nhóm người, với lừa và chăn màn cùng tất cả các nhu yếu phẩm cần thiết. Trong khi đó, hàng xóm đang cười nhạo sự cả tin này. 'Không sao', ông nói, 'tôi có thể làm việc này, và tôi sẽ làm, vì tôi thực sự tin rằng sự thật đúng như giấc mơ của tôi'. Những người đàn ông được cử vào vùng núi cách đó một trăm năm mươi dặm trực tiếp đến Đèo Thung lũng Carson. Và ở đó họ tìm thấy đoàn người chính xác trong tình trạng của giấc mơ, và mang những người còn sống sót trở về".

Since it is not stated that Captain Yonnt was in the habit of seeing visions, it seems clear that some helper, observing the forlorn condition of the emigrant party, took the nearest impressionable and otherwise suitable person (who happened to be the Captain) to the spot in the astral body, and aroused him sufficiently to fix the scene firmly in his memory. The helper may [81] possibly have arranged an "astral current" for the Captain instead, but the former suggestion is more probable. At any rate the motive, and broadly the method, of the work are obvious enough in this case.

Vì không có ghi chép nào cho thấy Thuyền trưởng Yonnt có thói quen nhìn thấy các linh ảnh, nên rõ ràng là một người phụ giúp nào đó, khi quan sát thấy tình trạng tuyệt vọng của nhóm người di cư, đã đưa người dễ tiếp nhận và phù hợp nhất (tình cờ là vị Thuyền trưởng) đến địa điểm đó trong thể cảm dục, và đánh thức ông đủ để khắc sâu cảnh tượng đó vào trí nhớ của ông. Người phụ giúp có thể [81] đã sắp xếp một "dòng cảm dục" cho vị Thuyền trưởng thay vào đó, nhưng gợi ý trước có khả năng hơn. Dù sao đi nữa, động cơ, và rộng hơn là phương pháp của công việc là đủ rõ ràng trong trường hợp này.

Sometimes the "astral current" may be set going by a strong emotional thought at the other end of the line, and this may haven even though the thinker has no such intention in his mind. In the rather striking story which I am about to quote, it is evident that the link was formed by the doctor's frequent thought about Mrs. Broughton, yet he had clearly no especial wish that she should see what he was going at the time. That it was this kind of clairvoyance that was employed is shown by the fixity of her point of view—which, be it observed, is not the doctor's point of view sympathetically transferred (as it might have been), since she sees his back without recognizing him. The

Đôi khi "dòng cảm dục" có thể được khởi động bởi một tư tưởng cảm xúc mạnh mẽ ở đầu kia của đường dây, và điều này có thể xảy ra ngay cả khi người suy nghĩ không có ý định như vậy trong tâm trí mình. Trong câu chuyện khá ấn tượng mà tôi sắp trích dẫn, rõ ràng là mối liên kết được hình thành bởi tư tưởng thường xuyên của vị bác sĩ về Bà Broughton, tuy nhiên ông rõ ràng không có mong muốn đặc biệt nào rằng bà sẽ thấy những gì ông đang làm vào lúc đó. Việc loại thông nhãn này được sử dụng được thể hiện qua sự cố định trong điểm nhìn của bà—điều mà, cần lưu ý, không phải là điểm nhìn của vị bác sĩ được chuyển giao một cách đồng cảm (như lẽ ra có thể), vì bà thấy lưng ông mà

story is to be found in the Proceedings of the Psychical Research Society (Volume 2, page 160).

"Mrs. Broughton awoke one night in 1844, and roused her husband, telling him that something dreadful had happened in France. He begged her to go to sleep again, and not trouble him. She assured him that she was not asleep when she saw what she insisted on telling him—what she saw in fact.

"First a carriage accident—which she did not actually see, but what she saw was the result—a broken carriage, a crowd collected, a figure gently raised and carried into the nearest house, then a figure lying on a bed which she then recognized as the Duke of Orleans. [82] Gradually friends collecting round the bed—among them several members of the French royal family- the queen, then the king, all silently, tearfully, watching the evidently dying duke. One man (she could see his back, but did not know who he was) was a doctor. He stood bending over the duke, feeling his pulse, with his watch in the other hand. And then all passed away, and she saw no more.

"As soon as it was daylight she wrote down in her journal all that she had seen. It was before the days of the electric telegraph, and two or more days passed before the Times announced 'The Death of the Duke of Orleans'. Visiting Paris a short time afterwards she saw and recognized the place of the accident and received the explanation of her impression. The doctor who attended the dying duke was an old friend of hers, and as he watched by the bed his mind had been constantly occupied with her and her family".

A commoner instance is that in which strong affection sets up the necessary current; probably a fairly steady stream of

không nhận ra ông. Câu chuyện có thể được tìm thấy trong *Proceedings of the Psychical Research Society* (Tập 2, trang 160).

"Bà Broughton thức dậy vào một đêm năm 1844, và đánh thức chồng mình, nói với ông rằng một điều gì đó khủng khiếp đã xảy ra ở Pháp. Ông xin bà đi ngủ lại và đừng làm phiền ông. Bà cam đoan với ông rằng bà không hề ngủ khi thấy những gì bà nhấn mạnh muốn kể cho ông—những gì bà thực sự đã thấy.

"Đầu tiên là một vụ tai nạn xe ngựa—mà bà không thực sự thấy, nhưng những gì bà thấy là kết quả—một chiếc xe ngựa bị hỏng, một đám đông tụ tập, một hình dáng được nâng lên nhẹ nhàng và đưa vào ngôi nhà gần nhất, sau đó là một hình dáng nằm trên giường mà khi đó bà nhận ra là Công tước xứ Orleans. [82] Dần dần bạn bè tụ tập quanh giường—trong số đó có vài thành viên của hoàng gia Pháp—hoàng hậu, rồi nhà vua, tất cả đều im lặng, đẫm lệ, quan sát vị công tước rõ ràng là đang hấp hối. Một người đàn ông (bà có thể thấy lưng ông, nhưng không biết ông là ai) là một bác sĩ. Ông đứng cúi người trên vị công tước, bắt mạch, với chiếc đồng hồ ở tay kia. Và rồi tất cả trôi qua, và bà không thấy gì thêm nữa.

"Ngay khi trời sáng, bà đã viết vào nhật ký của mình tất cả những gì bà đã thấy. Đó là trước thời của điện báo, và hai hoặc nhiều ngày trôi qua trước khi tờ *Times* thông báo 'Cái chết của Công tước xứ Orleans'. Đến thăm Paris một thời gian ngắn sau đó, bà đã thấy và nhận ra địa điểm xảy ra tai nạn và nhận được lời giải thích cho ấn tượng của mình. Vị bác sĩ chăm sóc cho vị công tước đang hấp hối là một người bạn cũ của bà, và khi ông canh chừng bên giường, tâm trí ông đã liên tục hướng về bà và gia đình bà".

Một trường hợp phổ biến hơn là trường hợp trong đó tình cảm mạnh mẽ thiết lập dòng chảy cần thiết; có lẽ một dòng tư tưởng tương

mutual thought is constantly flowing between the two parties in the case, and some sudden need or dire extremity on the part of one of them endues this stream temporarily with the polarizing power which is needful to create the astral telescope. An illustrative example is quoted from the same Proceedings (volume I, page 30).

hỗ khá ổn định liên tục tuôn chảy giữa hai bên trong trường hợp này, và một nhu cầu đột ngột hoặc tình trạng cực kỳ nguy cấp từ phía một người trong số họ đã tạm thời phú cho dòng chảy này quyền năng phân cực cần thiết để tạo ra kính thiên văn cảm dục. Một ví dụ minh họa được trích dẫn từ cùng tập *Proceedings* (tập I, trang 30).

"On September 9th, 1848, at the siege of Mooltan, Major-General R————, C.B., then adjutant of his regiment, was most severely and dangerously wounded; [83] and, supposing himself to be dying, asked one of the officers with him to take the ring off his finger and send it to this wife, who at the time was fully one hundred and fifty miles distant at Ferozepore.

"Vào ngày 9 tháng 9 năm 1848, tại cuộc bao vây Mooltan, Thiếu tướng R————, C.B., khi đó là sĩ quan phụ tá của trung đoàn mình, đã bị thương rất nặng và nguy kịch; [83] và, cho rằng mình sắp chết, đã yêu cầu một trong những sĩ quan đi cùng tháo chiếc nhẫn khỏi ngón tay mình và gửi cho vợ, người lúc đó đang ở cách xa trọn vẹn một trăm năm mươi dặm tại Ferozepore.

"'On the night of September 9th, 1848', writes his wife, 'I was lying on my bed, between sleeping and waking, when I distinctly saw my husband being carried off the field seriously wounded, and heard his voice saying, "Take this ring off my finger and send it to my wife". All the next day I could not get the sight or the voice of of my mind.

"'Vào đêm ngày 9 tháng 9 năm 1848', vợ ông viết, 'tôi đang nằm trên giường, giữa lúc ngủ và thức, thì tôi thấy rõ ràng chồng mình đang được khiêng ra khỏi chiến trường với vết thương nghiêm trọng, và nghe thấy giọng nói của ông nói rằng: "Hãy tháo chiếc nhẫn này khỏi ngón tay tôi và gửi cho vợ tôi". Suốt cả ngày hôm sau, tôi không thể xua được cảnh tượng hay giọng nói đó ra khỏi tâm trí mình.

"'In due time I heard of General R—— having been severely wounded in the assault of Mooltan. He survived, however, and is still living. It was not for some time after the siege that I heard from General L——, the officer who helped to carry my husband off the field, that the request as to the ring was actually made by him, just as I heard it at Ferozepore at that very time".

"'Đúng lúc đó, tôi nghe tin Tướng R—— đã bị thương nặng trong cuộc tấn công vào Mooltan. Tuy nhiên, ông ấy đã sống sót và hiện vẫn còn sống. Phải một thời gian sau cuộc bao vây, tôi mới nghe Tướng L——, sĩ quan đã giúp đưa chồng tôi ra khỏi chiến trường, kể rằng yêu cầu về chiếc nhẫn thực sự là do ông ấy đưa ra, đúng như những gì tôi đã nghe tại Ferozepore vào chính thời điểm đó".

Then there is the very large class of casual clairvoyant visions which have no traceable cause—which are apparently quite meaningless, and have no recognizable relation to any events known to the seer. To this class belong many of the landscapes

Sau đó là một loại linh ảnh thông nhãn ngẫu nhiên rất phổ biến mà không có nguyên nhân rõ ràng nào—chúng dường như hoàn toàn vô nghĩa và không có mối liên hệ nào có thể nhận ra với bất kỳ sự kiện nào mà nhà thông nhãn đã biết. Thuộc loại này là nhiều

seen by some people just before they fall asleep. I quote a capital and very realistic account of an experience of this sort from W.T.Stead's Real Ghost Stories (page 65).

cảnh quan mà một số người nhìn thấy ngay trước khi họ chìm vào giấc ngủ. Tôi xin trích dẫn một lời kể rất hay và thực tế về một trải nghiệm loại này từ cuốn Real Ghost Stories của W.T. Stead (trang 65).

"I got into bed but was not able to go to sleep, I shut my eyes and waited for sleep to come; instead of sleep, however, there came to me a succession of [84] curiously vivid clairvoyant pictures. There was no light in the room, and it was perfectly dark; I had my eyes shut also. But notwithstanding the darkness I suddenly was conscious of looking at a scene of singular beauty. It was as if I saw a living miniature about the size of a magic-lantern slide. At this moment, I can recall the scene as if I saw it again. It was a seaside piece. The moon was shining upon the water, which rippled slowly on to the beach. Right before me a long mole ran into the water.

"Tôi đã lên giường nhưng không thể ngủ được, tôi nhắm mắt và chờ đợi giấc ngủ đến; tuy nhiên, thay vì giấc ngủ, lại có một chuỗi [84] những hình ảnh thông nhãn sống động một cách kỳ lạ hiện ra với tôi. Trong phòng không có ánh sáng và hoàn toàn tối đen; tôi cũng đang nhắm mắt. Nhưng bất chấp bóng tối, tôi đột nhiên nhận thức được mình đang nhìn vào một cảnh đẹp lạ thường. Nó giống như tôi đang thấy một bức tranh thu nhỏ sống động với kích thước bằng một tấm phim đèn chiếu. Lúc này, tôi có thể nhớ lại cảnh tượng đó như thể tôi đang thấy nó một lần nữa. Đó là một cảnh bên bờ biển. Mặt trăng đang chiếu sáng trên mặt nước, những làn sóng lăn tăn chậm rãi vào bờ. Ngay trước mặt tôi, một cầu cảng dài chạy thẳng ra mặt nước.

"On either side of the mole irregular rocks stood up above the sea-level. On the shore stood several houses, square and rude, which resembled nothing that I had ever seen in house architecture. No one was stirring, but the moon was there and the sea and the gleam of the moonlight on the rippling waters, just as if I had been looking on the actual scene.

"Ở hai bên cầu cảng, những tảng đá lởm chởm nhô lên trên mặt nước biển. Trên bờ có vài ngôi nhà, hình vuông và thô kệch, không giống với bất kỳ kiến trúc nhà cửa nào tôi từng thấy. Không có ai cử động, nhưng có mặt trăng ở đó, có biển và ánh trăng lấp lánh trên làn nước lăn tăn, giống như tôi đang nhìn vào một cảnh tượng thực sự.

"It was so beautiful that I remember thinking that if it continued I should be so interested in looking at it that I should never go to sleep. I was wide awake, and at the same time that I saw the scene I distinctly heard the dripping of the rain outside the window. Then suddenly, without any apparent object or reason, the scene changed.

"Nó đẹp đến mức tôi nhớ mình đã nghĩ rằng nếu nó tiếp tục, tôi sẽ quá say mê nhìn ngắm đến nỗi không bao giờ ngủ được. Tôi hoàn toàn tỉnh táo, và cùng lúc nhìn thấy cảnh tượng đó, tôi nghe rõ tiếng mưa rơi tí tách bên ngoài cửa sổ. Rồi đột nhiên, không có mục đích hay lý do rõ ràng nào, cảnh tượng thay đổi.

"The moonlit sea vanished, and in its place I was looking right into the interior of a reading-room. It seemed as if it had been

"Cảnh biển dưới trăng biến mất, và thay vào đó, tôi đang nhìn thẳng vào bên trong một phòng đọc sách. Có vẻ như nó đã được dùng

used as a schoolroom in the daytime, and was employed as a reading-room in the evening. I remember seeing one reader who had a curious resemble to Tim Harrington, although it [85] was not he, hold up a magazine or book in his hand and laugh. It was not a picture—it was there.

làm phòng học vào ban ngày và được sử dụng làm phòng đọc vào buổi tối. Tôi nhớ mình đã thấy một người đọc sách có nét giống Tim Harrington một cách kỳ lạ, mặc dù [85] đó không phải là ông ấy, đang cầm một tờ tạp chí hoặc cuốn sách trên tay và cười. Đó không phải là một bức tranh—nó đang hiện hữu ở đó.

"The scene was just as if you were looking through an opera-glass; you saw the play of the muscles, the gleaming of the eye, every movement of the unknown persons in the unnamed place into which you were gazing. I saw all that without opening my eyes, nor did my eyes have anything to do with it. You see such things as these as it were with another sense which is more inside your head than in your eyes.

"Cảnh tượng giống như bạn đang nhìn qua một chiếc ống nhòm sân khấu; bạn thấy sự chuyển động của các cơ, sự lấp lánh của đôi mắt, mọi cử động của những người xa lạ ở một nơi không tên mà bạn đang nhìn vào. Tôi đã thấy tất cả những điều đó mà không cần mở mắt, và đôi mắt tôi cũng không liên quan gì đến việc đó. Bạn thấy những thứ như thế này bằng một giác quan khác, nó nằm ở bên trong đầu hơn là ở đôi mắt.

"This was a very poor and paltry experience, but it enabled me to understand better how it is that clairvoyants see than any amount of disquisition.

"Đây là một trải nghiệm rất nghèo nàn và tầm thường, nhưng nó giúp tôi hiểu rõ hơn về cách thức mà các nhà thông nhãn nhìn thấy hơn là bất kỳ bài luận thuyết nào.

"The picture were a propos of nothing; they had been suggested by nothing I had been reading or talking of; they simply came as if I had been able to look through a glass at what was occurring somewhere else in the world. I had my peep, and then it passed, nor have I had a recurrence of a similar experience".

"Những hình ảnh này *không liên quan* đến bất cứ điều gì; chúng không được gợi ý bởi bất cứ điều gì tôi đã đọc hoặc đang nói đến; chúng đơn giản hiện đến như thể tôi có thể nhìn qua một thấu kính vào những gì đang xảy ra ở một nơi nào đó khác trên thế giới. Tôi đã liếc nhìn một cái, rồi nó trôi qua, và tôi cũng không gặp lại trải nghiệm tương tự nào nữa".

Mr. Stead regards that as a “poor and paltry experience”, and it may perhaps be considered so when compared with the greater possibilities, yet I know many students who would be very thankful to have even so much of direct personal experience to tell. Small though it may be in itself, it at once gives the seer a clue to the whole thing, and clairvoyance would be a living actuality to a man who had seen even that much in a way that it could never have been without that little touch with the unseen world.

Ông Stead coi đó là một “trải nghiệm nghèo nàn và tầm thường”, và có lẽ nó có thể được coi là như vậy khi so sánh với những khả năng lớn lao hơn, tuy nhiên tôi biết nhiều đạo sinh sẽ rất biết ơn nếu có được dù chỉ bấy nhiêu trải nghiệm cá nhân trực tiếp để kể lại. Dù tự thân nó có thể nhỏ bé, nhưng nó ngay lập tức cung cấp cho nhà thông nhãn một manh mối về toàn bộ sự việc, và thông nhãn sẽ là một thực tại sống động đối với một người đã thấy dù chỉ bấy nhiêu theo cách mà nó không bao giờ có được nếu thiếu đi sự tiếp xúc nhỏ bé đó với thế giới vô hình.

These pictures were much too clear to have been [86] mere reflections of the thought of others, and besides, the description unmistakably shows that they were views seen through an astral telescope; so either Mr. Stead must quite unconsciously have set a current going for himself, or (which is much more probable) some kindly astral entity set it in motion for him, and gave him, to while away a tedious delay, any pictures that happened to come handy at the end of the tube. [87]

Những hình ảnh này quá rõ ràng để có thể [86] chỉ là những phản chiếu tư tưởng của người khác, và hơn nữa, mô tả này cho thấy rõ ràng rằng chúng là những cảnh tượng được nhìn qua một kính viễn vọng cảm dục; vì vậy, hoặc là ông Stead phải hoàn toàn vô thức tạo ra một luồng lực cho chính mình, hoặc (điều này có khả năng hơn nhiều) một thực thể cảm dục nhân từ nào đó đã khởi động nó cho ông, và đưa cho ông bất kỳ hình ảnh nào tình cờ có sẵn ở đầu ống để giúp ông giết thời gian trong lúc chờ đợi tẻ nhạt. [87]

# CHAPTER -7-

# CLAIRVOYANCE IN TIME: THE PAST
# THÔNG NHÃN TRONG THỜI GIAN: QUÁ KHỨ

Clairvoyance in time—that is to say, the power of reading the past and the future- is, like all the other varieties, possessed by different people in very varying degrees, ranging from the man who has both faculties fully at his command, down to one who only occasionally gets involuntary and very imperfect glimpses or reflections of these scenes of other days. A person of the latter type might have, let us say, a vision of some event in the past; but it would be liable to the most serious distortion, and even if it happened to be fairly accurate it would almost certainly be a mere isolated picture, and he would probably be quite unable to relate it to what had occurred before or after it, or account for anything unusual which might appear in it. The trained man, on the other hand, could follow the drama connected with his picture backwards or forwards to any extent that might seem desirable, and trace out with equal ease the causes which had led up to it or the results which it in turn would produce.

Thông nhãn trong thời gian—nghĩa là năng lực đọc được quá khứ và tương lai—giống như tất cả các biến thể khác, được sở hữu bởi những người khác nhau ở các cấp độ rất khác nhau, từ người có cả hai khả năng hoàn toàn theo ý muốn, cho đến người chỉ thỉnh thoảng có được những cái nhìn thoáng qua hoặc những phản chiếu không tự nguyện và rất khiếm khuyết về những cảnh tượng của những ngày xưa cũ. Một người thuộc loại sau có thể có, chúng ta hãy nói rằng, một linh ảnh về một sự kiện nào đó trong quá khứ; nhưng nó dễ bị biến dạng nghiêm trọng, và ngay cả khi nó tình cờ khá chính xác, nó gần như chắc chắn sẽ chỉ là một hình ảnh cô lập, và y có lẽ hoàn toàn không thể liên kết nó với những gì đã xảy ra trước hoặc sau đó, hoặc giải thích cho bất kỳ điều gì bất thường có thể xuất hiện trong đó. Trái lại, người đã được huấn luyện có thể theo dõi vở kịch liên quan đến hình ảnh của mình về phía trước hoặc phía sau đến bất kỳ mức độ nào thấy cần thiết, và truy tìm với sự dễ dàng tương đương các nguyên nhân đã dẫn đến nó hoặc những kết quả mà đến lượt nó sẽ tạo ra.

We shall probably find it easier to grasp this somewhat difficult section of our subject if we consider it in the subdivisions which naturally suggest themselves, [88] and deal first with the vision which looks backwards into the past, leaving for later examination that which pierces the veil of the future. In each case it will be well for us to try to understand what we can of the modus operandi, even though our success can at best be only very modified one, owing first to the imperfect information on some parts of the subject at present possessed by our investigators, and secondly to the recurring failure of physical words to express a

Chúng ta có lẽ sẽ thấy dễ dàng hơn để nắm bắt phần hơi khó khăn này của chủ đề nếu chúng ta xem xét nó theo các phân đoạn tự nhiên hiện ra, [88] và đề cập trước hết đến tầm nhìn nhìn ngược vào quá khứ, để lại cho việc xem xét sau này tầm nhìn xuyên thấu bức màn tương lai. Trong mỗi trường hợp, chúng ta nên cố gắng thấu hiểu những gì có thể về *cách thức vận hành*, ngay cả khi thành công của chúng ta ở mức tốt nhất cũng chỉ là một sự điều chỉnh rất hạn chế, trước hết là do thông tin khiếm khuyết về một số phần của chủ đề mà các nhà nghiên cứu của chúng ta hiện đang sở hữu, và thứ hai là do sự thất bại thường xuyên của ngôn từ hồng trần trong

hundred part even of the little we do known about higher planes and faculties.

việc diễn đạt dù chỉ một phần trăm của những gì ít ỏi mà chúng ta *thực sự* biết về các cõi giới và năng lực cao hơn.

In the case then of a detailed vision of the remote past, how is it obtained, and to what plane of Nature does it really belong? The answer to both these questions is contained in the reply that it is read from the âkâshic records; but that statement in return will require a certain amount of explanation for many readers. The word is in truth somewhat of a misnomer, for though the records are undoubtedly read from the âkâsha, or matter of the mental plane, yet it is not to it that they really belong. Still worse is the alternative title, "records of the astral light", which has sometimes been employed, for these records lie far beyond the astral plane, and all that can be obtained on it are only broken glimpses of a kind of double reflection of them, as will presently be explained.

Vậy thì trong trường hợp của một linh ảnh chi tiết về quá khứ xa xôi, nó được thu nhận như thế nào, và nó thực sự thuộc về cõi giới nào của Tự nhiên? Câu trả lời cho cả hai câu hỏi này nằm trong lời đáp rằng nó được đọc từ các hồ sơ akasha; nhưng tuyên bố đó đến lượt nó sẽ đòi hỏi một mức độ giải thích nhất định cho nhiều độc giả. Từ này thực sự có phần hơi nhầm lẫn, vì mặc dù các hồ sơ chắc chắn được đọc từ akasha, hay vật chất của cõi trí, nhưng chúng không thực sự thuộc về cõi đó. Thậm chí còn tệ hơn là tên gọi thay thế, "hồ sơ của ánh sáng cảm dục", đôi khi được sử dụng, vì những hồ sơ này nằm xa bên ngoài cõi cảm dục, và tất cả những gì có thể thu được trên đó chỉ là những cái nhìn thoáng qua rời rạc của một loại phản chiếu kép về chúng, như sẽ được giải thích ngay sau đây.

Like so many others of our Theosophical terms, the word âkâsha has been very loosely used. In some of our earlier books it was considered as synonymous with astral light, and in others it was employed to signify any kind [89] of invisible matter, from Mulaprakriti down to the physical ether. In later books its use has been restricted to the matter of the mental plane, and it is in that sense that the records may be spoken of as âkâshic, for although they are not originally made on that plane any more than on the astral, yet it is there that we first come definitely into contact with them and find it possible to do reliable work with them.

Giống như rất nhiều thuật ngữ Thông Thiên Học khác của chúng ta, từ akasha đã được sử dụng rất lỏng lẻo. Trong một số cuốn sách sớm hơn của chúng ta, nó được coi là đồng nghĩa với ánh sáng cảm dục, và trong những cuốn khác, nó được dùng để chỉ bất kỳ loại [89] vật chất vô hình nào, từ Mulaprakriti xuống đến dĩ thái hồng trần. Trong các cuốn sách sau này, việc sử dụng nó đã được giới hạn trong vật chất của cõi trí, và chính theo nghĩa đó mà các hồ sơ có thể được gọi là thuộc về akasha, vì mặc dù ban đầu chúng không được tạo ra trên cõi đó cũng như trên cõi cảm dục, nhưng chính tại đó chúng ta lần đầu tiên tiếp xúc một cách xác định với chúng và thấy có thể làm việc một cách đáng tin cậy với chúng.

This subject of the records is by no means an easy one to deal with, for it is one of that numerous class which requires for its perfect comprehension faculties of a far higher order than any which humanity has yet evolved. The real solution of its problems

Chủ đề về các hồ sơ này hoàn toàn không phải là một chủ đề dễ xử lý, vì nó thuộc về lớp đối tượng đông đảo đòi hỏi các năng lực thuộc cấp độ cao hơn nhiều so với bất kỳ năng lực nào mà nhân loại đã tiến hóa cho đến nay để có thể thấu hiểu hoàn hảo. Giải

lies on planes far beyond any that we can possibly know at present, and any view that we take of it must necessarily be of the most imperfect character, since we cannot but look at it from below instead of from above. The idea which we form of it must therefore be only partial, yet it need not mislead us unless we allow ourselves to think of the tiny fragment which is all that we can see as though it were the perfect whole. If we are careful that such conceptions as we may form shall be accurate as far as they go, we shall have nothing to unlearn, though much to add, when in the course of our further progress we gradually acquire the higher wisdom. Be it understood then at the commencement that a thorough grasp of our subject is an impossibility at the present stage of our evolution, and that many points will arise as to which no exact explanation is yet obtainable, though it may often be possible to suggest [90] analogies and to indicate the lines along which an explanation must lie.

pháp thực sự cho các vấn đề của nó nằm trên các cõi giới vượt xa bất kỳ cõi nào chúng ta có thể biết hiện nay, và bất kỳ quan điểm nào chúng ta đưa ra về nó nhất thiết phải mang tính chất khiếm khuyết nhất, vì chúng ta không thể không nhìn nó từ dưới lên thay vì từ trên xuống. Do đó, ý niệm mà chúng ta hình thành về nó chỉ có thể là một phần, tuy nhiên nó không nhất thiết làm chúng ta lạc lối trừ khi chúng ta cho phép mình nghĩ về mảnh vụn nhỏ bé mà chúng ta có thể thấy như thể nó là một tổng thể hoàn hảo. Nếu chúng ta cẩn thận để những khái niệm mà chúng ta hình thành được chính xác trong phạm vi của chúng, chúng ta sẽ không có gì phải học lại, mặc dù phải thêm vào rất nhiều, khi trong tiến trình thăng tiến xa hơn, chúng ta dần dần đạt được minh triết cao hơn. Vậy thì ngay từ đầu cần hiểu rằng việc nắm bắt thấu đáo chủ đề của chúng ta là một điều bất khả thi ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, và nhiều điểm sẽ nảy sinh mà chưa thể có lời giải thích chính xác nào, mặc dù thường có thể gợi ý [90] những sự tương đồng và chỉ ra các hướng mà một lời giải thích phải đi theo.

Let us then try to carry back our thoughts to the beginning of this solar system to which we belong. We are all familiar with the ordinary astronomical theory of its origin—that which is commonly called the nebular hypothesis—according to which it first came into existence as a gigantic glowing nebula, of a diameter far exceeding that of the orbit of even the outermost of the planets, and then, as in the course of countless ages that enormous sphere gradually cooled and contracted, the system as we know it was formed.

Vậy chúng ta hãy thử đưa tư tưởng của mình trở lại thời điểm bắt đầu của hệ mặt trời này mà chúng ta thuộc về. Tất cả chúng ta đều quen thuộc với lý thuyết thiên văn thông thường về nguồn gốc của nó—thứ thường được gọi là giả thuyết tinh vân—theo đó ban đầu nó hiện hữu như một tinh vân rực sáng khổng lồ, có đường kính vượt xa quỹ đạo của ngay cả hành tinh ngoài cùng, và sau đó, trong tiến trình của vô số thời đại, khối cầu khổng lồ đó dần dần nguội đi và co lại, hệ thống như chúng ta biết đã được hình thành.

Occult science accepts that theory, in its broad outline, as correctly representing the purely physical side of the evolution of our system, but it would add that if we confine our attention to this physical side only we shall have a very incomplete and incoherent idea of what really happened. It would postulate, to begin with, that the exalted

Khoa học huyền bí chấp nhận lý thuyết đó, trong những nét khái quát của nó, như là sự đại diện chính xác cho khía cạnh vật chất thuần túy của sự tiến hóa của hệ thống chúng ta, nhưng nó sẽ thêm rằng nếu chúng ta chỉ giới hạn sự chú ý vào khía cạnh vật chất này, chúng ta sẽ có một ý niệm rất khiếm khuyết và rời rạc về những gì thực sự

Being who undertakes the formation of a system (whom we sometimes call the Logos of the system) first of all forms in his mind a complete conception of the whole of it with all its successive chains of worlds. By the very act of forming that conception He calls the whole into simultaneous objective existence on the plane of His thought—a plane of course far above all those of which we know anything—from which the various globes descend when required into whatever state of further objectivity may be respectively destined for them. Unless we constantly bear in mind this fact of the real existence of the whole system [91] from the very beginning on a higher plane, we shall be perpetually misunderstanding the physical evolution which we see taking place down here.

đã xảy ra. Trước hết, nó mặc định rằng Thực Thể cao cả đảm nhận việc hình thành một hệ thống (người mà chúng ta đôi khi gọi là Thượng đế của hệ thống) trước hết hình thành trong trí Ngài một khái niệm hoàn chỉnh về toàn bộ hệ thống với tất cả các dãy thế giới kế tiếp của nó. Bằng chính hành động hình thành khái niệm đó, Ngài gọi toàn bộ vào sự hiện hữu khách quan đồng thời trên cõi tư tưởng của Ngài—một cõi tất nhiên vượt xa tất cả những cõi mà chúng ta biết—từ đó các bầu hành tinh khác nhau đi xuống khi cần thiết vào bất kỳ trạng thái khách quan xa hơn nào tương ứng được dành cho chúng. Trừ khi chúng ta liên tục ghi nhớ sự thật này về sự hiện hữu thực sự của toàn bộ hệ thống [91] ngay từ đầu trên một cõi cao hơn, chúng ta sẽ vĩnh viễn hiểu sai về sự tiến hóa vật chất mà chúng ta thấy đang diễn ra ở dưới đây.

But Occultism has more than this to teach us on the subject. It tells us not only that all this wonderful system to which we belong is called into existence by the Logos, both on lower and on higher planes, but also that its relation to Him is closer even than that, for it is absolutely a part of Him—a partial expression of Him upon the physical plane—and that the movement and energy of the whole system is his energy, and is all carried on within the limits of his aura. Stupendous as this conception is, it will yet not be wholly unthinkable to those of us who have made any study of the subject of the aura.

Nhưng Huyền bí học còn nhiều điều hơn thế để dạy chúng ta về chủ đề này. Nó cho chúng ta biết không chỉ rằng tất cả hệ thống tuyệt vời này mà chúng ta thuộc về được gọi vào sự hiện hữu bởi Thượng đế, cả trên các cõi thấp và cao, mà còn rằng mối quan hệ của nó với Ngài thậm chí còn gần gũi hơn thế, vì nó tuyệt đối là một phần của Ngài—một sự biểu hiện một phần của Ngài trên cõi hồng trần—và rằng sự vận động và năng lượng của toàn bộ hệ thống là năng lượng của Ngài, và tất cả đều được thực hiện trong giới hạn hào quang của Ngài. Dù khái niệm này có vẻ vĩ đại đến đâu, nó vẫn không hoàn toàn là không thể suy nghĩ được đối với những ai trong chúng ta đã nghiên cứu về chủ đề hào quang.

We are familiar with the idea that as a person progresses on the upward path his causal body, which is the determining limit of his aura, distinctly increases in size as well as in luminosity and purity of colour. Many of us know from experience that the aura of a pupil who has already made considerable advance on the Path is very much larger than that of one who is but just setting his foot upon its first step, while in the case of an

Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng khi một người tiến bộ trên con đường thăng thượng, thể nguyên nhân của y, vốn là giới hạn xác định của hào quang y, tăng lên rõ rệt về kích thước cũng như về độ sáng và sự tinh khiết của màu sắc. Nhiều người trong chúng ta biết từ kinh nghiệm rằng hào quang của một môn sinh đã có những bước tiến đáng kể trên Đường Đạo lớn hơn nhiều so với hào quang của một người chỉ mới đặt chân lên

Adept the proportional increase is far greater still. We read in quite exoteric Oriental scriptures of the immense extension of the aura of the Buddha; I think that three miles is mentioned on one occasion as its limit, but whatever the exact measurement may be, it is obvious that we have here another record of this fact of the extremely rapid growth of the causal body as [92] man passes on his upward way. There can be little doubt that the rate of this growth would itself increase in geometrical progression, so that it need not surprise us to hear of an Adept on a still higher level whose aura is capable of including the entire world at once; and from this we may gradually lead our minds up to the conception that there is a Being so exalted as to comprehend within Himself the whole of our solar system. And we should remember that, enormous as this seems to us, it is but as the tiniest drop in the vast ocean of space.

bước đầu tiên, trong khi trong trường hợp của một Chân sư, sự gia tăng tỷ lệ còn lớn hơn nhiều. Chúng ta đọc trong các kinh điển Đông phương khá phổ thông về sự mở rộng to lớn của hào quang Đức Phật; tôi nghĩ rằng có lần ba dặm đã được nhắc đến như giới hạn của nó, nhưng dù phép đo chính xác là bao nhiêu, rõ ràng là ở đây chúng ta có một hồ sơ khác về sự thật này về sự tăng trưởng cực kỳ nhanh chóng của thể nguyên nhân khi [92] con người bước đi trên con đường thăng thượng của mình. Có rất ít nghi ngờ rằng tốc độ tăng trưởng này tự nó sẽ tăng theo cấp số nhân, vì vậy chúng ta không cần ngạc nhiên khi nghe nói về một Chân sư ở cấp độ cao hơn nữa có hào quang khả dĩ bao trùm toàn bộ thế giới cùng một lúc; và từ đây chúng ta có thể dần dần đưa tâm trí mình lên đến khái niệm rằng có một Thực Thể cao cả đến mức bao hàm trong chính Ngài toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta. Và chúng ta nên nhớ rằng, dù điều này có vẻ to lớn đối với chúng ta, nó cũng chỉ như một giọt nước nhỏ nhất trong đại dương bao la của không gian.

So of the Logos (who has in Him all the capacities and qualities with which we can possibly endow the highest God we can imagine) it is literally true, as was said of old, that “of Him and through Him, and to Him are all things”, and “in Him we live and move and have our being”.

Vì vậy, đối với Thượng đế (Đấng có trong Ngài tất cả các năng lực và phẩm tính mà chúng ta có thể ban tặng cho vị Thượng đế cao nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng), điều đó theo nghĩa đen là đúng, như đã được nói từ xưa rằng, “mọi vật đều từ Ngài, qua Ngài và hướng về Ngài”, và “trong Ngài chúng ta sống, cử động và có bản thể của mình”.

Now if this be so, it is clear that whatever happens within our system happens absolutely within the consciousness of its Logos, and so we at once see that the true record must be His memory; and furthermore, it is obvious that on whatever plane that wondrous memory exists, it cannot but be far above anything that we know, and consequently whatever records we may find ourselves able to read must be only a reflection of that great dominant fact, mirrored in the denser media of the lower planes.

Bây giờ nếu đúng như vậy, rõ ràng là bất cứ điều gì xảy ra trong hệ thống của chúng ta đều xảy ra tuyệt đối trong tâm thức của Thượng đế của hệ thống đó, và vì vậy chúng ta ngay lập tức thấy rằng hồ sơ thực sự phải là ký ức của Ngài; và hơn nữa, rõ ràng là trên bất kỳ cõi nào mà ký ức kỳ diệu đó tồn tại, nó không thể không vượt xa bất cứ điều gì chúng ta biết, và do đó bất kỳ hồ sơ nào chúng ta có thể tự mình đọc được chỉ có thể là một phản chiếu của sự thật vĩ đại chủ đạo đó, được soi bóng trong các môi trường đậm đặc hơn của các cõi thấp.

On the astral plane it is at once evident that this is so—that what we are dealing with is only a reflection of a reflection, and an exceedingly imperfect one, for such [93] records as can be reached there are fragmentary in the extreme, and often seriously distorted. We know how universally water is used as a symbol of the astral light, and in this particular case it is a remarkably apt one. From the surface of still water we may get a clear reflection of the surrounding objects, just as from a mirror; but at the best it is only a reflection—a representation in two dimensions of three-dimensional objects, and therefore differing in all its qualities, except colour, from that which it represents; and in addition to this, it is always reversed.

Trên cõi cảm dục, rõ ràng ngay lập tức là như vậy—rằng những gì chúng ta đang xử lý chỉ là phản chiếu của một phản chiếu, và là một phản chiếu cực kỳ khiếm khuyết, vì những [93] hồ sơ có thể tiếp cận được ở đó cực kỳ rời rạc và thường bị biến dạng nghiêm trọng. Chúng ta biết nước được sử dụng phổ biến như thế nào để làm biểu tượng cho ánh sáng cảm dục, và trong trường hợp cụ thể này, nó là một biểu tượng đặc biệt phù hợp. Từ bề mặt của nước tĩnh, chúng ta có thể có được một phản chiếu rõ ràng về các vật thể xung quanh, giống như từ một chiếc gương; nhưng ở mức tốt nhất nó cũng chỉ là một phản chiếu—một sự đại diện trong hai chiều của các vật thể ba chiều, và do đó khác biệt trong tất cả các phẩm tính của nó, ngoại trừ màu sắc, so với cái mà nó đại diện; và thêm vào đó, nó luôn bị đảo ngược.

But let the surface of the water be ruffled by the wind and what do we find then? A reflection still, certainly, but so broken up and distorted as to be quite useless or even misleading as a guide to the shape and real appearance of the objects reflected. Here and there for a moment we might happen to get a clear reflection of some minute part of the scene—of a single leaf from a tree, for example; but it would need long labour and considerable knowledge of natural laws to build up anything like a true conception of the object reflected by putting together even a large number of such isolated fragments of

Nhưng hãy để bề mặt nước bị xao động bởi gió và khi đó chúng ta thấy gì? Chắc chắn vẫn là một phản chiếu, nhưng bị vỡ vụn và biến dạng đến mức hoàn toàn vô dụng hoặc thậm chí gây lạc lối khi dùng làm chỉ dẫn cho hình dạng và vẻ ngoài thực sự của các vật thể được phản chiếu. Ở đây đó trong một khoảnh khắc, chúng ta có thể tình cờ có được một phản chiếu rõ ràng về một phần nhỏ bé nào đó của cảnh tượng—ví dụ như một chiếc lá duy nhất từ một cái cây; nhưng sẽ cần lao động lâu dài và kiến thức đáng kể về các quy luật tự nhiên để xây dựng nên một khái niệm đúng đắn về vật thể được phản chiếu bằng

an image of it.

cách ghép lại dù là một số lượng lớn các mảnh vụn cô lập như thế của một hình ảnh về nó.

Now in the astral plane we can never have anything approaching to what we have imaged as a still surface, but on the contrary we have always to deal with one in rapid and bewildering motion; judge, therefore, how little we can depend upon getting a clear and definite reflection. Thus a clairvoyant who possesses only the faculty of astral sight can never rely upon any [94] picture of the past that comes before him as being accurate and perfect; here and there some part of it may be so, but he has no means of knowing which it is. If he is under the care of a competent teacher he may, by long and careful training, be shown how to distinguish between reliable and unreliable impressions, and to construct from the broken reflections some kind of image of the object reflected; but usually long before he has mastered those difficulties he will have developed the mental sight, which renders such labour unnecessary.

Bây giờ trong cõi cảm dục, chúng ta không bao giờ có thể có bất cứ thứ gì gần giống với cái mà chúng ta đã hình dung là một bề mặt tĩnh lặng, mà ngược lại, chúng ta luôn phải đối mặt với một bề mặt chuyển động nhanh chóng và gây bối rối; do đó, hãy phán đoán xem chúng ta có thể tin tưởng vào việc có được một phản chiếu rõ ràng và xác định đến mức nào. Vì vậy, một nhà thông nhãn chỉ sở hữu năng lực của nhãn quan cảm dục không bao giờ có thể tin cậy vào bất kỳ [94] hình ảnh nào về quá khứ hiện ra trước mắt mình là chính xác và hoàn hảo; ở đây đó một phần nào đó của nó có thể là như vậy, nhưng y không có cách nào để biết đó là phần nào. Nếu y dưới sự hướng dẫn của một huấn sư có năng lực, y có thể, qua sự huấn luyện lâu dài và cẩn thận, được chỉ cho cách phân biệt giữa các ấn tượng đáng tin cậy và không đáng tin cậy, và xây dựng từ những phản chiếu rời rạc một loại hình ảnh nào đó về vật thể được phản chiếu; nhưng thông thường từ lâu trước khi y làm chủ được những khó khăn đó, y sẽ phát triển nhãn quan trí tuệ, điều khiến cho lao động như vậy trở nên không cần thiết.

On the next plane, which we call the [devachanic] mental, conditions are very different. There the record is full and accurate, and it would be impossible to make any mistake in the reading. That is to say, if three clairvoyants possessing the powers of the mental plane agreed to examine a certain record there, what would be presented to their vision would be absolutely the same reflection in each case, and each would acquire a correct impression from it in reading it. It does not, however, follow that when they all compared notes later on the physical plane their reports would agree exactly. It is well known that, if three people who witness an occurrence down here in the physical world set to work to describe it

Trên cõi tiếp theo, mà chúng ta gọi là cõi trí [devachanic], các điều kiện rất khác biệt. Ở đó hồ sơ đầy đủ và chính xác, và không thể có bất kỳ sai sót nào trong việc đọc. Nghĩa là, nếu ba nhà thông nhãn sở hữu các quyền năng của cõi trí đồng ý cùng kiểm tra một hồ sơ nhất định ở đó, những gì được trình bày trước tầm nhìn của họ sẽ tuyệt đối là cùng một phản chiếu trong mỗi trường hợp, và mỗi người sẽ thu được một ấn tượng chính xác từ nó khi đọc nó. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là khi tất cả họ so sánh các ghi chú sau đó trên cõi hồng trần, các báo cáo của họ sẽ hoàn toàn khớp nhau. Ai cũng biết rằng, nếu ba người chứng kiến một sự việc xảy ra ở dưới đây trong thế giới hồng trần bắt tay vào mô tả nó sau đó, các lời kể của họ sẽ

afterwards, their accounts will differ considerably, for each will have noticed especially those items which most appeal to him, and will insensibly have made them the prominent features of the event, sometimes ignoring other points which were in reality much more important. [95]

khác nhau đáng kể, vì mỗi người sẽ chú ý đặc biệt đến những chi tiết thu hút mình nhất, và sẽ vô tình biến chúng thành những đặc điểm nổi bật của sự kiện, đôi khi phớt lờ các điểm khác mà thực tế quan trọng hơn nhiều. [95]

Now in the case of an observation on the mental plane this personal equation would not appreciably affect the impressions received, for since each would thoroughly grasp the entire subject it would be impossible for him to see its parts out of due proportion; but, except in the case of carefully trained and experienced persons, this factor does come into play in transferring the impressions to the lower planes. It is in the nature of things impossible that any account given down here of a [devachanic] mental vision or experience on the mental plane can be complete, since nine-tenths of what is seen and felt there could not be expressed by physical words at all; and, since all expression must therefore be partial, there is obviously some possibility of selection as to the part expressed. It is for this reason that in all our Theosophical investigations of recent years so much stress has been laid upon the constant checking and verifying of clairvoyant testimony, nothing which rests upon the vision of one person only having been allowed to appear in our later books.

Bây giờ trong trường hợp quan sát trên cõi trí, phương trình cá nhân này sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến các ấn tượng nhận được, vì mỗi người sẽ nắm bắt thấu đáo toàn bộ chủ đề nên y không thể thấy các phần của nó thiếu tỷ lệ cân xứng; nhưng, ngoại trừ trường hợp của những người được huấn luyện cẩn thận và có kinh nghiệm, yếu tố này thực sự có tác động khi chuyển dịch các ấn tượng xuống các cõi thấp hơn. Theo bản chất của sự việc, không thể có bất kỳ lời kể nào được đưa ra ở dưới đây về một linh ảnh trí tuệ [devachanic] hoặc trải nghiệm trên cõi trí mà có thể hoàn chỉnh, vì chín phần mười những gì được thấy và cảm nhận ở đó không thể diễn đạt bằng ngôn từ hồng trần chút nào; và, vì mọi sự diễn đạt do đó phải là một phần, nên rõ ràng là có một số khả năng lựa chọn đối với phần được diễn đạt. Chính vì lý do này mà trong tất cả các cuộc nghiên cứu Thông Thiên Học của chúng ta những năm gần đây, rất nhiều sự nhấn mạnh đã được đặt vào việc liên tục kiểm tra và xác minh lời chứng của các nhà thông nhãn, không có gì chỉ dựa trên tầm nhìn của một người duy nhất được phép xuất hiện trong các cuốn sách sau này của chúng ta.

But even when the possibility of errors from this factor of personal equation has been reduced to a minimum by a careful system of counterchecking, there still remains the very serious difficulty which is inherent in the operation of bringing down impressions from a higher plane to a lower one. This is something analogous to the difficulty experienced by a painter in his endeavour to reproduce a three-dimensional landscape on a flat surface—that is, practically in two dimensions. Just as the artist needs long and

Nhưng ngay cả khi khả năng sai sót từ yếu tố phương trình cá nhân này đã được giảm xuống mức tối thiểu bằng một hệ thống đối chiếu cẩn thận, vẫn còn đó khó khăn rất nghiêm trọng vốn có trong hoạt động mang các ấn tượng từ một cõi cao hơn xuống một cõi thấp hơn. Điều này tương tự như khó khăn mà một họa sĩ gặp phải trong nỗ lực tái hiện một cảnh quan ba chiều trên một bề mặt phẳng—nghĩa là, thực tế là trong hai chiều. Giống như người nghệ sĩ cần sự huấn luyện lâu dài và cẩn thận của mắt và [96] tay

careful training of eye and [96] hand before he can produce a satisfactory representation of Nature, so does the clairvoyant need long and careful training before he can describe accurately on a lower plane what he sees on a higher one; and the probability of getting an exact description from an untrained person is about equal to that of getting a perfectly-finished landscape from one who has never learnt how to draw.

trước khi y có thể tạo ra một sự đại diện thỏa đáng về Tự nhiên, nhà thông nhãn cũng cần sự huấn luyện lâu dài và cẩn thận trước khi y có thể mô tả chính xác trên một cõi thấp hơn những gì y thấy trên một cõi cao hơn; và xác suất nhận được một mô tả chính xác từ một người chưa được huấn luyện cũng tương đương với xác suất nhận được một cảnh quan hoàn thiện hoàn hảo từ một người chưa bao giờ học cách vẽ.

It must be remembered, too, that the most perfect picture is in reality infinitely far from being a reproduction of the scene which it represents, for hardly a single line or angle in it can ever be the same as those in the object copied. It is simply a very ingenious attempt to make upon only one of our five senses, by means of lines and colours on a flat surface, an impression similar to that which would have been made if we had actually had before us the scene depicted. Except by a suggestion dependent entirely on our own previous experience, it can convey to us nothing of the roar of the sea, of the scent of the flowers, of the taste of the fruit, of of the softness or hardness of the surface drawn.

Cũng phải nhớ rằng, bức tranh hoàn hảo nhất trong thực tế vẫn còn cách xa vô tận việc là một sự tái hiện của cảnh tượng mà nó đại diện, vì hầu như không một đường nét hay góc độ nào trong đó có thể giống với những đường nét hay góc độ trong vật thể được sao chép. Nó đơn giản là một nỗ lực rất khéo léo để tạo ra chỉ trên một trong năm giác quan của chúng ta, bằng các đường nét và màu sắc trên một bề mặt phẳng, một ấn tượng tương tự như ấn tượng lẽ ra đã được tạo ra nếu chúng ta thực sự có cảnh tượng được mô tả trước mặt. Ngoại trừ bằng một sự gợi ý phụ thuộc hoàn toàn vào kinh nghiệm trước đây của chính chúng ta, nó không thể truyền tải cho chúng ta điều gì về tiếng gầm của biển, về hương thơm của hoa, về hương vị của trái cây, hay về sự mềm mại hoặc cứng cáp của bề mặt được vẽ.

Of exactly similar nature, though far greater in degree, are the difficulties experienced by a clairvoyant in his attempt to describe upon the physical plane what he has seen upon the astral; and they are furthermore greatly enhanced by the fact that, instead of having merely to recall to the minds of his hearers conceptions with which they are already familiar, as the artist does when he paints men or animals, fields or trees, he has to endeavour by the very imperfect means at his disposal [97] to suggest to them conceptions which in most cases are absolutely new to them.

Có bản chất hoàn toàn tương tự, mặc dù ở mức độ lớn hơn nhiều, là những khó khăn mà một nhà thông nhãn gặp phải trong nỗ lực mô tả trên cõi hồng trần những gì y đã thấy trên cõi cảm dục; và chúng còn được tăng cường đáng kể bởi thực tế là, thay vì chỉ phải gợi lại trong tâm trí người nghe những khái niệm mà họ đã quen thuộc, như người nghệ sĩ làm khi vẽ người hoặc động vật, cánh đồng hoặc cây cối, y phải nỗ lực bằng những phương tiện rất khiếm khuyết có sẵn [97] để gợi ý cho họ những khái niệm mà trong hầu hết các trường hợp là hoàn toàn mới đối với họ.

Small wonder then that, however vivid and striking his descriptions may seem to his

Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi dù các mô tả của y có vẻ sống động và ấn tượng đến đâu

audience, he himself should constantly be impressed with their total inadequacy, and should feel that his best efforts have entirely failed to convey any idea of what he really sees. And we must remember that in the case of the report given down here of a record read on the mental plane, this difficult operation of transference from the higher to the lower has taken place not once but twice, since the memory has been brought through the intervening astral plane. Even in a case where the investigator has the advantage of having developed his mental faculties so that he has the use of them while awake in the physical body, he is still hampered by the absolute incapacity of physical language to express what he sees.

đối với khán giả, chính y vẫn thường xuyên bị ấn tượng bởi sự thiếu hụt hoàn toàn của chúng, và cảm thấy rằng những nỗ lực tốt nhất của mình đã hoàn toàn thất bại trong việc truyền tải bất kỳ ý tưởng nào về những gì y thực sự thấy. Và chúng ta phải nhớ rằng trong trường hợp báo cáo được đưa ra ở dưới đây về một hồ sơ được đọc trên cõi trí, hoạt động chuyển dịch khó khăn này từ cõi cao xuống cõi thấp đã diễn ra không phải một lần mà là hai lần, vì ký ức đã được mang qua cõi cảm dục trung gian. Ngay cả trong trường hợp nhà nghiên cứu có lợi thế là đã phát triển các năng lực trí tuệ của mình để y có thể sử dụng chúng khi đang thức trong thể xác hồng trần, y vẫn bị cản trở bởi sự bất lực tuyệt đối của ngôn ngữ hồng trần trong việc diễn đạt những gì y thấy.

Try for a moment to realize fully what is called the fourth dimension, of which we said something in an earlier chapter. It is easy enough to think of our own three dimensions—to image in our minds the length, breadth and height of any object; and we see that each of these three dimensions is expressed by a line at right angles to both of the others. The idea of the fourth dimension is that it might be possible to draw a fourth line which shall be at right angles to all three of those already existing.

Hãy thử trong một khoảnh khắc nhận thức đầy đủ cái được gọi là chiều thứ tư, điều mà chúng ta đã nói đến trong một chương trước. Thật dễ dàng để nghĩ về ba chiều của chính chúng ta—để hình dung trong tâm trí chiều dài, chiều rộng và chiều cao của bất kỳ vật thể nào; và chúng ta thấy rằng mỗi chiều trong ba chiều này được biểu thị bằng một đường thẳng vuông góc với cả hai đường kia. Ý tưởng về chiều thứ tư là có thể vẽ một đường thứ tư vuông góc với cả ba đường đã tồn tại đó.

Now the ordinary mind cannot grasp this idea in the least, though some few who have made a special study [98] of the subject have gradually come to be able to realize one or two very simple four-dimensional figures.

Bây giờ trí tuệ thông thường không thể nắm bắt ý tưởng này một chút nào, mặc dù một số ít người đã nghiên cứu đặc biệt [98] về chủ đề này đã dần dần có thể nhận ra một hoặc hai hình thể bốn chiều rất đơn giản.

Still, no words that they can use on this plane can bring any image of these figures before the mind of others, and if any reader who has not specially trained himself along that line will make the effort to visualize such a shape he will find it quite impossible. Now to express such a form clearly in physical words would be, in effect, to describe accurately a single object of the astral plane; but in examining the records on

Tuy nhiên, không từ ngữ nào họ có thể sử dụng trên cõi này có thể mang lại bất kỳ hình ảnh nào về các hình thể này trước tâm trí của người khác, và nếu bất kỳ độc giả nào chưa tự huấn luyện đặc biệt theo hướng đó cố gắng hình dung một hình dạng như vậy, y sẽ thấy điều đó là hoàn toàn không thể. Bây giờ, để diễn đạt một hình thể như vậy một cách rõ ràng bằng ngôn từ hồng trần, trên thực tế, sẽ là mô tả chính xác một vật thể duy nhất của

the mental plane we should have to face the additional difficulties of a fifth dimension! So that the impossibility of fully explaining these records will be obvious to even the most superficial observation.

cõi cảm dục; nhưng khi kiểm tra các hồ sơ trên cõi trí, chúng ta sẽ phải đối mặt với những khó khăn bổ sung của chiều thứ năm! Vì vậy, sự bất khả thi của việc giải thích đầy đủ các hồ sơ này sẽ là hiển nhiên đối với ngay cả sự quan sát hời hợt nhất.

We have spoken of the records as the memory of the Logos, yet they are very much more than a memory in an ordinary sense of the word. Hopeless as it may be to imagine how these images appear from His point of view, we yet known that as we rise higher and higher we must be drawing nearer to the true memory—must be seeing more nearly as He sees; so that great interest attaches to the experience of the clairvoyant with reference to these records when he stands upon the buddhic plane—the higher which his consciousness can reach even when away from the physical body until he attains the level of the Arhats.

Chúng ta đã nói về các hồ sơ như là ký ức của Thượng đế, tuy nhiên chúng còn nhiều hơn thế nhiều so với một ký ức theo nghĩa thông thường của từ này. Dù có vẻ vô vọng để tưởng tượng những hình ảnh này xuất hiện như thế nào từ quan điểm của Ngài, chúng ta vẫn biết rằng khi chúng ta vươn lên càng cao, chúng ta càng phải tiến gần hơn đến ký ức thực sự—phải thấy gần giống như Ngài thấy; vì vậy sự quan tâm lớn lao gắn liền với trải nghiệm của nhà thông nhãn đối với các hồ sơ này khi y đứng trên cõi bồ đề—cõi cao hơn mà tâm thức y có thể đạt tới ngay cả khi rời khỏi thể xác hồng trần cho đến khi y đạt đến cấp độ của các vị Arhat.

Here time and space no longer limit him; he no longer needs, as on the mental plane, to pass a series of events in review, for past, present and future are all alike simultaneously present to him, meaningless [99] as that sounds down here. Indeed, infinitely below the consciousness of the Logos as even that exalted plane is, it is yet abundantly clear from what we see there that to Him the record must be far more than what we call a memory, for all that has happened in the past and all that will happen in the future is happening now before his eyes just as are the events of what we call the present time. Utterly incredible, widely incomprehensible, of course, to our limited understanding; yet absolutely true for all that.

Tại đây thời gian và không gian không còn giới hạn y nữa; y không còn cần, như trên cõi trí, phải xem xét một chuỗi các sự kiện, vì quá khứ, hiện tại và tương lai đều đồng thời hiện diện với y, dù điều đó [99] nghe có vẻ vô nghĩa ở dưới đây. Thật vậy, dù cõi cao cả đó nằm dưới tâm thức của Thượng đế vô tận, nhưng từ những gì chúng ta thấy ở đó, rõ ràng là đối với Ngài, hồ sơ phải nhiều hơn nhiều so với cái mà chúng ta gọi là ký ức, vì tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ và tất cả những gì sẽ xảy ra trong tương lai đều *đang xảy ra ngay bây giờ* trước mắt Ngài giống như các sự kiện của cái mà chúng ta gọi là thời gian hiện tại. Tất nhiên, điều này hoàn toàn khó tin, hoàn toàn khó hiểu đối với sự hiểu biết hạn hẹp của chúng ta; nhưng dù vậy nó tuyệt đối là sự thật.

Naturally we could not expect to understand at our present stage of knowledge how so marvelous a result is produced, and to attempt an explanation would only be to involve ourselves in a mist of words from which we should gain no real information.

Lẽ tự nhiên là chúng ta không thể hy vọng hiểu được ở giai đoạn kiến thức hiện tại của mình làm thế nào một kết quả kỳ diệu như vậy được tạo ra, và việc cố gắng giải thích sẽ chỉ khiến chúng ta rơi vào một màn sương ngôn từ mà từ đó chúng ta sẽ không thu được

Yet a line of though recurs to my mind which perhaps suggests the direction in which it is possible that that explanation may lie; and whatever helps us to realize that so astounding a statement may after all not be wholly impossible will be of assistance in broadening our minds.

thông tin thực sự nào. Tuy nhiên, một dòng tư tưởng hiện ra trong trí tôi, có lẽ gợi ý hướng mà lời giải thích đó có thể nằm ở đó; và bất cứ điều gì giúp chúng ta nhận ra rằng một tuyên bố đáng kinh ngạc như vậy rốt cuộc có thể không hoàn toàn bất khả thi sẽ có ích trong việc mở rộng tâm trí chúng ta.

Some thirty years ago I remember reading a very curious little book, called, I think, The Stars and the Earth, the objects of which was to endeavour to show how it was scientifically possible that to the mind of God the past and the present might be absolutely simultaneous. Its arguments struck me at the time as decidedly ingenious, and I will proceed to summarize them, as I think they will be found somewhat suggestive in a connection with the subject which we have been considering. [100]

Khoảng ba mươi năm trước, tôi nhớ đã đọc một cuốn sách nhỏ rất kỳ lạ, tôi nghĩ tên là *The Stars and the Earth*, mục đích của nó là nỗ lực chỉ ra cách thức khả thi về mặt khoa học để đối với trí của Thượng đế, quá khứ và hiện tại có thể hoàn toàn đồng thời. Các lập luận của nó lúc đó gây ấn tượng với tôi là khá khéo léo, và tôi sẽ tiến hành tóm tắt chúng, vì tôi nghĩ chúng sẽ có phần gợi ý liên quan đến chủ đề mà chúng ta đang xem xét. [100]

When we see anything, whether it be the book which we hold in our hands or a star millions of miles away, we do so by means of a vibration in the ether, commonly called a ray of light, which passes from the object seen to our eyes. Now the speed with which this vibration passes is so great—about 186,000 miles in a second—that when we are considering any object in our own world we may regard it as practically instantaneous. When, however, we come to deal with interplanetary distances we have to take the speed of light into consideration, for an appreciable period is occupied in traversing these vast spaces. For example it takes eight minutes and a quarter for light to travel to us from the sun, so that when we look at the solar orb we see it by means of a ray of light which left it more than eight minutes ago.

Khi chúng ta thấy bất cứ thứ gì, dù đó là cuốn sách chúng ta cầm trên tay hay một ngôi sao cách xa hàng triệu dặm, chúng ta làm vậy nhờ một rung động trong dĩ thái, thường được gọi là tia sáng, truyền từ vật thể được thấy đến mắt chúng ta. Bây giờ tốc độ mà rung động này truyền đi là rất lớn—khoảng 186.000 dặm một giây—đến mức khi chúng ta xem xét bất kỳ vật thể nào trong thế giới của chính mình, chúng ta có thể coi nó là thực tế tức thời. Tuy nhiên, khi chúng ta xử lý các khoảng cách liên hành tinh, chúng ta phải tính đến tốc độ ánh sáng, vì một khoảng thời gian đáng kể bị chiếm dụng trong việc vượt qua những không gian bao la này. Ví dụ, ánh sáng mất tám phút rưỡi để truyền từ mặt trời đến chúng ta, vì vậy khi chúng ta nhìn vào quả cầu mặt trời, chúng ta thấy nó nhờ một tia sáng đã rời khỏi nó hơn tám phút trước.

From this follows a very curious result. The ray of light by which we see the sun can obviously report to us only the state of affairs which existed in that luminary when it started on its journey, and would not be in the least affected by anything that happened

Từ đây dẫn đến một kết quả rất kỳ lạ. Tia sáng mà qua đó chúng ta thấy mặt trời rõ ràng chỉ có thể báo cáo cho chúng ta trạng thái của các sự việc đã tồn tại trong thiên thể đó khi nó bắt đầu hành trình, và sẽ không bị ảnh hưởng chút nào bởi bất cứ điều gì xảy ra

there after it left; so that we really see the sun not as he is, but as he was eight minutes ago. That is to say that if anything important took place in the sun—the formation of a new sunspot, for instance—an astronomer who was watching the orb through his telescope at the time would be quite unaware of the incident while it was happening, since the ray of light bearing the news would not reach him until more than eight minutes later. [101]

ở đó sau khi nó rời đi; vì vậy chúng ta thực sự thấy mặt trời không phải như *Ngài đang là*, mà như Ngài đã là tám phút trước. Nghĩa là nếu có bất cứ điều gì quan trọng diễn ra trên mặt trời—ví dụ như sự hình thành của một vết đen mặt trời mới—một nhà thiên văn học đang quan sát quả cầu qua kính viễn vọng của mình vào lúc đó sẽ hoàn toàn không biết về sự việc trong khi nó đang xảy ra, vì tia sáng mang tin tức sẽ không đến được với ông cho đến hơn tám phút sau. [101]

The difference is more striking when we consider the fixed stars, because in their case the distances are so enormously greater. The pole star, for example, is so far off that light, traveling at the inconceivable speed above mentioned, takes a little more than fifty years to reach our eyes; and from that follows the strange but inevitable inference that we see the pole star no as and where it is at this moment, but as and where it was fifty years ago. Nay, if tomorrow some cosmic catastrophe were to shatter the pole star into fragments, we should still see it peacefully shining in the sky all the rest of our lives; our children would grow up to middle age and gather their children about them in turn before the news of that tremendous accident reached any terrestrial eye. In the same way there are other stars so far distant that light takes thousands of years to travel from them to us, and with reference to their condition our information is therefore thousands of years behind time.

Sự khác biệt còn nổi bật hơn khi chúng ta xem xét các định tinh, bởi vì trong trường hợp của chúng, các khoảng cách lớn hơn rất nhiều. Ví dụ, sao Bắc Cực ở xa đến mức ánh sáng, truyền đi với tốc độ không thể tưởng tượng được đã đề cập ở trên, mất hơn năm mươi năm để đến mắt chúng ta; và từ đó dẫn đến suy luận kỳ lạ nhưng tất yếu rằng chúng ta thấy sao Bắc Cực không phải như và ở nơi nó đang là vào lúc này, mà như và ở nơi nó đã là năm mươi năm trước. Thậm chí, nếu ngày mai một thảm họa vũ trụ nào đó làm vỡ tan sao Bắc Cực thành từng mảnh, chúng ta vẫn sẽ thấy nó tỏa sáng yên bình trên bầu trời trong suốt phần đời còn lại của mình; con cái chúng ta sẽ lớn lên đến tuổi trung niên và đến lượt chúng lại tập hợp con cái quanh mình trước khi tin tức về tai nạn khủng khiếp đó đến được với bất kỳ con mắt trần gian nào. Tương tự như vậy, có những ngôi sao khác ở xa đến mức ánh sáng mất hàng ngàn năm để truyền từ chúng đến chúng ta, và liên quan đến tình trạng của chúng, thông tin của chúng ta do đó chậm hơn hàng ngàn năm so với thời gian thực.

Now carry the argument a step farther. Suppose that we were able to place a man at the distance of 186,000 miles form the earth, and yet to endow him with the wonderful faculty of being able from that distance to see what was happening here as clearly as though he were still close beside us. It is evident that a man so placed would see everything a second later after the time when it really happened, and so at the

Bây giờ hãy đưa lập luận đi xa thêm một bước. Giả sử chúng ta có thể đặt một người ở khoảng cách 186.000 dặm từ Trái Đất, nhưng lại ban cho y năng lực kỳ diệu là có thể từ khoảng cách đó thấy những gì đang xảy ra ở đây rõ ràng như thể y vẫn đang ở ngay cạnh chúng ta. Rõ ràng là một người được đặt như vậy sẽ thấy mọi thứ chậm hơn một giây sau thời điểm nó thực sự xảy ra, và vì vậy vào thời điểm hiện tại y sẽ thấy những gì đã xảy

present moment he would be seeing what happened a second ago. Double the distance, and he would be two seconds behind time, and so on; remove him to the [102] distance of the sun (still allowing him to preserve the same mysterious power of sight) and he would look down and watch you doing not what you are doing now, but what you were doing eight minutes and a quarter ago. Carry him away to the pole star, and he would see passing before his eyes the events of fifty years ago; he would be watching the childish gambols of those who at the very same moment were really middle-aged men. Marvelous as this may sound, it is literally and scientifically true, and cannot be denied.

ra một giây trước. Gấp đôi khoảng cách, và y sẽ chậm hơn hai giây, và cứ thế; đưa y đến [102] khoảng cách của mặt trời (vẫn cho phép y giữ nguyên quyền năng thị giác huyền bí đó) và y sẽ nhìn xuống và quan sát bạn đang làm không phải những gì bạn *đang* làm bây giờ, mà là những gì bạn *đã* làm tám phút rưỡi trước. Đưa y đến sao Bắc Cực, và y sẽ thấy diễn ra trước mắt mình các sự kiện của năm mươi năm trước; y sẽ quan sát những trò đùa nghịch trẻ con của những người mà vào chính thời điểm đó thực sự đã là những người trung niên. Dù điều này nghe có vẻ kỳ diệu, nhưng nó đúng về mặt chữ nghĩa và khoa học, và không thể phủ nhận.

The little book went on to argue logically enough that God, being almighty, must possess the wonderful power of sight which we have been postulating for our observed; and further, that being omnipresent, He must be at each of the stations which we mentioned, and also at every intermediate point, not successively but simultaneously. Granting these premises, the inevitable deduction follows that everything which has ever happened from the very beginning of the world must be at this very moment taking place before the eye of God—not a mere memory of it, but the actual occurrence itself being under His observation.

Cuốn sách nhỏ tiếp tục lập luận một cách khá logic rằng Thượng đế, là Đấng toàn năng, phải sở hữu quyền năng thị giác kỳ diệu mà chúng ta đã mặc định cho người quan sát của mình; và hơn nữa, là Đấng vô sở bất tại, Ngài phải ở mỗi trạm mà chúng ta đã đề cập, và cũng ở mọi điểm trung gian, không phải lần lượt mà là đồng thời. Chấp nhận các tiền đề này, sự suy luận tất yếu dẫn đến là mọi thứ đã từng xảy ra ngay từ khi bắt đầu thế giới *phải đang* diễn ra vào chính thời điểm này trước mắt Thượng đế—không phải là một ký ức thuần túy về nó, mà là chính sự việc thực tế đang diễn ra dưới sự quan sát của Ngài.

All this is materialistic enough, and on the plane of purely physical science, and we may therefore be assured that it is not the way in which the memory of the Logos acts; yet it is neatly worked out and absolutely incontrovertible, and as I have said before, it is not without its use, since it gives us a glimpse of some possibilities which otherwise might not occur to us. [103]

Tất cả điều này mang tính duy vật đủ mức, và ở trên cõi khoa học vật lý thuần túy, và do đó chúng ta có thể yên tâm rằng đó *không phải* là cách mà ký ức của Thượng đế vận hành; tuy nhiên nó được xây dựng một cách gọn gàng và tuyệt đối không thể bác bỏ, và như tôi đã nói trước đây, nó không phải là không có ích, vì nó cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về một số khả năng mà nếu không thì có thể không nảy ra trong trí chúng ta. [103]

But, it may be asked, how is it possible, amid the bewildering confusion of these records

Nhưng, có thể đặt câu hỏi, làm thế nào có thể tìm thấy bất kỳ hình ảnh cụ thể nào khi cần

of the past, to find any particular picture when it is wanted? As a matter of fact, the untrained clairvoyant usually cannot do so without some special link to put him en rapport with the subject required. Psychometry is an instance in point, and it is quite probable that our ordinary memory is really only another presentment of the same idea. It seems as though there were a sort of magnetic attachment or affinity between any particle of matter and the record which contains its history—an affinity which enables it to act as a kind of conductor between that record and the faculties of anyone who can read it.

thiết giữa sự hỗn loạn gây bối rối của các hồ sơ quá khứ này? Trên thực tế, nhà thông nhãn chưa được huấn luyện thường không thể làm vậy nếu không có một mối liên kết đặc biệt nào đó để đưa y vào *trạng thái tương thông* với chủ đề được yêu cầu. Thuật trắc tâm là một ví dụ điển hình, và rất có thể ký ức thông thường của chúng ta thực sự chỉ là một sự trình bày khác của cùng một ý tưởng. Có vẻ như có một loại sự gắn kết hoặc ái lực từ tính giữa bất kỳ hạt vật chất nào và hồ sơ chứa đựng lịch sử của nó—một ái lực cho phép nó hoạt động như một loại vật dẫn giữa hồ sơ đó và các năng lực của bất kỳ ai có thể đọc được nó.

For example, I once brought from Stonehenge a tiny fragment of stone, not larger than a pin's head, and on putting this into an envelope and handing it to a psychometer who had no idea what it was, she at once began to describe that wonderful ruin and the desolate country surrounding it, and then went on to picture vividly what were evidently scenes from its early history, showing that that infinitesimal fragment had been sufficient to put her into communication with the records connected with the spot from which it came. The scenes through which we pass in the course of our life seem to act in the same manner upon the cells of our brain as did the history of Stonehenge upon that particle of stone; they establish a connection with those cells by means of which our mind is put en rapport with that particular portion of the records, and so we "remember" what we have seen. [104]

Ví dụ, tôi từng mang từ Stonehenge về một mảnh đá nhỏ, không lớn hơn đầu đinh ghim, và khi bỏ nó vào một phong bì rồi đưa cho một nhà trắc tâm vốn không hề biết đó là gì, bà ấy ngay lập tức bắt đầu mô tả tàn tích tuyệt vời đó cùng vùng đất hoang vắng xung quanh, rồi tiếp tục hình dung sống động những gì rõ ràng là các cảnh tượng từ lịch sử sơ khai của nó, cho thấy mảnh vụn cực nhỏ đó đã đủ để đưa bà tiếp xúc với các hồ sơ liên kết với nơi mà nó xuất xứ. Những cảnh tượng mà chúng ta đi qua trong suốt cuộc đời dường như tác động lên các tế bào não của chúng ta theo cùng một cách như lịch sử của Stonehenge đã tác động lên hạt đá đó; chúng thiết lập một sự kết nối với những tế bào đó, nhờ đó thể trí chúng ta được đặt *en rapport* (trong sự tương giao) với phần hồ sơ cụ thể đó, và vì vậy chúng ta "nhớ" lại những gì mình đã thấy. [104]

Even a trained clairvoyant needs some link to enable him to find the record of an event of which he has no previous knowledge. If, for example, he wished to observe the landing of Julius Caesar on the shores of England, there are several ways in which he might approach the subject. If he happened to have visited the scene of the occurrence, the simplest way would probably be to call

Ngay cả một nhà thông nhãn lão luyện cũng cần một mối liên kết nào đó để giúp y tìm thấy hồ sơ của một sự kiện mà y chưa từng biết trước đó. Ví dụ, nếu y muốn quan sát cuộc đổ bộ của Julius Caesar lên bờ biển nước Anh, có vài cách để y tiếp cận chủ đề này. Nếu y tình cờ đã từng đến thăm nơi xảy ra sự kiện, cách đơn giản nhất có lẽ là gọi lên hình ảnh của địa điểm đó, rồi lần ngược lại qua các hồ

up the image of that spot, and then run back through its records until he reached the period desired. If he had not seen the place, he might run back in time to the date of the event, and then search the Channel for a fleet of Roman galleys; or he might examine the records of Roman life at about that period, where he would have no difficulty in identifying so prominent a figure as Caesar, or in tracing him when found through all his Gallic wars until he set his foot upon British land.

sơ của nó cho đến khi đạt tới thời kỳ mong muốn. Nếu y chưa từng thấy nơi đó, y có thể lần ngược thời gian về ngày xảy ra sự kiện, rồi tìm kiếm trên eo biển một hạm đội thuyền galley của La Mã; hoặc y có thể kiểm tra các hồ sơ về đời sống La Mã vào khoảng thời kỳ đó, nơi y sẽ không gặp khó khăn gì trong việc nhận diện một nhân vật nổi bật như Caesar, hoặc truy vết y khi đã tìm thấy qua tất cả các cuộc chiến tranh xứ Gaul cho đến khi y đặt chân lên đất Anh.

People often enquire as to the aspect of these records—whether they appear near or far away from the eye, whether the figures in them are large or small, whether the pictures follow one another as in a panorama or melt into another like dissolving views, and so on. One can only reply that their appearance varies to a certain extent according to the conditions under which they are seen. Upon the astral plane the reflection is most often a simple picture, though occasionally the figures seen would be endowed with motion; in this latter case, instead of a mere snapshot a rather longer and more perfect reflections has taken place.

Mọi người thường hỏi về khía cạnh của những hồ sơ này—liệu chúng xuất hiện gần hay xa mắt, liệu các nhân vật trong đó lớn hay nhỏ, liệu các bức tranh nối tiếp nhau như trong một bức tranh toàn cảnh hay hòa vào nhau như những hình ảnh tan biến, và vân vân. Người ta chỉ có thể trả lời rằng vẻ ngoài của chúng thay đổi ở một mức độ nhất định tùy theo các điều kiện mà chúng được nhìn thấy. Trên cõi cảm dục, sự phản chiếu thường là một bức tranh đơn giản, mặc dù thỉnh thoảng các nhân vật được thấy sẽ có cử động; trong trường hợp sau, thay vì chỉ là một bức ảnh chụp nhanh, một sự phản chiếu dài hơn và hoàn hảo hơn đã diễn ra.

On the mental plane they have two widely [105] different aspects. When the visitor to that plane is not thinking specially of them in any way, the records simply form a background to whatever is going on, just as the reflections in a pier-glass at the end of a room might form a background to the life of the people in it. It must always be borne in mind that under these conditions they are really merely reflections from the ceaseless activity of a great Consciousness upon a far higher plane, and have very much the appearance of an endless succession of the recently invented cinematographer, or living photographs. They do not melt into one another like dissolving views, nor do a series of ordinary pictures follow one another; but the action of the reflection figures constantly goes on, as though one

Trên cõi trí, chúng có hai phương diện khác biệt rộng rãi [105]. Khi người viếng thăm cõi đó không đặc biệt nghĩ về chúng theo bất kỳ cách nào, các hồ sơ chỉ đơn giản tạo thành một bối cảnh cho bất cứ điều gì đang diễn ra, giống như những hình ảnh phản chiếu trong một tấm gương lớn ở cuối phòng có thể tạo thành bối cảnh cho đời sống của những người trong đó. Cần luôn lưu ý rằng trong những điều kiện này, chúng thực sự chỉ là những phản chiếu từ hoạt động không ngừng của một Tâm thức vĩ đại trên một cõi cao hơn nhiều, và có vẻ ngoài rất giống với một chuỗi liên tiếp vô tận của *máy quay phim* mới được phát minh gần đây, hay những bức ảnh sống động. Chúng không hòa lẫn vào nhau như những hình ảnh tan biến, cũng không phải một loạt các bức tranh thông thường nối tiếp nhau; nhưng hành động của

were watching the actors on a distant stage.

các nhân vật phản chiếu diễn ra liên tục, như thể người ta đang quan sát các diễn viên trên một sân khấu xa xăm.

But if the trained investigator turns his attention specially to any one scene, or wishes to call it up before him, an extraordinary change at once takes place, for this is the plane of thought, and to think of anything is to bring it instantaneously before you. For example, if a man wills to see the records of that event to which we before referred—the landing of Julius Caesar—he finds himself in a moment not looking at any picture, but standing on the shore among the legionaries, with the whole scene being enacted around him, precisely in every respect as he would have seen it if he had stood there in the flesh on that autumn morning in the year 55 B.C.. Since what he sees is but a reflection, the actors are of course entirely unconscious of him, nor can any effort of his change the course of their action in the [106] smallest degree, except only that he can control the rate at which the drama shall pass before him—can have the events of a whole year rehearsed before his eyes in a single hour, or can at any moment stop the movement altogether, and hold any particular scene in view as a picture as long as he chooses.

Nhưng nếu nhà quan sát lão luyện tập trung sự chú ý đặc biệt vào bất kỳ một cảnh nào, hoặc muốn gọi nó lên trước mặt mình, một sự thay đổi phi thường sẽ ngay lập tức diễn ra, vì đây là cõi của tư tưởng, và nghĩ về bất cứ điều gì là mang nó đến ngay lập tức trước mặt bạn. Ví dụ, nếu một người muốn xem hồ sơ của sự kiện mà chúng ta đã đề cập trước đó —cuộc đổ bộ của Julius Caesar—y sẽ thấy mình trong chốc lát không phải đang nhìn vào bất kỳ bức tranh nào, mà đang đứng trên bờ biển giữa các quân đoàn, với toàn bộ cảnh tượng đang được diễn ra xung quanh y, chính xác về mọi mặt như y đã thấy nếu y đứng đó bằng xương bằng thịt vào buổi sáng mùa thu năm 55 trước Công nguyên. Vì những gì y thấy chỉ là một sự phản chiếu, các diễn viên dĩ nhiên hoàn toàn không ý thức được y, và bất kỳ nỗ lực nào của y cũng không thể thay đổi tiến trình hành động của họ dù là ở mức độ nhỏ nhất [106], ngoại trừ việc y có thể kiểm soát tốc độ mà vở kịch diễn ra trước mặt mình—có thể để các sự kiện của cả một năm diễn lại trước mắt mình trong một giờ duy nhất, hoặc có thể dừng chuyển động hoàn toàn vào bất kỳ lúc nào, và giữ bất kỳ cảnh cụ thể nào trong tầm nhìn như một bức tranh bao lâu tùy ý.

In truth he observes not only what he would have seen if he had been there at the time in the flesh, but much more. He hears and understands all that the people say, and he is conscious of all their thoughts and motives; and one of the most interesting of the many possibilities which open up before one who has learnt to read the records is the study of the thought of ages long past—the thought of the cavemen and the lake-dwellers as well as that which ruled the mighty civilisations of Atlantis, of Egypt or Chaldea. What splendid possibilities open up before the man who is in full possession of this power may easily be imagined. He has before him

Thực tế, y không chỉ quan sát những gì y đã thấy nếu y có mặt ở đó vào thời điểm đó bằng xương bằng thịt, mà còn nhiều hơn thế. Y nghe và hiểu tất cả những gì mọi người nói, và y ý thức được tất cả tư tưởng và động cơ của họ; và một trong những khả năng thú vị nhất trong số nhiều khả năng mở ra trước mắt người đã học cách đọc các hồ sơ là việc nghiên cứu tư tưởng của các thời đại đã qua lâu—tư tưởng của những người thượng cổ và những người cư ngụ ven hồ cũng như tư tưởng đã cai trị các nền văn minh hùng mạnh của Atlantis, Ai Cập hay Chaldea. Những khả năng huy hoàng mở ra trước mắt người sở hữu đầy đủ quyền năng này có thể

a field of historical research of most entrancing interest. Not only can he review at his leisure all history with which we are acquainted, correcting as he examines it the many errors and misconceptions which have crept into the accounts handed down to us; he can also range at will over the whole story of the world from its very beginning, watching the slow development of intellect in man, the descent of the Lords of the Flame, and the growth of the mighty civilisations which They founded.

dễ dàng được hình dung. Y có trước mặt mình một lĩnh vực nghiên cứu lịch sử đầy mê hoặc. Y không chỉ có thể xem xét lại lúc rảnh rỗi tất cả lịch sử mà chúng ta đã biết, sửa chữa khi kiểm tra những nhiều sai sót và quan niệm sai lầm đã len lỏi vào các lời kể truyền lại cho chúng ta; y còn có thể tự do dạo chơi trên toàn bộ câu chuyện của thế giới từ thuở sơ khai, quan sát sự phát triển chậm chạp của trí tuệ ở con người, sự giáng hạ của các Đấng Chúa Tể Ngọn Lửa, và sự tăng trưởng của các nền văn minh hùng mạnh mà Các Ngài đã thiết lập.

Nor is his study confined to the progress of humanity alone; he has before him, as in a museum, all the [107] strange animal and vegetable forms which occupied the stage in days when the world was young; he can follow all the wonderful geological changes which have taken place, and watch the course of the great cataclysms which have altered the whole face of the earth again and again.

Sự nghiên cứu của y cũng không chỉ giới hạn ở tiến trình của riêng nhân loại; y có trước mặt mình, như trong một bảo tàng, tất cả các [107] hình thái động vật và thực vật kỳ lạ đã chiếm lĩnh sân khấu trong những ngày thế giới còn non trẻ; y có thể theo dõi tất cả những thay đổi địa chất kỳ diệu đã diễn ra, và quan sát tiến trình của các thảm họa lớn đã thay đổi toàn bộ bộ mặt của trái đất hết lần này đến lần khác.

In one especial case an even closer sympathy with the past is possible to the reader of the records. If in the course of his enquiries he has to look upon some scene in which he himself has in a former birth taken part, he may deal with it in two ways: he can either regard it in in the usual manner as a spectator (though always, be it remembered, as a spectator whose insight and sympathy are perfect) or he may once more identify himself with that long-dead personality of his—may throw himself back for the time into that life of long ago, and absolutely experience over again the thoughts and the emotions, the pleasures and the pains of a prehistoric past. No wilder and more vivid adventures can be conceived than some of those through which he thus may pass; yet though it all he must never lose hold of the consciousness of his own individuality-must retain the power to return at will to his present personality.

Trong một trường hợp đặc biệt, một sự đồng cảm thậm chí còn gần gũi hơn với quá khứ là điều khả thi đối với người đọc hồ sơ. Nếu trong quá trình tìm hiểu, y phải nhìn vào một cảnh tượng mà chính y đã tham gia trong một kiếp trước, y có thể xử lý nó theo hai cách: y có thể coi đó theo cách thông thường như một khán giả (mặc dù hãy nhớ rằng, luôn là một khán giả có sự thấu hiểu và đồng cảm hoàn hảo) hoặc y có thể một lần nữa đồng hoá với phàm ngã đã chết từ lâu đó của mình—có thể tự đưa mình trở lại thời gian đó vào cuộc đời của ngày xưa, và trải nghiệm lại hoàn toàn các tư tưởng và cảm xúc, những niềm vui và nỗi đau của một quá khứ tiền sử. Không có cuộc phiêu lưu nào hoang dã và sống động hơn một số cuộc phiêu lưu mà y có thể trải qua như vậy; tuy nhiên, qua tất cả những điều đó, y không bao giờ được mất đi sự kiểm soát đối với tâm thức về cá tính riêng biệt của mình—phải duy trì quyền năng để trở về phàm ngã hiện tại theo

ý muốn.

It is often asked how it is possible for an investigator accurately to determine the date of any picture from the far-distance past which he disinters from the records. The fact is that it is sometimes rather tedious work to find an exact date, but the thing can usually be done if it is worth while to spend the time and trouble over it. It we are dealing with Greek or Roman times [108] the simplest method is usually to look into the mind of the most intelligent person present in the picture, and see what date he supposes it to be; or the investigator might watch him writing a letter, or other document and observe what date, if any, was included in what was written. When once the Roman or Greek date is thus obtained, to reduce it to our own system of chronology is merely a matter of calculation.

Người ta thường hỏi làm thế nào để một nhà quan sát có thể xác định chính xác ngày tháng của bất kỳ bức tranh nào từ quá khứ xa xăm mà y khai quật được từ các hồ sơ. Thực tế là đôi khi việc tìm thấy một ngày chính xác là công việc khá tẻ nhạt, nhưng điều đó thường có thể thực hiện được nếu đáng để dành thời gian và công sức cho nó. Nếu chúng ta đang đề cập đến thời Hy Lạp hoặc La Mã [108], phương pháp đơn giản nhất thường là nhìn vào trí của người thông minh nhất hiện diện trong bức tranh, và xem y cho rằng đó là ngày tháng nào; hoặc nhà quan sát có thể xem y viết một bức thư, hoặc tài liệu khác và quan sát xem ngày tháng nào, nếu có, được bao gồm trong những gì đã viết. Một khi ngày tháng La Mã hoặc Hy Lạp được thu thập như vậy, việc chuyển đổi nó sang hệ thống niên đại của chúng ta chỉ là vấn đề tính toán.

Another way which is frequently adopted is to turn from the scene under examination to a contemporary picture in some great and well-known city such as Rome, and note what monarch is reigning there, or who are the consuls for the year; and when such data are discovered a glance at any good history will give the rest. Sometimes a date can be obtained by examining some public proclamation or some legal document; in fact in the times of which we are speaking the difficulty is easily surmounted.

Một cách khác thường được áp dụng là chuyển từ cảnh đang xem xét sang một bức tranh đương đại ở một thành phố lớn và nổi tiếng nào đó như La Mã, và ghi chú xem vị vua nào đang trị vì ở đó, hoặc ai là các quan chấp chính trong năm đó; và khi những dữ liệu như vậy được phát hiện, một cái nhìn vào bất kỳ cuốn lịch sử tốt nào sẽ cung cấp phần còn lại. Đôi khi một ngày tháng có thể được thu thập bằng cách kiểm tra một số thông cáo công khai hoặc một số tài liệu pháp lý; thực tế là trong thời kỳ mà chúng ta đang nói đến, khó khăn này có thể dễ dàng vượt qua.

The matter is by no means so simple, however, when we come to deal with periods much earlier than this—with a scene from early Egypt, Chaldea, or China, or to go further back still, from Atlantis itself or any of its numerous colonies. A date can still be obtained easily enough from the mind of any educated man, but there is no longer any means of relating it to our own system of dates, since the man will be reckoning by

Tuy nhiên, vấn đề không hề đơn giản như vậy khi chúng ta đề cập đến các thời kỳ sớm hơn nhiều so với thời kỳ này—với một cảnh tượng từ Ai Cập, Chaldea, hoặc Trung Hoa sơ khai, hoặc đi ngược xa hơn nữa, từ chính Atlantis hoặc bất kỳ thuộc địa nào trong số nhiều thuộc địa của nó. Một ngày tháng vẫn có thể được thu thập khá dễ dàng từ trí của bất kỳ người có học thức nào, nhưng không còn bất kỳ phương tiện nào để liên hệ nó với

eras of which we know nothing, or by the reigns of kings, whose history is lost in the night of time.

hệ thống ngày tháng của riêng chúng ta, vì người đó sẽ tính toán theo các kỷ nguyên mà chúng ta không biết gì cả, hoặc theo các triều đại của các vị vua mà lịch sử của họ đã mất hút trong đêm tối của thời gian.

Our methods, nevertheless, are not yet exhausted. It must be remembered that it is possible for the [109] investigator to pass the records before him at any speed that he may desire—at the rate of a year in a second if he will, or even very much faster still. Now there are one or two events in ancient history whose dates have already been accurately fixed—as, for example, the sinking of Poseidonis in the year 9,564 B.C.. It is therefore obvious that if from the general appearance of the surroundings it seems probable that a picture seen is within measurable distance of one of these events, it can be related to that event by the simple process of running through the record rapidly, and counting the years between the two as they pass.

Tuy nhiên, các phương pháp của chúng ta vẫn chưa cạn kiệt. Cần nhớ rằng nhà quan sát có thể [109] cho các hồ sơ đi qua trước mặt mình ở bất kỳ tốc độ nào mà y mong muốn—với tốc độ một năm trong một giây nếu y muốn, hoặc thậm chí nhanh hơn nhiều. Hiện nay có một hoặc hai sự kiện trong lịch sử cổ đại mà ngày tháng của chúng đã được ấn định chính xác—ví dụ như sự chìm xuống của Poseidonis vào năm 9.564 trước Công nguyên. Do đó, rõ ràng là nếu từ vẻ ngoài chung của môi trường xung quanh, có vẻ như một bức tranh được thấy nằm trong khoảng cách có thể đo lường được với một trong những sự kiện này, nó có thể được liên hệ với sự kiện đó bằng quy trình đơn giản là chạy qua hồ sơ một cách nhanh chóng, và đếm số năm giữa hai sự kiện khi chúng trôi qua.

Still, if those years ran into a thousand, as they might sometimes do, this plan would be insufferably tedious. In that case we are driven back upon the astronomical method. In consequence of the movement which is commonly called the precession of the equinoxes, though it might more accurately be described as a kind of second rotation of the earth, the angle between the equator and the ecliptic steadily but very slow varies. Thus, after long intervals of time we find the pole of the earth no longer pointing towards the same spot in the apparent sphere of the heavens, or in other words, our pole star is not, as at present, a Ursae Minoris, but some other celestial body; and from this position of the pole of the earth, which can easily be ascertained by careful observation of the night-sky of the picture under consideration, an approximate date can be calculated without difficulty.

Tuy nhiên, nếu số năm đó lên đến một ngàn, như đôi khi có thể xảy ra, kế hoạch này sẽ tẻ nhạt đến mức không thể chịu nổi. Trong trường hợp đó, chúng ta phải quay lại phương pháp thiên văn. Do chuyển động thường được gọi là tuế sai của các điểm phân, mặc dù nó có thể được mô tả chính xác hơn như một loại chuyển động tự quay thứ hai của trái đất, góc giữa xích đạo và hoàng đạo thay đổi đều đặn nhưng rất chậm. Vì vậy, sau những khoảng thời gian dài, chúng ta thấy cực của trái đất không còn hướng về cùng một điểm trong khối cầu biểu kiến của bầu trời, hay nói cách khác, sao cực của chúng ta không phải là sao Alpha Ursae Minoris như hiện nay, mà là một thiên thể khác; và từ vị trí này của cực trái đất, vốn có thể dễ dàng xác định được bằng cách quan sát cẩn thận bầu trời đêm của bức tranh đang được xem xét, một ngày tháng xấp xỉ có thể được tính toán mà không gặp khó khăn.

In estimating the date of occurrences which took [110] place millions of years ago in earlier races, the period of a secondary rotation (or the precession of the equinoxes) is frequently used as a unit, but of course absolute accuracy is not usually required in such cases, round numbers being sufficient for all practical purposes in dealing with epochs so remote.

Trong việc ước tính ngày tháng của các sự kiện đã diễn ra [110] hàng triệu năm trước trong các giống dân sớm hơn, chu kỳ của một chuyển động tự quay thứ hai (hoặc tuế sai của các điểm phân) thường được sử dụng như một đơn vị, nhưng dĩ nhiên sự chính xác tuyệt đối thường không được yêu cầu trong những trường hợp như vậy, các con số tròn là đủ cho tất cả các mục đích thực tế khi đề cập đến các thời đại xa xôi như vậy.

The accurate reading of the records, whether of one's own past lives or those of others, must not, however, be thought of as an achievement possible to anyone without careful previous training. As has been already remarked, though occasional reflections may be had upon the astral plane, the power to use the mental [devachanic] sense is necessary before any reliable reading can be done. Indeed, to minimise the possibility of error, that sense ought to be fully at the command of the investigator while awake in the physical body; and to acquire that faculty needs years of ceaseless labour and rigid self-discipline.

Tuy nhiên, việc đọc chính xác các hồ sơ, dù là về các kiếp quá khứ của chính mình hay của người khác, không được coi là một thành tựu khả thi đối với bất kỳ ai mà không có sự huấn luyện cẩn thận trước đó. Như đã được nhận xét, mặc dù thỉnh thoảng có thể có những phản chiếu trên cõi cảm dục, nhưng quyền năng sử dụng giác quan cõi trí [devachan] là cần thiết trước khi có thể thực hiện bất kỳ việc đọc đáng tin cậy nào. Thật vậy, để giảm thiểu khả năng sai sót, giác quan đó phải hoàn toàn nằm dưới sự điều khiển của nhà quan sát khi đang thức trong thể xác; và để đạt được năng lực đó cần nhiều năm lao động không ngừng và kỷ luật tự giác nghiêm ngặt.

Many people seem to expect that as soon as they have signed their application and joined the Theosophical Society they will at once remember at least three or four of their past births; indeed, some of them promptly begin to imagine recollections and declare that in their last incarnation they were Mary Queen of Scots, Cleopatra, or Julius Caesar! Of course such extravagant claims simply bring discredit upon those who are so foolish as to make them; but unfortunately some of that discredit is liable to be reflected, however unjustly, upon the Society to which they belong, so that a man who feels seething within him [111] the conviction that he was Homer or Shakespeare would do well to pause and apply commonsense tests on the physical plane before publishing the news to the world.

Nhiều người dường như mong đợi rằng ngay khi họ ký đơn xin và gia nhập Hội Thông Thiên Học, họ sẽ ngay lập tức nhớ lại ít nhất ba hoặc bốn kiếp quá khứ của mình; thật vậy, một số người trong số họ nhanh chóng bắt đầu tưởng tượng ra các ký ức và tuyên bố rằng trong lần lâm phàm cuối cùng, họ là Nữ hoàng Mary của Scotland, Cleopatra, hoặc Julius Caesar! Dĩ nhiên những tuyên bố ngông cuồng như vậy chỉ mang lại sự mất uy tín cho những người dại dột đưa ra chúng; nhưng không may là một phần sự mất uy tín đó có khả năng phản chiếu, dù bất công đến đâu, lên Hội mà họ thuộc về, vì vậy một người cảm thấy sôi sục bên trong mình [111] niềm tin rằng mình từng là Homer hay Shakespeare thì nên tạm dừng và áp dụng các bài kiểm tra bằng lẽ thường trên cõi hồng trần trước khi công bố tin tức đó cho thế giới.

It is quite true that some people have had

Rất đúng là một số người đã thoáng thấy

glimpses of scenes from their past lives in dreams, but naturally these are usually fragmentary and unreliable. I had myself in earlier life an experience of this nature. Among my dreams I found that one was constantly recurring—a dream of a house with a portico overlooking a beautiful bay, not far from a hill on the top of which rose a graceful building. I knew that house perfectly, and was as familiar with the position of its rooms and the view from its door as I was with those of my home, in this present Life. In those days I knew nothing bout reincarnation, so that it seemed to me simply a curious coincidence that this dream should repeat itself so often; and it was not until some time after I had joined the Society that, when one who knew was showing me some pictures of my last incarnation, I discovered that this persistent dream had been in a reality a partial recollection, and that the house which I knew so well was the one in I was born more than two thousands years ago.

những cảnh tượng từ kiếp quá khứ của họ trong các giấc mơ, nhưng tự nhiên những điều này thường là vụn vặt và không đáng tin cậy. Chính tôi trong cuộc đời sớm hơn đã có một trải nghiệm thuộc bản chất này. Trong số các giấc mơ của mình, tôi thấy có một giấc mơ liên tục lặp lại—giấc mơ về một ngôi nhà có cổng vòm nhìn ra một vịnh đẹp, không xa một ngọn đồi mà trên đỉnh có một tòa nhà duyên dáng. Tôi biết ngôi nhà đó một cách hoàn hảo, và quen thuộc với vị trí các phòng của nó cũng như tầm nhìn từ cửa của nó như tôi quen thuộc với ngôi nhà của mình trong cuộc đời hiện tại này. Trong những ngày đó, tôi không biết gì về sự tái hồi của linh hồn, vì vậy đối với tôi dường như đó chỉ là một sự trùng hợp kỳ lạ khi giấc mơ này lặp lại quá thường xuyên; và mãi cho đến một thời gian sau khi tôi gia nhập Hội, khi một người hiểu biết cho tôi xem một số bức tranh về lần lâm phàm cuối cùng của tôi, tôi mới phát hiện ra rằng giấc mơ dai dẳng này thực tế đã là một ký ức từng phần, và ngôi nhà mà tôi biết rõ như vậy chính là nơi tôi đã sinh ra hơn hai ngàn năm trước.

But although there are several cases on record in which some well-remembered scene has thus come through from one life to another, a considerable development of occult faculty is necessary before an investigator can definitely trace a line of incarnations, whether they be his own or another man's. This will be obvious if we [112] remember the conditions of the problem which has to be worked out. To follow a person from this life to the one preceding it, it is necessary first of all to trace his present life backwards to his birth and then to follow up in reverse order the stages by which the Ego descended into incarnation.

Nhưng mặc dù có vài trường hợp được ghi nhận trong đó một số cảnh tượng được nhớ rõ đã truyền từ đời này sang đời khác như vậy, một sự phát triển đáng kể về năng lực huyền môn là cần thiết trước khi một nhà quan sát có thể truy vết một cách dứt khoát một dòng các lần lâm phàm, dù là của chính y hay của một người khác. Điều này sẽ rõ ràng nếu chúng ta [112] nhớ lại các điều kiện của vấn đề phải được giải quyết. Để theo dõi một người từ cuộc đời này đến cuộc đời trước đó, trước hết cần phải truy vết cuộc đời hiện tại của y ngược về lúc sinh ra và sau đó theo dõi theo thứ tự ngược lại các giai đoạn mà Chân ngã giáng xuống để lâm phàm.

This will obviously take us back eventually to the condition of the Ego upon its own plane—the arûpa level of devachan [the highest levels of the mental plane] the highest levels of the mental plane; so it will

Điều này rõ ràng cuối cùng sẽ đưa chúng ta trở lại trạng thái của Chân ngã trên cõi riêng của nó—cấp độ arûpa của devachan [các cấp độ cao nhất của cõi trí]; vì vậy sẽ thấy rằng để thực hiện nhiệm vụ này một cách hiệu quả,

be seen that to perform this task effectually the investigator must be able to use the sense corresponding to that exalted level while awake in his physical body—in other words, his consciousness must be centred in the reincarnating Ego itself, and no longer in the lower personality. In that case, the memory of the Ego being aroused, his own past incarnations will be spread out before him like an open book, and he would be able, if he wished, to examine the conditions of another ego upon that level and trace him backwards through the devachanic [lower mental] and astral lives which led up to it, until he came to the last physical death of that Ego, and through it to his previous life.

nhà quan sát phải có khả năng sử dụng giác quan tương ứng với cấp độ cao siêu đó khi đang thức trong thể xác của mình—nói cách khác, tâm thức của y phải tập trung vào chính Chân ngã đang tái hồi, và không còn ở phàm ngã thấp hơn nữa. Trong trường hợp đó, trí nhớ của Chân ngã được đánh thức, các lần lâm phàm quá khứ của chính y sẽ trải ra trước mặt y như một cuốn sách mở, và y sẽ có thể, nếu muốn, kiểm tra các điều kiện của một chân ngã khác trên cấp độ đó và truy vết y ngược lại qua các cuộc đời devachan [hạ trí] và cảm dục dẫn đến nó, cho đến khi y đi tới cái chết hồng trần cuối cùng của Chân ngã đó, và qua đó đến cuộc đời trước của y.

There is no way but this in which the chain of lives can be followed through with absolute certainty; and consequently we may at once put aside as conscious or unconscious impostors those people who advertise that they are able to trace out anyone's past incarnations for so many shillings a head. Needless to say, the true occultist does not advertise, and never under any circumstances accepts money for any exhibition of his powers. [113]

Không có cách nào khác ngoài cách này để chuỗi các cuộc đời có thể được theo dõi với sự chắc chắn tuyệt đối; và do đó chúng ta có thể ngay lập tức gạt sang một bên những kẻ lừa đảo có ý thức hoặc vô thức quảng cáo rằng họ có thể truy vết các lần lâm phàm quá khứ của bất kỳ ai với giá bao nhiêu shilling một người. Không cần phải nói, nhà huyền bí học thực thụ không quảng cáo, và không bao giờ trong bất kỳ hoàn cảnh nào chấp nhận tiền bạc cho bất kỳ sự phô diễn quyền năng nào của mình. [113]

Assuredly the student who wishes to acquire the power of following up a line of incarnations can do so only by learning from a qualified teacher how the work is to be done. There have been those who persistently asserted that it was only necessary for a man to feel good and devotional and "brotherly", and all the wisdom of the ages would immediately flow in upon him; but a little common-sense will at once expose the absurdity of such a position. However good a child may be, if he wants to know the multiplication table he must set to work and learn it; and the case is precisely similar with the capacity to use spiritual faculties. The faculties themselves will not doubt manifest as the man evolves, but he can learn how use them reliably and

Chắc chắn rằng đạo sinh muốn đạt được quyền năng theo dõi một dòng các lần lâm phàm chỉ có thể làm như vậy bằng cách học hỏi từ một huấn sư đủ năng lực về cách thức thực hiện công việc. Đã có những người khăng khăng khẳng định rằng một người chỉ cần cảm thấy tốt lành, sùng tín và có tính "huynh đệ", thì tất cả minh triết của các thời đại sẽ ngay lập tức tuôn đổ vào y; nhưng một chút lẽ thường sẽ ngay lập tức vạch trần sự vô lý của một lập trường như vậy. Dù một đứa trẻ có ngoan đến đâu, nếu nó muốn biết bảng cửu chương, nó phải bắt tay vào học nó; và trường hợp này hoàn toàn tương tự với năng lực sử dụng các giác quan tinh thần. Bản thân các năng lực đó chắc chắn sẽ biểu hiện khi con người tiến hóa, nhưng y chỉ có thể học cách sử dụng chúng một cách đáng

to the best advantage only by steady hard work and persevering effort.

tin cậy và có lợi nhất bằng công việc chăm chỉ đều đặn và nỗ lực kiên trì.

Take the case of those who wish to help others while on the astral plane during sleep; it is obvious that the more knowledge they possess here, the more valuable will their services be on that higher plane. For example, the knowledge of languages would be useful to them, for though on the mental plane men can communicate directly by thought-transference, whatever their languages may be, on the astral plane this is not so, and a thought must be definitely formulated in words before it is comprehensible. If, therefore, you wish to help a man on that plane,you must have some language in common by means of which you can communicate with him, and consequently the more languages you know the more widely useful you will be. In fact [114] there is perhaps no kind of knowledge for which a use cannot be found in the work of the occultist.

Hãy lấy trường hợp của những người muốn giúp đỡ người khác khi ở trên cõi cảm dục trong lúc ngủ; rõ ràng là họ càng sở hữu nhiều kiến thức ở đây, thì các dịch vụ của họ sẽ càng có giá trị trên cõi cao hơn đó. Ví dụ, kiến thức về ngôn ngữ sẽ hữu ích cho họ, vì mặc dù trên cõi trí con người có thể giao tiếp trực tiếp bằng sự truyền tư tưởng, bất kể ngôn ngữ của họ là gì, nhưng trên cõi cảm dục thì không phải như vậy, và một tư tưởng phải được hình thành rõ ràng bằng từ ngữ trước khi nó có thể hiểu được. Do đó, nếu bạn muốn giúp đỡ một người trên cõi đó, bạn phải có một ngôn ngữ chung để qua đó bạn có thể giao tiếp với y, và do đó bạn càng biết nhiều ngôn ngữ, bạn sẽ càng hữu ích rộng rãi hơn. Thực tế [114] có lẽ không có loại kiến thức nào mà không thể tìm thấy công dụng trong công việc của nhà huyền bí học.

It would be well for all students to bear in mind that occultism is the apotheosis of commonsense, and that every vision which comes to them is not necessarily a picture from the âkâshic records, nor every experience a revelation from on high. It is better far to err on the side of healthy skepticism than of over-credulity; and it is an admirable rule never to hunt about for an occult explanation of anything when a plain and obvious physical one is available. Our duty is to endeavour to keep our balance always, and never to lose our self-control, but to take a reasonable, commonsense view of whatever may happen to us; so shall we be better Theosophists, wiser occultists, and more useful helpers than we have ever been before.

Sẽ tốt cho tất cả các đạo sinh nếu ghi nhớ rằng huyền bí học là sự tôn vinh của lẽ thường, và rằng không phải mọi linh ảnh đến với họ nhất thiết là một bức tranh từ các hồ sơ âkâshic, cũng không phải mọi trải nghiệm đều là một sự mặc khải từ trên cao. Thà sai lầm về phía sự hoài nghi lành mạnh còn hơn là quá cả tin; và có một quy luật đáng ngưỡng mộ là không bao giờ săn tìm một lời giải thích huyền môn cho bất cứ điều gì khi có sẵn một lời giải thích hồng trần rõ ràng và hiển nhiên. Nhiệm vụ của chúng ta là nỗ lực giữ thăng bằng luôn luôn, và không bao giờ mất đi sự tự kiểm soát, nhưng hãy có một cái nhìn hợp lý, theo lẽ thường đối với bất cứ điều gì có thể xảy ra với chúng ta; như vậy chúng ta sẽ là những nhà Thông Thiên Học tốt hơn, những nhà huyền bí học khôn ngoan hơn, và những người giúp đỡ hữu ích hơn so với trước đây.

As usual, we find examples of all degrees of the power to see into this memory of nature,

Như thường lệ, chúng ta tìm thấy các ví dụ về mọi cấp độ của quyền năng nhìn vào trí

from the trained man who can consult the record for himself at will, down to the person who gets nothing but occasional vague glimpses, or has even perhaps had only one such glimpse. But even the man who possesses this faculty only partially and occasionally still finds it of the deepest interest. The psychometer, who needs an object physically connected with the past in order to bring it all into life again around him, and the crystal-gazer who can sometimes direct his less certain astral telescope to some historic scene of long ago, may both derive the greatest enjoyment from the exercise of their respective gifts, even thought they may not always [115] understand exactly how their results are produced, and may not have them fully under control under all circumstances.

nhớ này của tự nhiên, từ người đã qua huấn luyện có thể tự mình tham khảo hồ sơ theo ý muốn, cho đến người không nhận được gì ngoài những cái nhìn thoáng qua mơ hồ thỉnh thoảng, hoặc thậm chí có lẽ chỉ có một cái nhìn thoáng qua như vậy. Nhưng ngay cả người chỉ sở hữu năng lực này một phần và thỉnh thoảng vẫn thấy nó vô cùng thú vị. Nhà trắc tâm, người cần một vật thể được kết nối vật lý với quá khứ để mang tất cả trở lại đời sống xung quanh mình, và người nhìn pha lê, người đôi khi có thể hướng kính viễn vọng cảm dục kém chắc chắn của mình vào một cảnh tượng lịch sử của ngày xưa, cả hai đều có thể có được sự tận hưởng lớn nhất từ việc thực hành các năng khiếu tương ứng của họ, ngay cả khi họ không phải lúc nào cũng [115] hiểu chính xác kết quả của họ được tạo ra như thế nào, và có thể không hoàn toàn kiểm soát được chúng trong mọi hoàn cảnh.

In many cases of the lower manifestations of these powers we find that they are exercised unconsciously; many a crystal-gazer watches scenes from the past without being able to distinguish them from visions of the present, and many a vaguely-psychic person finds pictures constantly arising before his eyes without ever realizing that he is in effect psychometrizing the various objects around him as he happens to touch them or stand near them.

Trong nhiều trường hợp biểu hiện thấp hơn của những quyền năng này, chúng ta thấy rằng chúng được thực hiện một cách vô thức; nhiều người nhìn pha lê quan sát các cảnh tượng từ quá khứ mà không thể phân biệt chúng với các linh ảnh của hiện tại, và nhiều người có tính thông linh mơ hồ thấy các bức tranh liên tục nảy sinh trước mắt mình mà không bao giờ nhận ra rằng thực tế họ đang trắc tâm các vật thể khác nhau xung quanh khi họ tình cờ chạm vào chúng hoặc đứng gần chúng.

An interesting variant of this class of psychics is the man who is able to psychometrize persons only, and not inanimate objects as is more usual. In most cases this faculty shows itself erratically, so that such a psychic will, when introduced to a stranger, often see in a flash some prominent event in that stranger's earlier life, but on other similar occasions will receive no special impression. More rarely we meet with someone who gets details visions of the past life of everyone whom he encounters. Perhaps one of the best examples of this class was the German

Một biến thể thú vị của lớp người thông linh này là người chỉ có thể trắc tâm con người, chứ không phải các vật thể vô tri như thường lệ. Trong hầu hết các trường hợp, năng lực này tự biểu hiện một cách thất thường, vì vậy một người thông linh như vậy, khi được giới thiệu với một người lạ, thường sẽ thấy trong nháy mắt một sự kiện nổi bật trong cuộc đời sớm hơn của người lạ đó, nhưng vào những dịp tương tự khác sẽ không nhận được ấn tượng đặc biệt nào. Hiếm hơn, chúng ta gặp một người nhận được các linh ảnh chi tiết về cuộc đời quá khứ của mọi người mà y gặp. Có lẽ một trong những ví dụ tốt nhất về

writer Zschokke, who describes in his autobiography this extraordinary power of which he found himself possessed. He says:

lớp người này là nhà văn Đức Zschokke, người đã mô tả trong tự truyện của mình quyền năng phi thường này mà y thấy mình sở hữu. Y nói:

"It has happened to me occasionally at the first meeting with a total stranger, when I have been listening in silence to his conversation, that his past life up to the present moment, with many minute [116] circumstances belonging to one or other particular scene in it, has come across me like a dream, but distinctly, entirely involuntarily and unsought, occupying in duration a few minutes.

"Đôi khi nó đã xảy ra với tôi trong lần gặp đầu tiên với một người hoàn toàn xa lạ, khi tôi đang im lặng lắng nghe cuộc trò chuyện của y, rằng cuộc đời quá khứ của y cho đến thời điểm hiện tại, với nhiều tình tiết tỉ mỉ [116] thuộc về cảnh tượng cụ thể này hay cảnh tượng khác trong đó, đã lướt qua tôi như một giấc mơ, nhưng rõ rệt, hoàn toàn vô thức và không được tìm kiếm, chiếm thời gian trong vài phút.

"For a long time I was disposed to consider these fleeting visions as a trick of the fancy—the more so as my dream-vision displayed to me the dress and movements of the actors, the appearance of the room, the furniture, and other accidents of the scene; till on one occasion, in a gamesome mood, I narrated to my family the secret history of a sempstress who had just before quitted the room. I had never seen the person before. Nevertheless the hearers were astonished, and laughed and would not be persuaded but that I had a previous acquaintance with the former life of the person, inasmuch as what I had stated was perfectly true.

"Trong một thời gian dài, tôi đã có khuynh hướng coi những linh ảnh thoáng qua này là một trò lừa bịp của trí tưởng tượng—càng như vậy khi linh ảnh trong giấc mơ của tôi hiển thị cho tôi trang phục và cử động của các diễn viên, vẻ ngoài của căn phòng, đồ nội thất và các tình tiết khác của cảnh tượng; cho đến một lần, trong tâm trạng vui đùa, tôi đã kể cho gia đình mình nghe lịch sử bí mật của một cô thợ may vừa mới rời khỏi phòng. Tôi chưa bao giờ thấy người đó trước đây. Tuy nhiên, những người nghe đã kinh ngạc, cười vang và không chịu tin nhưng cho rằng tôi đã có quen biết từ trước với cuộc đời trước đây của người đó, vì những gì tôi đã nêu là hoàn toàn đúng.

"I was not less astonished to find that my dream-vision agreed with reality. I then gave more attention to the subject, and as often as propriety allowed of it, I related to those whose lives had so passed before me the substance of my dream-vision, to obtain from them its contradiction or confirmation. On every occasion its confirmation followed, not without amazement on the part of those who gave it.

"Tôi cũng không kém phần kinh ngạc khi thấy linh ảnh trong giấc mơ của mình phù hợp với thực tế. Sau đó tôi chú ý hơn đến chủ đề này, và mỗi khi phép lịch sự cho phép, tôi kể lại cho những người mà cuộc đời họ đã trôi qua trước mắt tôi như vậy nội dung linh ảnh trong giấc mơ của mình, để nhận được từ họ sự bác bỏ hoặc xác nhận. Trong mọi dịp, sự xác nhận đều theo sau, không phải không có sự kinh ngạc từ phía những người đưa ra nó.

"On a certain fair-day I went into the two of Waldshut accompanied by two young foresters, who are still alive. It was evening,

"Vào một ngày hội nọ, tôi đi vào thị trấn Waldshut cùng với hai người thợ rừng trẻ tuổi, những người vẫn còn sống. Lúc đó là

and, tired with our walk, we went into an inn called the 'Vine'. We took our supper with a numerous company at the public table, when it happened that they made themselves merry [117] over the peculiarities and simplicity of the Swiss in connection with the belief in mesmerism. Lavater's physiognomical system and the like. One of my companions,whose national pride was touched by their raillery, begged me to make some reply, particularly in answer to a young man of superior appearance who sat opposite, and had indulged in unrestrained ridicule.

buổi tối, và mệt mỏi với chuyến đi bộ, chúng tôi vào một quán trọ tên là 'Cây Nho'. Chúng tôi dùng bữa tối với một nhóm đông người tại bàn ăn công cộng, khi đó tình cờ họ đã chế giễu [117] về những đặc điểm và sự đơn giản của người Thụy Sĩ liên quan đến niềm tin vào thuật thôi miên, hệ thống tướng diện của Lavater và những thứ tương tự. Một trong những người bạn đồng hành của tôi, người có lòng tự hào dân tộc bị chạm tự ái bởi sự chế giễu của họ, đã cầu xin tôi đưa ra một số câu trả lời, đặc biệt là để đáp lại một thanh niên có vẻ ngoài thượng lưu ngồi đối diện, người đã buông lời chế nhạo không kiềm chế.

'It happened that the events of this person's life had just previously passed before my mind. I turned to him with the question whether he would reply to me with truth and candour if I narrated to him the most secret passages of his history, he being as little known to me as I to him? That would, I suggested, go something beyond Lavater's physiognomical skill. He promised if I told the truth to admit it openly. Then I narrated the events with which my dream vision had furnished me, and the stable learnt the history of the young tradesman's life of his school years, his peccadilloes, and finally, of a little act of roguery committed by him on the strongbox of his employer. I described the uninhabited room with its white walls, where to the right of the brown door there had stood upon the table the small back money-chest, etc. The man, much struck, admitted the correctness of each circumstance—even, which I could not expect, of the last".

'Tình cờ là các sự kiện trong cuộc đời của người này vừa mới lướt qua tâm trí tôi. Tôi quay sang y với câu hỏi liệu y có trả lời tôi với sự thật và thẳng thắn nếu tôi kể cho y nghe những đoạn bí mật nhất trong lịch sử của y, khi y cũng ít được tôi biết đến như tôi đối với y? Tôi gợi ý rằng điều đó sẽ vượt xa kỹ năng tướng diện của Lavater. Y hứa nếu tôi nói sự thật sẽ công khai thừa nhận nó. Sau đó tôi kể lại các sự kiện mà linh ảnh trong giấc mơ đã cung cấp cho tôi, và cả bàn ăn đã biết được lịch sử cuộc đời của người thợ trẻ từ những năm đi học, những lỗi lầm nhỏ của y, và cuối cùng là một hành động gian lận nhỏ do y thực hiện đối với két sắt của chủ mình. Tôi đã mô tả căn phòng không có người ở với những bức tường trắng, nơi ở bên phải cánh cửa màu nâu đã đặt trên bàn chiếc rương đựng tiền nhỏ, v.v. Người đàn ông đó, rất sửng sốt, đã thừa nhận sự chính xác của từng tình tiết—thậm chí, điều mà tôi không thể mong đợi, là tình tiết cuối cùng".

And after narrating this incident, the worthy Zschokke calmly goes on to wonder whether perhaps after all this remarkable power, which he had so often displayed, might not really have been always the result of mere chance coincidence! [118]

Và sau khi kể lại sự việc này, Zschokke đáng kính bình thản tiếp tục tự hỏi liệu có lẽ sau tất cả, quyền năng đáng chú ý này, mà y đã thể hiện quá thường xuyên, có thể thực sự không phải luôn là kết quả của sự trùng hợp ngẫu nhiên thuần túy hay không! [118]

Comparatively few accounts of persons possessing this faculty of looking back into

Có tương đối ít lời kể về những người sở hữu năng lực nhìn lại quá khứ này được tìm thấy

the past are to be found in the literature of the subject, and it might therefore be supposed to be much less common than prevision. I suspect, however, that the truth is rather that it is much less commonly recognized. As I said before, it may very easily happen that a person may see a picture of the past without recognizing it as such, unless there happens to be in it something which attracts special attention, such as a figure in armour or in antique costume. A prevision also might not always be recognized as such at the time; but the occurrence of the event foreseen recalls it vividly at the same time that it manifests its nature, so that it is unlikely to be overlooked. It is probable, therefore, that occasional glimpses of these astral reflections of the âkâshic records are commoner than the published accounts would lead us to believe. [119]

trong các tài liệu về chủ đề này, và do đó nó có thể được cho là ít phổ biến hơn nhiều so với sự tiên tri. Tuy nhiên, tôi nghi ngờ rằng sự thật đúng hơn là nó ít được công nhận hơn nhiều. Như tôi đã nói trước đây, rất có thể xảy ra trường hợp một người thấy một bức tranh về quá khứ mà không nhận ra nó là như vậy, trừ khi tình cờ có điều gì đó trong đó thu hút sự chú ý đặc biệt, chẳng hạn như một nhân vật trong bộ giáp hoặc trong trang phục cổ xưa. Một sự tiên tri cũng có thể không phải lúc nào cũng được nhận ra là như vậy vào thời điểm đó; nhưng sự xảy ra của sự kiện được thấy trước gợi lại nó một cách sống động đồng thời biểu hiện bản chất của nó, vì vậy nó khó có thể bị bỏ qua. Do đó, có khả năng là những cái nhìn thoáng qua thỉnh thoảng về những phản chiếu cảm dục này của các hồ sơ âkâshic phổ biến hơn những gì các lời kể đã công bố khiến chúng ta tin tưởng. [119]

# CHAPTER -8-

# CLAIRVOYANCE IN TIME: THE FUTURE
# THÔNG NHÃN TRONG THỜI GIAN: TƯƠNG LAI

Even if, in a dim sort of way, we feel ourselves able to grasp the idea that the whole of the past may be simultaneously and actively present in a sufficiently exalted consciousness, we are confronted by a far greater difficulty when we endeavour to realize how all the future may also be comprehended in that consciousness. If we could believe in the Mohammedan doctrine of kismet, or the Calvinistic theory of predestination, the conception would be easy enough, but knowing as we do that both these are grotesque distortions of the truth, we must look round for a more acceptable hypothesis.

Ngay cả khi, theo một cách lờ mờ, chúng ta cảm thấy mình có thể nắm bắt được ý tưởng rằng toàn bộ quá khứ có thể hiện diện đồng thời và tích cực trong một tâm thức đủ cao siêu, chúng ta vẫn phải đối mặt với một khó khăn lớn hơn nhiều khi nỗ lực nhận ra làm thế nào toàn bộ tương lai cũng có thể được bao hàm trong tâm thức đó. Nếu chúng ta có thể tin vào giáo lý kismet của Hồi giáo, hoặc thuyết tiền định của Calvin, thì quan niệm này sẽ đủ dễ dàng, nhưng vì biết rằng cả hai điều này đều là những sự bóp méo kỳ quái của sự thật, chúng ta phải tìm kiếm một giả thuyết dễ chấp nhận hơn.

There may still be some people who deny the possibility of prevision, but such denial simply shows their ignorance of the evidence on the subject. The large number of authenticated cases leaves no room for doubt as to the fact, but many of them are of such a nature as to render a reasonable explanation by no means easy to find. It is evident that the ego possesses a certain amount of previsional faculty, and if the events foreseen were always of great importance, one might suppose that an extraordinary stimulus had enabled him for that occasion only to make a clear impression [120] of what he saw upon his lower personality. No doubt that is the explanation of many of the cases in which death or grave disaster is foreseen, but there are a large number of instances on record to which it does not seem to apply, since the events foretold are frequently exceedingly trivial and unimportant.

Có thể vẫn còn một số người phủ nhận khả năng tiên tri, nhưng sự phủ nhận như vậy chỉ cho thấy sự thiếu hiểu biết của họ về các bằng chứng về chủ đề này. Số lượng lớn các trường hợp đã được xác thực không để lại chỗ cho sự nghi ngờ về sự thật, nhưng nhiều trường hợp trong số đó thuộc bản chất khiến cho một lời giải thích hợp lý không hề dễ tìm thấy. Rõ ràng là chân ngã sở hữu một lượng năng lực tiên tri nhất định, và nếu các sự kiện được thấy trước luôn có tầm quan trọng lớn, người ta có thể cho rằng một sự kích thích phi thường đã cho phép y chỉ trong dịp đó tạo ra một ấn tượng rõ ràng [120] về những gì y thấy lên phàm ngã thấp hơn của mình. Không nghi ngờ gì nữa, đó là lời giải thích cho nhiều trường hợp trong đó cái chết hoặc thảm họa nghiêm trọng được thấy trước, nhưng có một số lượng lớn các ví dụ được ghi nhận mà điều đó dường như không áp dụng được, vì các sự kiện được báo trước thường vô cùng tầm thường và không quan trọng.

A well-known story of second-sight in Scotland will illustrate what I mean. A man

Một câu chuyện nổi tiếng về nhãn thông ở Scotland sẽ minh họa cho những gì tôi muốn

who had no belief in the occult was forewarned by a Highland seer of the approaching death of neighbour. The prophecy was given with considerable wealth of detail, including a full description of the funeral, with the names of the four pallbearers and others who would be present. The auditor seems to have laughed at the whole story and promptly forgotten it, but the death of his neighbour at the time foretold recalled the warning to mind, and he determined to falsify part of the prediction at any rate by being one of the pallbearers himself. He succeeded in getting matters arranged as he wished, but just as the funeral was about to start he was called away from his post by some small matter which detained him only a minute or two. As he came hurrying back he saw with surprise that the procession had started without him, and that the prediction had been exactly fulfilled, for the four pallbearers were those who had been indicated in the vision.

nói. Một người không có niềm tin vào huyền môn đã được một nhà tiên tri vùng Cao nguyên cảnh báo trước về cái chết sắp tới của một người hàng xóm. Lời tiên tri được đưa ra với khá nhiều chi tiết phong phú, bao gồm mô tả đầy đủ về đám tang, với tên của bốn người khiêng linh cữu và những người khác sẽ có mặt. Người nghe dường như đã cười nhạo toàn bộ câu chuyện và nhanh chóng quên nó đi, nhưng cái chết của người hàng xóm vào thời điểm được báo trước đã gợi lại lời cảnh báo trong tâm trí, và y quyết định làm giả ít nhất một phần của lời tiên đoán bằng cách tự mình trở thành một trong những người khiêng linh cữu. Y đã thành công trong việc sắp xếp mọi việc như ý muốn, nhưng ngay khi đám tang sắp bắt đầu, y bị gọi đi khỏi vị trí của mình bởi một việc nhỏ khiến y phải nán lại chỉ một hoặc hai phút. Khi y vội vã quay lại, y ngạc nhiên thấy rằng đoàn diễu hành đã bắt đầu mà không có y, và lời tiên đoán đã được thực hiện chính xác, vì bốn người khiêng linh cữu chính là những người đã được chỉ ra trong linh ảnh.

Now here is a very trifling matter, which could have been of no possible importance to anybody, definitely foreseen months beforehand; and although a man makes a determined effort to alter the arrangement [121] indicated he fails entirely to affect it in the least. Certainly this looks very much like predestination, even down to the smallest detail, and it is only when we examine this question from higher planes that we are able to see our way to escape that theory. Of course, as I said before about another branch of the subject, a full explanation eludes us as yet, and obviously must do so until our knowledge is infinitely greater than it is now; the most that we can hope to do for the present is to indicate the line along which an explanation may be found.

Ở đây là một vấn đề rất vụn vặt, vốn không thể có tầm quan trọng nào đối với bất kỳ ai, đã được thấy trước một cách dứt khoát từ nhiều tháng trước; và mặc dù một người nỗ lực kiên quyết để thay đổi sự sắp xếp [121] đã được chỉ ra, y hoàn toàn thất bại trong việc tác động đến nó dù là nhỏ nhất. Chắc chắn điều này trông rất giống sự tiền định, thậm chí đến từng chi tiết nhỏ nhất, và chỉ khi chúng ta xem xét câu hỏi này từ các cõi cao hơn, chúng ta mới có thể thấy con đường để thoát khỏi lý thuyết đó. Dĩ nhiên, như tôi đã nói trước đây về một nhánh khác của chủ đề này, một lời giải thích đầy đủ vẫn còn lẩn tránh chúng ta, và rõ ràng phải như vậy cho đến khi kiến thức của chúng ta lớn hơn vô hạn so với hiện nay; điều nhiều nhất mà chúng ta có thể hy vọng làm được hiện tại là chỉ ra hướng mà một lời giải thích có thể được tìm thấy.

There is no doubt whatever that, just as

Hoàn toàn không có nghi ngờ gì rằng, giống

what is happening now is the result of causes set in motion in the past, so what will happen in the future will be the result of causes already in operation. Even down here we can calculate that if certain actions are performed certain results will follow, but our reckoning is constantly liable to be disturbed by the interference of factors which we have not been able to take into account. But if we raise our consciousness to the mental plane we can see very much farther into the results of our actions.

như những gì đang xảy ra hiện nay là kết quả của các nguyên nhân được vận động trong quá khứ, thì những gì sẽ xảy ra trong tương lai sẽ là kết quả của các nguyên nhân đã đang hoạt động. Ngay cả ở dưới đây, chúng ta có thể tính toán rằng nếu một số hành động nhất định được thực hiện thì một số kết quả nhất định sẽ theo sau, nhưng sự tính toán của chúng ta thường xuyên có khả năng bị xáo trộn bởi sự can thiệp của các yếu tố mà chúng ta không thể tính đến. Nhưng nếu chúng ta nâng tâm thức của mình lên cõi trí, chúng ta có thể nhìn thấy xa hơn nhiều vào kết quả của các hành động của mình.

We can trace, for example, the effect of a casual word, not only upon the person to whom it was addressed, but through him on many others as it is passed on in widening circles, until it seems to have affected the whole country; and one glimpse of such a vision is far more efficient than any number of moral precepts in pressing upon us the necessity of extreme circumspection in thought, word, and deed. Not only can we [122] from that plane see thus fully the result of every action, but we can also see where and in what way the results of other actions apparently quite unconnected with it will interfere with and modify it. In fact, it may be said that the results of all causes at present in action are clearly visible—that the future, as it would be if no entirely new causes should arise, lies open before our gaze.

Ví dụ, chúng ta có thể truy vết tác động của một lời nói tình cờ, không chỉ đối với người mà nó hướng tới, mà qua người đó đến nhiều người khác khi nó được truyền đi trong những vòng tròn mở rộng, cho đến khi nó dường như đã ảnh hưởng đến toàn bộ đất nước; và một cái nhìn thoáng qua về một linh ảnh như vậy hiệu quả hơn nhiều so với bất kỳ số lượng lời răn dạy đạo đức nào trong việc nhấn mạnh với chúng ta về sự cần thiết của sự thận trọng tột độ trong tư tưởng, lời nói và hành động. Từ cõi đó, chúng ta không chỉ có thể [122] thấy trọn vẹn kết quả của mọi hành động như vậy, mà còn có thể thấy ở đâu và theo cách nào kết quả của các hành động khác dường như hoàn toàn không liên quan đến nó sẽ can thiệp và sửa đổi nó. Thực tế, có thể nói rằng kết quả của tất cả các nguyên nhân hiện đang hoạt động là có thể thấy rõ—rằng tương lai, như nó sẽ là nếu không có nguyên nhân hoàn toàn mới nào nảy sinh, nằm mở ra trước cái nhìn của chúng ta.

New causes of course do arise, because man's will is free; but in the case of all ordinary people the use which they will make of their freedom can be calculated beforehand with considerable accuracy. The average man has so little real will that he is very much the creature of circumstances; his action im previous lives places him amid certain surroundings, and their influence upon him

Các nguyên nhân mới dĩ nhiên có nảy sinh, vì ý chí của con người là tự do; nhưng trong trường hợp của tất cả những người bình thường, việc họ sẽ sử dụng tự do của mình như thế nào có thể được tính toán trước với độ chính xác đáng kể. Người trung bình có quá ít ý chí thực sự đến nỗi y phần lớn là tạo vật của hoàn cảnh; hành động của y trong các kiếp trước đặt y vào giữa những môi

is so very much the most important factor in his life-story that his future course may be predicted with almost mathematical certainty. With the developed man the case is different; for him also the main events of life are arranged by his past actions, but the way in which he will allow them to affect him, the methods by which he will deal with them and perhaps triumph over them—these are all his own, and they cannot be foreseen even on the mental [devachanic] plane except as probabilities.

trường xung quanh nhất định, và ảnh hưởng của chúng đối với y là yếu tố quan trọng nhất trong câu chuyện cuộc đời y đến nỗi tiến trình tương lai của y có thể được dự đoán với sự chắc chắn gần như toán học. Với người đã phát triển thì trường hợp lại khác; đối với y, các sự kiện chính của cuộc đời cũng được sắp xếp bởi các hành động quá khứ của y, nhưng cách mà y cho phép chúng ảnh hưởng đến mình, các phương pháp mà y sẽ xử lý chúng và có lẽ chiến thắng chúng—tất cả những điều này là của riêng y, và chúng không thể được thấy trước ngay cả trên cõi trí [devachan] ngoại trừ dưới dạng các xác suất.

Looking down on man's life in this way from above, it seems as though his free will could be exercised only at certain crises in his career. He arrives at a point in his life where there are obviously two or three alternative courses open before him; he is absolutely [122] free to choose which of them he pleases, and although someone who knew his nature thoroughly well might feel almost certain what his choice would be, such knowledge on his friend's part is in no sense a compelling force.

Nhìn xuống cuộc đời con người theo cách này từ trên cao, dường như ý chí tự do của y chỉ có thể được thực hiện tại một số cuộc khủng hoảng nhất định trong sự nghiệp của y. Y đến một điểm trong cuộc đời mình, nơi rõ ràng có hai hoặc ba con đường thay thế mở ra trước mặt y; y hoàn toàn [122] tự do để chọn con đường nào y thích, và mặc dù một người nào đó biết rõ bản chất của y có thể cảm thấy gần như chắc chắn sự lựa chọn của y sẽ là gì, nhưng kiến thức đó về phía người bạn của y không theo nghĩa nào là một lực cưỡng ép.

But when he has chosen, he has to go through with it and take the consequences; having entered upon a particular path he may, in many cases, be forced to go on for a very long way before he has any opportunity to turn aside. His position is somewhat like that of the driver of a train; when he comes to a junction he may have the points set either this way or that, and so can pass on to whichever line he pleases, but when he has passed on to one of them he is compelled to run on along the line which he has selected until he reaches another set of points, where again an opportunity of choice is offered to him.

Nhưng khi y *đã* lựa chọn, y phải thực hiện đến cùng và chấp nhận các hậu quả; khi đã bước vào một con đường cụ thể, trong nhiều trường hợp, y có thể bị buộc phải đi tiếp một quãng đường rất dài trước khi có bất kỳ cơ hội nào để rẽ hướng. Vị thế của y phần nào giống như người lái một đoàn tàu; khi đến một giao lộ, y có thể điều chỉnh các mũi ghi theo hướng này hay hướng kia, và do đó có thể đi vào bất kỳ tuyến đường nào y muốn, nhưng khi đã đi vào một trong số đó, y buộc phải chạy dọc theo tuyến đường mình đã chọn cho đến khi tới một bộ mũi ghi khác, nơi một cơ hội lựa chọn lại được trao cho y một lần nữa.

Now, in looking down from the mental plane, these points of new departure would be clearly visible, and all the results of each

Giờ đây, khi nhìn xuống từ cõi trí, những điểm khởi đầu mới này sẽ được thấy rõ ràng, và tất cả kết quả của mỗi sự lựa chọn sẽ phơi

choice would lie open before us, certain to be worked out even to the smallest detail. The only point which would remain uncertain would be the all-important one as to which choice the man would make. We should, in fact, have not one but several futures mapped out before our eyes, without necessarily being able to determine which of them would materialize itself into accomplished fact. In most instances we should see so strong a probability that we should not hesitate to come to a decision, but the case which I have described is certainly theoretically possible. [124] Still, even this much knowledge would enable us to do with safety a good deal of prediction; and it is not difficult for us to imagine that a far higher power than ours might always be able to foresee which way every choice would go, and consequently to prophesy with absolute certainty.

bày trước mắt chúng ta, chắc chắn sẽ diễn ra cho đến tận chi tiết nhỏ nhất. Điểm duy nhất còn chưa chắc chắn sẽ là điểm tối quan trọng: người đó sẽ đưa ra lựa chọn nào. Trên thực tế, chúng ta sẽ thấy không chỉ một mà là vài tương lai được vạch ra trước mắt, mà không nhất thiết có thể xác định được tương lai nào trong số đó sẽ hiện hình thành sự thật đã hoàn tất. Trong hầu hết các trường hợp, chúng ta sẽ thấy một xác suất mạnh mẽ đến mức không ngần ngại đưa ra quyết định, nhưng trường hợp mà tôi đã mô tả chắc chắn là có thể xảy ra về mặt lý thuyết. [124] Tuy nhiên, ngay cả bấy nhiêu kiến thức cũng đủ để chúng ta thực hiện việc tiên đoán một cách an toàn; và không khó để chúng ta hình dung rằng một quyền năng cao siêu hơn nhiều so với chúng ta có thể luôn thấy trước mọi lựa chọn sẽ đi theo hướng nào, và do đó có thể tiên tri với sự chắc chắn tuyệt đối.

On the buddhic plane, however, no such elaborate process of conscious calculation is necessary, for, as I said before, in some manner which down here is totally inexplicable, the past, the present, and the future are there all existing simultaneously. One can only accept this fact, for its cause lies in the faculty of the plane, and the way in which this higher faculty works is naturally quite incomprehensible to the physical brain. Yet now and then one may meet with a hint that seems to bring us a trifle nearer to a dim possibility of comprehension. One such hint was given by Sir Olive Lodge in his address to the British Association at Cardiff. He said;

Tuy nhiên, trên cõi Bồ đề, không cần đến quá trình tính toán ý thức tỉ mỉ như vậy, vì như tôi đã nói trước đây, theo một cách nào đó hoàn toàn không thể giải thích được ở cõi thấp này, quá khứ, hiện tại và tương lai đều cùng tồn tại đồng thời ở đó. Người ta chỉ có thể chấp nhận sự thật này, vì nguyên nhân của nó nằm ở năng lực của cõi giới đó, và cách thức mà năng lực cao siêu này hoạt động tự nhiên là hoàn toàn không thể thấu hiểu đối với bộ não hồng trần. Tuy vậy, thỉnh thoảng chúng ta có thể bắt gặp một gợi ý dường như đưa chúng ta đến gần hơn một chút với một khả năng thấu hiểu lờ mờ. Một gợi ý như vậy đã được Ngài Olive Lodge đưa ra trong bài diễn văn trước Hiệp hội Anh quốc tại Cardiff. Ngài nói:

“A luminous and helpful idea is that time is but a relative mode of regarding things; we progress through phenomena at a certain definite pace and this subjective advance we interpret in an objective manner, as if events moved necessarily in this order and at this precise rate. But that may be only one mode

“Một ý tưởng sáng tỏ và hữu ích là thời gian chỉ là một phương thức tương đối để xem xét mọi vật; chúng ta tiến triển qua các hiện tượng với một tốc độ xác định nhất định và sự tiến bộ chủ quan này được chúng ta diễn giải theo cách khách quan, như thể các sự kiện nhất thiết phải di chuyển theo thứ tự

of regarding them. The events may be in some sense in existence always, both past and future, and it may be we who are arriving at them, not they which happening. The analogy of a traveler in a railway train is useful; if he could never leave the train nor alter its pace he [125] would probably consider the landscapes as necessarily successive and be unable to conceive their coexistence... We perceive, therefore, a possible fourth dimensional aspect about time, the inexorableness of whose flow may be a natural part of our present limitations. And if we once grasp the idea that past and future may be actually existing, we can recognize that they may have a controlling influence on all present action, and the two together may constitute the 'higher plane' or totality of things after which, as it seems to me, we are impelled to seek, in connection with the directing of form or determinism, and the action of living beings consciously directed to a definite and preconceived end".

này và với tốc độ chính xác này. Nhưng đó có thể chỉ là một phương thức để xem xét chúng. Các sự kiện, theo một nghĩa nào đó, có thể luôn tồn tại, cả quá khứ và tương lai, và có thể chính chúng ta là người đang đi đến với chúng, chứ không phải chúng đang xảy ra. Sự tương đồng về một người lữ hành trên một đoàn tàu hỏa là rất hữu ích; nếu y không bao giờ có thể rời khỏi đoàn tàu hay thay đổi tốc độ của nó, y [125] có lẽ sẽ coi các cảnh quan là nhất thiết phải kế tiếp nhau và không thể hình dung được sự cùng tồn tại của chúng... Do đó, chúng ta nhận thấy một phương diện chiều thứ tư có thể có về thời gian, mà dòng chảy không thể lay chuyển của nó có thể là một phần tự nhiên của những giới hạn hiện tại của chúng ta. Và nếu một khi chúng ta nắm bắt được ý tưởng rằng quá khứ và tương lai có thể đang thực sự tồn tại, chúng ta có thể nhận ra rằng chúng có thể có ảnh hưởng kiểm soát lên mọi hành động hiện tại, và cả hai cùng nhau có thể cấu thành 'cõi cao hơn' hoặc tổng thể của mọi vật mà theo tôi thấy, chúng ta bị thúc đẩy phải tìm kiếm, liên quan đến việc điều khiển hình tướng hay định mệnh, và hành động của các sinh thể sống được hướng dẫn một cách có ý thức đến một mục đích xác định và đã được dự tính trước".

Time is not in reality the fourth dimension at all; yet to look at it for the moment from that point of view is some slight help towards grasping the ungraspable. Suppose that we hold a wooden cone at right angles to a sheet of paper, and slowly push it through its point first. A microbe living on the surface of that sheet of paper, and having no power of conceiving anything outside of that surface, could not only never see the cone as a whole, but could form no sort of conception of such a body at all. All that he would see would be the sudden appearance of a tiny circle, which would gradually and mysteriously grow larger and larger until it vanished from his world as suddenly and incomprehensibly as it had come into it.

Thời gian thực tế hoàn toàn không phải là chiều thứ tư; tuy nhiên, việc nhìn nhận nó trong chốc lát từ quan điểm đó là một sự trợ giúp nhỏ để nắm bắt điều không thể nắm bắt. Giả sử chúng ta giữ một hình nón gỗ vuông góc với một tờ giấy, và từ từ đẩy nó xuyên qua, bắt đầu từ đỉnh nhọn. Một vi sinh vật sống trên bề mặt tờ giấy đó, và không có khả năng hình dung bất cứ điều gì bên ngoài bề mặt đó, không những không bao giờ có thể thấy hình nón như một chỉnh thể, mà còn không thể hình thành bất kỳ khái niệm nào về một vật thể như vậy. Tất cả những gì nó thấy sẽ là sự xuất hiện đột ngột của một vòng tròn nhỏ, vòng tròn này sẽ lớn dần lên một cách bí ẩn cho đến khi biến mất khỏi thế giới của nó một cách đột ngột và khó hiểu

như khi nó mới xuất hiện.

Thus, what were in reality a series of sections of the cone would appear to him to be successive stages in the [126] life of a circle, and it would be impossible for him to grasp the idea that these successive stages could be seen simultaneously. Yet it is, of course, easy enough for us, looking down upon the transaction from another dimension, to see that the microbe is simply under a delusion arising from its own limitations, and that the cone exists as a whole all the while. Our own delusion as to past, present, and future is possibly not dissimilar, and the view that is gained of any sequence of events from the buddhic plane corresponds to the view of the cone as a whole. Naturally, any attempt to work out this suggestion lands us in a series of startling paradoxes; but the fact remains a fact, nevertheless, and the time will come when it will be clear as noonday to our comprehension.

Như vậy, những gì thực tế là một chuỗi các mặt cắt của hình nón sẽ hiện ra đối với nó như là các giai đoạn kế tiếp trong [126] đời sống của một vòng tròn, và nó sẽ không thể nắm bắt được ý tưởng rằng các giai đoạn kế tiếp này có thể được nhìn thấy đồng thời. Tuy nhiên, tất nhiên là đủ dễ dàng đối với chúng ta, khi nhìn xuống sự việc từ một chiều không gian khác, để thấy rằng vi sinh vật đó đơn giản là đang chịu một ảo tưởng phát sinh từ chính những giới hạn của nó, và rằng hình nón vẫn luôn tồn tại như một chỉnh thể. Ảo tưởng của chính chúng ta về quá khứ, hiện tại và tương lai có lẽ cũng không khác biệt, và tầm nhìn có được về bất kỳ chuỗi sự kiện nào từ cõi Bồ đề tương ứng với cái nhìn về hình nón như một chỉnh thể. Tự nhiên, bất kỳ nỗ lực nào nhằm triển khai gợi ý này đều dẫn chúng ta đến một loạt các nghịch lý gây kinh ngạc; nhưng sự thật vẫn là sự thật, và thời gian sẽ đến khi điều đó sẽ rõ ràng như ban ngày đối với sự thấu hiểu của chúng ta.

When the pupil's consciousness is fully developed upon the buddhic plane, therefore, perfect prevision is possible to him, though he may not—nay, he certainly will not be able to bring the whole result of this sight through fully and in order into this life. Still, a great deal of clear foresight is obviously within his power, whenever he likes to exercise it; and even when he is not exercising it, frequent flashes of foreknowledge come through into his ordinary life, so that he often has an instantaneous intuition as to how things will turn out even before their inception.

Do đó, khi tâm thức của môn sinh được phát triển đầy đủ trên cõi Bồ đề, y có thể có được sự dự kiến hoàn hảo, mặc dù y có thể không —không, chắc chắn y sẽ không thể mang toàn bộ kết quả của linh thị này một cách trọn vẹn và theo thứ tự vào đời sống này. Tuy nhiên, một khả năng tiên đoán rõ ràng to lớn rõ ràng nằm trong quyền năng của y, bất cứ khi nào y muốn thực hiện nó; và ngay cả khi y không thực hiện nó, những tia sáng tiên tri thường xuyên xuyên thấu vào đời sống bình thường của y, khiến y thường có trực giác tức thời về việc mọi chuyện sẽ diễn ra như thế nào ngay cả trước khi chúng bắt đầu.

Short of this perfect prevision we find, as in the previous cases, that all degrees of this type of clairvoyance exist, from the occasional vague premonitions which cannot in any true sense be called sight at [127] all, up to frequent and fairly complete second-sight. The faculty to which this

Dưới mức dự kiến hoàn hảo này, chúng ta thấy rằng, cũng như trong các trường hợp trước, mọi cấp độ của loại thông nhãn này đều tồn tại, từ những linh cảm mơ hồ thỉnh thoảng xuất hiện mà không thể được gọi là linh thị theo bất kỳ nghĩa thực sự nào [127], cho đến khả năng thấu thị tương lai thường

latter somewhat misleading name has been given is an extremely interesting one and would well repay more careful and systematic study than has ever higher to been given to it.

xuyên và khá trọn vẹn. Năng lực mà cái tên hơi gây hiểu lầm này được đặt cho là một năng lực cực kỳ thú vị và rất đáng để nghiên cứu cẩn thận và hệ thống hơn những gì đã từng được thực hiện trước đây.

It is best know to us as a not infrequent possession of the Scottish Highlanders, though it is by no means confirmed to them. Occasional instances of it have appeared in almost every nation, but it has always been commonest among mountaineers and men of lonely life. With us in England it is often spoken of as though it were the exclusive appanage of the Celtic race, but in reality it has appeared among similarly situated peoples the world over. It is stated, for example, to be very common among the Westphalian peasantry.

Nó được chúng ta biết đến nhiều nhất như một sở hữu không hiếm gặp của những người dân vùng cao Scotland, mặc dù nó không chỉ giới hạn ở họ. Những trường hợp thỉnh thoảng xuất hiện của nó đã có mặt ở hầu hết mọi quốc gia, nhưng nó luôn phổ biến nhất trong cư dân vùng núi và những người có đời sống cô độc. Với chúng ta ở Anh, nó thường được nhắc đến như thể nó là đặc quyền riêng biệt của giống dân Celtic, nhưng thực tế nó đã xuất hiện giữa những dân tộc có hoàn cảnh tương tự trên khắp thế giới. Ví dụ, người ta khẳng định rằng nó rất phổ biến trong giới nông dân Westphalia.

Sometimes the second-sight consists of a picture clearly foreshowing some coming event; more frequently, perhaps, the glimpse of the future is given by some symbolical appearance. It is noteworthy that the events foreseen are invariably unpleasant ones—death being the commonest of all; I do not recollect a single instance in which the second-sight has shown anything which was not of the most gloomy nature. It has a ghastly symbolism which is all its own—a symbolism of shrouds and corpse-candles, and other funeral horrors. In some cases it appears to be to a certain extent dependent on locality, for it is stated that inhabitants of the Isle of Skye who possess the faculty often lose it when they leave the island, even though it be [128] only to cross to the mainland. The gift of such sight is sometimes hereditary in a family for generations, but this is not an invariable rule, for it often appears sporadically in one member of a family otherwise free from its lugubrious influence.

Đôi khi thấu thị tương lai bao gồm một hình ảnh tiên báo rõ ràng về một sự kiện sắp tới; có lẽ thường xuyên hơn, cái nhìn thoáng qua về tương lai được trao qua một hình tướng biểu tượng nào đó. Đáng lưu ý là các sự kiện được thấy trước luôn là những sự kiện không vui—cái chết là phổ biến nhất; tôi không nhớ có một trường hợp nào mà thấu thị tương lai cho thấy bất cứ điều gì không mang bản chất u ám nhất. Nó có một hệ thống biểu tượng rùng rợn của riêng mình—biểu tượng của những tấm vải liệm, những cây nến xác chết và những nỗi kinh hoàng tang lễ khác. Trong một số trường hợp, nó dường như phụ thuộc vào địa điểm ở một mức độ nào đó, vì người ta khẳng định rằng những cư dân của Đảo Skye sở hữu năng lực này thường mất nó khi họ rời khỏi hòn đảo, ngay cả khi [128] chỉ là để sang đất liền. Khả năng của linh thị như vậy đôi khi có tính di truyền trong một gia đình qua nhiều thế hệ, nhưng đây không phải là một quy luật bất biến, vì nó thường xuất hiện rải rác ở một thành viên trong một gia đình vốn không chịu ảnh hưởng u sầu của nó.

An example in which an accurate vision of a

Một ví dụ về linh ảnh chính xác của một sự

coming event was seen some months beforehand by second-sight has already been given. Here is another and perhaps a more striking one, which I give exactly as it was related to me by one of the actors in the scene.

kiện sắp tới được thấy trước vài tháng bằng thấu thị tương lai đã được đưa ra. Đây là một ví dụ khác và có lẽ ấn tượng hơn, mà tôi trình bày chính xác như nó đã được kể lại cho tôi bởi một trong những người trong cuộc.

"We plunged into the jungle, and had walked on for about an hour without much success, when Cameron, who happened to be next to me, stopped suddenly, turned pale as death, and, pointing straight before him, cried in accents of horror:

"Chúng tôi tiến sâu vào rừng rậm, và đã đi bộ khoảng một giờ mà không có nhiều kết quả, khi Cameron, người tình cờ đi cạnh tôi, bỗng dừng lại, mặt tái mét như chết, và chỉ thẳng về phía trước, kêu lên với giọng kinh hoàng:

"'See! see! merciful heaven, look there!'

"'Nhìn kìa! nhìn kìa! lạy trời, hãy nhìn đằng kia!'

"'Where? what? what is it?' we all shouted confusedly, as we rushed up to him and looked round in expectation of encountering a tiger- a cobra- we hardly knew what, but assuredly something terrible, since it had been sufficient to cause such evident emotion in our usually self-contained comrade. But neither tiger nor cobra was visible—nothing but Cameron pointing with ghastly, haggard face and staring eyeballs at something we could not see.

"'Ở đâu? cái gì? chuyện gì vậy?' tất cả chúng tôi cùng hét lên bối rối, khi chúng tôi lao đến bên anh ấy và nhìn quanh với kỳ vọng sẽ chạm trán một con hổ—một con hổ mang—chúng tôi khó mà biết được là cái gì, nhưng chắc chắn là điều gì đó khủng khiếp, vì nó đủ để gây ra sự xúc động rõ rệt như vậy ở người đồng đội vốn thường rất tự chủ của chúng tôi. Nhưng không thấy hổ cũng chẳng thấy hổ mang—không có gì ngoài việc Cameron với khuôn mặt hốc hác, kinh hãi và đôi mắt trợn ngược đang chỉ vào thứ gì đó mà chúng tôi không thể thấy.

"'Cameron! Cameron!' cried I, seizing his arm, 'for heaven's sake, speak! What is the matter?'

"'Cameron! Cameron!' tôi kêu lên, nắm lấy tay anh ấy, 'vì chúa, hãy nói đi! Có chuyện gì vậy?'

"Scarcely were the words out of my mouth when a low, but very peculiar sound struck on my ear, and Cameron, dropping his pointing hand, said in a hoarse, [129] strained voice, 'There! you heard it? Thank God it's over!' and fell to the ground insensible.

"Vừa dứt lời thì một âm thanh trầm nhưng rất kỳ lạ đập vào tai tôi, và Cameron, buông bàn tay đang chỉ xuống, nói với giọng [129] khàn đặc, căng thẳng: 'Đó! các anh nghe thấy rồi chứ? Tạ ơn Chúa, nó đã qua rồi!' và ngã xuống đất bất tỉnh.

"There was a momentary confusion while we unfastened his collar, and I dashed in his

"Có một sự hỗn loạn nhất thời trong khi chúng tôi nới lỏng cổ áo anh ấy, và tôi tạt vào

face some water which I fortunately had in my flask, while another tried to pour brandy between his clenched teeth; and under cover of it, I whispered to the man next to me (one of our greatest sceptics, by the way), " Beauchamp, did you hear anything?'

mặt anh ấy một ít nước mà tôi may mắn có trong bình, trong khi một người khác cố gắng đổ rượu brandy vào giữa hai hàm răng đang nghiến chặt của anh ấy; và nhân lúc đó, tôi thì thầm với người bên cạnh (nhân tiện, một trong những người hoài nghi nhất của chúng tôi), 'Beauchamp, *anh* có nghe thấy gì không?'

"'Why, yes,' he replied, ' a curious sound, very; a sort of crash or rattle far away in the distance, yet very distinct; if the thing were not utterly impossible, I could have sworn it was the rattle of musketry'.

"'Ồ, có chứ,' anh ta trả lời, 'một âm thanh kỳ lạ, rất kỳ lạ; một kiểu tiếng va chạm hay tiếng lách cách ở tận đằng xa, nhưng rất rõ ràng; nếu điều đó không hoàn toàn bất khả thi, tôi đã có thể thề đó là tiếng súng trường'.

"'Just my impression', murmured I; 'but hush! he is recovering'.

"'Đúng là ấn tượng của tôi', tôi lẩm bẩm; 'nhưng suỵt! anh ấy đang hồi tỉnh'.

"In a minute or two he was able to speak feebly, and began to thank us and apologize for giving trouble; and soon he sat up, leaning against a tree, and in a firm, though still low voice said:

"Trong một hoặc hai phút, anh ấy đã có thể nói thều thào, và bắt đầu cảm ơn chúng tôi và xin lỗi vì đã gây rắc rối; rồi anh ấy sớm ngồi dậy, tựa lưng vào một cái cây, và với giọng kiên định, dù vẫn còn thấp, anh ấy nói:

"'My dear friends, I feel I owe you an explanation of my extraordinary behaviour. It is an explanation that I would fain avoid giving; but it must come some time, and so may as well be given now. You may perhaps have noticed that when during our voyage you all joined in scoffing at dreams, portents and visions, I invariably avoided giving any opinion on the subject. I did so because, while I had no desire to court ridicule or provoke discussion, I was unable to agree with you, knowing only too well from my own dread experience that the world which men agree to call that of the [130] supernatural is just as real as—nay, perhaps, even far more real than this world we see about us. In other words, I, like many of my country men, am cursed with the gift of second-sight—that awful faculty which foretells in vision calamities that are shortly to occur.

"'Các bạn thân mến, tôi cảm thấy mình nợ các bạn một lời giải thích về hành vi kỳ lạ của mình. Đó là một lời giải thích mà tôi rất muốn tránh đưa ra; nhưng sớm muộn gì nó cũng phải đến, nên thà đưa ra ngay bây giờ. Có lẽ các bạn đã nhận thấy rằng trong suốt chuyến hành trình, khi tất cả các bạn cùng tham gia chế giễu những giấc mơ, điềm báo và linh ảnh, tôi luôn tránh đưa ra bất kỳ ý kiến nào về chủ đề này. Tôi làm vậy vì, trong khi tôi không muốn bị chế giễu hay gây ra tranh luận, tôi không thể đồng ý với các bạn, vì biết quá rõ từ trải nghiệm đáng sợ của chính mình rằng thế giới mà con người đồng ý gọi là [130] siêu nhiên cũng thực tế như—không, có lẽ, thậm chí còn thực tế hơn nhiều so với thế giới này mà chúng ta thấy quanh mình. Nói cách khác, tôi, giống như nhiều người đồng hương của mình, bị nguyền rủa với khả năng thấu thị tương lai—năng lực khủng khiếp tiên báo trong linh ảnh những

tai họa sắp xảy ra.

"'Such a vision I had just now, and its exceptional horror moved me as you have seen. I saw before me a corpse—not that of one who has died a peaceful natural death, but that of the victim of some terrible accident; a ghastly, shapeless mass, with a face swollen, crushed, unrecognisable. I saw this dreadful object placed in a coffin, and the funeral service performed over it. I saw the burial ground, I saw the clergyman; and though I had never seen either before, I can picture both perfectly in my mind's eye now; I saw you, myself, Beauchamp, all of us and many more, standing round as mourners; I saw the soldiers raise their muskets after the service was over; I heard the volley they fired —and then I knew no more'.

"'Một linh ảnh như vậy tôi vừa mới thấy, và sự kinh hoàng đặc biệt của nó đã làm tôi xúc động như các bạn đã thấy. Tôi thấy trước mặt mình một xác chết— không phải của một người đã chết một cái chết tự nhiên yên bình, mà là nạn nhân của một tai nạn khủng khiếp; một khối hình thù gớm ghiếc, không còn hình dạng, với khuôn mặt sưng tấy, bị nghiền nát, không thể nhận ra. Tôi thấy vật thể đáng sợ này được đặt trong quan tài, và lễ tang được cử hành. Tôi thấy nghĩa trang, tôi thấy vị giáo sĩ; và mặc dù tôi chưa từng thấy cả hai trước đây, tôi có thể hình dung cả hai một cách hoàn hảo trong tâm trí mình lúc này; tôi thấy các bạn, chính tôi, Beauchamp, tất cả chúng ta và nhiều người nữa, đang đứng quanh như những người đưa tang; tôi thấy những người lính giơ súng trường lên sau khi buổi lễ kết thúc; tôi nghe thấy loạt đạn họ bắn—và sau đó tôi không còn biết gì nữa'.

"As he spoke of that volley of musketry I glanced across with a shudder at Beauchamp, and the look of stony horror on that handsome sceptic's face was not to be forgotten".

"Khi anh ấy nói về loạt súng trường đó, tôi liếc nhìn Beauchamp với một sự rùng mình, và vẻ kinh hoàng đờ đẫn trên khuôn mặt của người hoài nghi đẹp trai đó là điều không thể quên được".

This is only one incident (and by no means the principal one) in a very remarkable story of psychic experience, but as for the moment we are concerned merely with the example of second-sight which it gives us, I need only say that later in the day the party of young soldiers discovered the body of their commanding officer [131] in the terrible condition so graphically described by Mr.Cameron. The narrative continues:

Đây chỉ là một sự việc (và hoàn toàn không phải là sự việc chính) trong một câu chuyện rất đáng chú ý về trải nghiệm thông linh, nhưng vì hiện tại chúng ta chỉ quan tâm đến ví dụ về thấu thị tương lai mà nó cung cấp, tôi chỉ cần nói rằng sau đó trong ngày, nhóm lính trẻ đã phát hiện ra thi thể của sĩ quan chỉ huy của họ [131] trong tình trạng khủng khiếp đã được ông Cameron mô tả một cách sinh động như vậy. Lời kể tiếp tục:

"When, on the following evening, we arrived at our destination, and our melancholy deposition had been taken down by the proper authorities, Cameron and I went out for a quiet walk, to endeavour with the

"Khi, vào tối hôm sau, chúng tôi đến đích, và lời khai u buồn của chúng tôi đã được các cơ quan chức năng ghi lại, Cameron và tôi đi dạo một quãng yên tĩnh, để nỗ lực với sự hỗ trợ từ ảnh hưởng xoa dịu của thiên nhiên

assistance of the soothing influence of nature to shake off something of the gloom which paralyzed our spirits. Suddenly he clutched my arm, and pointing through some rude railings, said in a trembling voice. "Yes, there it is! that is the burial-ground I saw yesterday'. And when later on we were introduced to the chaplain of the post, I noticed, though my friends did not, the irrepressible shudder with which Cameron took his hand, and I knew that he had recognized the clergyman of his vision".

nhằm rũ bỏ phần nào sự u ám đang làm tê liệt tinh thần chúng tôi. Đột nhiên anh ấy nắm chặt tay tôi, và chỉ qua một số hàng rào thô sơ, nói với giọng run rẩy: 'Vâng, nó đây rồi! đó chính là nghĩa trang tôi đã thấy hôm qua'. Và khi sau đó chúng tôi được giới thiệu với vị tuyên úy của đồn, tôi nhận thấy, dù các bạn tôi không thấy, sự rùng mình không thể kìm nén khi Cameron nắm tay ông ấy, và tôi biết rằng anh ấy đã nhận ra vị giáo sĩ trong linh ảnh của mình".

As for the occult rational of al this, I presume Mr. Cameron's vision was a pure case of second-sight, and if so the fact that the two men who were evidently nearest to him (certainly one—probably both—actually touching him) participated in it to the limited extent of hearing the concluding volley, while the others who were not so close did not, would show that the intensity with which the vision impressed itself upon the seer occasioned vibrations in his mind-body which were communicated to those of the persons in contact with him, as in ordinary thought-transference. Anyone who wishes to read the rest of the story will find it in the pages of Lucifer, Vol. 2, page 457.

Về mặt lý giải huyền môn cho tất cả những điều này, tôi cho rằng linh ảnh của ông Cameron là một trường hợp thấu thị tương lai thuần túy, và nếu vậy, sự thật là hai người rõ ràng ở gần anh ấy nhất (chắc chắn là một người—có lẽ cả hai—thực sự chạm vào anh ấy) đã tham gia vào đó ở mức độ hạn chế là nghe thấy loạt đạn kết thúc, trong khi những người khác không ở gần như vậy thì không nghe thấy, điều này cho thấy cường độ mà linh ảnh ghi dấu lên nhà thông nhãn đã gây ra những rung động trong thể trí của anh ấy, vốn được truyền đạt đến thể trí của những người tiếp xúc với anh ấy, như trong sự truyền tư tưởng thông thường. Bất cứ ai muốn đọc phần còn lại của câu chuyện sẽ tìm thấy nó trong các trang của tờ *Lucifer*, Tập 2, trang 457.

Scores of examples of similar nature to these might [132] easily be collected. With regard to the symbolical variety of this sight, it is commonly stated among those who possess it that if on meeting a living person they see a phantom shroud wrapped around him, it is a sure prognostication of his death. The date of the approaching decease is indicated either by the extent to which the shroud covers the body, or by the time of day at which the vision is seen; for if it be in the early morning they say that the man will die during the same day, but if it be in the evening, then it will be only some time within a year.

Hàng tá ví dụ có bản chất tương tự như thế này có thể [132] dễ dàng được thu thập. Liên quan đến loại hình biểu tượng của linh thị này, những người sở hữu nó thường khẳng định rằng nếu khi gặp một người đang sống mà họ thấy một tấm vải liệm ma quái quấn quanh người đó, thì đó là một điềm báo chắc chắn về cái chết của y. Ngày tháng của sự qua đời sắp tới được biểu thị bằng mức độ mà tấm vải liệm che phủ cơ thể, hoặc bằng thời gian trong ngày mà linh ảnh được nhìn thấy; vì nếu là vào sáng sớm, họ nói rằng người đó sẽ chết trong cùng ngày hôm đó, nhưng nếu là vào buổi tối, thì sẽ chỉ vào một thời điểm nào đó trong vòng một năm.

Another variant (and a remarkable one) of the symbolic form of second-sight is that in which the headless apparition of the person whose death is foretold manifests itself to the seer. An example of that class is given in Signs before Death as having happened in the family of Dr. Ferrier, though in that case, if I recollect rightly, the vision did not occur until the time of the death, or very near it.

Một biến thể khác (và là một biến thể đáng chú ý) của hình thức biểu tượng của thấu thị tương lai là trường hợp mà ảo ảnh không đầu của người có cái chết được tiên báo hiện ra trước nhà thông nhãn. Một ví dụ về loại đó được đưa ra trong cuốn *Signs before Death* đã xảy ra trong gia đình của Tiến sĩ Ferrier, mặc dù trong trường hợp đó, nếu tôi nhớ không lầm, linh ảnh đã không xảy ra cho đến thời điểm cái chết, hoặc rất gần với nó.

Turning from seers who are regularly in possession of a certain faculty, although its manifestations are only occasionally fully under their control, we are confronted by a large number of isolated instances of prevision in the case of people with whom it is not in any way a regular faculty. Perhaps the majority of these occur in dreams, although examples of the waking vision are by no means wanting. Sometimes the prevision refers to an event of distinct importance to the seer, and so justifies the action of the Ego in taking the trouble to impress it. In other cases, the event is one which is [133] of no apparent importance, or is not in any way connected with the man to whom the vision comes. Sometimes it is clear that the intention of the Ego (or the communicating entity, whatever it may be) is to warn the lower self of the approach of some calamity, either in order that it may be prevented or, if that be not possible, that the shock may be minimized by preparation.

Rời khỏi những nhà thông nhãn thường xuyên sở hữu một năng lực nhất định, mặc dù các biểu hiện của nó chỉ thỉnh thoảng mới hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của họ, chúng ta đối mặt với một số lượng lớn các trường hợp dự kiến riêng lẻ trong trường hợp của những người mà đối với họ đó không phải là một năng lực thường xuyên theo bất kỳ cách nào. Có lẽ phần lớn trong số này xảy ra trong những giấc mơ, mặc dù các ví dụ về linh ảnh lúc tỉnh táo hoàn toàn không thiếu. Đôi khi sự dự kiến đề cập đến một sự kiện có tầm quan trọng rõ rệt đối với nhà thông nhãn, và do đó biện minh cho hành động của Chân ngã trong việc bỏ công sức để ghi dấu nó. Trong các trường hợp khác, sự kiện này là một sự kiện [133] không có tầm quan trọng rõ ràng, hoặc không liên quan theo bất kỳ cách nào đến người mà linh ảnh đến với y. Đôi khi rõ ràng là ý định của Chân ngã (hoặc thực thể giao tiếp, bất kể nó là gì) là để cảnh báo phàm ngã về sự tiếp cận của một tai họa nào đó, hoặc để nó có thể được ngăn chặn hoặc, nếu điều đó không khả thi, để cú sốc có thể được giảm thiểu bằng sự chuẩn bị.

The event most frequently thus foreshadowed is, perhaps not unnaturally, death—sometimes the death of the seer himself, sometimes that of one dear to him. This type of prevision is so common in the literature of the subject, and its object is so obvious, that we need hardly cite examples of it; but one or two instances in which the prophetic sight, though clearly useful, was yet of a less sombre character, will prove not uninteresting to the reader. The following is

Sự kiện thường xuyên được báo trước theo cách này, có lẽ không phải là tự nhiên, là cái chết—đôi khi là cái chết của chính nhà thông nhãn, đôi khi là cái chết của một người thân yêu của y. Loại dự kiến này rất phổ biến trong các tài liệu về chủ đề này, và mục đích của nó quá rõ ràng, đến mức chúng ta khó cần phải trích dẫn các ví dụ về nó; nhưng một hoặc hai trường hợp mà linh thị tiên tri, mặc dù rõ ràng là hữu ích, nhưng lại mang tính chất ít u ám hơn, sẽ chứng tỏ là không

culled from that storehouse of the student of the uncanny, Mrs. Crowe's Night Side of Nature, page 72.

kém phần thú vị đối với độc giả. Câu chuyện sau đây được chọn lọc từ kho tàng của người nghiên cứu về những điều kỳ bí, cuốn *Night Side of Nature* của bà Crowe, trang 72.

"A few years ago Dr. Watson, now residing at Glasgow, dreamt that he received a summons to attend a patient at a place some miles from where he was living; that he started on horseback, and that as he was crossing a moor he saw a bull making furiously at him, whose horns he only escaped by taking refuge on a spot inaccessible to the animal, where he waiting a long time till some people, observing his situation, came to his assistance and released him.

"Vài năm trước, Tiến sĩ Watson, hiện đang cư trú tại Glasgow, đã mơ thấy mình nhận được một lệnh triệu tập để đến chăm sóc một bệnh nhân tại một nơi cách nơi ông đang sống vài dặm; rằng ông đã khởi hành trên lưng ngựa, và khi đang băng qua một cánh đồng hoang, ông thấy một con bò tót đang lao điên cuồng về phía mình, mà ông chỉ thoát được cặp sừng của nó bằng cách trú ẩn ở một nơi mà con vật không thể tiếp cận, nơi ông đã đợi một thời gian dài cho đến khi một số người, quan sát thấy tình cảnh của ông, đã đến hỗ trợ và giải thoát cho ông.

"Whilst at breakfast on the following morning the summons came, and smiling at the odd coincidence (as [134] he thought it), he started on horseback. He was quite ignorant of the road he had to go, but by and by he arrived at the moor, which he recognized, and presently the bull appeared, coming full tilt towards him. But his dream had shown him the place of refuge for which he instantly made, and there he spent three or four hours, besieged by the animal, till the country people set him free. Dr Watson declares that but for the dream he should not have known in what direction to run for safety".

"Trong khi đang ăn sáng vào sáng hôm sau, lệnh triệu tập đã đến, và mỉm cười trước sự trùng hợp kỳ lạ (như [134] ông nghĩ), ông đã khởi hành trên lưng ngựa. Ông hoàn toàn không biết con đường mình phải đi, nhưng dần dần ông đã đến cánh đồng hoang, nơi ông nhận ra, và ngay sau đó con bò tót xuất hiện, lao thẳng về phía ông. Nhưng giấc mơ của ông đã chỉ cho ông nơi trú ẩn mà ông lập tức hướng tới, và ở đó ông đã trải qua ba hoặc bốn giờ, bị con vật bao vây, cho đến khi những người dân quê giải thoát cho ông. Tiến sĩ Watson tuyên bố rằng nếu không có giấc mơ đó, ông đã không biết phải chạy theo hướng nào để an toàn".

Another case, in which a much longer interval separated the warning and its fulfillment, is given by Dr.F.G.Lee, in Glimpses of the Supernatural, Volume 1, page 240.

Một trường hợp khác, trong đó một khoảng thời gian dài hơn nhiều ngăn cách giữa lời cảnh báo và sự ứng nghiệm của nó, được Tiến sĩ F.G. Lee đưa ra trong cuốn *Glimpses of the Supernatural*, Tập 1, trang 240.

"Mrs. Hannah Green, the housekeeper of a country family in Oxfordshire, dreamt one night that she had been left alone in the house upon a Sunday evening, and that hearing a knock at the door of the chief entrance she went to it, and there found an ill-looking tramp armed with a bludgeon,

"Bà Hannah Green, quản gia của một gia đình ở vùng quê Oxfordshire, một đêm nọ mơ thấy mình bị bỏ lại một mình trong nhà vào một tối Chủ nhật, và khi nghe thấy tiếng gõ cửa ở lối vào chính, bà đã đi ra đó, và thấy ở đó một kẻ lang thang có vẻ ngoài xấu xí được trang bị một chiếc dùi cui, kẻ đã khăng

who insisted on forcing himself into the house. She thought that she struggled for some time to prevent him so doing, but quite ineffectually, and that, being struck down by him and rendered insensible, he thereupon gained ingress to the mansion. On this she awoke.

khăng đòi xông vào nhà. Bà nghĩ rằng mình đã đấu tranh một thời gian để ngăn cản y làm vậy, nhưng hoàn toàn không hiệu quả, và rằng, sau khi bị y đánh gục và bất tỉnh, y sau đó đã đột nhập được vào dinh thự. Đến đây bà thức dậy.

"As nothing happened for a considerable period, the circumstance of the dream was soon forgotten, and, as she herself asserts, had altogether passed away from her mind. However, seven years afterwards this same housekeeper was left with two other servants to take [135] charge of an isolated mansion at Kensington (subsequently the town residence of the family), when on a certain Sunday evening, her fellow-servants having gone out and left her alone, she was suddenly startled by a loud knock at the front door.

"Vì không có chuyện gì xảy ra trong một thời gian đáng kể, tình tiết của giấc mơ sớm bị lãng quên, và như chính bà khẳng định, nó đã hoàn toàn trôi khỏi tâm trí bà. Tuy nhiên, bảy năm sau, chính người quản gia này được để lại cùng với hai người hầu khác để [135] trông coi một dinh thự biệt lập tại Kensington (sau này là nơi ở tại thành phố của gia đình), khi vào một tối Chủ nhật nọ, những người hầu đồng nghiệp của bà đã đi ra ngoài và để bà ở lại một mình, bà đột nhiên giật mình bởi một tiếng gõ cửa lớn ở cửa trước.

"All of a sudden the remembrance of her former dream returned to her with singular vividness and remarkable force, and she felt her lonely isolation greatly. Accordingly, having at once lighted a lamp on the hall table—during which act the loud knock was repeated with vigour—she took the precaution to go up to a landing on the stair and throw up the window; and there to her intense terror she saw in the flesh the very man who years previously she had seen in her dream, armed with the bludgeon and demanding an entrance.

"Đột nhiên, ký ức về giấc mơ trước đây quay trở lại với bà với sự sống động kỳ lạ và sức mạnh đáng kể, và bà cảm thấy sự cô lập đơn độc của mình rất lớn. Theo đó, sau khi đã thắp ngay một chiếc đèn trên bàn ở sảnh—trong lúc đó tiếng gõ cửa lớn lại vang lên một cách mạnh mẽ—bà đã thận trọng đi lên một chiếu nghỉ trên cầu thang và mở cửa sổ ra; và ở đó, trước sự kinh hoàng tột độ của mình, bà đã thấy bằng xương bằng thịt chính người đàn ông mà nhiều năm trước bà đã thấy trong giấc mơ, được trang bị dùi cui và đòi vào nhà.

"With great presence of mind she went down to the chief entrance, made that and other doors and windows more secure, and then rang the various bells of the house violently, and placed lights in the upper rooms. It was concluded that by the acts the intruder was scared away.

"Với sự bình tĩnh tuyệt vời, bà đi xuống lối vào chính, chốt chặt cửa đó và các cửa ra vào cũng như cửa sổ khác, rồi rung chuông khắp nhà một cách dữ dội, và đặt đèn ở các phòng tầng trên. Người ta kết luận rằng nhờ những hành động đó mà kẻ xâm nhập đã bị dọa cho sợ hãi bỏ đi.

Evidently in this case also the dream was of practical use, as without it the worthy

Rõ ràng trong trường hợp này giấc mơ cũng có ích lợi thực tế, vì nếu không có nó, người

housekeeper would without doubt from sheer force of habit have opened the door in the ordinary way in answer to the knock.

quản gia đáng kính chắc chắn theo thói quen thuần túy sẽ mở cửa theo cách thông thường để trả lời tiếng gõ cửa.

It is not, however, only in dream that the ego impresses his lower self with what he thinks it well for it to know. Many instances showing this might be taken from the books, but instead of quoting from them I [136] will give a case related only a few weeks ago by a lady of my acquaintance—a case which, although not surrounded with any romantics incident, has at least the merit of being new.

Tuy nhiên, không chỉ trong giấc mơ mà Chân ngã mới ghi dấu lên phàm ngã của mình những gì Ngài nghĩ là tốt cho nó nên biết. Nhiều trường hợp cho thấy điều này có thể được lấy từ các cuốn sách, nhưng thay vì trích dẫn từ chúng, tôi [136] sẽ đưa ra một trường hợp được kể lại chỉ vài tuần trước bởi một quý bà quen biết của tôi—một trường hợp mà mặc dù không bao quanh bởi bất kỳ tình tiết lãng mạn nào, nhưng ít nhất cũng có ưu điểm là mới mẻ.

My friend, then, has two quite young children, and a little while ago the elder of them caught (as was supposed) a bad cold, and suffered for some days from a complete stoppage in the upper part of the nose. The mother thought little of this, expecting it to pass off, until one day she suddenly saw before her in the air what she describes as a picture of a room, in the centre of which was a table on which her child was lying insensible or dead, with some people bending over her. The minutest details of the scene were clear to her, and she particularly noticed that the child wore a white nightdress, whereas she knew that all garments of that description possessed by her little daughter happened to be pink.

Bạn tôi có hai đứa con còn khá nhỏ, và cách đây không lâu đứa lớn bị (như người ta tưởng) một trận cảm lạnh nặng, và bị ngạt mũi hoàn toàn ở phần trên của mũi trong vài ngày. Người mẹ ít nghĩ đến điều này, mong nó sẽ qua đi, cho đến một ngày bà đột nhiên thấy trước mặt mình trong không trung cái mà bà mô tả là một bức tranh về một căn phòng, ở giữa có một chiếc bàn mà trên đó đứa con của bà đang nằm bất tỉnh hoặc đã chết, với một số người đang cúi xuống nhìn nó. Những chi tiết nhỏ nhất của cảnh tượng đều rõ ràng đối với bà, và bà đặc biệt nhận thấy rằng đứa trẻ mặc một chiếc áo ngủ màu trắng, trong khi bà biết rằng tất cả những bộ đồ kiểu đó mà con gái nhỏ của bà sở hữu tình cờ đều là màu hồng.

The vision impressed her considerably, and suggested to her for the first time that the child might be suffering from something more serious than a cold, so she carried her off to a hospital for examination. The surgeon who attended to her discovered the presence of dangerous growth in the nose, which he pronounced must be removed. A few days later the child was taken to the hospital for the operation, and was put to bed. When the mother arrived at the hospital she found she had forgotten to bring one of the child's night-dresses, and so the nurses had to supply one, which was

Linh ảnh đã ghi dấu ấn đáng kể lên bà, và gợi ý cho bà lần đầu tiên rằng đứa trẻ có thể đang bị một thứ gì đó nghiêm trọng hơn là cảm lạnh, vì vậy bà đã đưa nó đến bệnh viện để kiểm tra. Vị bác sĩ phẫu thuật chăm sóc cho nó đã phát hiện ra sự hiện diện của một khối u nguy hiểm trong mũi, mà ông tuyên bố là phải được cắt bỏ. Vài ngày sau, đứa trẻ được đưa đến bệnh viện để phẫu thuật và được đưa lên giường bệnh. Khi người mẹ đến bệnh viện, bà thấy mình đã quên mang theo một trong những chiếc áo ngủ của đứa trẻ, và vì vậy các y tá phải cung cấp một chiếc, chiếc áo đó màu *trắng*. Trong chiếc áo trắng này, cuộc

white. In this white dress the operation [137] was performed on the girl the next day, in the room that her mother saw in her vision, every circumstance being exactly reproduced.

phẫu thuật [137] đã được thực hiện trên cô bé vào ngày hôm sau, trong căn phòng mà mẹ cô đã thấy trong linh ảnh của mình, mọi tình tiết đều được tái hiện chính xác.

In all these cases the prevision achieved its result, but the books are full of stories of warnings neglected or scouted, and of the disaster that consequently followed. In some cases the information is given to someone who has practically no power to interfere in the matter, as in the historic instance when John Williams, a Cornish mine-manager, foresaw in the minutest detail, eight or nine days before it took place, the assassination of Mr. Spencer Perceval, the then Chancellor of the Exchequer, in the lobby of the House of Commons. Even in this case, however, it is just possible that something might have been done, for we read that Mr. Williams was so much impressed that he consulted his friends as to whether he ought not to go up to London to warn Mr. Perceval. Unfortunately they dissuaded him, and the assassination took place. It does not seem very probable that, even if he had gone up to town and related his story, much attention would have been paid to him; still there is just the possibility that some precautions might have been taken which would have prevented the murder.

Trong tất cả các trường hợp này, sự dự kiến đã đạt được kết quả của nó, nhưng các cuốn sách đầy rẫy những câu chuyện về những lời cảnh báo bị phớt lờ hoặc bị bác bỏ, và về thảm họa theo sau đó. Trong một số trường hợp, thông tin được trao cho một người thực tế không có quyền năng can thiệp vào vấn đề, như trong trường hợp lịch sử khi John Williams, một quản lý mỏ ở Cornish, đã thấy trước đến từng chi tiết nhỏ nhất, tám hoặc chín ngày trước khi nó diễn ra, vụ ám sát ông Spencer Perceval, lúc đó là Bộ trưởng Tài chính, tại sảnh của Hạ viện. Ngay cả trong trường hợp này, tuy nhiên, vẫn có khả năng là điều gì đó đã có thể được thực hiện, vì chúng ta đọc thấy rằng ông Williams đã bị ấn tượng mạnh đến mức ông đã tham khảo ý kiến bạn bè về việc liệu ông có nên lên London để cảnh báo ông Perceval hay không. Thật không may, họ đã can ngăn ông, và vụ ám sát đã diễn ra. Có vẻ không chắc rằng, ngay cả khi ông đã lên thành phố và kể lại câu chuyện của mình, nhiều sự chú ý sẽ được dành cho ông; tuy nhiên vẫn có khả năng là một số biện pháp phòng ngừa đã có thể được thực hiện để ngăn chặn vụ giết người.

There is little to show us what particular action on higher planes led to this curious prophetic vision. The parties were entirely unknown to one another, so that it was not caused by any close sympathy between them. If it was an attempt made by some helper to avert the threatened doom, it seems strange that no one who was [138] sufficiently impressible could be found nearer than Cornwall. Perhaps Mr. Williams, when on the astral plane during sleep, somehow came across this reflection of the future, and being naturally horrified thereby, passed it on to his lower mind in the

Có rất ít điều cho chúng ta thấy hành động cụ thể nào trên các cõi cao hơn đã dẫn đến linh ảnh tiên tri kỳ lạ này. Các bên hoàn toàn không biết nhau, vì vậy nó không phải do bất kỳ sự đồng cảm mật thiết nào giữa họ gây ra. Nếu đó là một nỗ lực được thực hiện bởi một người giúp đỡ nào đó nhằm ngăn chặn định mệnh bị đe dọa, thì có vẻ lạ là không ai [138] đủ khả năng tiếp nhận có thể được tìm thấy ở gần hơn Cornwall. Có lẽ ông Williams, khi ở trên cõi cảm dục trong khi ngủ, bằng cách nào đó đã bắt gặp sự phản chiếu này của tương lai, và vì tự nhiên bị kinh hãi bởi điều đó, đã truyền nó đến hạ trí của mình với hy

hope that somehow something might be done to prevent it; but it is impossible to diagnose the case with certainty without examining the âkâshic records to see what actually took place.

vọng rằng bằng cách nào đó điều gì đó có thể được thực hiện để ngăn chặn nó; nhưng không thể chẩn đoán trường hợp này một cách chắc chắn mà không kiểm tra các hồ sơ akasha để xem điều gì đã thực sự diễn ra.

A typical instance of the absolutely purposeless foresight is that related by Mr. Stead, in his Real Ghost Stories (page 83), of his friend Miss Freer, commonly known as Miss X. When staying at a country house this lady, being wide awake and fully conscious, once saw a dogcart drawn by a white horse standing at the hall door, with two strangers in it, one of whom got out of the cart and stood playing with a terrier. She noticed that he was wearing an ulster, and also particularly observed the fresh wheel-marks made by the cart on the gravel. Nevertheless there was no cart there at the time; but half an hour later two strangers did drive up in such an equipage, and every detail of the lady's vision was accurately fulfilled. Mr. Stead goes on to cite another instance of equally purposeless prevision where seven years separated the dream (for in this case it was a dream) and its fulfillment.

Một trường hợp điển hình về sự tiên đoán hoàn toàn không có mục đích là trường hợp được ông Stead kể lại trong cuốn *Real Ghost Stories* (trang 83), về người bạn của ông là cô Freer, thường được gọi là cô X. Khi đang ở tại một ngôi nhà vùng quê, quý cô này, khi đang hoàn toàn tỉnh táo và có tâm thức đầy đủ, đã một lần thấy một chiếc xe chó kéo bởi một con ngựa trắng đang đứng ở cửa sảnh, với hai người lạ trên đó, một trong số họ đã bước xuống xe và đứng chơi với một con chó sục. Cô nhận thấy anh ta đang mặc một chiếc áo khoác ulster, và cũng đặc biệt quan sát thấy những vết bánh xe mới do chiếc xe tạo ra trên sỏi. Tuy nhiên, lúc đó không có chiếc xe nào ở đó; nhưng nửa giờ sau, hai người lạ thực sự đã lái xe đến trong một bộ trang bị như vậy, và mọi chi tiết trong linh ảnh của quý cô đã được thực hiện một cách chính xác. Ông Stead tiếp tục trích dẫn một trường hợp khác về sự dự kiến cũng không có mục đích tương tự, nơi bảy năm ngăn cách giữa giấc mơ (vì trong trường hợp này đó là một giấc mơ) và sự ứng nghiệm của nó.

All these instances (and they are merely random selections from many hundreds) show that a certain amount of prevision is undoubtedly possible to the ego, and such cases would evidently be much more frequent if it [139] were not for the exceeding density and lack of response in the lower vehicles of the majority of what we call civilized mankind—qualities chiefly attributable to the gross practical materialism of the present age. I am not thinking of any profession of materialistic belief as common, but of the fact that in all practical affairs of daily life nearly everyone is guided solely by considerations of worldly interest in some shape or other.

Tất cả những trường hợp này (và chúng chỉ là những lựa chọn ngẫu nhiên từ hàng trăm trường hợp) cho thấy rằng một lượng dự kiến nhất định chắc chắn là khả thi đối với Chân ngã, và những trường hợp như vậy rõ ràng sẽ thường xuyên hơn nhiều nếu [139] không phải vì sự đậm đặc quá mức và thiếu sự đáp ứng trong các vận cụ thấp của đa số những gì chúng ta gọi là nhân loại văn minh—những phẩm tính chủ yếu có thể quy cho chủ nghĩa duy vật thực tế thô thiển của thời đại hiện nay. Tôi không nghĩ đến bất kỳ sự tuyên bố nào về niềm tin duy vật là phổ biến, mà là về sự thật rằng trong tất cả các công việc thực tế của đời sống hàng ngày, gần như mọi người đều chỉ được hướng dẫn bởi những cân nhắc về lợi ích thế gian dưới hình thức này hay

hình thức khác.

In many cases the ego himself may be an undeveloped one, and his prevision consequently very vague; in others he himself may see clearly, but may find his lower vehicles so unimpressible that all he can succeed in getting through into his physical brain may be an indefinite presage of coming disaster. Again, there are cases in which a premonition is not the work of the ego at all, but of some outside entity, who for some reasons takes a friendly interest in the person to whom the feeling comes. In the work which I quote above, Mr. Stead tells us of the certainty which he felt many months beforehand that he would be left in change of the Pall Mall Gazette, through from an ordinary point of view nothing seemed less probable. Whether that foreknowledge was the result of an impression made by his own ego or of a friendly hint from someone else it is impossible to say without definite investigation, but his confidence in it was fully justified.

Trong nhiều trường hợp, chính Chân ngã có thể là một Chân ngã chưa phát triển, và do đó sự dự kiến của Ngài rất mơ hồ; trong những trường hợp khác, chính Ngài có thể thấy rõ ràng, nhưng có thể thấy các vận cụ thấp của mình quá khó tiếp nhận đến mức tất cả những gì Ngài có thể thành công trong việc đưa vào bộ não hồng trần của mình có thể là một điềm báo không xác định về tai họa sắp tới. Một lần nữa, có những trường hợp mà một linh cảm hoàn toàn không phải là công việc của Chân ngã, mà là của một thực thể bên ngoài nào đó, người vì một số lý do nào đó dành một sự quan tâm thân thiện đến người mà cảm giác đó đến với y. Trong tác phẩm mà tôi trích dẫn ở trên, ông Stead kể cho chúng ta về sự chắc chắn mà ông cảm thấy từ nhiều tháng trước rằng ông sẽ được để lại quản lý tờ *Pall Mall Gazette*, mặc dù từ một quan điểm thông thường thì dường như không có gì ít khả năng hơn. Liệu sự thấu hiểu tương lai đó là kết quả của một ấn tượng được tạo ra bởi chính Chân ngã của ông hay từ một gợi ý thân thiện từ một người nào khác thì không thể nói chắc chắn nếu không có sự điều tra xác định, nhưng sự tự tin của ông vào điều đó đã được chứng minh hoàn toàn.

There is one more variety of clairvoyance in time which ought not to be left without mention. It is a comparatively rare one, but there are enough examples on record to claim our attention, though unfortunately [140] the particulars given do not usually include those which we should require in order to be able to diagnose it with certainty. I refer to the cases in which spectral armies or phantom flocks of animals have been seen. In The Night Side of Nature (page 462 et seq.) we have accounts of several such visions. We are there told how at Havarah Park, near Ripley, a body of soldiers in white uniform, amounting to several hundreds, was seen by reputable people to go through various evolutions and then vanish; and

Còn một loại thấu thị trong thời gian nữa không nên để mặc mà không được nhắc đến. Đó là một loại tương đối hiếm, nhưng có đủ ví dụ được ghi lại để thu hút sự chú ý của chúng ta, mặc dù thật không may [140] các chi tiết được đưa ra thường không bao gồm những chi tiết mà chúng ta yêu cầu để có thể chẩn đoán nó một cách chắc chắn. Tôi đang đề cập đến các trường hợp mà các đội quân ma quái hoặc các đàn động vật ảo ảnh đã được nhìn thấy. Trong cuốn *The Night Side of Nature* (trang 462 *trở đi*), chúng ta có lời kể về vài linh ảnh như vậy. Ở đó chúng ta được kể rằng tại Công viên Havarah, gần Ripley, một nhóm binh lính trong quân phục trắng, lên đến vài trăm người, đã được những người có uy tín nhìn thấy đang thực hiện các cuộc

how some years earlier a similar visionary army was seen in the neighbourhood of Inverness by a respectable farmer and his son.

diễn tập khác nhau rồi biến mất; và vài năm trước đó, một đội quân ảo ảnh tương tự đã được nhìn thấy ở vùng lân cận Inverness bởi một nông dân đáng kính và con trai ông.

In this case also the number of troops was very great, and the spectators had not the slightest doubt at first that they were substantial forms of flesh and blood. They counted at least sixteen pairs of columns, and had abundance of time to observe every particular. The front ranks marched seven abreast, and were accompanied by a good many women and children, who were carrying tin cans and other implements of cookery. The men were clothed in red, and their arms shone brightly in the sun. In the midst of them was an animal, a deer or horse, they could not distinguish which, that they were driving furiously forward with their bayonets.

Trong trường hợp này, số lượng binh lính cũng rất lớn, và những người quan sát ban đầu không có chút nghi ngờ nào rằng họ là những hình tướng bằng xương bằng thịt thực thụ. Họ đếm được ít nhất mười sáu cặp cột quân, và có dư dả thời gian để quan sát mọi chi tiết. Các hàng phía trước hành quân bảy người một hàng, và đi cùng với khá nhiều phụ nữ và trẻ em, những người đang mang theo các bình thiếc và các dụng cụ nấu nướng khác. Những người đàn ông mặc đồ đỏ, và vũ khí của họ tỏa sáng rực rỡ dưới ánh mặt trời. Ở giữa họ là một con vật, một con hươu hoặc ngựa, họ không thể phân biệt được là con nào, mà họ đang thúc giục lao tới một cách dữ dội bằng lưỡi lê của mình.

The younger of the two men observed to the other that every now and then the rear ranks were obliged to run to overtake the van; and the elder one, who had been a soldier, remarked that that was always the case, and recommended him if he ever served to try to march [141] in the front. There was only one mounted officer; he rode a grey dragoon horse, and wore a gold-laced hat and blue Hussar cloak, with wide open sleeves lined with red. The two spectators observed him so particularly that they said afterwards they should recognize him anywhere. They were, however, afraid of being ill-treated or forced to go along with the troops, whom they concluded to have come from Ireland, and landed at Hyntyre; and whilst they were climbing over a dyke to get out of their way, the whole thing vanished.

Người trẻ hơn trong hai người đàn ông quan sát thấy rằng thỉnh thoảng các hàng phía sau buộc phải chạy để đuổi kịp đội tiên phong; và người lớn tuổi hơn, vốn từng là một người lính, nhận xét rằng điều đó luôn luôn là như vậy, và khuyên anh ta nếu có bao giờ phục vụ quân ngũ thì hãy cố gắng hành quân [141] ở phía trước. Chỉ có một sĩ quan cưỡi ngựa; ông ta cưỡi một con ngựa rồng màu xám, và đội một chiếc mũ viền vàng và khoác áo choàng kỵ binh màu xanh, với tay áo mở rộng lót màu đỏ. Hai người quan sát đã nhìn ông ta kỹ đến mức sau đó họ nói rằng họ có thể nhận ra ông ta ở bất cứ đâu. Tuy nhiên, họ sợ bị ngược đãi hoặc bị buộc phải đi cùng với đoàn quân, những người mà họ kết luận là đến từ Ireland và đổ bộ tại Hyntyre; và trong khi họ đang leo qua một con đê để tránh đường, toàn bộ sự việc đã biến mất.

A phenomenon of the same sort was observed in the earlier part of this century at Paderborn in Westphalia, and seen by at least thirty people; but as, some years later, a review of twenty thousand men was held on the very same spot, it was concluded that the

Một hiện tượng cùng loại đã được quan sát thấy vào đầu thế kỷ này tại Paderborn ở Westphalia, và được ít nhất ba mươi người nhìn thấy; nhưng vì, vài năm sau đó, một cuộc duyệt binh của hai mươi nghìn người đã được tổ chức tại chính địa điểm đó, người

vision must have been some sort of second-sight—a faculty not uncommon in the district.

ta kết luận rằng linh ảnh đó hẳn là một loại thấu thị tương lai—một năng lực không hiếm gặp trong khu vực đó.

Such spectral hosts, however, are sometimes seen where an army of ordinary men could by no possibility have marched, either before or after. One of the most remarkable accounts of such apparitions is given by Miss Harriet Martineau, in her description of The English Lakes. She writes as follows:

Tuy nhiên, những đoàn quân ma quái như vậy đôi khi được nhìn thấy ở nơi mà một đội quân gồm những người bình thường không thể nào hành quân qua được, dù là trước đó hay sau đó. Một trong những lời kể đáng chú ý nhất về những ảo ảnh như vậy được đưa ra bởi cô Harriet Martineau, trong mô tả của cô về *The English Lakes*. Cô viết như sau:

"This Souter or Soutra Fell is the mountain on which ghosts appeared in myriads, at intervals during ten years of the last century, presenting the same appearances to twenty-six chosen witnesses, and to all the inhabitants of all the cottages within view of the mountain, and for a space of two hours and a half at one time—the spectral show being closed by darkness! [142] The mountain, be it remembered is full of precipices, which defy all marching of bodies of men; and the north and west sides present a sheer perpendicular of 900 feet.

"Souter hay Soutra Fell này là ngọn núi mà các bóng ma xuất hiện hàng ngàn người, theo từng đợt trong suốt mười năm của thế kỷ trước, trình hiện cùng một vẻ ngoài trước hai mươi sáu nhân chứng được chọn lọc, và trước tất cả cư dân của tất cả các ngôi nhà nhỏ trong tầm nhìn của ngọn núi, và trong một khoảng thời gian hai giờ rưỡi một lần—buổi trình diễn ma quái được kết thúc bởi bóng tối! [142] Hãy nhớ rằng ngọn núi này đầy những vách đá dựng đứng, vốn thách thức mọi cuộc hành quân của các đoàn người; và các phía bắc và tây trình hiện một vách đá thẳng đứng cao 900 feet.

"On Midsummer Eve, 1735, a farm servant of Mr.Lancaster, half a mile from the mountain, saw the eastern side of its summit covered with troops, which pursued their onward march for an hour. They came, indistinct bodies, from an eminence on the north and disappeared in a niche in the summit. When the poor fellow told his tale, he was insulted on all hands, as original observers usually are when they see anything wonderful. Two years after, also on a Midsummer Eve, Mr. Lancaster saw some men there, apparently following their horses, as if they had returned from hunting. He thought nothing of this; but he happened to look up again ten minutes after, and saw the figures, now mounted, and followed by an interminable array of troops, five abreast, marching from the eminence

"Vào đêm trước Hạ chí năm 1735, một người làm thuê tại trang trại của Ông Lancaster, cách ngọn núi nửa dặm, đã nhìn thấy phía đông đỉnh núi phủ đầy quân lính, họ tiếp tục cuộc diễu hành trong một giờ. Họ đến từ một vùng cao ở phía bắc, dưới dạng những hình hài không rõ rệt, và biến mất vào một hốc đá trên đỉnh núi. Khi anh chàng tội nghiệp kể lại câu chuyện của mình, anh đã bị chế nhạo khắp nơi, giống như các nhà quan sát ban đầu thường gặp khi họ nhìn thấy bất cứ điều gì kỳ diệu. Hai năm sau, cũng vào đêm trước Hạ chí, Ông Lancaster nhìn thấy một vài người ở đó, dường như đang đi theo ngựa của họ, như thể họ vừa đi săn về. Ông không nghĩ gì về điều này; nhưng mười phút sau ông tình cờ nhìn lên lần nữa và thấy những hình bóng đó hiện đã cưỡi ngựa, theo sau là một đoàn quân dài vô tận, đi hàng năm, diễu

and over the cleft as before. All the family saw this, and the manoeuvres of the force, as each company was kept in order by a mounted officer, who galloped this way and that. As the shades of twilight came on, the disciple appeared to relax, and the troops intermingled, and rode at unequal paces till all was lost in darkness. Now of course all the Lancasters were insulted, as their servant had been; but their justification was not long delayed.

hành từ vùng cao và băng qua khe núi như trước. Cả gia đình đều nhìn thấy điều này, cùng các cuộc diễn tập của lực lượng đó, khi mỗi đại đội được giữ trật tự bởi một sĩ quan cưỡi ngựa phi qua phi lại. Khi bóng tối chạng vạng buông xuống, kỷ luật dường như lỏng lẻo đi, quân lính trộn lẫn vào nhau và cưỡi ngựa với tốc độ không đều cho đến khi tất cả mất hút trong bóng tối. Giờ đây, dĩ nhiên tất cả những người nhà Lancaster đều bị chế nhạo như người làm của họ đã từng; nhưng sự minh oan cho họ không bị trì hoãn lâu.

"On the Midsummer Eve of the fearful 1745, twenty-six persons, expressly summoned by the family, saw all [143] that had been seen before, and more. Carriages were now interspersed with the troops; and everybody knew that no carriages had been, or could be, on the summit of Souter Fell. The multitude was beyond imagination; for the troops filled a space of half a mile, and marched quickly till night hid them—still marching. There was nothing vaporous or indistinct about the appearance of the spectres. So real did they seem, that some of the people went up the next morning, to look for the hoof-marks of the horses; and awful it was to them to find not one footprint on heather or grass. The witnesses attested the whole story on oath before a magistrate; and fearful were the expectations held by the whole countryside about the coming events of the Scotch rebellion.

"Vào đêm trước Hạ chí của năm 1745 đáng sợ, hai mươi sáu người, được gia đình đặc biệt mời đến, đã nhìn thấy tất cả [143] những gì đã thấy trước đó, và hơn thế nữa. Những cỗ xe hiện đã xen kẽ với quân lính; và mọi người đều biết rằng không có cỗ xe nào đã từng, hoặc có thể ở trên đỉnh Souter Fell. Đám đông đông đảo ngoài sức tưởng tượng; vì quân lính lấp đầy một khoảng không gian nửa dặm và diễu hành nhanh chóng cho đến khi màn đêm che khuất họ—họ vẫn đang diễu hành. Không có gì mờ ảo hay không rõ rệt về vẻ ngoài của những bóng ma này. Chúng có vẻ thật đến mức một số người đã lên núi vào sáng hôm sau để tìm dấu móng ngựa; và họ cảm thấy kinh hãi khi không tìm thấy một dấu chân nào trên thạch nam hay cỏ. Các nhân chứng đã xác nhận toàn bộ câu chuyện dưới lời thề trước một thẩm phán; và cả vùng quê đều mang những kỳ vọng sợ hãi về các sự kiện sắp tới của cuộc nổi dậy ở Scotland.

"It now comes out that two other persons had seen something of the sort in the interval—viz., in 1743—but had concealed it, to escape the insults to which their neighbours were subjected. Mr. Wren, of Wilton Hall, and his farm servant, saw, one summer evening, a man and a dog on the mountain, pursuing some horses along a place so steep that a horse could hardly by any possibility keep a footing on it. Their speed was prodigious, and their

"Giờ đây người ta mới biết rằng có hai người khác cũng đã nhìn thấy điều tương tự trong khoảng thời gian đó—*nghĩa là* vào năm 1743—nhưng đã che giấu nó để tránh những lời chế nhạo mà hàng xóm của họ phải chịu đựng. Ông Wren, ở Wilton Hall, và người làm thuê của ông, vào một buổi tối mùa hè, đã nhìn thấy một người đàn ông và một con chó trên núi, đang đuổi theo một số con ngựa dọc theo một nơi dốc đến mức một con ngựa khó có khả năng giữ vững chân trên đó. Tốc độ

disappearance at the south end of the fell so rapid, that Mr. Wren and the servant went up, the next morning, to find the body of the man who must have been killed. Of man, horse, or dog, they found not a trace; and they came down and held their tongues. When they did speak, they fared not much better for having twenty-six sworn comrades in their disgrace. [144]

của họ phi thường, và sự biến mất của họ ở đầu phía nam của ngọn đồi nhanh đến mức Ông Wren và người làm đã lên đó vào sáng hôm sau để tìm xác của người đàn ông chắc chắn đã tử nạn. Họ không tìm thấy một dấu vết nào của người, ngựa hay chó; và họ đi xuống rồi giữ kín miệng. Khi họ lên tiếng, số phận của họ cũng chẳng khá hơn dù đã có hai mươi sáu đồng đội cùng thề trong nỗi ô nhục của mình. [144]

"As for the explanation, the editor of the Lonsdale Magazine declared (volume II, page 313) that it was discovered that on the Midsummer Eve of 1745 the rebels were 'exercising on the western cost of Scotland, whose movements had been reflected by some transparent vapour, similar to the Fata Morgana'. This is not much in the way of explanation; but it is, as far as we know, all that can be had at present. These facts, however, brought out a good many more; as the spectral march of the same kind seen in Leicestershire in 1707, and the tradition of the tramp of armies over Helvellyn, on the eve of the battle of Marston Moor".

"Về phần giải thích, biên tập viên của tờ *Lonsdale Magazine* tuyên bố (tập II, trang 313) rằng người ta phát hiện ra rằng vào đêm trước Hạ chí năm 1745, quân nổi dậy đang 'tập luyện ở bờ biển phía tây Scotland, và các chuyển động của họ đã được phản chiếu bởi một loại hơi nước trong suốt, tương tự như hiện tượng Fata Morgana'. Đây không hẳn là một lời giải thích thỏa đáng; nhưng theo những gì chúng ta biết, đó là tất cả những gì có thể có hiện nay. Tuy nhiên, những sự thật này đã làm lộ ra thêm nhiều điều nữa; như cuộc diễu hành ma quái cùng loại được nhìn thấy ở Leicestershire năm 1707, và truyền thuyết về tiếng bước chân của các đạo quân trên Helvellyn vào đêm trước trận chiến Marston Moor".

Other cases are cited in which flocks of spectral sheep have been seen on certain roads, and there are of course various German stories of phantom cavalcades of hunters and robbers.

Các trường hợp khác cũng được trích dẫn, trong đó các đàn cừu ma quái được nhìn thấy trên một số con đường nhất định, và dĩ nhiên có nhiều câu chuyện khác nhau của Đức về các đoàn kỵ binh bóng ma của những thợ săn và kẻ cướp.

Now in these cases, as so often happens in the investigation of occult phenomena, there are several possible causes, any one of which would be quite adequate to the production of the observed occurrences, but in the absence of fuller information it is hardly feasible to do more than guess as to which of these possible causes were in operation in any particular instance.

Trong những trường hợp này, như thường xảy ra trong việc điều tra các hiện tượng huyền bí, có một vài nguyên nhân khả dĩ, bất kỳ nguyên nhân nào trong số đó cũng đủ để tạo ra những sự việc đã quan sát được, nhưng nếu thiếu thông tin đầy đủ thì khó có thể làm gì hơn ngoài việc đoán xem nguyên nhân nào trong số này đang hoạt động trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào.

The explanation usually suggested

Lời giải thích thường được gợi ý (bất cứ khi

(whenever the whole story is not ridiculed as a falsehood) is that what is seen is a reflection by mirage of the movements of a real body and troops, taking place at a considerable distance. I have myself seen the ordinary mirage on several occasions and know something therefore of its wonderful powers of deception; but it seems to me that [145] we should need some entirely new variety of mirage, quite different form that at present known to science, to account for these tales of phantom armies, some of which pass the spectator within a few years.

nào toàn bộ câu chuyện không bị chế nhạo là giả dối) là những gì được nhìn thấy là sự phản chiếu qua ảo ảnh về các chuyển động của một thực thể và quân đội có thật, diễn ra ở một khoảng cách đáng kể. Chính tôi đã nhìn thấy ảo ảnh thông thường trong vài dịp và do đó biết đôi chút về khả năng đánh lừa kỳ diệu của nó; nhưng đối với tôi, dường như [145] chúng ta sẽ cần một loại ảo ảnh hoàn toàn mới, khác hẳn với loại mà khoa học hiện nay đã biết, để giải thích cho những câu chuyện về các đạo quân bóng ma này, một số trong đó đi ngang qua người quan sát chỉ trong vòng vài thước.

First of all, they may be, as apparently in the Westphalian case above mentioned, simply instances of prevision on a gigantic scale- by whom arranged, and for what purpose, it is not easy to divine. Again, they may often belong to the past instead of the future, and be in fact the reflection of scenes from the akashic records—though here again the reason and method of such reflection is not obvious.

Trước hết, chúng có thể là, như trường hợp ở Westphalia đã đề cập ở trên, đơn giản là những ví dụ về sự tiên kiến trên một quy mô khổng lồ—do ai sắp đặt và vì mục đích gì thì không dễ để đoán định. Một lần nữa, chúng thường có thể thuộc về quá khứ thay vì tương lai, và thực tế là sự phản chiếu của các cảnh tượng từ các hồ sơ akasha—mặc dù ở đây lý do và phương pháp của sự phản chiếu đó cũng không rõ ràng.

There are plenty of tribes of nature-spirits perfectly capable, if for any reason they wished to do so, of producing such appearances by their wonderful power of glamour (See Theosophical Manual, No 5, page 86), and such action would be quite in keeping with their delight in mystifying and impressing human beings. Or it may even sometimes be kindly intended by them as a warning to their friends of events that they know to be about to take place. It seems as though some explanation along these lines would be the most reasonable method of accounting for the extraordinary series of phenomena described by Miss Martineau—that is, if the stories told to her can be relied upon.

Có rất nhiều bộ tộc tinh linh tự nhiên hoàn toàn có khả năng tạo ra những vẻ ngoài như vậy bằng quyền năng ảo cảm kỳ diệu của họ (Xem *Theosophical Manual, No 5*, trang 86), nếu vì bất kỳ lý do gì họ muốn làm vậy, và hành động đó hoàn toàn phù hợp với sự thích thú của họ trong việc làm mê hoặc và gây ấn tượng với con người. Hoặc đôi khi nó thậm chí có thể được họ dự định một cách tử tế như một lời cảnh báo cho bạn bè của họ về các sự kiện mà họ biết là sắp diễn ra. Có vẻ như một lời giải thích theo hướng này sẽ là phương pháp hợp lý nhất để giải thích cho chuỗi hiện tượng phi thường được mô tả bởi Cô Martineau—nghĩa là, nếu những câu chuyện kể cho cô ấy có thể tin cậy được.

Another possibility is that in some cases what have been taken for soldiers were simply the nature-spirits themselves going through some of the ordered evolutions in

Một khả năng khác là trong một số trường hợp, những gì được coi là binh lính chỉ đơn giản là chính các tinh linh tự nhiên đang thực hiện một số cuộc diễn tập có trật tự mà

which they take so much delight, though it must be admitted that these are rarely of a character which could [146] be mistaken for military manoeuvres except by the most ignorant.

họ rất thích thú, mặc dù phải thừa nhận rằng những điều này hiếm khi có tính chất có thể [146] bị nhầm lẫn với các cuộc điều động quân sự ngoại trừ bởi những người thiếu hiểu biết nhất.

The flocks of animals are probably in most instances mere records, but there are cases where they, like the "wild huntsmen" of German story, belong to an entirely different class of phenomena which is altogether outside of our present subject. Students of the occult will be familiar with the fact that the circumstances surrounding any scene of intense terror or passion, such as an exceptionally horrible murder, are liable to be occasionally reproduced in a form which it needs a very slight development of psychic faculty to be able to see; and it has sometimes happened that various animals formed part of such surroundings, and consequently they also are periodically reproduced by the action of the guilty conscience of the murderer. (See Manual 5)

Các đàn động vật có lẽ trong hầu hết các trường hợp chỉ là các hồ sơ, nhưng có những trường hợp chúng, giống như "những thợ săn hoang dã" trong câu chuyện của Đức, thuộc về một loại hiện tượng hoàn toàn khác nằm ngoài chủ đề hiện tại của chúng ta. Các đạo sinh huyền bí học sẽ quen thuộc với sự thật rằng các hoàn cảnh bao quanh bất kỳ cảnh tượng kinh hoàng hoặc đam mê mãnh liệt nào, chẳng hạn như một vụ giết người kinh khủng bất thường, có xu hướng đôi khi được tái hiện dưới một hình thức mà chỉ cần một sự phát triển rất nhẹ của năng lực thông linh là có thể nhìn thấy; và đôi khi xảy ra trường hợp các loài động vật khác nhau hình thành nên một phần của những bối cảnh đó, và do đó chúng cũng được tái hiện định kỳ bởi tác động của lương tâm tội lỗi của kẻ sát nhân. (Xem Manual 5)

Probably whatever foundation of fact underlies the various stories of spectral horsemen and hunting-troops may generally be referred to this category. This is also the explanation, evidently, of some of the visions of ghostly armies, such as that remarkable reenactment of the battle of Edgehill which seems to have taken place at intervals for some months after the date of the real struggle, as testified by a justice of the peace, a clergyman, and other eyewitnesses in a curious contemporary pamphlet entitled Prodigious Noises of War and Battle, at Edgehill, near Keinton, in Northamptonshire. According to the pamphlet this case was investigated at the time by some officers of the army, who clearly [147] recognized many of the phantom figures that they saw. This looks decidedly like an instance of the terrible power of man's unrestrained passions to reproduce themselves, and to cause in some

Có lẽ bất kỳ nền tảng sự thật nào nằm dưới các câu chuyện khác nhau về những kỵ sĩ bóng ma và các đoàn đi săn thường có thể được xếp vào danh mục này. Đây cũng rõ ràng là lời giải thích cho một số linh ảnh về các đạo quân ma quái, chẳng hạn như sự tái hiện đáng chú ý của trận chiến Edgehill dường như đã diễn ra định kỳ trong vài tháng sau ngày diễn ra cuộc chiến thực sự, như đã được chứng thực bởi một thẩm phán hòa giải, một giáo sĩ và các nhân chứng khác trong một cuốn sách nhỏ đương thời kỳ lạ có tựa đề *Tiếng ồn phi thường của Chiến tranh và Trận chiến, tại Edgehill, gần Keinton, ở Northamptonshire*. Theo cuốn sách nhỏ này, trường hợp này đã được điều tra vào thời điểm đó bởi một số sĩ quan quân đội, những người đã nhận ra [147] rõ ràng nhiều hình bóng ma mà họ nhìn thấy. Điều này chắc chắn giống như một ví dụ về quyền năng khủng khiếp của những đam mê không kiềm chế của con người trong việc tự tái hiện

strange way a kind of materialization of their record.

chính chúng, và gây ra theo một cách kỳ lạ nào đó một loại hiện tượng ngưng tụ của hồ sơ về chúng.

In some cases it is clear that the flocks of animals seen have been simply hordes of unclean artificial elementals taking that form in order to feed upon the loathsome emanations of peculiarly horrible places, such as would be the site of a gallows. An instance of this kind is furnished by the celebrated "Gyb Ghosts", or ghosts of the gibbet, describe in More Glimpses of the World Unseen, page 109, as being repeatedly seen in the form of herds of misshapen swine-like creatures, rushing, rooting and fighting night after night on the site of that foul monument of crime. But these belong to the subject of apparitions rather than to that of clairvoyance. [148]

Trong một số trường hợp, rõ ràng là các đàn động vật được nhìn thấy chỉ đơn giản là những bầy tinh linh nhân tạo ô uế mang hình dạng đó để ăn các phát xạ ghê tởm của những nơi đặc biệt kinh khủng, chẳng hạn như địa điểm của một giá treo cổ. Một ví dụ loại này được cung cấp bởi "Bóng ma Gyb" nổi tiếng, hay những bóng ma của giá treo cổ, được mô tả trong *More Glimpses of the World Unseen*, trang 109, là thường xuyên được nhìn thấy dưới hình dạng những bầy sinh vật giống lợn biến dạng, lao tới, đào bới và đánh nhau đêm này qua đêm khác trên địa điểm của đài kỷ niệm tội ác bẩn thỉu đó. Nhưng những điều này thuộc về chủ đề ma hiện hình hơn là về thông nhãn. [148]

# CHAPTER -9-

# METHODS OF DEVELOPMENT
# PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN

When a men becomes convinced of the reality of the valuable power of clairvoyance, his first question usually is, "How can I develop in my own case this faculty which is said to be latent in everyone?"

Khi một người trở nên tin tưởng vào thực tại của quyền năng thiết yếu của thông nhãn, câu hỏi đầu tiên của y thường là: "Làm thế nào tôi có thể phát triển trong chính trường hợp của mình năng lực được cho là tiềm ẩn trong mỗi người này?"

Now the fact is that there are many methods by which it may be developed, but only one which be at all safely recommended for general use—that of which we shall speak last of all. Among the less advanced nations of the world the clairvoyant state has been produced in various objectionable ways; among some of the non-Aryan tribes of India, but the use of intoxicating drugs or the inhaling of stupefying fumes; among the dervishes, by whirling in a mad dance of religious fervour until vertigo and insensibility supervene; among the followers of the abominable practice of the Voodoo cult, by frightful sacrifices and loathsome rites of black magic. Methods such as these are happily not in vogue in our race, yet even among us large numbers of dabblers in this ancient art adopt some plan of self-hypnotization, such as gazing at a bright spot or the repetition of some formula until a condition of semi-stupefaction is produced; while yet [149] another school among them would endeavour to arrive at similar results by the use of some of the Indian systems of regulation of the breath.

Sự thật là có nhiều phương pháp để phát triển nó, nhưng chỉ có một phương pháp có thể được khuyến nghị an toàn cho việc sử dụng chung—đó là phương pháp mà chúng ta sẽ nói đến sau cùng. Giữa các dân tộc kém tiến hóa hơn trên thế giới, trạng thái thông nhãn đã được tạo ra theo nhiều cách đáng chê trách; giữa một số bộ tộc không thuộc nhóm Arya ở Ấn Độ, bằng việc sử dụng các loại thuốc gây say hoặc hít các làn khói gây mê; giữa các tu sĩ dervish, bằng cách xoay tròn trong một điệu nhảy điên cuồng của lòng nhiệt thành tôn giáo cho đến khi bị chóng mặt và mất cảm giác; giữa những người theo thực hành đáng ghê tởm của giáo phái Voodoo, bằng những cuộc hiến tế kinh hoàng và các nghi lễ bẩn thỉu của hắc thuật. Những phương pháp như thế này may mắn thay không thịnh hành trong nhân loại chúng ta, tuy nhiên ngay cả giữa chúng ta, một số lượng lớn những người tập tành môn nghệ thuật cổ xưa này cũng áp dụng một số kế hoạch tự thôi miên, chẳng hạn như nhìn chằm chằm vào một điểm sáng hoặc lặp lại một công thức nào đó cho đến khi tạo ra một tình trạng bán mê muội; trong khi [149] một trường phái khác trong số họ lại nỗ lực đạt được kết quả tương tự bằng cách sử dụng một số hệ thống điều hòa hơi thở của Ấn Độ.

All these methods are unequivocally to be condemned as quite unsafe for the practice of the ordinary man who has no idea of what he is doing—who is simply making vague

Tất cả các phương pháp này đều bị lên án một cách dứt khoát là hoàn toàn không an toàn cho việc thực hành của người bình thường vốn không biết mình đang làm gì—

experiments in an unknown world. Even the method of obtaining clairvoyance by allowing oneself to be mesmerized by another person is one from which I should myself shrink with the most decided distaste; and assuredly it should never be attempted except under conditions of absolute trust and affection between the magnetizer and the magnetized, and a perfection of purity in heart and soul, in mind and intention, such as is rarely to be seen among any but the greatest of saints.

người chỉ đơn giản là đang thực hiện những thí nghiệm mơ hồ trong một thế giới xa lạ. Ngay cả phương pháp đạt được thông nhãn bằng cách để bản thân bị thôi miên bởi một người khác cũng là điều mà chính tôi sẽ né tránh với sự chán ghét nhất định; và chắc chắn nó không bao giờ nên được thử nghiệm ngoại trừ trong các điều kiện hoàn toàn tin tưởng và yêu thương giữa người thôi miên và người bị thôi miên, và một sự hoàn hảo về sự trong sạch trong tim và hồn, trong trí và ý định, điều mà hiếm khi thấy được ở bất kỳ ai ngoại trừ những vị thánh lớn nhất.

Experiments in connection with the mesmeric trance are of the deepest interest, as offering (among other things) a possibility of proof of the fact of clairvoyance to the sceptic, yet except under such conditions as I have just mentioned—conditions, I quite admit, almost impossible to realize—I should never counsel anyone to submit himself as a subject for them.

Các thí nghiệm liên quan đến trạng thái xuất thần do thôi miên mang lại sự quan tâm sâu sắc, vì chúng mang lại (cùng với những điều khác) một khả năng chứng minh sự thật về thông nhãn cho những người hoài nghi, tuy nhiên ngoại trừ trong những điều kiện như tôi vừa đề cập—những điều kiện mà tôi hoàn toàn thừa nhận là gần như không thể thực hiện được—tôi sẽ không bao giờ khuyên bất kỳ ai nộp mình làm đối tượng cho chúng.

Curative mesmerism, (in which, without putting the patient into the trance state at all, an effort is made to relieve his pain, to remove his disease, or to pour vitality into him by magnetic passes) stands on an entirely different footing; and if the mesmerizer, even though quite untrained, is himself in good health and animated by pure intentions, no harm is likely to be done to the [150] subject. In so extreme a case as that of a surgical operation, a man might reasonably submit himself even to the mesmeric trance, but it is certainly not a condition with which one ought lightly to experiment. Indeed, I should most strongly advise any one who did me the honour to ask for my opinion on the subject, not to attempt any kind of experimental investigation into what are still to him the abnormal forces of nature, until he has first of all read carefully everything that has been written on the subject, or- which is by far the best of all—until he is under the guidance of a qualified

Thôi miên chữa bệnh (trong đó, mà không đưa bệnh nhân vào trạng thái xuất thần, một nỗ lực được thực hiện để giảm bớt nỗi đau của y, loại bỏ bệnh tật của y, hoặc đổ sinh lực vào y bằng các động tác từ tính) đứng trên một nền tảng hoàn toàn khác; và nếu người thôi miên, ngay cả khi hoàn toàn không được đào tạo, tự mình có sức khỏe tốt và được thúc đẩy bởi những ý định trong sạch, thì không có khả năng gây hại cho [150] đối tượng. Trong một trường hợp cực đoan như một cuộc phẫu thuật, một người có thể chấp nhận ngay cả trạng thái xuất thần do thôi miên một cách hợp lý, nhưng đó chắc chắn không phải là một tình trạng mà người ta nên nhẹ dạ thí nghiệm. Thật vậy, tôi khuyên mạnh mẽ bất kỳ ai dành cho tôi vinh dự được hỏi ý kiến về chủ đề này, đừng cố gắng thực hiện bất kỳ loại điều tra thực nghiệm nào vào những gì vẫn còn là các mãnh lực thiên nhiên bất thường đối với y, cho đến khi y đã đọc kỹ mọi thứ đã được viết về chủ đề này, hoặc—điều tốt nhất trong tất cả—cho đến

teacher.

khi y dưới sự hướng dẫn của một huấn sư có năng lực.

But where, it will be said, is the qualified teacher to be found? Not, most assuredly, among any who advertise themselves as teachers, who offer to impart for so many guineas or dollars the sacred mysteries of the ages, or hold "developing circles" to which casual applicants are admitted at so much per head.

Nhưng người ta sẽ hỏi, huấn sư có năng lực có thể được tìm thấy ở đâu? Chắc chắn không phải giữa bất kỳ ai quảng cáo mình là huấn sư, những người đề nghị truyền dạy các bí nhiệm thiêng liêng của các thời đại để đổi lấy bao nhiêu đồng guinea hay đô la, hoặc tổ chức các "vòng tròn phát triển" mà những người nộp đơn ngẫu nhiên được nhận vào với một mức giá nhất định cho mỗi người.

Much has been said in this treatise of the necessity for careful training—of the immense advantages of the trained over the untrained clairvoyant; but that again brings us back to the same question- where is this definite training to be had?

Nhiều điều đã được nói trong luận văn này về sự cần thiết của việc đào tạo cẩn thận—về những lợi thế to lớn của người thông nhãn được đào tạo so với người không được đào tạo; nhưng điều đó một lần nữa đưa chúng ta trở lại cùng một câu hỏi—việc đào tạo xác định này có thể có được ở đâu?

The answer is that the training may be had precisely where it has always been to be found since the world's history began—at the hands of the Great White Brotherhood of Adepts, which stands now, as it has always stood, at the back of human evolution, guiding and helping it under the sway of the great Cosmic Laws which represent to us the Will of the Eternal. [151]

Câu trả lời là việc đào tạo có thể có được chính xác ở nơi mà nó luôn được tìm thấy kể từ khi lịch sử thế giới bắt đầu—từ bàn tay của Thánh đoàn các Chân sư, tổ chức mà hiện nay, cũng như từ trước đến nay, luôn đứng sau sự tiến hóa của nhân loại, hướng dẫn và giúp đỡ nó dưới sự cai quản của các Định luật Vũ trụ vĩ đại vốn đại diện cho Ý chí của Đấng Vĩnh Cửu đối với chúng ta. [151]

But how, it may be asked, is access to be gained to them? How is the aspirant thirsting for knowledge to signify to them his wish for instruction?

Nhưng người ta có thể hỏi, làm thế nào để tiếp cận được với Các Ngài? Làm thế nào người chí nguyện khao khát kiến thức có thể biểu thị cho Các Ngài mong muốn được chỉ dẫn?

Once more, by the time-honoured methods only. There is no new patent whereby a man can qualify himself without trouble to become a pupil in that School—no royal road to the learning which has to be acquired in it. At the present day, just as in the mists of antiquity, the man who wishes to attract Their notice must enter upon the slow and toilsome path of self-development—must learn first of all to take himself in hand and make himself all that he ought to be. The

Một lần nữa, chỉ bằng những phương pháp đã được thời gian tôn vinh. Không có bằng sáng chế mới nào giúp một người có thể đủ điều kiện trở thành môn sinh trong Trường đó mà không gặp rắc rối—không có con đường hoàng gia nào dẫn đến việc học hỏi những điều cần phải đạt được trong đó. Ngày nay, cũng giống như trong màn sương mù của thời cổ đại, người muốn thu hút sự chú ý của Các Ngài phải bước vào con đường chậm chạp và gian khổ của sự tự phát triển—trước

steps of that path are no secret; I have given them in full details in Invisible Helpers, so I need not repeat them here. But it is no easy road to follow, and yet sooner or later all must follow it, for the great law of evolution sweeps mankind slowly but resistlessly towards its goal.

hết phải học cách tự kiểm soát bản thân và biến mình thành tất cả những gì mình nên trở thành. Các bước của con đường đó không phải là bí mật; tôi đã trình bày chi tiết đầy đủ trong cuốn Invisible Helpers, vì vậy tôi không cần lặp lại chúng ở đây. Nhưng đó không phải là con đường dễ dàng để đi theo, và sớm muộn gì tất cả cũng phải đi theo nó, vì định luật tiến hóa vĩ đại quét nhân loại một cách chậm chạp nhưng không thể cưỡng lại về phía mục tiêu của nó.

From those who are pressing into this path the great Masters select their pupils, and it is only by qualifying himself to be taught that a man can put himself in the way of getting the teaching. Without that qualification membership in any Lodge or Society, whether secret or otherwise, will not advance his object in the slightest degree. It is true, as we all know, that it was at the instance of some of these Masters that our Theosophical Society was founded, and that from its ranks some have been chosen to pass into closer relations with them. But that choice depends upon the earnestness of the candidate, not upon his mere membership of the Society or of anybody within it. [152]

Từ những người đang dấn thân vào con đường này, các Chân sư vĩ đại lựa chọn đệ tử của Các Ngài, và chỉ bằng cách tự làm cho mình đủ điều kiện để được dạy dỗ, một người mới có thể đặt mình vào con đường nhận được sự giảng dạy. Nếu không có phẩm chất đó, tư cách thành viên trong bất kỳ Chi bộ hay Hội nào, dù bí mật hay cách khác, cũng sẽ không thúc đẩy mục tiêu của y dù là nhỏ nhất. Đúng là, như tất cả chúng ta đều biết, chính theo yêu cầu của một số Chân sư này mà Hội Thông Thiên Học của chúng ta đã được thành lập, và từ hàng ngũ của Hội, một số người đã được chọn để bước vào các mối quan hệ gần gũi hơn với Các Ngài. Nhưng sự lựa chọn đó phụ thuộc vào sự tha thiết của ứng viên, chứ không phải vào tư cách thành viên đơn thuần của y trong Hội hay của bất kỳ ai trong đó. [152]

That, then, is the only absolutely safe way of developing clairvoyance—to enter with all one's energy upon the path of moral and mental evolution, at one stage of which this and other of the higher faculties will spontaneously begin to show themselves. Yet there is one practice which is advised by all the religions alike—which if adopted carefully and reverently can do no harm to any human being, yet from which a very pure type of clairvoyance has sometimes been developed and that is the practice of meditation.

Đó, vậy thì, là cách an toàn tuyệt đối duy nhất để phát triển thông nhãn—bước vào với tất cả năng lượng của mình trên con đường tiến hóa đạo đức và trí tuệ, mà tại một giai đoạn nào đó, năng lực này và các năng lực cao siêu khác sẽ bắt đầu tự phát lộ. Tuy nhiên, có một thực hành được tất cả các tôn giáo khuyên dùng—nếu được áp dụng một cách cẩn thận và tôn kính thì không thể gây hại cho bất kỳ con người nào, nhưng từ đó một loại thông nhãn rất thuần khiết đôi khi đã được phát triển, và đó là thực hành tham thiền.

Let a man choose a certain time every day—a time when he can rely upon being quiet

Hãy để một người chọn một thời điểm nhất định mỗi ngày—thời điểm mà y có thể tin

and undisturbed, though preferably in the daytime rather than at night—and set himself at that time to keep his mind for a few minutes entirely free from all earthly thoughts of any kind whatever and, when that is achieved, to direct the whole force of his being towards the highest spiritual ideal that he happens to know. He will find that to gain such perfect control of thought is enormously more difficult than he supposes, but when he attains it, it cannot but be in every way most beneficial to him, and as he grows more and more able to elevate and concentrate his thought, he may gradually find that new worlds are opening before his sight.

tưởng vào sự yên tĩnh và không bị quấy rầy, mặc dù tốt nhất là vào ban ngày hơn là ban đêm—và tự đặt mình vào thời điểm đó để giữ cho trí của mình trong vài phút hoàn toàn thoát khỏi mọi ý nghĩ trần tục dưới bất kỳ hình thức nào và, khi đạt được điều đó, hãy hướng toàn bộ mãnh lực của bản thể mình về phía lý tưởng tinh thần cao nhất mà y biết được. Y sẽ thấy rằng việc đạt được sự kiểm soát tư tưởng hoàn hảo như vậy khó khăn hơn nhiều so với y tưởng tượng, nhưng khi y đạt được nó, nó không thể không mang lại lợi ích nhất cho y về mọi mặt, và khi y ngày càng có khả năng nâng cao và tập trung tư tưởng của mình, y có thể dần dần thấy rằng những thế giới mới đang mở ra trước tầm nhìn của mình.

[As a preliminary training towards the satisfactory achievement of such meditation, he will find it desirable to make a practice of concentration in the affairs of daily life—even in the smallest of them. If he writes a letter, let him think of nothing else but that letter until it is finished; if he reads a book, let him see to it that his thought is never allowed to wander from his author's meaning. He must learn to hold his mind in check, and to be master of that also, as well as of his lower passions; he must patiently labour to acquire absolute control of his thoughts, so that he will always know exactly what he is thinking about, and why —so that he can use his mind, and turn it or hold it still, as a practised swordsman turns his weapon where he wilt]

[Như một sự đào tạo sơ bộ hướng tới việc đạt được thành tựu thỏa đáng của việc tham thiền như vậy, y sẽ thấy mong muốn thực hiện việc tập trung trong các công việc của đời sống hàng ngày—ngay cả trong những việc nhỏ nhất. Nếu y viết một bức thư, hãy để y không nghĩ đến điều gì khác ngoài bức thư đó cho đến khi nó hoàn thành; nếu y đọc một cuốn sách, hãy để y đảm bảo rằng tư tưởng của mình không bao giờ được phép đi lang thang khỏi ý nghĩa của tác giả. Y phải học cách kiểm soát trí mình, và làm chủ cả điều đó nữa, cũng như các đam mê thấp kém của mình; y phải kiên nhẫn lao động để đạt được sự kiểm soát tuyệt đối đối với các tư tưởng của mình, để y sẽ luôn biết chính xác mình đang nghĩ về điều gì và tại sao—để y có thể sử dụng trí mình, và xoay chuyển nó hoặc giữ nó đứng yên, như một kiếm sĩ lão luyện xoay chuyển vũ khí của mình theo ý muốn]

Yet after all, if those who so earnestly desire clairvoyance could possess it temporarily for a day or even an hour, it is far from certain that they would choose to retain the gift. True, it opens before them new worlds of study, new powers of usefulness, and for this latter reason most of us feel it worth while; but it should be [153] remembered that for one whose duty still calls him to live

Tuy nhiên, sau tất cả, nếu những người tha thiết mong muốn thông nhãn có thể sở hữu nó tạm thời trong một ngày hoặc thậm chí một giờ, thì chưa chắc họ sẽ chọn giữ lại món quà đó. Đúng là nó mở ra trước mắt họ những thế giới nghiên cứu mới, những quyền năng hữu ích mới, và vì lý do sau này, hầu hết chúng ta cảm thấy nó xứng đáng; nhưng cần [153] nhớ rằng đối với một người mà nhiệm

in the world it is by no means an unmixed blessing. Upon one in whom that vision is opened the sorrow and the misery, the evil and the greed of the world press as an ever-present burden, until in the earlier days of his knowledge he often feels inclined to echo the passionate adjuration contained in those rolling lines of Schiller's:

vụ vẫn kêu gọi y sống trong thế giới thì đó hoàn toàn không phải là một phước lành thuần túy. Đối với một người mà tầm nhìn đó được mở ra, nỗi buồn và sự khốn khổ, cái ác và sự tham lam của thế giới đè nặng như một gánh nặng luôn hiện hữu, cho đến khi trong những ngày đầu có được kiến thức, y thường cảm thấy muốn lặp lại lời khẩn cầu nồng nhiệt chứa đựng trong những dòng thơ cuồn cuộn của Schiller:

> Dein Orakel zu verkünden, warum warfest du mich hin
>
> In die Stadt der ewing Blinden, mit dem augfeschloss'nen Sinn?
>
> Frommt's, den Schleier aufzuheben, wo das name Schreckniss droht?
>
> Nur der Irrthum ist das Leben; dieses Wissen ist der Tod.
>
> Nimm, O nimm die trau'ge Karlheit mir vom Aug' den blut'gen Schein!
>
> Schrecklich ist es deiner Wahrheit sterbliches Gefäss zu seyn!

which may perhaps be translated,

> "Why hast thou cast me thus into the town of the ever-blind, to proclaim thine oracle by the opened sense?
>
> What profits it to lift the veil where the near darkness threatens?
>
> Only ignorance is life; this knowledge is death.
>
> Take back this sad clear-sightedness; take from mine eyes this cruel light!
>
> It is horrible to be the mortal channel of thy truth"

And again later he cries,

> "Give me back my blindness, the happy darkness of my senses; take back thy dreadful gift!".


> Dein Orakel zu verkünden, warum warfest du mich hin
>
> In die Stadt der ewing Blinden, mit dem augfeschloss'nen Sinn?
>
> Frommt's, den Schleier aufzuheben, wo das name Schreckniss droht?
>
> Nur der Irrthum ist das Leben; dieses Wissen ist der Tod.
>
> Nimm, O nimm die trau'ge Karlheit mir vom Aug' den blut'gen Schein!
>
> Schrecklich ist es deiner Wahrheit sterbliches Gefäss zu seyn!


có lẽ có thể được dịch là,

> "Tại sao Ngài lại ném tôi vào thành phố của những kẻ mù lòa vĩnh viễn, để tuyên bố lời sấm truyền của Ngài bằng giác quan đã mở?
>
> Có ích gì khi nhấc bức màn nơi bóng tối cận kề đe dọa?
>
> Chỉ có vô minh mới là sự sống; kiến thức này là cái chết.
>
> Hãy lấy lại sự sáng suốt buồn bã này; hãy lấy đi khỏi mắt tôi ánh sáng tàn nhẫn này!
>
> Thật kinh khủng khi phải là kênh dẫn phàm trần cho sự thật của Ngài"

Và sau đó y lại kêu lên,

> "Hãy trả lại cho tôi sự mù lòa, bóng tối hạnh phúc của các giác quan; hãy lấy lại món quà đáng sợ của Ngài!".

But this of course is a feeling which passes, for the higher sight soon shows the pupil something beyond the sorrow—soon bears in upon his soul the overwhelming [154] certainty that, whatever appearances down here may seem to indicate, all things are without shadows of doubt working together for the eventual good of all. He reflects that the sin and the suffering are there, whether he is able to perceive them or not, and that when he can see them he is after all better able to give efficient help than he would be if he were working in the dark; and so by degrees he learns to bear his share of the heavy karma of the world.

Nhưng đây dĩ nhiên là một cảm giác sẽ qua đi, vì thị giác cao hơn sẽ sớm cho đệ tử thấy điều gì đó vượt ra ngoài nỗi đau—sớm mang lại cho linh hồn y sự [154] chắc chắn áp đảo rằng, bất kể vẻ ngoài ở dưới đây dường như chỉ ra điều gì, mọi sự vật không chút nghi ngờ đều đang cùng nhau hoạt động vì lợi ích cuối cùng của tất cả. Y phản ánh rằng tội lỗi và sự đau khổ vẫn ở đó, cho dù y có thể nhận thức được chúng hay không, và khi y có thể nhìn thấy chúng, suy cho cùng y có khả năng giúp đỡ hiệu quả hơn so với khi y đang làm việc trong bóng tối; và vì vậy dần dần y học cách gánh vác phần nghiệp quả nặng nề của thế giới.

Some misguide mortals there are who, having the good fortune to possess some slight touch of this higher power, are nevertheless so absolutely destitute of all right feeling in connection with it as to use it for the most sordid ends—actually even to advertise themselves as "test and business clairvoyants!". Needless to say, such use of the faculty is a mere prostitution and degradation of it, showing that its unfortunate possessor has somehow got hold of it before the moral side of his nature has been sufficiently developed to stand the strain which it imposes. A perception of the amount of evil karma that may be generated by such action in a very short time changes one's disgust into pity for the unhappy perpetrator of that sacrilegious folly.

Có một số phàm nhân lầm lạc, dù có may mắn sở hữu một chút quyền năng cao siêu này, nhưng lại hoàn toàn thiếu thốn mọi tình cảm đúng đắn liên quan đến nó đến mức sử dụng nó cho những mục đích tầm thường nhất—thậm chí thực sự quảng cáo mình là "người thông nhãn kiểm chứng và kinh doanh!". Không cần phải nói, việc sử dụng năng lực như vậy chỉ là một sự mại dâm và hạ thấp nó, cho thấy rằng người sở hữu bất hạnh của nó bằng cách nào đó đã nắm giữ được nó trước khi khía cạnh đạo đức trong bản chất của y được phát triển đủ để chịu đựng áp lực mà nó gây ra. Một nhận thức về lượng ác nghiệp có thể được tạo ra bởi hành động như vậy trong một thời gian rất ngắn sẽ chuyển sự ghê tởm của một người thành sự thương hại cho kẻ thực hiện bất hạnh của sự điên rồ phạm thánh đó.

It is sometimes object that the possession of clairvoyance destroys all privacy, and confers a limitless ability to explore the secrets of others. No doubt it does confer such an ability, but nevertheless the suggestion is an amusing one to any one who knows anything practically about the matter. Such an objection may possibly be well-founded as regards the very limited [155] powers of the "test and business clairvoyant", but the man who brings it forward against those who have had the

Đôi khi có ý kiến phản đối rằng việc sở hữu thông nhãn sẽ phá hủy mọi sự riêng tư và mang lại khả năng vô hạn để khám phá bí mật của người khác. Không nghi ngờ gì nữa, nó mang lại một *khả năng* như vậy, nhưng tuy nhiên, gợi ý đó là một điều buồn cười đối với bất kỳ ai biết bất cứ điều gì thực tế về vấn đề này. Một sự phản đối như vậy có thể có cơ sở đối với những [155] quyền năng rất hạn chế của "người thông nhãn kiểm chứng và kinh doanh", nhưng người đưa nó ra chống lại những người đã được mở năng lực trong

faculty opened for them in the course of their instruction, and consequently possess it fully, is forgetting three fundamental facts: first, that it is quite inconceivable that anyone, having before him the splendid fields for investigation which true clairvoyance opens up, could ever have the slightest wish to pry into the trumpery little secrets of any individual man; secondly, that even if by some impossible chance our clairvoyant had such indecent curiosity about matters of petty gossip, there is, after all, such a thing as the honour of a gentleman, which, on that plane as on this, would of course prevent him from contemplating for an instant the idea of gratifying it; and thirdly, in case, by any unheard-of possibility, one might encounter some variety of low-class pitri with whom the above considerations would have no weight, full instructions are always given to every pupil, as soon as he develops any sign of faculty, as to the limitations which are placed upon its use.

quá trình chỉ dẫn của họ, và do đó sở hữu nó một cách đầy đủ, đang quên đi ba sự thật cơ bản: thứ nhất, hoàn toàn không thể tưởng tượng được rằng bất kỳ ai, khi có trước mặt những lĩnh vực điều tra tuyệt vời mà thông nhãn thực sự mở ra, lại có thể có mong muốn nhỏ nhất là tọc mạch vào những bí mật nhỏ nhặt tầm thường của bất kỳ cá nhân nào; thứ hai, ngay cả khi do một cơ hội không thể xảy ra nào đó mà người thông nhãn của chúng ta *có* sự tò mò khiếm nhã như vậy về những vấn đề ngồi lê đôi mách vụn vặt, thì suy cho cùng, vẫn có một thứ gọi là danh dự của một quý ông, điều mà trên cõi đó cũng như trên cõi này, dĩ nhiên sẽ ngăn cản y suy tính dù chỉ trong một khoảnh khắc ý tưởng thỏa mãn nó; và thứ ba, trong trường hợp, do một khả năng chưa từng nghe thấy, người ta có thể gặp phải một loại thái âm tổ phụ cấp thấp nào đó mà những cân nhắc trên không có trọng lượng, thì những chỉ dẫn đầy đủ luôn được trao cho mỗi đệ tử, ngay khi y phát triển bất kỳ dấu hiệu năng lực nào, về những giới hạn được đặt ra cho việc sử dụng nó.

Put briefly, these restrictions are that there shall be no prying, no selfish use of the power, and no displaying of phenomena. That is to say, that the same considerations which would govern the actions of a man of right feeling upon the physical plane are expected to apply upon the astral and mental planes also; that the pupil is never under any circumstances to use the power which his additional knowledge gives to him in order to promote his own worldly advantage, or indeed [156] in connection with gain in any way; and that he is never to give what is called in spiritualistic circle "a test"—that is, to do anything which will incontestably prove to sceptics on the physical plane that he possesses what to them would appear to be an abnormal power.

Nói một cách ngắn gọn, những hạn chế này là không được tọc mạch, không sử dụng quyền năng một cách ích kỷ và không phô diễn các hiện tượng. Nghĩa là, những cân nhắc tương tự vốn chi phối hành động của một người có tình cảm đúng đắn trên cõi hồng trần cũng được mong đợi áp dụng trên các cõi cảm dục và trí tuệ; rằng đệ tử không bao giờ được sử dụng quyền năng mà kiến thức bổ sung mang lại cho y trong bất kỳ hoàn cảnh nào để thúc đẩy lợi thế trần tục của chính mình, hoặc thực sự [156] liên quan đến lợi nhuận dưới bất kỳ hình thức nào; và rằng y không bao giờ được đưa ra cái gọi là "một bài kiểm tra" trong các vòng tròn thần linh học—nghĩa là làm bất cứ điều gì có thể chứng minh một cách không thể chối cãi cho những người hoài nghi trên cõi hồng trần rằng y sở hữu những gì đối với họ dường như là một quyền năng bất thường.

With regard to this latter proviso people often say, "But why should he not? It would

Liên quan đến điều khoản sau này, mọi người thường nói: "Nhưng tại sao y lại không

be so easy to confute and convince your sceptic, and it would do him good!" Such critics lose sight of the fact that, in the first place, none of those who know anything want to confute or convince sceptics, or trouble themselves in the slightest degree about the sceptic's attitude one way or the other; and in the second, they fail to understand how much better it s for that sceptic that he should gradually grow into an intellectual appreciation of the facts of nature, instead of being suddenly introduced to them by a knockdown blow, as it were. But the subject was fully considered many years ago in Mr. Sinnett's Occult World, and it is needless to repeat again the arguments there adduced.

nên làm thế? Sẽ thật dễ dàng để bác bỏ và thuyết phục người hoài nghi của bạn, và điều đó sẽ tốt cho y!". Những người chỉ trích như vậy đã mất dấu sự thật rằng, thứ nhất, không ai trong số những người biết bất cứ điều gì lại *muốn* bác bỏ hay thuyết phục những người hoài nghi, hoặc bận tâm dù chỉ ở mức độ nhỏ nhất về thái độ của người hoài nghi theo cách này hay cách khác; và thứ hai, họ không hiểu được rằng sẽ tốt hơn bao nhiêu cho người hoài nghi đó nếu y dần dần phát triển thành một sự đánh giá trí tuệ về các sự thật của thiên nhiên, thay vì đột ngột được giới thiệu với chúng bằng một cú giáng mạnh, có thể nói như vậy. Nhưng chủ đề này đã được xem xét đầy đủ từ nhiều năm trước trong cuốn *Occult World* của Ông Sinnett, và không cần phải lặp lại lần nữa các lập luận đã được đưa ra ở đó.

It is very hard for some of our friends to realize that the silly gossip and idle curiosity which so entirely fill the lives of the brainless majority on earth can have no place in the more real life of the disciple; and so they sometimes enquire whether, even without any special wish to see, a clairvoyant might not casually observe some secret which another person was trying to keep, in the same way as one's glance might casually fall upon a sentence in someone else's letter which happened to be lying open upon the table. Of course he might, [157] but what if he did? The man of honour would at once avert his eyes, in one case as in the other, and it would be as thought he had not seen. If objectors could but grasp the idea that no pupil cares about other people's business, except when it comes within his province to try to help them, and that he has always a world of work of his own to attend to, they would not be so hopelessly far from understanding the facts of the wide life of the trained clairvoyant.

Rất khó để một số bạn bè của chúng ta nhận ra rằng những lời đồn thổi ngớ ngẩn và sự tò mò nhàn rỗi vốn lấp đầy hoàn toàn cuộc sống của đa số những người không có trí tuệ trên trái đất lại không thể có chỗ trong đời sống thực tế hơn của đệ tử; và vì vậy đôi khi họ thắc mắc liệu, ngay cả khi không có bất kỳ mong muốn đặc biệt nào muốn thấy, một người thông nhãn có thể tình cờ quan sát thấy một bí mật nào đó mà người khác đang cố gắng giữ kín hay không, giống như cách mà cái nhìn của một người có thể tình cờ rơi vào một câu trong bức thư của người khác vốn tình cờ nằm mở trên bàn. Dĩ nhiên y có thể, [157] nhưng nếu y thấy thì sao? Người có danh dự sẽ ngay lập tức rời mắt đi, trong trường hợp này cũng như trường hợp kia, và nó sẽ như thể y chưa từng thấy. Nếu những người phản đối có thể nắm bắt được ý tưởng rằng không có đệ tử nào *quan tâm* đến chuyện của người khác, ngoại trừ khi nó nằm trong phạm vi y cố gắng giúp đỡ họ, và rằng y luôn có một thế giới công việc của riêng mình để chú tâm vào, họ sẽ không xa rời một cách vô vọng việc hiểu các sự thật về đời sống rộng lớn của người thông nhãn được đào tạo.

Even from the little that I have said with

Ngay cả từ những điều ít ỏi mà tôi đã nói liên

regard to the restrictions laid upon the pupil, it will be obvious that in very many cases he will know much more than he is at liberty to say. That is of course true in a far wider sense of the great Masters of Wisdom themselves, and that is why those who have the privilege of occasionally entering their presence pay so much respect to their lightest word in subjects quite apart from the direct teaching. For opinion of a master, or even of one of his higher pupils, upon any subject is that of a man whose opportunity of judging accurately is out of all proportion to ours.

quan đến các hạn chế đặt ra cho đệ tử, rõ ràng là trong rất nhiều trường hợp y sẽ biết nhiều hơn những gì y được phép nói. Điều đó dĩ nhiên đúng theo một nghĩa rộng hơn nhiều đối với chính các Chân sư Minh triết vĩ đại, và đó là lý do tại sao những người có đặc ân thỉnh thoảng được vào hiện diện của Các Ngài lại dành nhiều sự tôn trọng như vậy cho lời nói nhẹ nhàng nhất của Các Ngài trong các chủ đề hoàn toàn tách biệt với sự giảng dạy trực tiếp. Vì ý kiến của một chân sư, hoặc thậm chí của một trong những đệ tử cao hơn của Ngài, về bất kỳ chủ đề nào cũng là ý kiến của một người mà cơ hội phán đoán chính xác là vượt xa mọi tỉ lệ so với chúng ta.

His position and his extended faculties are in reality the heritage of all mankind, and, far though we may now be from those grand powers, they will none the less certainly be ours one day. Yet how different a place will this old world be when humanity as a whole possesses the higher clairvoyance! Think what the difference will be to history when all can read the records; to science,when all the processes about which now men theorize can be watched through all their [158] course; to medicine, when doctor and patients alike can see clearly and exactly all that is being done; to philosophy, when there is no longer any possibility of discussion as to its basis, because all alike can see a wider aspect of the truth; to labour, when all work will be joy, because every man will be put only to that which he can do best; to education, when the minds and hearts of the children are open to the teacher who is trying to form their character; to religion, when there is no longer any possibility of dispute as to its broad dogmas, since the truth about the states after death, and the Great Law that governs the world, will be patent to all eyes.

Vị thế của Ngài và các năng lực mở rộng của Ngài trên thực tế là di sản của toàn nhân loại, và dù hiện nay chúng ta có thể còn cách xa những quyền năng vĩ đại đó, chúng chắc chắn sẽ là của chúng ta vào một ngày nào đó. Tuy nhiên, thế giới cũ này sẽ là một nơi khác biệt biết bao khi nhân loại nói chung sở hữu thông nhãn cao hơn! Hãy nghĩ xem sự khác biệt sẽ lớn thế nào đối với lịch sử khi tất cả có thể đọc các hồ sơ; đối với khoa học, khi tất cả các quá trình mà hiện nay con người chỉ đưa ra lý thuyết có thể được theo dõi trong suốt [158] tiến trình của chúng; đối với y học, khi bác sĩ và bệnh nhân đều có thể nhìn thấy rõ ràng và chính xác tất cả những gì đang được thực hiện; đối với triết học, khi không còn bất kỳ khả năng tranh luận nào về cơ sở của nó, bởi vì tất cả đều có thể nhìn thấy một khía cạnh rộng lớn hơn của sự thật; đối với lao động, khi mọi công việc sẽ là niềm vui, bởi vì mỗi người sẽ chỉ được giao cho những gì y có thể làm tốt nhất; đối với giáo dục, khi tâm trí và trái tim của trẻ em mở ra cho huấn sư đang cố gắng hình thành tính cách của chúng; đối với tôn giáo, khi không còn bất kỳ khả năng tranh chấp nào về các giáo điều rộng lớn của nó, vì sự thật về các trạng thái sau khi chết, và Định luật Vĩ đại cai quản thế giới, sẽ hiển hiện trước mắt tất cả.

Above all, how far easier it will be then for the evolved men to help one another under

Trên hết, khi đó sẽ dễ dàng hơn biết bao cho những người đã tiến hóa để giúp đỡ lẫn nhau

those so much freer conditions. The possibilities that open before the mind are as glorious vistas stretching in all directions, so that our seventh round should indeed be a veritable golden age. Well for us that these grand faculties will not be possessed by all humanity until it has evolved to a far higher level in morality as well as in wisdom, else should we but repeat once more under still worse conditions the terrible downfall of the great Atlantean civilization, whose members failed to realize that increased power meant increased responsibility. Yet we ourselves were most of us among those very men; let us hope that we have learnt wisdom by that failure, and that when the possibilities of the wider life open before use once more, this time we shall bear the trial better.

dưới những điều kiện tự do hơn nhiều đó. Những khả năng mở ra trước tâm trí giống như những viễn cảnh huy hoàng trải dài theo mọi hướng, để cuộc tuần hoàn thứ bảy của chúng ta thực sự là một thời đại hoàng kim đích thực. Thật tốt cho chúng ta khi những năng lực vĩ đại này sẽ không được sở hữu bởi toàn nhân loại cho đến khi nó đã tiến hóa đến một cấp độ cao hơn nhiều về đạo đức cũng như minh triết, nếu không chúng ta sẽ chỉ lặp lại một lần nữa dưới những điều kiện thậm chí còn tồi tệ hơn sự sụp đổ khủng khiếp của nền văn minh Atlantis vĩ đại, mà các thành viên của nó đã không nhận ra rằng quyền năng gia tăng có nghĩa là trách nhiệm gia tăng. Tuy nhiên, chính chúng ta hầu hết đều nằm trong số những người đó; hãy hy vọng rằng chúng ta đã học được minh triết từ thất bại đó, và khi những khả năng của đời sống rộng lớn hơn mở ra trước chúng ta một lần nữa, lần này chúng ta sẽ chịu đựng thử thách tốt hơn.

**Information from different Glossaries**

**Thông tin từ các Bảng thuật ngữ khác nhau**

Devachan — [Tibetan, bde-ba-can, pronounced de-wa-chen] A translation of the Sanskrit sukhavati, the “happy place” or god-land. It is the state between earth-lives into which the human entity, the human monad, enters and there rests in bliss and repose.

**Devachan** — [Tiếng Tây Tạng, *bde-ba-can*, phát âm là *de-wa-chen*] Một bản dịch của từ Phạn ngữ *sukhavati*, “nơi hạnh phúc” hoặc vùng đất của các vị thần. Đó là trạng thái giữa các kiếp sống trên trái đất mà thực thể người, chân thần người, bước vào và nghỉ ngơi ở đó trong niềm cực lạc và tĩnh tại.

When the second death after that of the physical body takes place — and there are many deaths, that is to say many changes of the vehicles of the ego — the higher part of the human entity withdraws into itself all that aspires towards it, and takes that “all” with it into the devachan; and the atman, with the buddhi and with the higher part of the manas, become thereupon the spiritual monad of man. Devachan as a state applies not to the highest or heavenly or divine monad, but only to the middle principles of man, to the personal ego or the personal soul in man, overshadowed by atma-buddhi. There are many degrees in devachan: the

Khi cái chết thứ hai sau cái chết của thể xác diễn ra—và có nhiều cái chết, nghĩa là nhiều sự thay đổi của các vận cụ của chân ngã—phần cao hơn của thực thể người rút vào chính nó tất cả những gì hướng về nó, và mang “tất cả” đó theo vào devachan; và atman, cùng với buddhi và với phần cao hơn của manas, sau đó trở thành chân thần tinh thần của con người. Devachan như một trạng thái không áp dụng cho chân thần cao nhất hoặc thiên thượng hoặc thiêng liêng, mà chỉ áp dụng cho các nguyên khí trung gian của con người, cho phàm ngã hoặc linh hồn phàm ngã trong con người, được phủ bóng bởi atma-buddhi. Có nhiều cấp độ

highest, the intermediate, and the lowest. Yet devachan is not a locality, it is a state, a state of the beings in that spiritual condition.

trong devachan: cao nhất, trung gian và thấp nhất. Tuy nhiên devachan không phải là một địa điểm, nó là một trạng thái, một trạng thái của các hữu thể trong điều kiện tinh thần đó.

Devachan is the fulfilling of all the unfulfilled spiritual hopes of the past incarnation, and an efflorescence of all the spiritual and intellectual yearnings of the past incarnation which in that past incarnation have not had an opportunity for fulfillment. It is a period of unspeakable bliss and peace for the human soul, until it has finished its rest time and stage of recuperation of its own energies.

Devachan là sự hoàn tất của tất cả những hy vọng tinh thần chưa được thực hiện của lần lâm phàm quá khứ, và là sự nở rộ của tất cả những khao khát tinh thần và trí tuệ của lần lâm phàm quá khứ vốn trong lần lâm phàm đó đã không có cơ hội để hoàn tất. Đó là một giai đoạn của niềm cực lạc và bình an không thể diễn tả được cho linh hồn con người, cho đến khi nó kết thúc thời gian nghỉ ngơi và giai đoạn hồi phục các năng lượng của chính mình.

In the devachanic state, the reincarnating ego remains in the bosom of the monad (or of the monadic essence) in a state of the most perfect and utter bliss and peace, reviewing and constantly reviewing, and improving upon in its own blissful imagination, all the unfulfilled spiritual and intellectual possibilities of the life just closed that its naturally creative faculties automatically suggest to the devachanic entity.

Trong trạng thái devachan, chân ngã tái lâm vẫn ở trong lòng của chân thần (hoặc của tinh chất chân thần) trong một trạng thái cực lạc và bình an hoàn hảo và tột cùng nhất, xem xét và liên tục xem xét, và cải thiện trong sự tưởng tượng cực lạc của chính mình, tất cả những khả năng tinh thần và trí tuệ chưa được thực hiện của cuộc đời vừa khép lại mà các năng lực sáng tạo tự nhiên của nó tự động gợi ý cho thực thể devachan.

Man here is no longer a quaternary of substance-principles (for the second death has taken place), but is now reduced to the monad with the reincarnating ego sleeping in its bosom, and is therefore a spiritual triad.

Con người ở đây không còn là một bộ tứ của các nguyên khí-chất liệu (vì cái chết thứ hai đã diễn ra), mà hiện giờ được giảm xuống còn chân thần với chân ngã tái lâm đang ngủ trong lòng nó, và do đó là một tam nguyên tinh thần.

Mayavi-Rupa — (Sanskrit) This is a compound of two words: mayavi, the adjectival form of the word maya, hence "illusory"; rupa, "form"; the mayavi-rupa or thought-body, or illusory-body, a higher astral-mental form. The mayavi can assume all forms or any form, at the will of an Adept. A synonymous philosophical term is protean soul. In Germany medieval mystics called it the doppelganger. There is a very mystical fact connected with the mayavi-rupa: the Adept is enabled to project his consciousness in the mayavi-rupa to what

**Mayavi-Rupa** — (Tiếng Phạn) Đây là một từ ghép của hai từ: *mayavi*, dạng tính từ của từ *maya*, do đó là "ảo tưởng"; *rupa*, "hình tướng"; mayavi-rupa hay thể tư tưởng, hoặc thể ảo tưởng, một hình tướng cảm dục-trí tuệ cao hơn. Mayavi có thể giả định mọi hình tướng hoặc bất kỳ hình tướng nào, theo ý muốn của một Chân sư. Một thuật ngữ triết học tương đương là linh hồn biến hóa. Ở Đức, các nhà thần bí thời trung cổ gọi nó là *doppelganger*. Có một sự thật rất thần bí liên quan đến mayavi-rupa: Chân sư có thể phóng chiếu tâm thức của Ngài trong

would seem to the uninitiated incredible distances, while the physical body is left, as it were, intranced. In Tibet this power of projecting the mayavi-rupa is called hpho-wa.

mayavi-rupa đến những khoảng cách dường như không thể tin được đối với những người chưa được điểm đạo, trong khi thể xác được để lại, có thể nói như vậy, trong trạng thái xuất thần. Ở Tây Tạng, quyền năng phóng chiếu mayavi-rupa này được gọi là hpho-wa.

Mayavi-rupa, Mayavi, Hpho-wa The Mayavi-rupa is the 'illusory body' or 'thought-body' of an Initiate; the 'higher astral mental form'; not the lower astral form known as the Linga-sarira or astral mental-body. This word is a compound of mayavi — illusory, the adjectival form of maya;and rupa — form. This form is created by the power of will and thought of an adept, and may be made an exact double of the man or any other shape desired. It is called an illusory body because it is only a temporary creation of the adept. When it has accomplished the intended purpose of the adept it is withdrawn and dissolved. In the Occult Glossary,G. de Purucker writes:

**Mayavi-rupa**, **Mayavi**, **Hpho-wa** Mayavi-rupa là 'thể ảo tưởng' hoặc 'thể tư tưởng' của một Điểm đạo đồ; 'hình tướng cảm dục trí tuệ cao hơn'; *không phải* hình tướng cảm dục thấp hơn được gọi là Linga-sarira hay thể trí cảm. Từ này là một từ ghép của *mayavi* — ảo tưởng, dạng tính từ của *maya*; và *rupa* — hình tướng. Hình tướng này được tạo ra bởi quyền năng của ý chí và tư tưởng của một chân sư, và có thể được tạo ra như một bản sao chính xác của con người đó hoặc bất kỳ hình dạng nào khác mong muốn. Nó được gọi là một thể ảo tưởng vì nó chỉ là một sự sáng tạo tạm thời của chân sư. Khi nó đã hoàn thành mục đích dự định của chân sư, nó sẽ được rút lại và hòa tan. Trong cuốn *Occult Glossary*, G. de Purucker viết:

There is a very mystical fact connected with the mayavi-rupa, i.e.,the Adept is enabled to project his consciousness in the mayavi-rupa to what would seem to the uninitiated incredible distances, while the physical body is left, as it were, intranced. In Tibet this power of projecting the mayavi-rupa is called Hpho-wa.

Có một sự thật rất thần bí liên quan đến mayavi-rupa, *nghĩa là*, Chân sư có thể phóng chiếu tâm thức của Ngài trong mayavi-rupa đến những khoảng cách dường như không thể tin được đối với những người chưa được điểm đạo, trong khi thể xác được để lại, có thể nói như vậy, trong trạng thái xuất thần. Ở Tây Tạng, quyền năng phóng chiếu mayavi-rupa này được gọi là Hpho-wa.

In those mystical initiations which take a man into the starry spaces the mayavi-rupa is the vehicle used.

Trong những cuộc điểm đạo thần bí đưa một người vào các không gian đầy sao, mayavi-rupa là vận cụ được sử dụng.